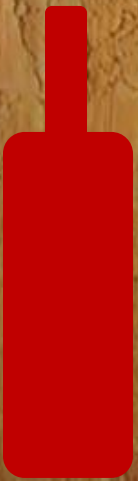




Tuyển Tập Truyện Ngắn Thế Giới. Cuốn Một

Ngư Yên Thực Hiện



Tuyển Tập Truyện Ngắn Thế Giới

Cuốn Một

Ngu Yên Thực Hiện

Bao Gồm:

Mỹ, Cuba, Anh, Pháp, Nigeria, Đức, Nhật, Bồ Đào
Nha, Ấn Độ, Gia Nã Đại, Mễ, Mã Lai Á, Tây Ban
Nha, Ý, Do Thái, Columbia, ...

Mục Lục

- Chiến Tranh.** Luigi Pirandello. Truyện Ý. 08
- Nhà Thờ.** Raymond Carver. Truyện Mỹ. 15
- Mẹ Tôi, Bà Châu Phi Ký Cục.** Chimamanda Ngozi Adichie. Truyện Nigeria. 36
- Ánh Sáng Như Dòng Nước.** Gabriel Garcia Marquez. Truyện Columbia. 47
- Ma Tháng Tám.** Gabriel Garcia Marquez. Truyện Columbia. 53
- Thịt Sống Phủ Lòng Mềm Hào Hạng.** Carolyn Fonde. Truyện chóp Canada. 57
- Âu Châu Bắt Đầu Từ Nơi Nào.** Yoko Rawada. Truyện Nhật. 60
- Kho Tàng.** Giovanni Guareschi. Truyện Ý. 67
- Thần Chac Mool.** Carlos Fuentes. Truyện Mễ. 76
- Đại Khái Như Anh Đã Nói, Nếu Được Quen Nhau Trước Khi Anh Chết.** Rachel Wilson Broyles. Truyện Thụy Điển. 91

Chiếc Áo Lòng Chồn Đỏ. Teolinda Gersao. Truyện
Bồ Đào Nha. 108

Người Thợ Săn Gracchus. Franz Kafka. Truyện
Đức. 114

Cô Bé Yêu Mưa. Hadar Badt. Truyện Do Thái. 121

Lầu Kính. Reinaldo Arenas. Truyện Cuba. 125

Leng Lui, Tên Gọi Người Đẹp. Elaine Chiew.
Truyện Mã Lai. 140

Lưỡi Dao Thợ Săn. Haruki Murakami. Truyện Nhật.
156

Một Bông Hồng Cho Emily. William Faulkner.
Truyện Mỹ. 175

Ông Từ. Somerset Maugham. Truyện Pháp. 185.

Cá Độ. Anton Pavlovich Chekhov. Truyện Nga. 196

Lịch Sống. Anton Pavlovich Chekhov. Truyện Nga
207

Dẫn Nhập

Tôi tuyển chọn một số truyện ngoại quốc đã đọc qua, truyện từ cuối thế kỷ 19 đến đầu thế kỷ 21, truyện từ thời chủ nghĩa Hiện Đại, phong trào Hậu Hiện Đại, đến Đương Đại. Mục đích giới thiệu với bạn đọc không chỉ văn học, văn chương thế giới mà còn những nét văn hóa đặc thù của nhiều dân tộc. Những mảnh nhỏ của nhiều đời sống trải dài qua thế kỷ, những suy nghĩ lý luận của nhân vật xa xưa và tân thời, những cảm xúc qua nhiều thế hệ ... gửi đến người đọc ngắm nhìn và hít thở mùi vị chữ nghĩa, một rừng hương sắc.

Mỗi cuốn sách sẽ được dừng lại vào khoảng trên dưới 200 trang để khỏi quá nặng nề cho một độc giả trung bình. Ngoại trừ những truyện ngắn căn bản, tôi đưa vào một số truyện chóp, một loại truyện rất ngắn, thịnh hành vào đầu thế kỷ 21, mặc dù đã hiện diện từ thế kỷ 19. Nếu truyện ngắn là một bài thơ, truyện chóp là bài tứ tuyệt hoặc Hai cú. Nhằm gợi ý một điều gì, chỉ một điều, sâu sắc, thông minh, và sáng. Tôi đã từng suy nghĩ về cấu trúc một truyện ngắn bằng những tình hoa của truyện chóp, cho dù tôi không phải là nhà viết truyện.

Nếu tiểu thuyết là một cuốn phim, truyện ngắn là những đoạn video, truyện chóp là những hình chụp độc đáo. Cả ba thể loại đều mang đến ưu điểm bày tỏ những điều hay, những mẫu đẹp của nhân loại.

Thử nghĩ, nếu bạn đọc 50 truyện thế giới, rồi 100 truyện, rồi 1000 truyện, chắc chắn sự nhận xét và định giá của bạn về văn học, văn chương toàn cầu và Việt Nam sẽ sâu sắc, thuyết phục hơn. Những

hiểu biết của bạn về các sắc tộc sẽ dày và rộng, nhưng trên hết là sự cảm thông những khác biệt, những tốt xấu của con người và của chính bản thân. Sự cảm thông cần thiết hơn cả bác ái, từ bi.

Những bạn đọc nào đeo đuổi sáng tác sẽ tự mình cảm thấy sự phát triển ngấm ngấm hoặc vô thức về mặt kỹ thuật, nghệ thuật sáng tạo. Người viết sẽ trải nghiệm những lối diễn tả khác nhau qua ý và tứ văn của mỗi sắc tộc; cách sắp xếp văn phạm và cấu trúc của truyện theo truyền thống văn học riêng của từng địa phương. Có dịp so sánh nhiều phong thái viết giữa những tác giả dày học thuật về văn học và những tác giả viết bằng tài hoa đặc biệt. Ngoài ra, người viết còn thu thập những cách lý luận, giải thích và cảm nhận đối tượng khác nhau của nhiều tác giả. Nhà văn Nobel William Faulkner khẳng định, một nhà văn chỉ có thể giỏi hơn nhờ tự học hỏi từ những lầm lỗi của mình và đọc những nhà văn đi trước, những nhà văn cùng thời, để vượt qua họ. (Phỏng vấn trong tạp chí Paris Review, số 12. The Art of Fiction.)

Ước mong bạn đọc hưởng được thú vị và lịch lãm trong những chuyến du hành chữ nghĩa.

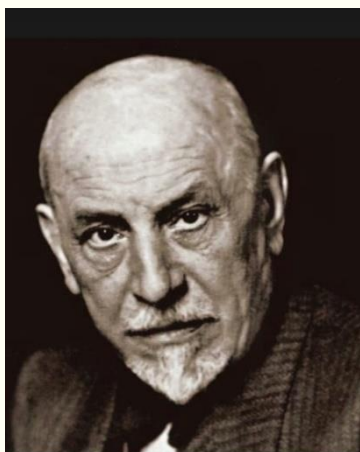
Ngu Yên. Houston, tháng 1 năm 2021.

Truyện Ngắn Ý

War

Luigi Pirandello, Nobel Prize 1934

Ngủ Yên



Luigi Pirandello

(1897-1936)

Nhà văn Ý, viết tiểu thuyết, kịch, thơ, truyện ngắn, tiểu luận.

Những vở kịch đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp văn chương của ông.

Lãnh giải Nobel văn chương 1934. “... sức mạnh gần như ma

thuật của ông để biến phân tích tâm lý trở thành sân khấu tuyệt phẩm...”

Ông thuộc vào thành phần quốc gia cực đoan, ủng hộ chủ nghĩa Phát xít, đã hiến tặng huân chương vàng Nobel trong phong trào Oro alla Patria, 1935.

Sinh trưởng trong gia đình thượng lưu ở Chaos, Ý. Tốt nghiệp đại học University of Palermo về Luật Pháp. Tiếp tục học văn ở University of Rome. Chuyển sang Bonn, tốt nghiệp tiến sĩ Romance Philology.

Chiến Tranh

Những hành khách rời thành phố Rome bằng chuyến tàu lửa tốc hành ban đêm phải dừng lại nhà ga nhỏ Fabriano, chờ rạng sáng, mới tiếp tục hành trình trên chiếc tàu “nội địa” kiểu xưa, để tham gia vào phòng tuyến chính vùng Sulmona.

Lúc bình minh, trong một chiếc xe ngựa hạng nhì ngọt ngào và đầy khói, năm người đã ngủ qua đêm, một phụ nữ đầy đặn mặt râu rí, được đưa lên tàu như cái bọc không hình dạng. Phía sau bà, người chồng nhỏ bé, gầy gò, thở phì phò, rên rĩ, mặt trắng bệch, mắt nhỏ nhưng sáng, trông có vẻ e dè, bất an. Ngồi vào chỗ cuối cùng, ông lịch sự cảm ơn những hành khách đã giúp đỡ vợ ông và đã nhường chỗ cho bà, rồi quay sang bà vợ đang cố kéo cổ áo khoác xuống, ông nhả nhận hỏi:

- “Em có sao không?”

Thay vì trả lời, người phụ nữ kéo cổ áo lên tận mắt, che đi khuôn mặt. Người chồng lăm bầm với nụ cười buồn:

- “Thế giới thật tồi bại.”

Ông cảm tưởng phải có trách nhiệm giải thích cùng các người đồng hành về bà vợ đáng thương bởi chiến tranh đã cướp đi đứa con trai duy nhất ở tuổi hai mươi. Anh ta là lẽ sống suốt đời của hai ông bà. Thậm chí, họ đã rời bỏ ngôi nhà ở Sulmona để theo con lên Rome nơi anh ta theo học đại học, sau đó, cho phép anh tình nguyện tham gia chiến tranh với sự bảo đảm, ít nhất trong sáu tháng đầu tiên, không bị đưa ra mặt trận. Bây giờ, đột nhiên, nhận được điện báo, anh ấy sẽ phải đi trong thời gian ba ngày. Yêu cầu họ đến tiễn con lên đường.

Người vợ mặc chiếc áo khoác lớn đang vắn vẹo, uốn éo, có lúc gầm gừ như con thú hoang, cảm tưởng chắc chắn, tất cả những lời giải thích sẽ không gây ra một chút thương cảm nào từ những người khách đồng hành tử tế, rất có thể cùng chung cảnh ngộ như bà. Một người trong bọn họ đã chú ý lắng nghe, lên tiếng:

- *“Ông bà nên cảm ơn Chúa vì đến bây giờ đưa con mới đi ra tuyến đầu. Con của tôi đã phải đến đó từ ngày đầu tiên của cuộc chiến. Nó đã bị thương hai lần và đã phải ra lại trận tuyến.”*

- *“Còn tôi thì sao? Hai con trai và ba cháu trai đang ở ngoài mặt trận,”* một hành khách khác xen vào.

Người chồng bạo dạn: *“Nhưng trong trường hợp chúng tôi, nó là đứa con duy nhất.”*

- *“Có khác biệt gì chẳng? Ông có thể chiều chuộng đứa con duy nhất bằng cách quan tâm quá đáng, nhưng không thể thương yêu nó hơn tất cả những đứa con khác, nếu ông có nhiều con. Tình cha con không giống như bánh mì, có thể bẻ ra nhiều mảnh rồi chia đều cho con cái. Người cha dành hết tình thương cho mỗi đứa con, không đối xử phân biệt, dù là một hay mười. Vì vậy, bây giờ tôi buồn khổ vì hai thằng con, không có nghĩa tôi buồn khổ một nửa cho mỗi đứa, mà là gấp đôi.”*

- *“Đúng, đúng như vậy.”* người chồng xấu hổ trả lời, *“nhưng giả sử (dĩ nhiên, chúng ta đều hy vọng trường hợp này không bao giờ xảy ra,) một người cha có hai đứa con, nếu lỡ mất đi một đứa, vẫn còn đứa kia để an ủi ... trong khi ...”*

- *“Vâng,”* Người kia trả lời, giọng bắt đầu cộc cằn, *“đứa con còn lại để an ủi cha, nhưng cùng một lúc, người cha phải cố gắng sống sót vì đứa con này. Trong khi, trường hợp một đứa con, nếu nó chết,*

người cha có thể chết theo, thế là chấm dứt tình trạng khốn khổ. Hoàn cảnh nào kém hơn? Ông có thấy trường hợp tôi tệ hại hơn trường hợp của ông?"

- "Vô lý," Một người khác ngắt lời. Ông này mặt mạp, mặt hồng, hai mắt đỏ ngầu trên nền da mặt xám xanh, đang thờ hờ hển. Từ đôi mắt lờ lờ có vẻ như muốn phọt ra sức sống không thể kiểm soát, mà cơ thể suy yếu của ông khó có thể kiềm chế. "Vô lý," ông lập lại, để tay lên miệng, cố gắng che hai răng cửa đã rụng. "Vô lý, Có phải chúng ta sinh con ra vì lợi ích riêng của chúng ta hay sao?"

Các hành khách khác nhìn ông ta đang đau khổ. Người có thằng con đã ra mặt trận từ ngày chiến tranh khởi đầu, thở dài: - "Ông nói đúng. Con cái không thuộc vào chúng ta. Chúng thuộc về đất nước ..."

- "Tầm bậy," Ông khách mạp đáp trả. "Có phải chúng ta nghĩ đến đất nước khi chúng ta sinh ra con cái? Con chúng ta sinh ra vì ... ừ, vì chúng phải sinh ra. Khi bước vào đời, chúng sẽ mang theo cuộc sống của chính chúng ta. Đó là sự thật. Chúng ta thuộc về con cái, nhưng chúng không bao giờ thuộc về chúng ta. Khi con trai đến hai mươi tuổi, sẽ giống như chúng ta lúc cùng lứa tuổi với họ. Tuy có cha mẹ, nhưng chúng ta còn rất nhiều thứ khác ... con gái, thuốc lá, ảo tưởng, những liên hệ khác nữa ... và chắc chắn là quê hương. Dĩ nhiên, ở tuổi hai mươi, chúng ta sẽ đáp lời khi nghe tiếng gọi non sông, mặc dù, cha mẹ ngăn cản. Bây giờ, ở lứa tuổi này, tình yêu tổ quốc tuy vẫn rất lớn, nhưng mạnh mẽ hơn là tình yêu dành cho con cháu. Có ai trong chúng ta ở đây không sẵn sàng thay thế vị trí con trai mình nếu có thể không?" Cả một vòng tròn im lặng, mọi người gật gù tán thành.

Ông ta tiếp tục: -“*Rồi tại sao chúng ta không chịu xem xét cảm xúc con chúng ta khi chúng vào lứa tuổi hai mươi? Chẳng phải chuyện tự nhiên vào tuổi đó họ nên xem tình quê hương lớn hơn tình thương dành cho cha mẹ? Dĩ nhiên, tôi đang nói đến những chàng trai tử tế. Chẳng phải là điều tự nhiên, vì sau cùng, họ nhìn chúng ta như những cậu bé già, không thể hoạt động mạnh nữa, phải ở nhà? Nếu đất nước phải tồn tại, nếu quốc gia là một nhu cầu tự nhiên, cần thiết như bánh mì, mà mỗi chúng ta phải ăn để khỏi chết đói, thì ai đó phải ra tay bảo vệ nó. Những đứa con trai khoảng tuổi hai mươi ra đi, chúng không muốn rơi nước mắt, vì nếu chúng chết, chúng sẽ chết trong hạnh phúc. Dĩ nhiên tôi đang nói đến những chàng trai tử tế. Như vậy, nếu một người chết trẻ, được hạnh phúc, không gặp những mặt xấu xa của đời, sự chán nản của sống, sự nhỏ nhen, cay đắng khi vỡ mộng ... chúng ta còn đòi hỏi gì hơn cho các chàng trai ấy? Mọi người nên ngừng than khóc, mọi người nên cười, như tôi ... hay ít ra nên cảm ơn Chúa, như tôi, vì con trai tôi, trước khi chết, gửi tôi một tin nhắn, nói rằng, con rất hài lòng dù sắp chết, vì sẽ kết thúc cuộc sống của con theo một cách tốt đẹp nhất mà con có thể ước nguyện. Đó là vì sao, như các người đã thấy, tôi không mặc áo tang ...”*

Ông ta lắc chiếc áo khoác màu nâu nhạt để mọi người thấy rõ. Đôi môi xám xịt lộ lõ hổng răng rụng đang run rẩy, đôi mắt ngấn nước, không cử động. Sau đó, ông chấm dứt bằng một tiếng cười chói tai mà có lẽ đang là tiếng khóc đau đớn. Mọi người tỏ vẻ đồng ý: -“*Rất đúng, nói rất đúng...*”

Người phụ nữ ngồi thu mình trong một góc dưới áo khoác, lắng nghe, trong ba tháng qua, đã cố gắng tìm ra trong lời nói của chồng và bạn bè, những gì để an ủi mình trong lúc hết sức buồn bã. Điều gì có thể cho bà thấy được, một người mẹ nên cam chịu

thế nào khi tiễn con trai đi, dù không đến nỗi chết, nhưng có thể gặp nhiều nguy hiểm đến tính mạng. Tuy nhiên, bà chưa tìm thấy một lời nói nào trong số rất nhiều những gì đã bày tỏ ... Nỗi đau buồn càng sâu đậm hơn khi thấy không ai có thể chia sẻ tình cảm với mình.

Nhưng bây giờ, những lời nói của vị hành khách này làm bà kinh ngạc, gần như choáng váng. Chợt nhận ra, không phải những người khác sai lầm, không thể hiểu được bà, mà chính bản thân bà không thể vươn lên cùng tầm cao của những cha mẹ sẵn sàng cam chịu, không than khóc, không chỉ tiễn con đi, mà ngay cả khi biết con chết.

Bà ngẩng đầu, chồm mình ra từ góc ngồi, để hết sức chú ý lắng nghe những chi tiết mà người đàn ông mập đang nói với bạn đồng hành về lúc đưa con trai của ông đã ngã xuống như một anh hùng, cho Vua và đất nước, vui sướng không có gì hối tiếc. Có vẻ như bà đang lạc vào một thế giới chưa bao giờ dám mơ đến. Một thế giới cho đến giờ vẫn chưa biết. Bà rất vui khi nghe mọi người ca ngợi người cha dũng cảm, đã can đảm kể lại cái chết của con mình.

Rồi tiếp theo, bỗng dưng, bà không còn nghe được những gì đã nói và hầu như tỉnh dậy từ một giấc mơ. bà quay sang hỏi ông mập: *“Vậy ra ... con trai ông chết thật sao?”*

Mọi người chăm chăm nhìn bà. Ông ấy cũng quay lại, định thần đôi mắt lớn trợn trừng, dễ sợ, long lanh nước, nhìn thẳng vào mặt bà. Trong một khoảng thời gian ngắn, ông cố gắng trả lời, nhưng nghẹn giọng. Ông nhìn rồi nhìn bà, gần như chỉ khi đó, trước câu hỏi ngờ ngẩn vô duyên, khiến ông chợt nhận ra, con trai của mình đã thực sự chết, ra đi mãi mãi ... mãi mãi .. Gương mặt ông co rúm, méo mó, đáng sợ, rồi ông vội vàng giật cái khăn trong túi,

trong khi mọi người kinh ngạc, ông vỡ ra tiếng khóc
bi thảm, đau đớn, không thể cầm lòng.

Truyện Ngắn Mỹ

Cathedral (1981)

Raymond Carver

Ngu Yên dịch



Raymond Cleve Carver Jr. (1938 -1988)

Nhà thơ và nhà viết truyện ngắn. Được xem là một trong những nhà văn nổi bật của Mỹ.

Sinh quán ở Clatskanie, Oregon, cạnh dòng sông Columbia. Lớn lên ở Yakima, Washington.

Sau khi tốt nghiệp trung học, ông làm đủ thứ việc như trong hãng xướng, người giữ vệ sinh, phụ tá

thư viện ...Sau cùng đi dạy Anh ngữ ở đại học Syracuse.

Thích sáng tác, ông theo học đại học cộng đồng Chico State và đeo đuổi các lớp dạy sáng tác của tiểu thuyết gia John Gardner. Tuyển tập truyện đầu tay: *No Heroics, Please*. 1992 và *Call If You Need Me*, 2010.

Giải Pulitzer cho truyện 1977. Giải O, Henry Awards. Được dựng tượng tại thành phố Clatskanie, Oregon.

Raymond Carver đóng vai trò quan trọng trong văn chương Hậu Hiện Đại. Truyện ông khai mở những hướng đi mới cho những chủ nghĩa và các phong trào sáng tác cuối thập niên 1990 bước sang thế kỷ 21.

Nhà Thờ

Người đàn ông mù này, bạn cũ của vợ tôi, anh đang trên đường đến đây, sẽ ở lại đêm. Vợ anh vừa qua đời. Anh đi thăm gia đình vợ ở tiểu bang Connecticut. Từ nơi ấy, anh điện thoại cho vợ tôi, sắp xếp chuyến đi qua. Anh sẽ đến bằng xe lửa, đường dài khoảng năm giờ. Vợ tôi sẽ ra đón tại nhà ga. Họ chưa gặp nhau lại, kể từ mùa hè nàng làm việc cho anh ở Seattle mười năm trước. Nhưng họ giữ liên lạc, nói chuyện bằng thư bằng gửi qua bưu điện. Tôi không hào hứng việc anh đến chơi. Chẳng quen biết gì. Cảm thấy phiền hà vì anh bị mù. Ý tưởng mù đến từ những phim ảnh tôi xem. Trong phim, người mù di chuyển chậm chạp, không bao giờ cười, có chớ dẫn đường. Thực sự, tôi không mong đợi có người mù ở chung trong nhà.

Năm đó, mùa hè ở Seattle, nàng cần việc làm vì không có tiền. Cuối mùa hè, nàng chuẩn bị kết hôn với một người trong trường đào tạo sĩ quan. Ông này cũng nghèo nhưng họ yêu nhau, ...v...v... Nàng đọc báo, thấy quảng cáo: "**CẦN NGƯỜI GIÚP VIỆC: Đọc cho người mù.**" Bên dưới ghi số điện thoại. Nàng gọi và hẹn đến nhà, nhận được việc làm ngay hôm đó. Suốt mùa hè, nàng đọc cho anh ta nghe nhiều thứ, đại loại như những nghiên cứu, báo cáo, thư tín, giúp anh sắp xếp văn phòng nhỏ trong cơ quan dịch vụ xã hội của quận hạt. Vợ tôi và anh mù trở thành bạn tốt. Ngày cuối cùng trước khi từ giã, anh mù hỏi, liệu anh có thể sờ vào mặt nàng không và nàng ưng thuận. Sau này, nàng kể cho tôi nghe, anh ấy đã chạm vào tất cả các bộ phận trên mặt, kể cả mũi và cổ. Nàng không bao giờ có thể quên được. Thậm chí, đã cố gắng làm một bài thơ về cảm xúc này. Nàng luôn luôn nỗ lực làm thơ, mỗi năm chừng một hoặc hai bài, thường là về điều gì thực sự quan trọng đã xảy ra.

Khi chúng tôi bắt đầu hẹn hò, nàng cho tôi xem bài thơ. Trong thơ, nàng ghi lại những ngón tay của anh, cách chúng di chuyển tràn ngập trên mặt. Rồi nói về cảm xúc trong lúc đó, những gì đã hiện ra trong tâm tưởng khi anh mù sờ lên mũi và đôi môi. Tôi nhớ, mình không nghĩ nhiều về bài thơ. Dĩ nhiên, không nói ra, có lẽ, không hiểu mấy về thơ. Phải thừa nhận rằng thơ không phải là thứ chữ nghĩa đầu tiên mà tôi sẽ chọn nếu muốn tìm một thứ gì để đọc.

Dù sao, người trong trường sĩ quan ấy là người đầu tiên hưởng được sự ưu ái, là người yêu thời trẻ của nàng. Không sao. Điều tôi muốn nói, nàng đã cho anh mù sờ mặt để tạm biệt, như một cách kết hôn với nàng lúc đó, anh hiện giờ là một hạ sĩ quan và nàng đã rời khỏi Seattle. Nhưng vẫn giữ liên lạc, nàng gọi lần đầu tiên sau một năm hoặc lâu hơn.

Một đêm, nàng điện thoại cho anh mù từ một căn cứ không quân ở Alabama. Nàng muốn tâm sự. Họ trò chuyện. Anh yêu cầu nàng gửi một cuốn băng, kể anh nghe chuyện đời của nàng. Vợ tôi thuê băng và gửi đi. Trong băng, có đoạn nàng tâm sự với anh mù, nàng rất yêu chồng nhưng không thích nơi họ đang sống. Nàng cũng không thích anh ta là thành phần của công nghiệp quân sự. Rồi kể cho anh nghe việc đã làm một bài thơ về anh và một bài thơ khác về chuyện làm vợ một sĩ quan không quân, nhưng chưa xong, còn đang lờ đờ. Anh mù thuê cuốn băng gửi trả lời. Nàng thuê băng rồi gửi tiếp. Việc này kéo dài trong nhiều năm.

Làm vợ một sĩ quan thường bị di chuyển từ căn cứ này sang căn cứ khác. Nàng gửi băng từ Moody AFB, McGuire, McConnell, và sau cùng là Travis, gần Sacramento. Nơi một đêm, nàng cảm thấy cô đơn vì mất dần những người quen trong cuộc sống thuyền chuyển. Cảm thấy không còn có thể bước thêm một bước nào nữa. Nàng nuốt sạch hết các viên thuốc trong tủ thuốc gia đình, nốc trợn tru, uống hết một chai Gin. Vào nằm bồn nước nóng rồi hôn mê.

Nhưng thay vì chết, nàng chỉ ngã bệnh. Nôn mửa. Ông sĩ quan của nàng – vì sao hắn không có tên? Người tình thuở thiếu nữ, hắn còn muốn gì nữa? – không biết từ đâu xuất hiện, tìm thấy nàng, gọi xe cứu thương. Ngay trước đó, nàng đã thuê tất cả vào cuốn băng và gửi cho anh mù. Trong thời gian qua, nàng đã thuê hết mọi chuyện vào băng rồi gửi tốc hành. Bên cạnh làm thơ mỗi năm, tôi nghĩ, thuê và gửi băng là cách nàng giải trí. Trong một đoạn băng, nàng nói với anh mù, đã quyết định sống xa anh chồng sĩ quan một thời gian. Trong cuốn khác, nàng nói về việc ly dị. Chúng tôi bắt đầu đi ra ngoài giao tiếp vui chơi, dĩ nhiên, anh mù đã biết. Nàng kể cho

anh nghe hết mọi chuyện hoặc đối với tôi, có vẻ như vậy.

Một lần, nàng hỏi tôi, có muốn nghe một đoạn băng mới nhất của anh mù không. Chuyện này xảy ra một năm trước, nàng nói, anh ấy nói về tôi. Tôi đồng ý nghe băng. Bầy đồ uống ra, cùng nhau ngồi trong phòng khách, sẵn sàng lắng nghe. Trước hết, nàng lắp băng vào máy, rồi điều chỉnh những nút số. Tiếp theo, nàng bấm nút cho máy chạy. Cuốn băng lên tiếng, ai đó bắt đầu nói quá lớn, nàng hạ âm thanh xuống. Sau vài phút trò chuyện mào đầu, nghe được tên tôi từ miệng một người lạ, người mù mà tôi chưa hề gặp. Rồi lần lần đến đoạn: *“Từ những gì em nói về anh ấy, tôi chỉ có thể kết luận...”* Chúng tôi bị gián đoạn bởi tiếng gõ cửa, một chuyện gì đó, đã làm chúng tôi không bao giờ quay trở lại nghe tiếp đoạn băng. Có lẽ, cũng chẳng sao. Tôi nghe đủ những gì muốn nghe.

Bây giờ, lại anh mù này đến ngủ trong nhà tôi.

Tôi hỏi vợ: *“Có lẽ, anh có thể đưa anh ấy đi chơi bowling.”* Đang bào vỏ khoai tây, đặt con dao trên tay xuống, quay lại, nàng nói:

“Nếu còn yêu em, anh có thể làm điều này. Nếu hết yêu em, cũng được thôi. Nhưng nếu anh có người bạn, bất kỳ là ai, đến nhà thăm viếng, em sẽ làm cho người ấy cảm thấy thoải mái.” Nàng lau tay với khăn rửa chén.

“Anh không có bạn mù.” Tôi nói.

“Anh chẳng có bạn nào cả. Chỉ như vậy. Mẹ kiếp. Vợ anh ấy vừa mới chết. Anh hiểu không. Người đàn ông này vừa mất vợ.”

Tôi làm thinh. Nàng kể cho tôi nghe một ít chuyện về vợ của anh bạn mù. Tên là Beulah. Đó là tên của một phụ nữ da màu.

“Cô ta là người da đen, phải không?”

“Anh điên rồi hay sao? Anh đổi tính hả?” Nàng cảm củ khoai tây lên. Tôi thấy củ khoai rơi xuống sàn, lăn vào dưới bếp nấu. *“Anh nghĩ gì vậy. Say rồi hả?”*

“Anh chỉ hỏi thôi.”

Ngay sau đó, nàng kể lể nhiều chi tiết hơn những gì tôi muốn biết. Pha thêm rượu, tôi ngồi lại trong bếp, lắng nghe. Từng mảnh truyện bắt đầu ráp lại.

Beulah đã làm việc cho anh mù vào mùa hè sau khi vợ tôi xin nghỉ. Không bao lâu sau, họ làm đám cưới trong nhà thờ, một đám cưới nhỏ, ai mà muốn đi dự đám cưới trong nhà thờ? Chỉ có hai người họ, thêm ông bà bộ trưởng. Nhưng lễ lạc đám cưới ở nhà thờ đều giống nhau. Anh mù nói, Beulah muốn như vậy. Cho dù Beulah đã biết chắc đang mang bệnh ung thư vú. Sau tám năm quấn quýt bên nhau, lời của vợ tôi, họ không rời nhau, sức khỏe Beulah sa sút nhanh chóng. Cô ta qua đời trong bệnh viện ở Seattle, anh mù ngồi cạnh bên và nắm chặt tay vợ. Họ kết hôn, sống chung, ngủ chung, làm tình, rồi anh mù phải chôn cố ấy. Trải qua tất cả những thử này, mà, mẹ kiếp, không hề thấy mặt người phụ nữ đó ra sao. Vượt qua sức hiểu biết của tôi. Nghe kể, tôi có lòng thương hại anh mù đôi chút. Rồi thấy được mình đang nghĩ, đòi người thật tội nghiệp, người đàn bà này hẳn phải được tôn trọng. Thử nghĩ, một người đàn bà không bao giờ thấy được hình ảnh mình như đã thấy trong mắt người yêu. Một người đàn bà mà ngày này qua ngày kia không nhận được một lời khen nào dù rất bình thường từ người mình thương. Một người đàn bà mà người chồng không bao giờ có thể đọc những cảm xúc hiện lên trên mặt, dù khổ đau hay sung sướng. Dù có trang điểm hay không, chẳng có gì khác biệt? Nếu cô ấy muốn, có thể vẽ một mắt màu xanh, đeo bông tai trên mũi,

mặc quần vàng, giày tím, vắn chẳng sao. Để rồi rơi vào cỏi chết, bàn tay anh mù ôm ấp bàn tay cô, từ đôi lỗ mắt sâu tuôn ra dòng lệ - tôi đang tưởng tượng - Suy nghĩ sau cùng của cô, có thể như thế này: Trên con đường tốc hành đi xuống mồ mà thậm chí anh chưa bao giờ biết mặt mũi đáng vóc cô ra sao. Chỉ để lại một hợp đồng bảo hiểm ít tiền và một nửa đồng xu 20 pepso cho Robert, (anh mù). Còn nửa đồng xu kia chôn trong quan tài theo cô ấy. Thật thảm hại.

Rồi đến giờ đã định, vợ tôi đến nhà ga đón anh. Tôi không thể làm gì khác hơn là chờ đợi, hẳn vậy, cứ đồ lỗi cho anh ấy. Tôi đang uống rượu, xem truyền hình, thì nghe tiếng xe ngừng trên lối vào. Cầm ly rượu, đứng lên khỏi ghế dài, đến cửa sổ nhìn ra. Thấy vợ tôi đang cười khi đậu xe. Thoải mái ra khỏi xe, đóng cửa, trên môi vẫn còn nụ cười. Thật đáng ngạc nhiên. Nàng đi qua bên kia xe, trong khi anh mù đang loay hoay leo xuống. Người mù này có đặc điểm, một hàm râu dày. Râu trên mặt mù! Tôi nghĩ, quá sức. Anh mù thò tay vào hàng ghế sau, lấy cái vali. Vợ tôi nắm tay anh, đóng cửa xe, nói cười luôn miệng, đưa anh rời lối vào, bước lên các bậc thang dẫn đến hiên trước. Tôi tắt truyền hình, uống cạn ly rượu, rửa ly, lay khô tay. Rồi đi ra cửa.

“Đây anh Robert. Đây chồng em.” Trông nàng rạng rỡ, tay nắm vào áo khoác của người bạn.

Anh để vali xuống, đưa tay lên.

Tôi bắt lấy. Anh bóp khá mạnh và giữ tay tôi một khoảnh khắc rồi buông ra. Anh nói vui vẻ:

“Tôi có cảm giác như chúng ta đã gặp nhau”

“Tôi cũng vậy.” Không còn biết nói gì. *“Rất vui, tôi nghe nói về anh rất nhiều.”* Chúng tôi bắt đầu bước đi. Một nhóm nhỏ di chuyển từ hiên ngoài vào phòng

khách. Vợ tôi dắt tay anh. Tay còn lại anh cầm va li. Vợ tôi hướng dẫn như: *“Bên trái của anh. Đúng rồi. Coi chừng nha. Chiếc ghế ở đây. Đúng chỗ. Ngồi xuống đi. Đây là ghế dài. Mới mua khoảng hai tuần trước.”*

Tôi tính góp chuyện bằng cách nói về ý thích chiếc ghế cũ nhưng im lặng. Rồi muốn nói chuyện khác, chuyện qua đường, về chuyến đi có thể ngắm cảnh ở Hudson. Khi đi đến New York, nên ngồi bên phải tàu lửa, khi rời khỏi New York, nên ngồi bên trái.

Tôi hỏi: *“Anh đi bằng tàu lửa có thích không? Anh ngồi bên mé nào của con tàu?”*

Nàng chen vào: *“Hỏi gì lạ vậy! Ngồi bên nào có gì khác biệt?”*

“Anh chỉ hỏi thôi.”

Anh mù trả lời: *“Ngồi bên phải. Tôi không đi tàu lửa gần 40 năm. Chỉ đi lúc còn nhỏ với cha mẹ. Đã quá lâu, hầu như đã quên mất cảm giác đó. Bây giờ, mùa đông đã chiếm ngự bộ râu của tôi, dù sao, tôi cũng đã nghe nói. Này em, có thấy anh khác xưa nhiều không?”* anh ta hỏi vợ tôi.

“Robert, anh khác nhiều. Rất vui khi gặp lại anh.”

Lúc này, ánh mắt nàng mới rời anh mù và nhìn tôi. Tôi cảm nhận nàng không thích câu chuyện vừa xảy ra. Tôi nhún vai.

Tôi chưa hề gặp hoặc biết rõ một người mù nào. Anh mù này đã ngoài 40, Mập mập, đầu hói, vai khòm như đang mang thứ gì nặng nề. Mặc quần tây nâu, mang giày nâu, áo màu nâu lợt, thắt cà vạt, khoác áo thể thao. Bảnh bao. Hàm râu đầy đặn. Không chống gậy. Không đeo kính đen. Tôi cứ tưởng, người mù bắt buộc luôn luôn mang kính đen. Thực ra, ước gì anh mang cặp kính đó. Thoạt nhìn, đôi

mắt anh giống như đôi mắt của mọi người. Nếu nhìn kỹ, sẽ nhận ra có điều gì khác lạ. Thấy nhiều màu trắng trong tròng đen. Và con người tự động di chuyển trong hốc mắt, hình như anh không biết hoặc không thể điều khiển. Tôi hơi rùng mình. Khi nhìn chăm chăm vào mặt anh, thấy con người bên trái quay về phía mũi, trong khi con người kia đang cố gắng đứng lại một chỗ. Đó là nỗ lực của anh nhưng không hề biết con người kia đang lang thang vô định.

Tôi nói: *“Để tôi rót rượu cho anh. Anh muốn loại gì? Chúng tôi có mỗi thứ một ít. Tuyển chọn rượu là trò giải trí của chúng tôi.”*

“A, tôi là người mê Scotch.” Anh mau mắn lớn tiếng trả lời.

“Được ngay. A, mê rượu. Tôi biết thú vui này.”

Anh chạm những ngón tay dọc theo chiếc vali đặt bên cạnh ghế dài. Anh đang tự quan tâm về mình. Chuyện tự nhiên thôi.

Vợ tôi nói: *“Em sẽ mang vali lên phòng anh.”*

“Không, không sao. Anh sẽ mang nó, khi lên phòng.”

“Pha chút nước vào Scotch không anh?”

“Một chút thôi.”

“Tôi biết rồi.”

“Rất rất ít. Diễn viên Ái Nhĩ Lan, Barry Fitzgerald? Tôi giống ông ấy. Fitzgerald nói, khi ông uống nước, là uống nước. Khi uống whiskey thì uống whiskey.” Vợ tôi bật cười. Anh mù đưa tay từ từ nâng bộ râu lên rồi thả xuống.

Tôi pha ba ly Scotch lớn, mỗi ly thêm một chút nước. Sau đó, chúng tôi ngồi thoải mái, chuyện trò về chuyến đi của Robert. Đầu tiên là chuyến bay dài từ bờ Đại Tây Dương đến Connecticut, chúng tôi đã

bàn đến. Tiếp theo là từ Connecticut lên đây bằng tàu lửa. Chúng tôi uống thêm một ly nữa, khi nói về chuyện này.

Nhớ lại mình đã đọc đâu đó, người mù không hút thuốc vì, theo ước đoán, họ không nhìn thấy khói thuốc thờ ra. Đối với người mù, tôi chỉ biết bao nhiêu đó. Nhưng anh mù này hút thuốc, hút tận cán rồi mỗi điều khác. Hút đầy gạt tàn, vợ tôi phải đi đổ.

Ngồi vào bàn ăn tối, chúng tôi uống một ly khác. Nàng gấp thức ăn đầy đĩa của Robert, thịt bò nướng, khoai tây bào mỏng, đậu đũa. Tôi làm sẵn cho anh hai miếng bánh mì trét bơ. *"Này, bánh mì bơ cho anh."* Tôi nuốt vài ngụm rượu rồi nói: *"Bây giờ chúng ta đọc kinh,"* anh mù cúi đầu. Nàng nhìn tôi há miệng kinh ngạc. *"Xin cho điện thoại không vang lên và thức ăn không nguội lạnh."*

Chúng tôi bắt đầu và ăn hết những gì dọn trên bàn, ăn như không có ngày mai. Chúng tôi không trò chuyện, chỉ ăn. Mang khăn lên cổ. Cắm cúi trên bàn. Chú tâm ăn một cách nghiêm chỉnh. Anh mù xác định được ngay những thức ăn, biết mọi thứ ở vị trí nào trong đĩa của mình. Tôi thán phục khi thấy anh dùng dao và nĩa cắt thịt. Anh cắt hai miếng, bỏ vào miệng, rồi ăn nhiều khoai tây, tiếp theo là đậu đũa. Sau đó, xé một mẩu bánh mì trét bơ, nhai ngấu nghiến. Rồi, nốc một hơi sữa. Thỉnh thoảng, anh dùng tay bốc ăn, không ngại ngùng gì.

Chúng tôi cạn bữa, kể cả một nửa chiếc bánh dâu tây. Quá no. Trong vài khoảnh khắc, dù ngồi vẫn cảm thấy choáng váng. Thực sự thấy đom đóm trước mặt. Cuối cùng, chúng tôi đứng lên, rời bỏ những chiếc đĩa dơ trên bàn. Không nhìn lại. Kéo nhau vào phòng khách, chìm mình vào chỗ ngồi cũ. Robert và vợ tôi ngồi trên ghế dài, tôi chọn ghế bành. Cùng nhau uống hai hoặc ba ly trong lúc họ tâm sự

những chuyện quan trọng đã xảy ra trong vòng mười năm qua. Hầu hết, tôi chỉ lắng nghe. Thành thạo mới xen vào, vì không muốn anh mù nghĩ tôi đã rời bỏ phòng khách. Không muốn nàng nghĩ tôi bị bỏ rơi. Họ kể lể những chuyện suốt mười năm, trong khi tôi đợi chờ vô vọng để nghe tên mình trên bờ môi ngọt ngào của vợ: *“Rồi người chồng thương yêu đã bước vào đời em.”* Đại khái chỉ cần như vậy. Nhưng không nghe một lời nào.

Nói thêm về Robert. Có vẻ như anh ta làm được nhiều chuyện, mỗi thứ một ít, là những việc thành công bình thường của đời mù. Gần đây nhất, anh và vợ anh đã sở hữu một nhà phân phối Amway, tôi đoán chừng, họ sống bằng lợi tức đó. Anh mù cũng là một nhà điều hành đại phát thanh. Bằng giọng nói vang vang, anh nói về những đối thoại giữa anh và các nhà điều hành ở đảo Guam, ở Phi Luật Tân, ở Alaska, thậm chí, cả Tahiti. Anh kể, có nhiều bạn ở các nơi đó sẽ sẵn sàng đón tiếp, nếu khi nào nàng muốn đi thăm viếng. Thành thạo quay mặt mù về hướng tôi, tay nâng bộ râu lên, hỏi đôi ba điều, ví dụ như, tôi ở trong tình cảnh này được bao lâu rồi? (Ba năm). Có thích việc đang làm không? (Không). Có định giữ lấy công việc hay không? (Những lựa chọn sẽ ra sao?) Cuối cùng, khi đoán chừng anh không còn gì để hỏi, tôi đứng lên, mở truyền hình.

Vợ tôi nhìn tôi tỏ vẻ bức bối. Tưởng chừng sắp sôi sục. Rồi nàng nhìn anh mù hỏi: *“Robert, anh có TV không?”*

“Em à, anh có hai máy. Một máy màu, một máy trắng đen, đều là di vật cũ. Thật buồn cười, nếu anh mở máy, luôn luôn mở đúng TV màu, có buồn cười không?”

Không biết phải nói gì. Hoàn toàn không có gì để nói. Không ý kiến. Tôi đành chú ý xem tin tức, lắng nghe những lời thông báo.

Anh mù nói: *“Đây là truyền hình màu. Đừng hỏi tôi tại sao, nhưng tôi tự nhiên biết.”*

“Chúng tôi mới đổi TV cách đây không bao lâu.” Tôi tiếp lời.

Anh mù uống một hớp. Vén râu lên, ngửi, rồi thả xuống. Ngả người dựa vào lưng ghế dài. Đặt gạt tàn thuốc trên bàn, bật lửa đốt điếu thuốc. Bật chéo hai bàn chân. Nâng che miệng, ngáp. Vươn vai. Nói: *“Em muốn lên lầu, mặc áo choàng hoặc thay bộ đồ khác. Robert, cứ thoải mái như ở nhà anh.”*

“Anh rất thoải mái.”

“Em muốn anh được thoải mái khi ở đây.”

“Anh đang thoải mái.”

Sau khi nàng rời phòng khách. Chúng tôi nghe báo cáo thời tiết, tiếp theo là tin tức tóm lược về thể thao. Lúc đó, nàng vắng mặt đã khá lâu, không biết có trở lại hay không. Có lẽ, không chừng đã đi ngủ. Ước gì, nàng xuống đây, tôi không muốn một mình với anh mù. Tôi hỏi anh, có muốn uống một ly nữa. Anh trả lời, chắc là vậy. Rồi hỏi anh có muốn hút cần sa. Tôi nói, vừa quán được một ít điếu. lúc này thì chưa, nhưng chút nữa sẽ hút.

“Tôi sẽ thử với anh.”

“Đúng rồi. Vậy mới được.”

Đi lấy thêm rượu rồi ngồi lên ghế dài với anh. Quán hai điếu lớn. Tôi đốt một điếu rồi đưa vào ngón tay của anh. Anh kẹp lấy, hít một hơi.

“Nén khói lại càng lâu càng tốt.” Tôi có thể thấy anh ta chẳng biết gì về cần sa.

Vợ tôi xuống lầu trở lại, mặc áo choàng hồng và mang dép cùng màu.

“Mùi gì đây?” Nàng hỏi.

Tôi trả lời: *“Chúng tôi muốn hưởng thụ một ít cần sa.”*

Nàng nhìn tôi một cách căm kỉnh. Rồi nhìn anh mù, nói: *“Em không biết anh hút thuốc.”*

“Em à, bây giờ anh hút đây. Thứ gì cũng có lần đầu tiên. Nhưng anh chưa có cảm giác gì hết.”

Tôi xen vào: *“Thứ thuốc này nhẹ. Ờm. Loại cần sa dễ hút. Không gây nhiều lỗi thôi.”*

Anh cười: *“Này bạn, chưa phê lắm.”*

Vợ tôi ngồi trên ghế dài giữa tôi và anh mù. Tôi đưa nàng điếu thuốc. Nàng đón lấy rồi hút một hơi. Trả lại tôi, hỏi: *“Đưa cho ai đây? Đáng lẽ, em không nên hút. Buồn ngủ mở mắt không ra. Đáng lẽ không nên ăn tối quá no.”*

Anh mù nói: *“Tại cái bánh dâu. Nó làm no và buồn ngủ.”* Anh cười lớn tiếng, rồi lắc đầu qua lại.

Tôi nói: *“Còn nữa cái bánh dâu đang kia.”*

Nàng hỏi: *“Robert, anh muốn ăn bánh không?”*

“Có lẽ, một lúc nữa.”

Chúng tôi chú ý nghe truyền hình. Vợ tôi lại ngáp. Nói: *“Robert, giường chăn đã chuẩn bị sẵn, anh có thể đi ngủ khi nào anh muốn. Anh đã đi suốt một ngày dài. Khi nào mệt, cứ nói cho biết.”* Nàng kéo tay anh mù. *“Robert?”*

Anh quay lại, nói: *“Anh đang thực sự vui sướng. Còn hơn cả nghe băng thâu, phải không?”*

Tôi nói: “*Đến phiên anh.*” Đưa điều thuốc vào giữa hai ngón tay. Anh hít, nén lại, thờ ra. Giống như anh đã quen hút từ năm chín tuổi.

“*Cảm ơn nha. Nhưng có lẽ đã quá đủ cho tôi. Tôi nghĩ, đã bắt đầu phê rồi.*” Anh đưa mẫu thuốc đang cháy dở sang vợ tôi.

Nàng nói: “*Em cũng vậy. phê rồi.*” Nàng cầm mẫu thuốc chuyển sang tôi. “*Em sẽ ngồi đây một lát với hai anh, nhắm mắt một chút. Đừng quan tâm đến em. Anh nào cũng vậy, nếu cảm thấy phiền, cho em biết. Nếu không, em nhắm mắt ngồi đây cho đến khi các anh đi ngủ. Robert, khi nào cần đi nghỉ, phòng ngủ đã sẵn sàng. Sát phòng ngủ của vợ chồng em, trên đầu cầu thang. Chúng tôi sẽ đưa anh lên, khi nào anh muốn. Các anh nhớ gọi em dậy, nếu em ngủ quên ở đây.*” Vừa nói nàng vừa nhắm mắt, lịm dần vào giấc ngủ.

Chương trình tin tức chấm dứt. Đứng dậy, đổi sang đài khác. Ngồi xuống lại trên ghế dài. Ước gì vợ tôi đừng ngủ. Đầu nàng ngã trên lưng ghế, há miệng. Xoay người, chiếc áo choàng tuột khỏi chân, để lộ chiếc đùi tươi mát. Tôi chồm đến kéo áo choàng che lại, vừa liếc nhìn anh mù. Thật, có thấy quái gì đâu. Tôi mở tung áo ra.

“*Lúc này anh nói anh muốn ăn bánh dâu phải không?*”

“*Chút nữa, sẽ ăn.*”

“*Anh mệt chưa? Buồn ngủ chưa? Có muốn tôi đưa anh lên phòng?*”

“*Chưa. Tôi sẽ thức với anh. Nếu được, tôi sẽ ở đây cho đến khi anh muốn đi nghỉ. Chúng ta chưa có dịp trò chuyện, phải không? Từ đầu đến giờ, giống như tôi và vợ anh đã chiếm độc quyền.*” Anh ta nâng hàm

râu lên rồi thả xuống. Nhặt điều thuốc rồi cầm lấy bật lửa.

“Được quá. Có bạn trò chuyện là tốt rồi.” Tôi cảm thấy hài lòng. Mỗi đêm, sau khi hút cần sa, thức một mình cho đến khi chìm vào giấc ngủ. Tôi và nàng ít khi đi ngủ cùng một lần. Khi ngủ tôi thường thấy những giấc mơ. Tỉnh thoảng thức dậy lơ đãng, con tim tôi nổi loạn.

Đôi khi, truyền hình chiếu về nhà thờ và thời Trung cổ. Không phải chương trình bình thường trên đài. Tôi muốn xem thứ gì khác. Tìm mở sang nhiều đài, nhưng không có gì để xem. Đành quay lại xem đài cũ. Nói xin lỗi anh mù.

“Bạn ơi, không sao cả. Đối với tôi, anh muốn xem chương trình nào cũng được. Tôi luôn luôn học được nhiều điều. Học không bao giờ chấm dứt. Chẳng hại gì, tối nay tôi sẽ học hỏi thêm. Bằng tai.”

Chúng tôi im lặng một khoảng thời gian. Anh ta chồm tới, quay mặt sang hướng tôi, tai phải ngóng về máy truyền hình. Rất băn khoăn. Tỉnh thoảng, mí mắt anh ấy nhắm lại, rồi chớp chớp, mở ra. Tỉnh thoảng, đưa những ngón tay lên bộ râu rồi vuốt xuống như đang suy nghĩ chuyện gì vừa nghe từ truyền hình.

Trên màn ảnh, một số người mặc đồ vẽ bộ xương và hóa trang ma quái, mang mặt nạ, có sừng và đuôi, đang hành hạ một nhóm người bị trùm kín đầu. Cảnh lịch sử này là một phần của diễn hành lễ hội. Tường thuật viên người Anh kể lại chuyện này đã xảy ra ở Tây Ban Nha mỗi năm một lần. Tôi cố gắng giải thích với anh mù những gì đang diễn tiến.

Anh vừa nói vừa gật gù: *“Bộ xương, tôi biết giống thứ gì.”*

Ông kính quay ngó nhà thờ này. Rồi chậm rãi kéo sang nhà thờ khác một lúc khá lâu. Sau cùng, hình ảnh chuyển đến ngôi nhà thờ nổi tiếng ở Paris, với những trụ tường và tháp hình nón bay cao tận mây xanh. Ông kính kéo ra xa để nhìn thấy toàn thể ngôi nhà thờ nổi lên đường chân trời.

Có những lúc tường thuật viên im lặng chỉ để ông kính chiếu chung quanh nhà thờ. Hoặc chiếu cảnh đồng quê, người cày ruộng theo sau con bò. Chờ đợi lâu đủ, tôi có cảm tưởng phải nói một lời gì: *“Bây giờ, họ đang chiếu cảnh bên ngoài nhà thờ. Các tượng người đầu thú. Những hình nhỏ điêu khắc giống bầy quái vật. Lúc này, tôi đoán, cảnh đang quay ở Ý. Đúng rồi, chỉ ở Ý mới có những hình vẽ trên tường như ngôi nhà thờ này.”*

Anh mù vừa uống một ngụm vừa hỏi: *“Này bạn, có phải tranh trên tường vẽ theo kiểu ‘fresco’?”*

Vội tay lấy ly rượu nhưng đã cạn. Tôi cố nhớ những gì có thể còn nhớ: *“Anh hỏi tôi tranh vẽ fresco? Câu hỏi này khó quá. Tôi không biết.”*

Ông kính quay sang một nhà thờ lớn bên ngoài Lisbon. Sự khác biệt không bao nhiêu giữa nhà thờ Bồ Đào Nha so với nhà thờ ở Pháp và Ý. Nhưng có khác nhau. Rồi điều gì đó hiện ra trong đầu: *“Tôi nghĩ ra chuyện này, anh có biết một nhà thờ lớn giống thứ gì không? Trông như thế nào? Ra làm sao? Anh hiểu ý tôi chứ? Nếu có ai nói về ngôi nhà thờ với anh, liệu anh có ý tưởng họ đang nói gì? Anh có biết sự khác biệt giữa nhà thờ này với nhà thờ Tin lành?”*

Anh để khỏi nhả ra từ vánh môi. *“Tôi biết họ phải dùng hàng trăm công nhân để xây cất trong 50 hoặc 100 năm. Vừa mới nghe tường thuật viên nói. Dĩ nhiên, tôi biết tổng quát về chuyện các gia đình xây dựng nhà thờ. Vừa nghe tường thuật viên nói. Những người bắt đầu công việc xây cất, sẽ không bao giờ*

sống lâu đủ để chứng kiến công việc đó hoàn tất. Đây bạn, kinh nghiệm sống của họ đâu khác gì chúng ta, phải không? Anh mỉm cười. Nhắm mắt lại. Gật gù. Dường như mơ màng. Có lẽ, đang tưởng mình du hành ở Bồ Đào Nha. Truyền hình đang chiếu nhà thờ khác. Ở Đức. Tiếng nói tường thuật vang lên. Anh mỉm cười vừa nói vừa ngồi dậy nghèo cổ qua lại: “Nhà thờ, thực sự, đó là tất cả những gì tôi biết. Những gì vừa nghe tường thuật viên kể lại. Nhưng có lẽ, anh cũng có thể mô tả cho tôi biết thêm. Tôi mong như vậy. Muốn như vậy. Nếu anh thật sự muốn tìm hiểu tôi biết gì về nhà thờ, tôi thật tình không có khái niệm.” Tôi chăm chú nhìn cảnh quay nhà thờ. Làm thế nào có thể bắt đầu mô tả nó đây? Nhưng giả sử, đời sống tôi phụ thuộc vào việc này. Giả sử, đời sống tôi bị đe dọa bởi một gã điên, nói rằng, tôi phải làm nếu không sẽ có chuyện.

Nhìn kỹ lại ngôi nhà thờ một lần nữa trước khi hình ảnh thay đổi vào cảnh đồng quê. Chẳng giúp ích gì. Quay lại, nói với anh mỉm: *“Bắt đầu nha. Những ngôi nhà thờ rất cao.”* Nhìn chung quanh phòng, tìm chút ít manh mối. *“Vươn lên. Cao lắm. Chọc trời. Một số nhà thờ rất lớn, cần phải có sự chống đỡ. Có thể nói, cần sự chống đỡ mới đứng vững. Bởi những cột trụ. Vì lý do nào đó, nhìn cảnh này nhớ lại chiếc cầu cạn nước. Nhưng anh cũng đâu thấy cầu cạn. Đôi khi, có nhà thờ khắc những hình ma quỷ ở mặt trước. Đôi khi, khắc thần thánh và nữ vương. Đừng hỏi tôi tại sao ...”*

Anh ta gật gù. Cả thân người bên trên dường như lắc lư lui tới.

Tôi hỏi: *“Tôi kể không xuôi sẻ, phải không?”*

Anh ngừng gật gù, dựa lưng vào ghế dài. Vừa nghe tôi nói vừa vờ vờ bộ râu. Có thể thấy, anh không tiếp thu lời kể chuyện, nhưng anh vẫn kiên nhẫn tiếp

tục chờ đợi. Gật gù, như thể cố gắng khuyến khích. Tôi cố nghĩ thử, còn có gì để nói: “Nhà thờ rất lớn, đồ sộ. Xây bằng đá. Đôi khi, trong thời đó, họ cũng xây bằng cẩm thạch. Con người muốn gần gũi Thượng Đế. Lúc thời hoàng kim, Thượng Đế là một phần quan trọng trong đời sống mỗi người. Có thể nhìn ra từ cách xây cất nhà thờ. Xin lỗi nha. Tôi đã cố gắng hết sức, nhưng không diễn tả hay cho lắm.”

“Này bạn, không sao cả. Này, tôi hy vọng không làm anh phiền lòng vì tôi muốn hỏi điều này được không? Câu hỏi đơn giản thôi, được chứ? Tôi chỉ tò mò không muốn xúc phạm đến anh. Anh là chủ nhà. Nhưng cho tôi hỏi, xin lỗi, nếu anh không vừa ý, anh có đạo không?”

Tôi lắc đầu. Anh ta không thấy. Nháy mắt hay gật đầu đối với người mù cũng giống nhau. “Tôi nghĩ tôi không tin gì cả. Đôi khi rất khó khăn. Anh biết tôi nói gì, phải không?”

“Rất hiểu.”

“Đúng như vậy.”

Tường thuật viên vẫn tiếp tục. Vợ tôi thở dài trong chiêm bao. Nàng hít một hơi dài rồi tiếp tục ngủ say.

Tôi nói: “Bạn tha lỗi cho tôi. Thực sự, tôi không thể diễn tả nhà thờ giống thứ gì. Tôi không phải là người tường thuật. không thể nói gì khác hơn nữa.”

Anh mù ngồi yên, đầu hơi cúi xuống, lắng nghe.

Tôi nói: “Thật ra, nhà thờ không có mấy ý nghĩa đối với tôi. Hoàn toàn không. Bất kỳ nhà thờ nào. Chỉ là chương trình về khuya để xem. Chỉ vậy thôi.”

Anh mù tăng hắng. Lấy một thứ gì ra. Một khăn tay từ túi quần sau. Anh lên tiếng: “Này anh, nghe tôi nói. Có thể giúp tôi một chuyện không? Tôi có ý kiến. Tại sao anh không tìm một ít giấy dày và cây bút?”

Chúng ta sẽ cùng nhau vẽ. Đi đi, tìm giấy bút. Đây bạn, đi lấy đồ đi.”

Tôi lên lầu. Đôi chân cảm thấy không còn sức lực, giống như vừa chạy bộ xong. Vào phòng vợ tôi, nhìn chung quanh. Tìm thấy cây bút bi trong một giỏ nhỏ trên bàn. Rồi nghĩ thử nơi nào có thể tìm ra loại giấy anh muốn.

Xuống lầu, vào bếp, tìm thấy túi giấy đi chợ với vỏ hành tây dưới đáy. Đổ hết ra. Mang vào phòng khách. Ngồi xuống gần chân anh mù. Tôi dọn dẹp ít đồ vật, vuốt thẳng những nếp nhăn trên mặt giấy, trải ra trên mặt bàn thấp.

Anh mù tuột xuống, ngồi trên thảm gần tôi. Những ngón tay lướt rà trên giấy, từ cạnh này sang cạnh kia. Dừng lại ở các góc.

Anh nói: *“Được rồi. Chúng ta vẽ.”*

Anh tìm bàn tay tôi đang cầm bút. Đặt tay anh lên rồi nắm lại. *“Bạn vẽ đi, anh sẽ hiểu. Tôi sẽ vẽ theo anh. Sẽ được thôi. Bây giờ, hãy bắt đầu như tôi nói. Anh sẽ hiểu. Vẽ đi.”*

Tôi bắt đầu. Trước hết, vẽ một cái hộp tương tựa căn nhà. Có thể là căn nhà tôi đang ở. Vẽ mái nhà. Ở hai bên chái nhà, tôi vẽ hình nón. Điền thật.

Anh ta nói: *“Nửa đi, hay lắm, anh vẽ rất tốt. Đây bạn, có lẽ anh chưa bao giờ nghĩ đến chuyện như vậy đang xảy ra trong đời, phải không? Ừ, cuộc sống luôn luôn kỳ lạ, chúng ta đều đã biết. Tiếp tục vẽ, đừng ngừng lại.”*

Vẽ cửa sổ trên mái vòm. Những cây cột bay. Treo những cánh cửa lớn. Tôi không thể dừng lại. Chương trình truyền hình đã hết. Đặt bút xuống, nhúc nhích những ngón tay. Anh mù sờ chung

quanh tấm giấy. Di chuyển mấy đầu ngón tay khắp mặt giấy, khắp hình tôi vẽ, rồi gặt gù.

“Quá tốt.” Anh nói.

Cầm bút lên, anh lại nắm tay tôi. Vẽ. Tuy không phải họa sĩ, nhưng tôi tiếp tục vẽ trơn tru.

Vợ tôi thức giấc, mở mắt nhìn. Nàng ngồi dậy, áo choàng lại mở ra. “Hai anh đang làm gì vậy? Cho em biết với?”

Tôi không trả lời.

Anh mù nói: “Chúng tôi đang vẽ nhà thờ. Hai đứa anh vẫn còn chưa xong. Đề mạnh xuống.” Anh nói với tôi. “Đúng rồi. Hay quá. Trúng chóc. Anh vẽ đúng rồi. Nay bạn, tôi có thể biết. Anh đã nghĩ, không vẽ được. Nhưng được rồi. Phải không? Anh đang vẽ hết sức tài tình. Biết tôi sẽ nói gì không? Chúng ta sẽ vẽ xong một thứ gì trong vài phút nữa. Mỗi tay chưa? Vẽ thêm vài người nữa. Nhà thờ chẳng ra làm sao nếu không có người.”

Vợ tôi nói: “Robert, chuyện gì đây? Hai anh đang làm gì? Chuyện gì vậy?”

“Không có gì,” anh mù nói với nàng rồi quay sang nói với tôi: “Nhắm mắt lại.”

Tôi làm theo ý anh mù.

“Đã nhắm chưa?” Đừng giả bộ.”

“Nhắm rồi.”

“Cứ nhắm mắt. Vẽ tiếp đi. Đừng ngừng lại.”

Chúng tôi tiếp tục. Ngón tay anh lướt trên ngón tay tôi trong khi bàn tay tôi lướt lên khắp mặt giấy. Cho đến giờ phút này, gần như chưa có gì xảy ra trong đời tôi như vậy.

“Tôi nghĩ, đã đủ rồi. Anh đã về đủ rồi. hãy nhìn xem. Anh thấy ra sao?” Anh mù nói.

Nhưng tôi vẫn nhắm mắt. Nghĩ rằng phải nhắm lâu hơn. Tưởng rằng phải làm đúng như thế. Anh mù hỏi:

“Sao đây? Anh đã nhìn thấy chưa?”

Mắt tôi vẫn nhắm. Tôi đang ở trong nhà. Tôi biết rõ, nhưng có cảm giác như không ở trong bất cứ một nơi nào.

Tôi nói: *“Thật là lạ lùng.”*

Truyện Ngắn Nigeria

My Mother, The Crazy African

Chimamanda Ngozi Adichie

(One World. An Global Anthology.)

Ngu Yên dịch



Chimamanda
Ngozi Adichie

(1977 -)

Nhà văn Nigeria viết
tiểu thuyết, truyện
ngắn và luận văn.

Sinh sống tại bang
Connecticut.

Được giới hâm mộ
văn chương trẻ ở
Châu phi yêu thích.

Giải: MacArthur
Genius Grant năm
2008.

Tác phẩm:

Purple Hibiscus (2003), Half of a Yellow Sun (2006),
and Americanah (2013), the short story collection
The Thing Around Your Neck (2009),

We Should All Be Feminists (2014). A Feminist
Manifesto in Fifteen Suggestions (2017), Zikora
(2020) and Notes on Grief (2021).

Mẹ Tôi Bà Châu Phi Kỳ Cục

Tôi rất ghét giọng nói lai. Bực mình khi người ta yêu cầu lập tôi lại những gì đã nói, đôi khi, tôi có thể nghe ra họ đang cười trong bụng vì tôi không phải là người Mỹ. Bây giờ tôi trả lời bằng tiếng Anh với Cha tôi nói tiếng Ibo. Tôi cũng sẽ nói với mẹ tôi như vậy, nhưng có lẽ bà chưa chấp thuận.

Khi người ta hỏi tôi từ đâu đến, mẹ muốn tôi nói *Nigeria*. Lần đầu tiên tôi trả lời, *Philadelphia*, bà sửa lại, "*Nói Nigeria*." Lần thứ hai, bà tát vào sau đầu tôi, rồi hỏi bằng tiếng Ibo: "*Trí óc mày bị sao vậy?*"

Lúc đó, tôi bắt đầu đi học. Tôi nói với mẹ, người Mỹ không nghĩ như vậy. Mình đến từ nơi mình sinh ra, hoặc nơi mình đang ở, hoặc nơi nào mình có ý định sinh sống lâu dài. Ví dụ như Cathy. Nó đến từ Chicago vì nó sinh ra ở đó. Em nó đến từ đây vì sinh ra trong bệnh viện Jefferson. Nhưng ba của nó sinh ở Atlanta, bây giờ ở đây, ông đến từ Philadelphia.

Người Mỹ không quan tâm đến những thứ không hợp lý, như đến từ ngôi làng của tổ tiên, nơi các ông tổ sở hữu đất đai, nơi có thể truy tầm dòng dõi từ hàng trăm năm về trước. Nếu tìm kiếm được dòng dõi của mình, rồi sao nữa?

Tôi vẫn tiếp tục trả lời, đến từ Philadelphia khi không có mẹ bên cạnh. (Chỉ nói Nigeria khi ai đó nhận xét gì về giọng lai của tôi, nhưng tiếp theo, tôi luôn luôn nói thêm, tôi đang sống ở Philadelphia với gia đình.)

Khi mẹ tôi vắng mặt, tôi tự xưng mình là Lin. Mẹ thích lập đi lập lại, Ralindu trong tiếng Ibo là một tên rất đẹp, rất có ý nghĩa, đối với bà, tên này là Chọn Lựa Đời Sống, cho những gì bà đã phải trải qua, vì các anh trai của tôi đã chết khi còn sơ sinh. Xin lỗi, xin đừng hiểu lầm ý tôi, nhưng cái tên Ralindu có phát âm khó chấp nhận, nhất là, bây giờ, tôi và Matt đang thân nhau.

Khi bạn bè gọi điện thoại, mẹ lên giọng, *"Lin?"* trong một thoáng như thể bà không biết là ai. Họ nghĩ rằng, bà chưa ở đây được ba năm vì những hành động của bà, (đôi khi, tôi nói sáu năm.)

Bà vẫn thích kết thúc những quan sát với câu nói *"Mỹ mà!"* Như tại tiệm ăn, *'nhìn xem họ đang lãng phí bao nhiêu là thức ăn, Mỹ mà!'* Hoặc tại các cửa hàng, *'xem đi, họ đã giảm giá biết bao nhiêu so với tuần trước, Mỹ mà!'*

Mặc dù như vậy, bây giờ đã đỡ hơn nhiều. Bà không còn kinh hoảng, run sợ, mỗi khi tin tức báo cáo những án mạng. Không còn phải nhìn tờ giấy với những chỉ dẫn của cha khi lái xe đến tiệm tạp hóa hoặc các trung tâm thương mại. Tuy bà vẫn cất kỹ những tờ hướng dẫn này trong ngăn đựng găng tay. Vẫn ôm chặt bánh lái. Thường xuyên liếc nhìn kính chiếu hậu tìm xe cảnh sát. Tôi phải giải thích, *mẹ ơi, cảnh sát Mỹ không tự nhiên bắt người lái ngừng lại. Phải có điều gì sai lầm như chạy quá nhanh.*

Phải thừa nhận, khi mới đến đây, tôi cũng rất sợ. Nhìn ngôi nhà, tôi hiểu tại sao cha không muốn mang chúng tôi sang ngay sau khi ông kết thúc thời hạn cư trú, tại sao ông chọn làm việc trong ba năm, một công việc bình thường và những việc làm thêm. Tôi thích bước ra ngoài, chỉ để quan sát ngôi nhà, vẻ sang trọng của bề mặt vách tường đá. Bãi cỏ uốn cong bao bọc như một tấm chăn nhuộm màu xoài

chưa chín. Bên trong, những bậc thang uốn lượn trong hành lang, có lan can bóng loáng, lò sưởi lót đá cẩm thạch xinh đẹp, khiến tôi có cảm giác như đang ở phim trường ngoại quốc. Thậm chí, thích luôn cả tiếng lóc cóc khi đi giày chạm vào sàn gỗ, không giống như nền xi măng lịch bạch ở quê nhà. Giờ đây, tiếng sàn gỗ làm tôi khó chịu, tôi ở dưới tầng hầm, khi cha mời một số đồng nghiệp ở bệnh viện đến chơi. Ông không còn hỏi mẹ làm một ít thức ăn cho khách, ông đã đặt những khay trái cây và pho-mát, mang đến tận nhà. Cha mẹ tôi đã từng cãi nhau vì vậy. Ông nói, người da trắng không quan tâm đến các món moi-moi, chin-chin mà mẹ đã làm. Bà trả lời bằng tiếng Ibo, rằng rất hãnh diện về ông và nên cho họ thử trước, xem có thích hay không. Bây giờ, họ cãi nhau về cách cư xử của mẹ trong những buổi họp mặt. Cha nói với mẹ,

“Em nên trò chuyện với họ nhiều hơn, tạo cho họ cảm tưởng được chào đón thân mật. Đừng nói với anh bằng tiếng Ibo trước mặt khách.”

Mẹ rít lên, *“Thế nào, em không nói được tiếng của mình trong nhà riêng hả? Nói cho em biết, họ có thay đổi hành vi khi mình đến nhà họ không?”*

Cha mẹ tôi không thực sự đấu đá nhau như cha mẹ của Cathy, họ thường kết thúc bằng nhiều ly thủy tinh đập vỡ. Cathy phải dọn dẹp trước khi đi học để đưa em gái không nhìn thấy. Mẹ tôi vẫn thức dậy sớm, trải sẵn áo trên giường cho cha, dọn ăn sáng, chuẩn bị thức ăn trưa cho vào hộp.

Cha biết nấu ăn khi ở một mình, ông đã sống độc thân ở Mỹ gần bảy năm, nhưng bây giờ, đột nhiên ông không nấu nữa. Ngay cả, không muốn đẩy nắp nồi. Mẹ tỏ vẻ hoảng hốt khi cha đến gần bếp.

“Em nấu Chika ngon lắm.” Cha nói bằng tiếng Ibo sau mỗi bữa ăn. Mẹ mỉm cười. Tôi biết mẹ đang tính

toán sẽ nấu món súp gì tiếp theo, dùng rau cải nào mới để nấu thử.

Tất cả món ăn của bà đều mang căn bản thực phẩm Nigeria, rồi bà thử nghiệm, học hỏi ứng biến với những thứ không bán trong các cửa hàng châu phi. Khoai nướng kiểu Ede. Rau chân vịt kiểu Ugu. Kể cả tìm ra cách làm cho ngũ cốc farina được luôn luôn giống như kiểu Fufu, trước khi cha chỉ bày cho bà cách đi đến các cửa hàng châu phi, nơi bán bột sắn. Bà không còn từ chối mua pizza và khoai tây chiên đông lạnh, nhưng cần nhằn khi thấy tôi ăn, vắn than thở, thức ăn tôi tệ như vậy mà bán kiểu hút máu. Mỗi ngày, bá nấu một loại súp mới, hầu hết mỗi ngày, bắt tôi phải ăn. Bà theo dõi tôi vo nặn những viên fufu tròn một cách miễn cưỡng, rồi nhúng vào nồi súp đặc sệt. Kể cả việc bà quan sát cổ họng khi tôi nuốt, xem những viên bánh tụt xuống và nằm im trong bao tử.

Bà rất thích khi những người khách, tôi gọi là khách “ngẫu hứng”, tìm đến nhà. Họ luôn luôn say mê cách nấu nướng của bà. Họ luôn luôn là dân Nigeria, mới vừa sang Mỹ. Họ mở sách điện thoại, tìm tên người Nigeria. Những người Ibo nói với cha, cảm giác sáng khoái như thế nào khi nhìn thấy tên Eze, tên trong tiếng Ibo, sau những dòng tên Yoruba Adebisi và Ademolas. Nhưng dĩ nhiên, họ thêm thất vọng khi ngẫu nhiên những trái chuối chiên, ở Mỹ, tất cả dân Nigeria đều là anh em bà con.

Khi mẹ bắt tôi đi ra chào hỏi họ, tôi nói tiếng Anh đối lại với tiếng Ibo của khách, nghĩ rằng họ không nên đến đây, họ có mặt trong nhà chỉ vì lỗi của chúng tôi là người Nigeria. Thông thường họ ở lại một số ngày cho đến khi tìm ra cách sống nào khác. Cha tôi rất quyết tâm về sự giúp đỡ này. Cho đến khi họ rời khỏi nhà, tôi không bao giờ nói chuyện bằng tiếng Ibo.

Cathy thích đến gặp họ. Cô bị họ mê hoặc bởi nghe kể chuyện và tìm hiểu về đời sống ở Nigeria. Những người khách thích kể về tình trạng làm nạn nhân. Họ phải chịu đựng như thế nào dưới bàn tay những người lính, ông chủ, người chồng và gia đình chồng. Cathy có nhiều thiện cảm đối với họ. Có lần, cô đã đưa ba tờ lý lịch xin việc làm cho mẹ cô, để gửi đến những người có thể muốn dân Nigeria. Cathy rất tử tế. Là bạn duy nhất có thể tâm sự, nhưng đôi khi, cô không cần phải tốn quá nhiều thời giờ với những khách “ngẫu nhiên” vì cô bắt đầu nói giống mẹ tôi, tuy không lên giọng dạy dỗ, khi nói. Cô nhắc nhở, tôi nên tự hào về giọng nói lai và quê hương của mình. Tôi trả lời, đúng rồi, tôi rất tự hào về quê hương Hoa Kỳ, dù vẫn trong tình trạng thể xanh.

Cô cũng bàn về Matt. Nói, tôi không cần cố gắng quá đáng để trở thành người Mỹ. Nếu anh ta thật lòng, sẽ thích tôi cho dù thế nào, (bởi vì tôi thường bắt cô phát âm những từ ngữ cho tôi luyện tập và chuyển âm lên xuống cho giống giọng Mỹ. Ước gì Nigeria không phải thuộc địa của Anh, thật khó bỏ thói quen cách họ nhấn dấu sai âm tiết.) Tôi đã từng thấy Matt cười nhạo cậu bé Ấn Độ với cái tên không ai có thể đọc được. Giọng nói lai tội nghiệp của cậu quá lệch, đến nỗi không thể tự đọc rõ tên mình. Ít nhất tôi cũng khá hơn một người. Matt không biết tên Ralindu. Anh biết cha mẹ tôi đến từ châu phi và nghĩ rằng châu phi là một quốc gia, chỉ vậy thôi.

Chiếc đinh tán bông tai lấp lánh anh đeo bên tai trái đã gây ấn tượng cho tôi ngay từ đầu. Bây giờ, tất cả mọi thứ về anh đều gây chú ý, ngay cả cánh anh đi đứng, bước như ném chân ra trước thân mình.

Mất một thời gian trước khi Matt để ý đến tôi. Cathy giúp đỡ bằng cách mạnh dạn bước đến gần anh ta và đề nghị anh ngồi chung với chúng tôi trong một

buổi ăn trưa. Có hôm, cô hỏi, “Lin hấp dẫn lắm phải không?” Anh ta trả lời, đúng. Mặc dù cô không thích Matt, Nhưng tôi và Cathy không thích những thứ giống nhau. Đó là lý do tình bạn của chúng tôi bền vững.

Mẹ từng thận trọng về Cathy. Bà nói: “*Ngwa, đừng ở lại nhà họ quá lâu. Đừng ăn ở đó. Họ có thể nghĩ mình không có đồ ăn.*” Bà thực sự nghĩ rằng, người Mỹ có những kẻ tâm thần khờ khạo như những người ở quê nhà. Tôi không thể đến nhà người ta hoài trừ phi họ thăm viếng lại, nếu không, có vẻ như mình thiếu tử tế. Không thể ăn ở nhà người ta nhiều lần trừ phi mình mời họ ăn lại. Ôi, làm ơn đi!

Khoảng hai năm trước đây, mẹ bắt tôi phải ngừng đi thăm viếng trong một tháng hoặc lâu hơn. Đó là mùa hè đầu tiên ở nơi này. Trường học tổ chức một buổi tập hợp gia đình ăn uống ngoài trời. Cha phải trực bệnh viện. Chỉ có mẹ và tôi tham dự. Tôi tự hỏi, đôi mắt mẹ mở to như hai cái đĩa màu sậm, có thể nào không thấy người Mỹ mặc quần ngắn và áo thun trong mùa hè? Bà mặc áo dài vải cứng, màu xanh lam với cổ áo rộng màu trắng. Đứng chung với các bà mẹ khác. Tất cả bọn họ đều sang trọng trong chiếc quần ngắn và áo thun, lộ ra một phụ nữ không biết gì, ăn mặc quá nhiều vải cho buổi tiệc thịt nướng. Hầu hết thời giờ ăn uống, tôi cố lánh xa bà. Có nhiều bà mẹ da đen ở đó, như vậy, bất kỳ ai trong bọn họ đều có thể là mẹ tôi.

Bữa ăn tối hôm đó, tôi nói với bà, “*Mẹ của Cathy yêu cầu con gọi bà bằng tên Miriam.*” Mẹ nhìn lên, ánh mắt tỏ ra nghi ngờ. Tôi nói, “*Miriam, tên tộc của bà ấy.*” Rồi nhanh chóng thêm vào, “*Con nghĩ Cathy nên gọi mẹ là Chika.*” Mẹ tiếp tục lặng lẽ nhai miếng thịt lớn trong chén súp. Sau đó, ngẩng lên. Đôi mắt đen láy nhìn dọc mặt bàn, ngôn ngữ lbo bật ra. “*Con*

có muốn bị tát rụng răng không? Từ khi nào bọn trẻ được phép gọi tên tộc của người lớn?” Tôi xin lỗi rồi nhìn xuống chú tâm vò nắn viên fufu, vì nếu nhìn thẳng vào mặt bà thường khiến bà tiếp tục nói những lời đe dọa.

Sau đó, tôi không thể đến chơi nhà Cathy trong một tháng, nhưng mẹ Cathy cho cô qua nhà tôi. Cathy và tôi cùng vào bếp với mẹ. Đôi khi, không có mặt tôi, cô nói chuyện với mẹ nhiều tiếng đồng hồ. Bây giờ Cathy không còn chào mẹ bằng tiếng “hi,” thay vào đó là good arfernoon, good morning vì mẹ nói, đó là cách trẻ con Nigeria chào hỏi người lớn. Ngoài ra, cô còn gọi mẹ là Mrs. Eze và nhận bà làm dì.

Cô nghĩ nhiều điều về mẹ rất tuyệt. Như cách bà đi đứng. Rất vương tộc. Hoặc lối bà ăn nói. Rất du dương. (Thậm chí, mẹ không cố gắng nói một thứ gì theo lối người Mỹ. Chúa ơi, bà vẫn nói “giày ống” thay vì “thân cây.”)

Khi tôi có kinh, mẹ ôm tôi. Thật là ấm áp. Mẹ của Cathy chỉ nói rất đơn giản “ô”, rồi họ ra phố mua băng vệ sinh và quần lót. Hai năm về trước, khi mẹ ôm siết chặt vào lòng như thể tôi vừa thắng một cuộc đua lớn. Tôi không nghĩ đó là cử chỉ ấm áp. Chỉ muốn đẩy bà ra vì mùi chua như súp onubbu.

Mẹ nói đây là một ân sủng, một ngày nào đó tôi sẽ sinh con để cái. Trong lúc chờ đợi, tôi phải khép hai chân sát vào nhau để khỏi mang điều xấu hổ đến cho bà. Tôi biết bà sẽ gọi điện thoại về Nigeria, mách với các dì và má Nnukwu. Họ sẽ bàn về những đứa con mạnh mẽ mà một ngày nào tôi sẽ sinh ra và tôi tìm được một người chồng tốt.

o O o

Hôm nay, Matt sẽ đến, chúng tôi đang viết bài chung với nhau. Mẹ đi đi lại lại trong nhà. Ở Nigeria, con

gái kết bạn với con gái, con trai kết bạn với con trai. Khi con trai quen con gái, không phải chỉ là bạn, còn có điều gì khác hơn. Nói với mẹ, ở Mỹ thì khác, bà trả lời, biết rồi. Mẹ đặt một đĩa chin-chin mới chiên lên bàn ăn, nơi tôi và Matt sẽ cùng nhau viết bài. Khi bà đi lên lầu, tôi bung đĩa chin-chin cất vào nhà bếp. Có thể tưởng tượng gương mặt của Matt khi anh ấy hỏi, cái quái gì đây? Mẹ đi xuống, mang đĩa chin-chin ra lại. Nói: *“Đĩa này cho bạn con.”*

Điện thoại kêu. Tôi cầu nguyện, xin cuộc trò chuyện kéo dài, giữ bà thật lâu. Chuông cửa vang lên, Matt đến, bông tai lấp lánh, mang theo tập giấy.

Chúng tôi học được một lúc, mẹ bước vào. Khi Matt nói, *“hi”*, bà chăm chú nhìn anh, im lặng, rồi nói: *“Cháu khỏe không?”* Rồi bà hỏi bằng tiếng Ibo, viết bài đã gần xong chưa. Trước khi trả lời, tôi dừng một thời gian khá lâu để Matt không nghĩ rằng tôi hiểu tiếng Ibo rành rẽ. Mẹ đi lên lầu và đóng cửa phòng.

Một lúc sau, Matt nói, *“Vào phòng em nghe CD.”* *“Phòng em bề bộn lắm.”* Thay vì nói, mẹ sẽ không bao giờ cho con trai vào phòng. *“Vậy thì đến ghế dài. Anh mệt rồi.”* Chúng tôi ngồi trên ghế dài. Anh đặt một tay vào áo thun. Tôi giữ tay anh lại, *“Chỉ ngoài áo thôi.”*

Anh nói: *“Thôi mà.”* Hơi thở và lời nói đều gấp gáp. Tôi buông tay, bàn tay anh luồn vào trong áo, ôm lấy một bên vú còn trong nịt ny lông. Rồi, nhanh nhẹn, tay len ra sau lưng, mở móc nịt vú. Matt rất thông thạo. Chính tôi cũng không thể mở nịt vú bằng một tay nhanh như vậy. Bàn tay quay trở lại ôm lấy bầu vú trần. Tôi rên lên theo cảm khoái sung sướng. Tôi biết đó là chuyện phải làm. Trong các phim tình, ngay thời điểm này, gương mặt phụ nữ đê mê.

Bây giờ, anh ấy đã điên cuồng, giống như lên cơn sốt. Đẩy tôi ra, kéo áo lên, để nó quấn quanh cổ tôi,

cởi phăng nịt vú. Bỗng nhiên, cảm thấy mát lạnh phần da thịt lộ liễu. Ấm ướt ẩm trên vú. Có lần, đọc sách, người đàn ông đã bú hết sữa, không để lại gì cho đứa bé. Matt đang bú như người đàn ông đó.

Chợt tôi nghe tiếng mở cửa. Túm lấy đầu Matt, kéo áo mình xuống chỉ khoảng một giây. Chiếc nịt vú, trắng đang hoảng hốt trên nền ghế da màu nâu lợt, hấp háy nhìn tôi. Nhét nó vào sau ghế dài khi mẹ tôi bước vào.

Hỏi bằng tiếng Ibo, *“Không phải đã đến giờ bạn con đi về sao?”*

E ngại không dám nhìn Matt, sợ sẽ thấy sữa trên môi anh ta. *“Bạn con chuẩn bị ra về.”* Nói bằng tiếng Anh.

Mẹ vẫn đứng đó. Tôi nói với Matt: *“Có lẽ anh nên đi về.”* Anh đang đứng, sắp xếp lấy giấy tờ trên bàn. *“Vâng. Chúc ngủ ngon.”*

Mẹ đứng im lìm, nhìn hai chúng tôi.

“Anh ấy nói với mẹ, chúc mẹ ngủ ngon.”

Bà gật đầu, khoanh tay, nhìn đăm đăm. Bất thình lình, một tràng tiếng Ibo bùng nổ. Hỏi tôi có điên không sao để con trai ở lại lâu như vậy? Bà nghĩ, tôi phải có ý thức phẩm hạnh. Rồi hỏi tiếp, khi nào chúng tôi đã rời bàn ăn đến ghế dài? Tại sao ngồi gần sát nhau quá?

Matt lê bước ra cửa trong lúc mẹ đang nói. Dây trên giày thể thao chưa kịp cột theo bước chân anh phất phơ. *“Hẹn gặp lại.”* Anh nói khi bước ra cửa.

Mẹ tìm thấy cái nịt vú nhét sau ghế dài, bà nhìn nó đăm chiêu một lúc rồi ra lệnh tôi về phòng. Chẳng bao lâu sau, bà bước vào, đôi môi mím chặt.

“Yipu efe gi.” Bà nói cởi quần áo ra. Ngạc nhiên, nhìn bà, tôi từ từ cởi đồ. *“Cởi ra hết,”* Bà ra lệnh khi thấy

tôi còn mặc quần lót. *“Ngồi lên giường, mở rộng hai chân.”*

Nghe tim mình đập loạn xạ. Ngồi ngay ngắn trên giường. dang hai chân như đại bàng giăng cánh.

Mẹ đến gần, quỳ xuống trước mặt, tôi thấy bà đang cầm một cái gì. Ose Nsukka, một trái ớt xoăn rất cay mà má Nhukwu đã phơi khô, gửi từ Nigeria, đựng trong chiếc chai nhỏ, trước đó dùng chứa cà ri hoặc xạ hương. *“Dừng. Mẹ ơi!”*

“Mày thấy trái ớt này không? Thấy rõ chưa? Đây là cách đối phó với những đứa con gái lang chạ, không dùng đầu suy nghĩ mà dùng cái kẻ giữa hai chân.”

Bà đưa trái ớt đến gần sát, tôi sợ hãi, bật dái ngay lúc đó, cảm giác nóng ấm trên mặt nệm. Nhưng bà không nhét vào.

Bà la lối bằng tiếng Ibo. Nhìn bà, đôi mắt đen lấp lánh nước mắt. Ước gì mình là Cathy. Mẹ của cô sẽ xin lỗi sau khi la mắng. Sẽ yêu cầu cô về phòng, nhốt trong đó vài giờ hoặc nhiều lắm là một ngày.

Hôm sau, Matt vừa cười vừa nói: *“Đêm qua, mẹ em kỳ cục, khó hiểu. Bà ấy là một người châu phi điên rồ!”*

Môi tôi căng cứng đến mức không thể cười. Matt nói chuyện với tôi nhưng mắt nhìn những cô gái khác.

Truyện Ngắn Columbia

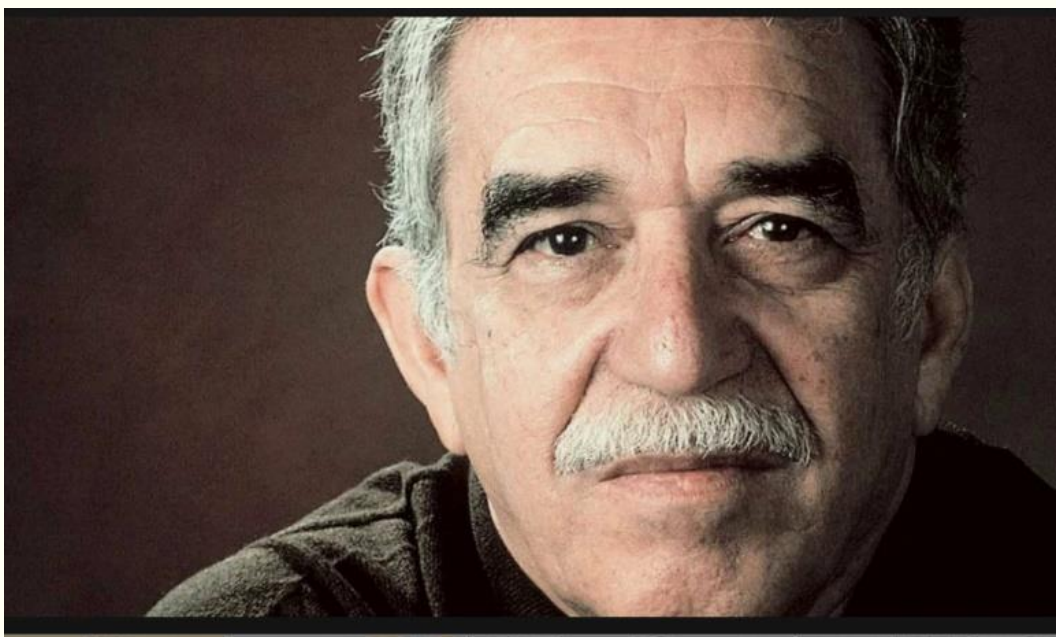
Light Is Like Water

Gabriel Garcia Marquez

(Nobel Prize 1982)

Bản Anh ngữ: Genevieve Vullo

Ngu Yên dịch.



Gabriel Garcia Marquez (1927 – 2014)

Nhà báo, viết tiểu thuyết, truyện ngắn, truyện phim.
Một trong số tác giả hàng đầu thế giới trong thế kỷ
20.

Giải Neustadt International Prize for Literature, 1972. Nobel Prize, 1982.

Tác phẩm One Hundred Years of Solitude, 1967. Chronicle of Death Foretold, 1981. Love in the Time of Cholera, 1985.

Ánh Sáng Như Dòng Nước

Đến lễ Giáng sinh, một lần nữa, đám trẻ con yêu cầu có được một chiếc thuyền chèo.

Người cha nói: *“Được thôi. Chúng ta sẽ mua khi trở lại Cartagena.”*

Toto, chín tuổi, và Joel, bảy tuổi, quyết tâm hơn cha mẹ chúng tưởng. Hai đứa đồng thanh: *“Không chịu. Chúng con muốn có tại đây, ngay bây giờ”*

Người mẹ nói: *“Khoan đã, dòng nước duy nhất mà các con có thể chèo thuyền ở đây, là nước chảy ra từ vòi tắm hoa sen.”*

Hai vợ chồng đều đúng. Tại ngôi nhà ở Cartagena de Indias có sân sau liền với bến tàu, vươn ra vịnh nước, đủ chỗ cho hai du thuyền lớn. Còn ở đây, thành phố Madrid, họ sống chen chúc trong tầng lầu năm số 47 đại lộ Castellana. Nhưng cuối cùng, cha mẹ đều không thể từ chối lời yêu cầu tha thiết của con, vì họ đã hứa sẽ thưởng một chiếc thuyền chèo với kính thiên văn và la bàn, nếu chúng thắng giải Nguyệt quế của trường học dành cho lớp ba. Và chúng đã đoạt giải. Thế là, người cha đi mua những gì đã hứa mà không cho vợ biết, vì bà không muốn

trả thêm nợ. Đó là chiếc thuyền nhôm thật đẹp, với đường viền vàng nơi chạm mực nước.

Vào bữa ăn trưa, người cha tiết lộ, “*chiếc thuyền trong nhà đậu xe. Nhưng không cách nào đưa lên thang máy hoặc cầu thang, và không còn chỗ trống trong đó.*”

Tuy nhiên, vào chiều thứ bảy tuần sau, bọn trẻ mời đám bạn học đến, cùng nhau đưa lên cầu thang, rồi khéo léo đưa vào phòng tắm.

Người cha nói: “*Chúc mừng nha, nhưng rồi sao nữa?*”

Đám trẻ trả lời: “*Không cần phải làm gì. Tụi con chỉ muốn có chiếc thuyền trong nhà. Bây giờ nó đã nằm trong phòng.*”

Đêm thứ tư, như mọi thứ tư khác, cha mẹ đi xem phim ngoài rạp. Lúc bảy giờ, hai đứa trẻ trở thành người lớn, thành chủ nhân ngôi nhà, họ đóng cửa lớn, đóng cửa sổ, phá vỡ bóng đèn trên cây đèn trong phòng đang sáng. Một luồng ánh vàng, trong veo, như dòng nước, chảy ra từ bóng đèn vỡ. Họ để chảy cho đến khi mực nước lên cao khoảng bốn gang tay. Rồi họ tắt điện, cùng đẩy thuyền ra, tự ý chèo đi giữa những hòn đảo trong nhà.

Cuộc du hành kỳ diệu này là kết quả do tôi thiếu suy nghĩ trong cuộc trò chuyện thi vị về các đồ vật thông dụng. Toto hỏi tôi, làm thế nào chỉ nhấn nút một cách đơn giản, đèn bật sáng. Trả lời không nghĩ ngợi:

“Ánh sáng như dòng nước. Cháu mở vòi, nước chảy ra.”

Cứ như thế, hai đứa trẻ tiếp tục ra khơi trong đêm thứ Tư. Tự học hỏi cách sử dụng ống kính và la bàn, cho đến khi cha mẹ từ rạp hát trở về, thấy hai đứa con ngủ say như những thiên thần.

Nhiều tháng sau, khao khát đi phiêu lưu xa hơn, hai đứa trẻ xin được trang bị đồ lặn sâu. Gồm có mặt nạ, chân vịt, bình thở, và súng bắn mũi xiên bằng hơi ép.

Người cha nói: *“Uổng quá, có thuyền nhưng vô dụng trong phòng tắm. Rồi còn tệ hơn nữa, nếu chúng con muốn những thiết bị lặn sâu.”*

Joe nói: *“Nếu chúng con thắng được giải Cây Sơn Chi Vàng cho tam cá nguyệt đầu tiên, thì sao?”*

Người mẹ nói giọng lo lắng: *“Không, bây giờ không mua gì nữa.”*

Người cha chỉ trích sự ương ngạnh của bà: *“Nghĩa là hai đứa con này không đáng một xu nào dù làm hết bổn phận, học hành giỏi.”*

“Nhưng nếu theo ý chúng, chúng có thể sẽ giựt luôn cả ghế thầy giáo.”

Cuối cuộc tranh cãi, cả cha lẫn mẹ đều không nói, có đồng ý hay không. Nhưng Toto và Joel, hai học sinh đứng cuối lớp hai năm trước, đã giành được hai giải thưởng Cây Sơn Chi Vàng và được hiệu trưởng công nhận vào tháng Bảy. Ngay buổi chiều hôm đó, không cần đặt vấn đề gì nữa, hai đứa con tìm thấy trong phòng một kiện hàng với hai bộ thiết bị lặn sâu. Ngày thứ tư tiếp theo, trong khi cha mẹ đi xem phim *The Last Tango in Paris*, (Bản Tango cuối cùng ở Paris), hai đứa trẻ mở ánh sáng nước đầy căn hộ đến tận ngang vai. Họ ngụp lặn như hai con cá mập đã được thuần hóa dưới bàn ghế và giường ngủ. Lặn tận đáy ánh sáng, họ giải cứu được nhiều đồ vật đã bị lãng quên trong bóng tối nhiều năm qua.

Trong buổi lễ trao giải thưởng cuối năm, hai anh em được tuyên dương như những tấm gương tốt cho trường học. Họ đã nhận được những giải thưởng

xuất sắc. Lần này, hai đứa không yêu cầu gì cả. Cha mẹ hỏi họ muốn gì. Rất hợp lý khi họ xin một bữa tiệc tại nhà để ăn mừng với các bạn cùng lớp.

Cha mẹ đều rạng rỡ. Người cha nói:

“Đây là bằng chứng con mình đã khôn lớn.”

Người mẹ nói theo: *“Vâng theo thánh ý Chúa.”*

Thứ Tư tuần sau đó, trong khi cha mẹ đi xem phim, The Battle of Algiers (Trận chiến ở Algiers), những người đi qua đại lộ Castellana nhìn thấy một dòng thác ánh sáng chảy xuống từ tòa lầu cũ kỹ, nằm khuất giữa các tầng cây. Thác đổ ra từ ban công, nước xối xả xuống trước nhà, tràn ra đại lộ, biến thành một trận lụt vàng chiếu sáng thành phố cho đến tận Guadarrama.

Lính cứu hỏa chạy đến hiện trường, phá cửa vào tầng năm, phát hiện căn nhà tràn ngập ánh sáng từ sàn lên kín trần. Những ghế bành, ghế dựa da beo nổi lơ lửng cao thấp trong phòng, giữa bầy chai ngỗng ngang từ quầy rượu, chiếc đại dương cầm, chiếc khăn choàng trôi giữa nước như một vật nặng vàng. Đồ vật trong nhà, ở đỉnh cao thi vị, bay bằng đôi cánh riêng qua tận trần nhà bếp. Các nhạc cụ ban nhạc của bọn trẻ dùng để nhảy múa, lênh bênh khắp nơi giữa bầy cá đủ màu được thoát thân từ hồ cá mẹ. Chúng là những vật duy nhất bơi lội sống động vui vẻ trong một đầm ánh sáng rộng lớn. Trong phòng tắm, bàn chải đánh răng, bao cao su của cha, các hộp kem nhỏ, và hàm răng giả của mẹ cũng bị trôi bập bênh. Chiếc tivi trong phòng ngủ chính đang lơ lửng nghiêng một bên, vẫn còn chiếu phần cuối cùng của bộ phim cấm trẻ em lúc nửa khuya.

Ở cuối hành lang, dưới mặt nước, Toto đang ngồi nghiêm chỉnh trên đuôi thuyền, bám vào mái chèo, mang mặt nạ lặn, tìm kiếm ngọn hải đăng, khi bình

hơi cạn dần. Joe lơ lửng ở mũi thuyền, đang dùng bàn đo hàng hải để tìm kiếm độ cao của sao Bắc Đẩu. Ba mươi bảy đứa bạn cùng lớp trôi tứ tán khắp nhà, trở thành bất tử bằng hành động nổi loạn, tiểu vào chậu hoa phong lữ, hát bài hiệu ca của trường với nhiều ca từ khác nhau như trêu chọc vị hiệu trưởng, lén uống rượu brandy của người cha. Họ mở nhiều đèn cùng một lúc, ánh sáng tràn ngập cả tầng lầu. Toàn thể học sinh lớp bốn trường Julian el Hospitalario đã chết đuối ở tầng lầu năm, số 47 đại lộ Castellana tại Madrid, Tây Ban Nha, một thành phố xa vắng mùa hè ngộp ngạt và gió rét lạnh, không có biển cũng không có sông, những người bản xứ ở trong lục địa không bao giờ thông suốt phương pháp chèo thuyền.

1978

Truyện Ngắn Columbia

Goshts of August

Gabriel Garcia Marquez

Bản Anh Ngữ: Genevieve Vullo

Ngu Yên

Ma Tháng Tám

Chúng tôi đến Arezzo hơi quá nửa trưa. Mất hơn hai giờ đi tìm lâu đài thời Phục hưng mà nhà văn Venezuela, Miguel Otero Silva, đã mua, nằm trên một bờ sông trong vùng đồng quê ở Tuscan.

Hôm đó, ngày Chủ Nhật đầu tháng Tám, nóng hừng hực và nhộn nhịp. Du khách đi kín đường, gần như không thể tìm được ai hiểu biết cách đi đến các nơi thăm viếng. Sau nhiều lần cố gắng nhưng không có kết quả, chúng tôi quay trở lại xe hơi và rời thành phố trên con đường dọc theo hàng cây bách khô khốc. Một bà lão đang ngắm nhìn đàn ngỗng chỉ cho chúng tôi biết đích xác lâu đài ở đâu. Trước khi rời đi, bà hỏi, nếu chúng tôi dự định ngủ lại ở đó. Chúng tôi trả lời, theo dự tính, chỉ ở lại ăn trưa.

“Cảm ơn trời đất, vì lâu đài đó có ma.”

Vợ và tôi đều không tin có ma giữa ban ngày, vì vậy chúng tôi trêu chọc lòng mê tín của bà. Nhưng hai đứa con trai, chín và bảy tuổi, rúng động vì nghĩ rằng sắp gặp ma thật.

Ngoại trừ là một nhà văn bản lĩnh, Miguel Otero Silva còn là vị chủ nhân tiếp đón tuyệt hay và có khẩu vị tinh tế. Ông đã chuẩn bị một buổi ăn trưa không thể nào quên. Vì ngày đã khá muộn, chúng tôi không đủ thời giờ tham quan trong lâu đài trước khi ngồi vào bàn ăn, nhưng nhìn từ bên ngoài, trông có vẻ vô tội vạ. Mọi lo sợ bị quên lãng bởi khung cảnh tuyệt đẹp của thành phố, nhìn ra từ sân thượng trồng đầy hoa, nơi chúng tôi ăn trưa. Thật khó tin, trên ngọn đồi chỉ chít những ngôi nhà chênh vênh đó, nơi 90 ngàn người dân cư ngụ, đã sinh ra nhiều thiên tài bất tử. Tuy nhiên, Silva nói một cách hài hước về nhân tài vùng Caribbean, không một ai trong bọn họ nổi tiếng bật nhất ở Arezzo.

“Người nổi danh nhất là Ludovico.”

Cộc lốc, không có tên họ: Ludovico, người lừng lẫy nhất về nghệ thuật và chiến tranh, đã xây cất lâu đài bất hạnh này. Suốt buổi ăn trưa, Miguel nói về Ludovico. Kể cho chúng tôi nghe tài năng lớn lao, định mệnh tình yêu bạc phước, và cái chết kinh dị của ông ấy. Miguel kể, trong một lần đam mê cuồng nộ, Ludovico đã đâm chết người yêu ngay trên giường sau khi làm tình. Rồi thả đàn chó săn hung tợn ra để xé xác ông ta thành từng mảnh vụn. Miguel nghiêm túc bảo đảm với chúng tôi vào lúc nửa đêm, linh hồn Ludovico đi lang thang khắp nhà trong bóng tối, tìm kiếm sự bình yên trong sự trừng phạt của tình yêu.

Lâu đài, thực tế, rất rộng lớn và âm u. Nhưng giữa ban ngày, khi bụng ăn no, lòng vui vẻ, câu chuyện ma cũng tương tự như những chuyện vui mà Miguel kể để giải trí cho thực khách. Sau giấc ngủ trưa, chúng tôi đi qua tám mươi hai căn phòng, không khỏi ngạc nhiên vì lâu đài đã trải qua nhiều thay đổi, tân trang, từ chủ này đến chủ khác. Miguel

đã khôi phục hoàn toàn tầng thứ nhất. Nơi đã xây phòng ngủ hiện đại, sàn lót đá cẩm thạch, có phòng xông hơi nóng, có trung tâm tập thể dục, và một sân thượng, trồng đầy hoa, nơi chúng tôi dùng bữa. Tầng thứ hai đã được sử dụng nhiều nhất qua nhiều thế kỷ, gồm có những phòng khá tầm thường. Đồ đạc của các thời đại khác nhau vẫn được giữ lại. Nhưng cánh cửa sau cùng mở vào một căn phòng còn trang trí nguyên vẹn, được bảo quản hoàn hảo, như thể thời gian đã quên đi qua đây. Đó là căn phòng của Ludovico.

Đó là một khoảnh khắc kỳ diệu. Ngay trước mặt là một chiếc giường có khung che, thêu chỉ vàng, và khăn trải giường có tua rua, vẫn còn máu khô của người tình đã hy sinh tính mạng. Một lò sưởi với than thật, một khúc gỗ biến thành đá, một chiếc tủ áo đánh bóng trang trọng, một bức chân dung của nhà quý tộc đang trầm ngâm, vẽ sơn dầu trong khung mạ vàng. Họa sĩ là một bậc thầy ở Florentine, đã qua đời trước thời đại của ông. Tuy nhiên, điều làm tôi choáng váng nhất là mùi dầu tươi, dường như chỉ bốc lên trong phòng ngủ này, thật khó giải thích.

Ở Tuscany, mùa hè kéo dài chậm chạp. Mặt trời lặn lúc chín giờ đêm. Khi chúng tôi đi thăm viếng hết lâu đài, đã quá năm giờ chiều, nhưng Miguel nhất quyết đưa chúng tôi đi xem các bức họa của Piero della Francesca trong nhà thờ San Francisco. Đến đó, chúng tôi dừng chân uống cà phê, trò chuyện trong một lầu nhỏ, nhô ra ngoài, ở quảng trường thành phố. Khi quay về lấy hành lý, bữa cơm tối đã dọn ra. Chúng tôi ở lại dùng bữa.

Trong khi ngồi ăn dưới bầu trời màu hoa cà, chỉ một ngôi sao cô độc, bọn trẻ đốt đuốc trong bếp rồi đi thám hiểm bí mật của tầng lầu trên. Từ bàn ngồi, có thể nghe tiếng chân phiêu lưu gấp gáp của họ, tiếng

cốt két của cửa đóng mở, tiếng kêu thích thú gọi tên Ludovico trong những căn phòng bí hiểm. Đó là ý muốn tai hại của bọn trẻ đòi ở lại qua đêm. Miguel đã vui mừng cổ vũ. Chúng tôi không cách nào từ chối.

Ngược lại với nỗi lo lắng, chúng tôi ngủ ngon giấc. Vợ chồng tôi ở một phòng trên tầng lầu một. Các con trai tôi ở hai phòng kế bên và thông thương nhau trên lầu bốn. Cả hai phòng đã được sửa sang kiểu hiện đại, không có vẻ gì bí hiểm. Trong khi chờ đợi giấc ngủ đến, tôi đếm 12 tiếng chuông đồng hồ quả lắc trong phòng. Chợt nhớ đến lời cảnh báo lạ lùng của bà lão xem ngông. Nhưng quá mệt, chúng tôi nhanh chóng lịm vào giấc ngủ. Một giấc say mòng không gián đoạn. Thức dậy lúc bảy giờ sáng với ánh nắng rực rỡ xuyên qua đám dây leo bò kín cửa sổ gương. Bên cạnh, vợ tôi vẫn còn dong thuyền ra khơi hồn nhiên vào biển ngủ êm đềm. Tôi nghĩ: *“Ngu thật, thời đại này vẫn còn tin có ma.”* Liên sau đó, mùi dầu tươi tràn đến làm tôi phát run. Tôi nhìn thấy lò sưởi vẫn còn than, khúc gỗ biến thành đá, chân dung nhà quý tộc buồn rầu trong khung vàng, nhìn ngắm chúng tôi từ ba thế kỷ trước. Chúng tôi không còn trong phòng ngủ lầu một, nơi đã ở đêm qua, mà đang ở trong phòng của Ludovico, nằm dưới những màn che lộn xộn đầy bụi bặm, khăn trải vẫn còn đẫm máu ấm trên chiếc giường bị ám lời nguyền.

1980.

Truyện Chớp Canada

Sashimi Cashmere

Carolyn Forde

Ngu Yên dịch



Carolyn Forder

Nhà văn.

Đại lý văn học và
Giám đốc quyền
quốc tế tại
Westwood Creative
Artists.

Hoạt động thường
xuyên với Hội chợ
sách London,
Frankfurt và New
York.

Sống và làm việc tại
Nhật, Mexico và Cộng Hòa Séc. Mang quốc tịch
Canada và Vương quốc Anh.

Thịt Sống Phủ Lòng Mềm Hảo Hạng

Hai đầu bếp sushi bắt đầu sửa soạn nấu ăn dưới
ánh đèn sáng. Họ xếp những miếng thịt lạnh theo

hình tròn đồng tâm, xen kẽ từ lưới cá ngừ đỏ đến mực ống trắng đục. Họ lặng lẽ và thành thạo nghề. Tay họ cử động nhanh chóng, bay lượn tận cùng nghệ thuật. Họ là những nhà giải phẫu đang thực hiện một ca mổ tinh tế.

Bắt đầu từ rún của nàng sắp xếp lan tỏa hình tròn ốc, vùng bụng là mặt bàn. Họ di chuyển dần đến hướng ngực, phủ lên mỗi chiếc vú bằng một thân con mực hình nón màu tím có tua vôi, trang hoàng trên cuống cổ những chùm rau xanh Shiso. Phía bụng dưới, họ đặt một hình tam giác nhỏ bằng cá Nóc nơi lồng hội tụ - nếu nấu không đúng cách, ăn sẽ trúng độc. Một chùm rau cỏ giết người làm tăng thêm cảm giác kỳ thú và quý giá hơn khi ăn từ một phụ nữ ngoại quốc. Những bánh cuốn California sắp kín trên hai chân. Họ cắm một loại hoa có thể ăn được ở rún, trong nách, sau vành tai và trên mái tóc, thậm chí, cắm đầy khe giữa cặp đùi. Nàng đã được hoàn toàn trang trí.

Nàng được kéo từ nhà bếp chói chang ánh sáng vào nhà hàng đèn đuốc mờ ảo dịu dàng. Khi đã quen với bóng tối, nàng chỉ thấy trần nhà, gần đầy đèn ngôi sao. Rồi nghe tiếng nói thì thào của đám đàn ông bày tỏ lòng ngưỡng mộ khi nàng đến làm bàn ăn cho họ.

Cảm giác bị chạm nhẹ như đũa gắp một miếng cá trên ngực, trên vai, trên cổ chân. Nàng nhớ lại hình ảnh của mình phản chiếu từ tấm gương mạ vàng trong phòng thử đồ. Nàng rất hoàn hảo trong y phục kiểu mẫu. Mặc thời trang Armani không ai dám chê. Cảm giác trống lạnh khi đám đàn ông gắp dần từng miếng cá, hở lộ những mảnh da thịt. Nhìn đăm đăm lên trần đèn sao, nàng tưởng tượng đang nằm trên bãi biển. Miệng muốn mở nụ cười thoải mái nhưng đành phải nằm im vô cảm. Thịt cá sống phủ lên như

lớp mền. Nàng muốn thư giãn, cử động đôi chân, nhưng phải chờ cho bữa tiệc chấm dứt. Thực phẩm sống trở thành lớp lông hảo hạng phủ lên da khiến nàng nghĩ đến áo len dài của Calvin Klein mà nàng sẽ mua vào ngày mai.

Những đàn ông say rượu nói nhiều rất dễ bỏ ngoài tai vì nàng chẳng hiểu gì cả. Những đôi đũa dọ dầm chạm vào nhau khó mà phát lời. Ai đó gấp trật con cá Nóc, tuột vào một nơi không nên vào, kẻ khác cố gấp kéo núm vú như tưởng lầm một cục thịt có thể ăn. Không có ông nào lọt vào tầm nhìn của nàng, có thể nói rằng, không ai muốn thấy mặt. Nàng chỉ là bàn ăn, là cái đĩa có nhịp tim. Đám đàn ông này đang hưởng thụ một bữa ăn đặc giá nhất trên thế giới. Vào lúc tàn cuộc, bàn tiệc nghệ thuật đã trở thành một bản đồ chơi đồ ráp hình, bị bỏ dở giữa chừng, chưa chơi xong. Một tiếng vỗ tay báo hiệu bữa tiệc chấm dứt. Rồi họ kéo nàng ra khỏi phòng.

(Trích: *Flash Fiction Forward: 80 very Short Stories* của James Thomas and Robert Shapard. 2006. W.W. Norton Co.)

Truyện Ngắn Nhật

Where Europe Begins

Yoko Tawada

Bản Anh ngữ: Susan Bernofsky.

Ngu Yên dịch



Yoko Tawada

(1960-)

Nhà văn Nhật hiện đang sống ở thành phố Berlin, Đức.

Đoạt nhiều giải thưởng văn chương quan trọng như Akutagawa Prize, Tanizaki Prize, Gunzo Prize, Noma Literature

Prize, Goethe Medal, Natinal Book Award.

Sinh quán Nakano, Tokyo. Tốt nghiệp đại học Waseda 1982 về Văn Chương Nga. Tốt nghiệp Master về văn chương Đức tại đại học Hamburg, 1990. Ra tiền sĩ năm 2000 tại đại học Zurich.

Tác phẩm của bà hiện diện trong cả hai sinh ngữ Nhật và Đức.

Có khuynh hướng viết những tác phẩm dài như tiểu thuyết, kịch, bằng tiếng Nhật. Viết những tác phẩm ngắn bằng tiếng Đức. Bà đưa ra một phương pháp sáng tác dựa trên kinh nghiệm song ngữ, gọi là “dịch liên tục”. Bà nói, ngôn ngữ không phải tự nhiên mà

là “nhân tạo và kỳ diệu.” Có nghĩa là, sáng tác không chỉ ở nội dung, giá trị mà còn ở ngôn ngữ và sắc diện.

Âu Châu Bắt Đầu Nơi Nào

[Âu Châu tiếp giáp Nga và Kazakhstan ở biên giới phía tây. Có dãy núi Ural chắn ngang. Một phần biên giới phía nam, tiếp giáp với Á Châu. Những mặt còn lại là biển. Với tựa đề: Âu Châu Bắt Đầu Nơi Nào, khiến cho người đọc nhận ra ngay bài viết có dụng ý.]

Siberia không có biên giới nhất định, được xem là một phần Á Châu của Nga. Cách Nhật Bản khá xa. Tác giả muốn ám chỉ điều gì khi móc nối Nhật vào Siberia qua di tích Voi Ma-mút?

Vì sao cha của tác giả bị nhiễm trùng Dịch Hạch Đỏ? Liên hệ như thế nào đến ẩn dụ công trường và lịch đồ xâm trên da? "Khi đến gần nhìn rõ hơn, da của họ không bị viêm trùng mà xâm chữ màu đỏ. Tôi đọc không được. Vì không phải chữ mà gồm nhiều tấm lịch viết chồng chất lên nhau."

Câu truyện cấu trúc theo cách mở dần móc xích thời gian với hồi tưởng. Mang dữ liệu thông tin khoa học vào truyện, điểm chỉ cho người đọc cảm nhận được hành trình đi tìm bản sắc của nhân vật "Tôi". Di sản của chủ nghĩa Hiện Sinh thể hiện qua tinh thần đương đại bằng một nghi vấn về căn cước. Không phải căn cước chung của nhân loại như Sartre, Camus, Simone de Beauvoir tìm kiếm, ngày nay, mỗi người tự tìm kiếm mỗi căn cước riêng trong từng

chủng tộc, từng màu da, từng xã hội, từng gia đình, và từng cá nhân.]

Tôi thường hay viết bài tường thuật về du lịch trước khi lên đường, vì vậy, trong suốt hành trình tôi có thể trích dẫn đôi điều từ đó. Khi đi chơi, thông thường tôi ít muốn nói gì. Lần này, nhờ viết bài trước nên có chỗ hữu dụng. Nếu không, sẽ không biết kể về Siberia như thế nào. Dĩ nhiên, có thể trích dẫn từ nhật ký, nhưng phải thú nhận tôi đã bỏ bê không giữ được thói quen ghi xuống trong chuyến đi, về sau, phải viết lại.

Vài tháng trước khi lên đường, buổi chiều sau giờ học, tôi làm việc trong một cơ xưởng sản xuất thực phẩm. Thấy tấm bích chương quảng cáo chuyến đi Âu Châu bằng tàu thủy Trans-Siberian, đã biến đổi khoảng cách vô tận sang Âu Châu thành một chi phí hạn chế.

Trong xưởng làm, không khí phải giữ ở mức nhiệt độ thấp để thịt không hư. Tôi đứng trong giá buốt, tạm gọi là "Sương lạnh Siberia", để gói gà đông đá vào bao nhựa. Một xô nước nóng đặt cạnh bàn để sưởi ấm đôi tay những lúc ngưng nghỉ.

Có lần, ba con gà đông lạnh hiện ra trong giấc mơ: Tôi theo dõi mẹ đặt chúng vào chảo chiên. Khi chảo bắt đầu nóng, đột nhiên chúng sống lại rồi bay ra cửa sổ nhà bếp. "*Không cần hoảng hốt chúng ta sẽ không bao giờ đủ ăn,*" tôi thốt lên một cách tàn nhẫn, mặc dù rất kinh ngạc. "*Mẹ phải làm sao đây?*" bà vừa hỏi vừa lau nước mắt.

Ngoài việc rán kiếm tiền, có hai chuyện cần phải làm trước khi lên đường: học tiếng Nga và tính toán ngân khoản cho chuyến đi.

Đối với bà ngoại, du lịch là uống nước ngoại quốc. Xứ lạ, nước khác. Không cần phải e dè quan cảnh nước ngoài, nhưng nước uống có thể nguy hiểm.

Khi còn là cô bé, tôi không bao giờ tin có một thứ gọi là nước của ngoại quốc, vì luôn luôn nghĩ rằng trái đất là một khối cầu nước, có tất cả những đảo lớn nhỏ trôi nổi trên đó. Nước phải giống nhau ở khắp mọi nơi. Đôi khi trong giấc ngủ, nghe ra tiếng chảy róc rách dưới hòn đảo chính của Nhật Bản. Biên giới chung quanh đảo cũng bằng nước, có sóng không ngừng vỗ vào bờ. Làm sao có thể phân định nơi nào là mức bắt đầu nước của ngoại quốc khi biên giới chính cũng là nước?

Con tàu chạy dọc bờ biển lên hướng bắc. Trời trở tối khá nhanh, nhưng nhiều hành khách vẫn muốn ngồi trên boong. Xa xa có thể nhìn thấy đám ánh sáng từ các thuyền nhỏ. *"Những ngư dân đang lưới mực,"* tiếng nói thốt lên từ sau lưng. *"Tôi không thích mực. Khi còn bé, cứ mỗi ba ngày chúng tôi bị ăn chiều với mực. Còn bạn thì sao?"* Giọng nói khác hỏi. *"Vâng,"* người thứ ba trả lời, *"tôi cũng bị ăn mực suốt ngày. Luôn luôn tưởng tượng mực là hậu duệ của quái vật."* *"Bạn lớn lên ở nơi nào?"* Giọng nói đầu tiên hỏi.

Những tiếng rầm rì chung quanh, như chùm tua dần dần xoắn lại. Chuyện trên tàu như vậy, mỗi người bắt đầu tự sáng tác mỗi tự truyện ngắn, tưởng chừng nếu không làm, sẽ không nhớ họ là ai.

Người ngồi bên cạnh hỏi, *"Cô đi đâu?"* *"Đi Moscow."* Anh ta nhìn tôi ngạc nhiên. *"Cha mẹ tôi thường hay kể về thành phố này, tôi cũng muốn được chính mắt nhìn thấy."* Có thật cha mẹ nói về Moscow? Chuyện trên tàu như vậy, mọi người bắt đầu nói dối. Mặt anh ta đầy vẻ khùng hoảng, tôi phải lập tức chuyển sang đề tài khác. *"Thật ra tôi không*

thích Moscow, nhưng muốn thăm viếng Siberia."
"Cô muốn xem thứ gì ở Siberia? Có thứ gì ở đó?"
"Tôi chưa biết. Có lẽ không có gì đặc biệt để nói. Nhưng quan trọng là đi xem thử Siberia." Càng nói, càng cảm thấy không tự tin về mình. Anh ta bỏ đi ngồi bên cạnh một hành khách khác, để tôi một mình với lời nói diễn ra trong đầu.

Chuyến tàu rời Thái Bình Dương tiến vào Biển Nhật Bản, nơi ngăn chia Nhật và Âu Á. Kể từ khi di tích voi Ma-mút tìm thấy ở Nhật, đã có vài giả định về một phần đất dính liền giữa Nhật và Siberia. Có lẽ, con người đã vượt qua Siberia đến Nhật. Nói một cách khác, xưa kia Nhật là một phần của Siberia.

Tôi tìm vị trí Nhật Bản trong tập Bản Đồ Thế Giới từ thư viện trên tàu, đưa con của Siberia đã quay lưng với mẹ nó và bây giờ bơi một mình trong Thái Bình Dương. Thân mình nó giống như con hải mã, tiếng Nhật gọi là "Tatsu-no-otoshigo", có nghĩa, đưa con luân lạc của rồng.

Cạnh thư viện là phòng ăn, ban ngày luôn luôn vắng vẻ. Chiếc tàu nhào lộn theo cơn bão biển, hành khách đều nằm trên giường. Đứng trong phòng ăn một mình, theo dõi những chiếc đĩa chạy tới chạy lui mà không va chạm nhau. Ngay lập tức, tôi nhận ra mình đã mong đợi cơn bão này từ bé.

Ở trường học, thường hay viết luận văn, thỉnh thoảng bao gồm cả "mô tả giấc mơ." Có lần tôi viết về giấc mơ có cha tôi với da màu đỏ.

Cha tôi đến từ một gia đình buôn bán ở Osaka. Sau Thế Chiến Thứ Hai, ông dời đi Tokyo với tất cả tài sản là một mớ bao chứa đồ đạc, trong đó có chiếc đồng hồ báo thức. Ông gọi là "con gà trống cách mạng," chẳng bao lâu nó ngưng chạy, nhưng nhờ vậy chỉ rất đúng giờ, hai lần trong một ngày, dù sao một giờ trong một ngày cũng phải quay lại hai lần.

"Thời gian trôi tự động, con không cần đồng hồ báo thức." Ông thường nói bên vực chiếc đồng hồ hư. "Khi thời điểm phải đến, thành phố sẽ vang đầy những tiếng nói bị đàn áp, không còn ai có thể nghe đồng hồ reo."

Ông vẫn thường giải thích với bà con lý do ông rời bỏ nơi sinh quán với giọng nói hằn học: Bởi vì ông bị nhiễm bệnh Dịch Hạch Đỏ. Lời nói này khiến tôi luôn luôn nghĩ đến đỏ, làn da bị viêm trùng.

Một công trường rất lớn, có đông người đi dạo bên trong. Vài người tóc trắng, một số khác tóc xanh hoặc vàng, nhưng tất cả mọi người đều có làn da đỏ. Khi đến gần nhìn rõ hơn, da của họ không bị viêm trùng mà xâm chữ màu đỏ. Tôi đọc không được. Vì không phải chữ mà gồm nhiều tấm lịch viết chồng chất lên nhau. Tôi thấy vô số ngôi sao trên trời. Ở đỉnh ngọn tháp, con chim Thần Lửa đậu quan sát sự sinh hoạt trong công trường.

Chắc đây là Moscow, tôi đã viết trong bài luận văn, thầy giáo khen ngợi nhưng không nhận thấy tôi đã phát minh ra giấc mơ. Nhưng có giấc mơ nào mà không phải phát minh?

Sau này mới biết, đối với một số người cánh tả ở Tây Âu, thành phố này có tên gọi khác: Bắc Kinh.

Âu Châu không bắt đầu từ Moscow nhưng từ một nơi nào trước đó. Nhìn ra cửa sổ, thấy bảng quảng cáo cao giống như một người có hai mũi tên vẽ lên, bên dưới viết chữ "Âu Châu và Á Châu". Tấm bảng dựng giữa cánh đồng như một đại lý hải quan cô độc.

"Chúng ta đã đến Âu Châu!" Tôi la to với Masha, người đang cùng uống trà trong khoang tàu.

"Đúng rồi, sau dãy núi Ural tất cả là Âu Châu," cô ta trả lời, không cử động, như thể chuyện này không quan trọng, rồi cô tiếp tục uống trà.

Đến gần một người Pháp, người ngoại quốc duy nhất trong xe cạnh bên, tôi nói, Châu Âu không bắt đầu từ Moscow. Ông ta cười trả lời gọn lỏn, Moscow không phải Âu Châu.

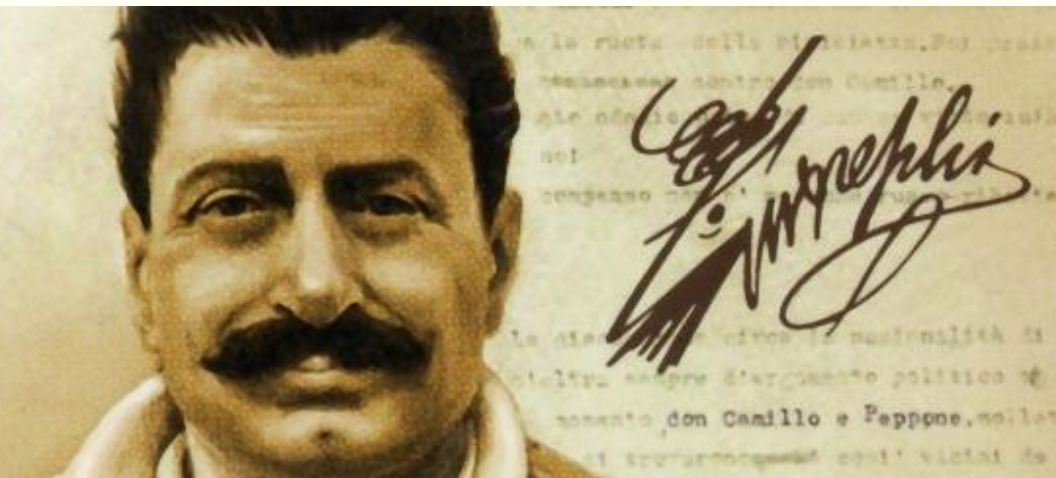
Truyện Ngắn Ý

The Treasure

Giovanni Guareschi

Bản Anh ngữ: Una Vincenzo Troubridge.

Ngu Yên dịch



Giovanino Guareschi (1908-1968)

Người Ý, nhà báo, đạo diễn, và họa sĩ hoạt họa. Nhân vật hình vẽ do ông tạo ra, Don Camillo, được nhiều người thưởng thức và yêu chuộng.

Sinh ra trong một gia đình trung lưu ở Fontanelle di Roccabianca, Province of Parma. Vì hoàn cảnh gia đình, việc theo học University of Parma bị dở dang, bắt đầu sự nghiệp làm báo từ đó.

Đi lính năm 1943. Bị bắt làm tù binh hai năm trong đệ nhị thế chiến.

1950, ông bị tù lần nữa vì tội nhạo báng tổng thống đương nhiệm.

1954, ở tù 49 ngày vì ấn hành hai lá thư của phe chống chính phủ.

1957, ông về hưu và qua đời vì bệnh tim tại Cevia.

Kho Tàng

Một ngày, Smilzo đi đến nhà thờ xứ. Anh ta là cựu đảng viên trẻ, tòng quân theo sự chỉ huy của thị trưởng Peppone trong cuộc chiến miền rừng núi, hiện nay anh làm việc như một người đưa tin cho tòa thị chính. Anh mang đến một lá thư đẹp, được in trên giấy đặc sản làm bằng tay với tên đảng bằng chữ Gothic nghiêm túc. Nội dung:

Xin trân trọng kính mời Ngài đến tham dự buổi lễ cộng đồng vào lúc 10 giờ sáng mai tại Piazza della Libertà. Ký tên, Bí thư Nhân dân, đồng chí Bottazzi, thị trưởng, Guiseppo. Linh mục Don Camillo nhìn Smilzo một cách nghiêm khắc. *“Nói với đồng chí Peppone thị trưởng Guiseppo, tôi không muốn đến để nghe những lời nói nhảm chán chống đối phản động và tư bản. Tôi đã thuộc lòng.”*

Smilzo giải thích, *“Không phải, không có diễn văn chính trị. Hôm nay chỉ dành cho lòng yêu nước và hoạt động xã hội. Nếu ông không đi, nghĩa là ông không hiểu gì về nền dân chủ.”*

Don Camillo từ tốn gật đầu. *“Nếu đã như vậy, tôi không còn gì để từ chối.”*

“Hay quá. Thị trưởng nói rằng phải mặc lễ phục và mang theo đồ hành lễ.”

“Đồ hành lễ?”

“Vâng, một bình nước thánh và tất cả những thứ cần thiết, để làm phép ban phúc lành.”

Smilzo lách né cách nói chi tiết với Don Camillo vì đúng ra anh là Smilzo, người gầy. Kể ốm nhom và nhanh nhẹn đến nỗi trong cuộc chiến vùng rừng núi, anh nổi danh là người lính trượt giữa những làn đạn. Vì vậy, lúc Don Camillo nhăm ném cuốn sách dày cui vào đầu anh, Smilzo đã nhảy phốc lên xe đạp, trượt nhanh như danh hiệu của anh.

Don Camillo đứng lên, lượm cuốn sách rồi đi vào nhà thờ cho nguội giận. Đến trước bàn thánh, ông nói, *“Lạy Chúa, con phải tìm hiểu, ngày mai những người này định làm gì. Con chưa bao giờ nghe nói nhiều điều bí ẩn như vậy. Họ chuẩn bị, ý gì đây? Tại sao họ cấm tất cả những cành cây xuống đất chung quanh cánh đồng giữa tiệm bán thuốc và nhà của Baghetti? Trò quỷ quái gì vậy?”*

“Này con, nếu là trò quỷ quái, trước hết, họ sẽ không làm một cách công khai. Thứ đến, họ sẽ không mời con đến để làm phép thánh. Cứ kiên nhẫn chờ đến ngày mai.” Chúa trả lời.

Đêm hôm đó, Don Camillo đi thăm dò nhưng không thấy gì khác lạ ngoài trừ những cành cây và đồ trang trí chung quanh cánh đồng. Dường như không một ai để ý gì cả. Sáng hôm sau, khi khởi hành với hai thầy phụ lễ theo sau, ông cảm thấy hai đầu gối hơi run. Cảm giác điều gì không bình thường. Dường như có âm mưu.

Một giờ sau, ông quay về, thất sắc và lên cơn sốt.

“Chuyện gì vậy?” Từ bàn thờ Chúa hỏi.

Camillo áp úng: *“Đủ để dựng tóc gáy. Thật là khủng khiếp. Ban nhạc, bài thánh ca của Garibaldi, diễn văn của thị trưởng Peppone, và việc đặt viên đá đầu tiên để xây ‘Cung điện Nhân dân’. Con phải ban phép lành cho viên đá trong khi thị trưởng sung sướng cười khúc khích. Tên lưu manh này còn yêu cầu con phát biểu và con phải nói dối lời cho phù hợp vì cho dù đó là việc của đảng, nhưng con chó này đã phủ lên thân nó một công tác xã hội.”*

Linh mục Camillo đi lui đi tới trong ngôi nhà thờ vắng tanh. Rồi đứng lại trước mặt Chúa, tiếp tục nói: *“Hội trường, phòng đọc sách báo, thư viện, phòng tập thể dục, bệnh xá và nhà hát. Một tòa lầu hai tầng cao chọc trời có sân chơi thể thao và chỗ quăng cầu gổ. Tất cả toàn bộ chi phí xương máu là mười triệu lira.”*

Chúa Giê-Su nhận xét: *“Không đến nỗi nào. Chi phí xây cất ngày nay lên giá.”*

Camillo sụp ngồi trên băng ghế, kêu lên: *“Chúa ơi, tại sao Chúa giao cho con việc này?”*

“Don Camillo, con thật vô lý.”

“Con không vô lý đâu. Trong mười năm qua, con đã quỳ gối xin Chúa ban cho một ít tiền để xây một thư viện, một hội trường cho thanh thiếu niên sinh hoạt, một sân chơi trẻ em có trò quay vòng tròn, xích đu và có thể được, một hồ bơi nhỏ. Mười năm, con đã hạ mình trước những chủ đất vênh váo, mà con muốn đập vào mặt họ mỗi khi gặp. Con đã tổ chức hai trăm phiên chợ và gổ cửa hơn hai ngàn nhà nhưng không được gì đáng kể. Nhưng con chó vô thần này xuất hiện, nhận được mười triệu lira từ thiên đàng rơi vào túi.”

Chúa lắc đầu. *“Tiền không rơi xuống từ trời. Ông ấy tìm được chúng dưới lòng đất. Don Camillo, ta không*

liên can gì đến chuyện đó. Việc này hoàn toàn do sáng kiến cá nhân.”

Camillo giăng thẳng hai tay. *“Như vậy, suy ra con quả thật là thằng ngốc kém cỏi.”*

Vị linh mục bỏ đi bực bội bước vào văn phòng làm việc trong nhà xứ, nổi giận gầm gừ. Ông nghĩ, phải chặn đứng cơ hội thị trưởng Peppone nhận mười triệu lia bằng cách gây chậm trễ cho mọi người đóng góp hoặc cướp ngân hàng tài trợ.

Ông nhớ lại những ngày giải phóng, khi Peppone từ trên núi xuống, dường như cuộc cách mạng vô sản có thể bùng nổ bất cứ lúc nào. Ông tự nhủ: *“Chắc hẳn Peppone đã đe dọa những quý tộc hèn nhát để vắt cạn tiền bạc của họ.”* Rồi lại nhớ đến những ngày không có người cai quản trong các khu phố, nhưng có một phân đội lính Anh đến cùng lúc với Peppone và đám lính núi. Lính Anh chiếm đóng các nhà của người cai quản. Thay thế những người Đức đã bị lột bỏ mọi chức tước tài sản. Như vậy, Peppone không thể tìm được mười triệu bằng cách cướp của.

Có thể nào Nga cho tiền? Ông bật cười, có thể nào người Nga xem trọng Peppone? Cuối cùng ông quay trở lại nhà thờ. Van xin: *“Lạy Chúa, từ dưới chân bàn thờ, xin Chúa cho con biết, Peppone đã gửi tiền từ đâu?”*

Chúa cười: *“Don, con mời ta làm thám tử sao? Hỏi Chúa cho con biết sự thật làm gì, khi con có thể tìm thấy trong con? Hãy tự tìm lấy, Don, trong lúc chờ đợi, để tâm trí được thoải mái, sao con không thực hiện một chuyến du hành vào thành phố?”*

Tối hôm sau, sau chuyến tham quan thành phố trở về, Camillo đến trước mặt Chúa trong tâm trạng vô cùng kích động.

“Don, chuyện gì đã làm con bực bội?”

Camillo thờ hồn hèn, “*Chuyện khá điên rồ. Con đã gặp một người chết! Đối diện ngay ngoài đường phố.*”

“*Don, bình tĩnh suy nghĩ lại. Thông thường không thể đối mặt người chết trên đường phố người sống.*”

Camillo la lớn, “*Không đúng. Người này chết ngất như con cừu tiệt. Con biết vì chính con đưa nó ra chôn ngoài nghĩa địa.*”

“*Trong trường hợp này, ta không còn gì để nói, Có lẽ, con đã gặp ma.*”

“*Dĩ nhiên, không phải. Làm gì có ma. Ma chỉ có trong tâm trí những phụ nữ bị tâm thần.*”

“*Và do đó?*”

“*um...*” Camillo lẩm bẩm. Kiểm soát sắp đặt ý nghĩ. Người chết là một thanh niên gầy gò, sống trong ngôi làng gần phố. Trước chiến tranh, thỉnh thoảng Camillo có gặp anh ta. Anh cùng đám lính xuống núi với Peppone, bị thương trên đầu. Peppone đưa anh đến ở ngôi nhà từng là trụ sở của bộ tư lệnh lính Đức, nay là trụ sở của bộ tư lệnh Anh. Peppone đặt văn phòng của mình cạnh bên phòng người bị thương tật. Camillo nhớ rất rõ, ngôi biệt thự có lính gác vây quanh ba lớp, một con ruồi cũng không thể ra vào, vì lính Anh vẫn còn chiến đấu cạnh đó. Họ đặc biệt nhạy cảm với đám đồng mình.

Tất cả chuyện này xảy ra vào buổi sáng và buổi tối cùng ngày người thanh niên qua đời. Peppone mời lính mục Camillo vào lúc nửa đêm, nhưng khi ông đến, họ đã bỏ anh ta vào quan tài. Lính Anh không muốn giữ xác chết trong nhà. Vào khoảng trưa, Peppone và những người thân tín khiêng quan tài ra ngoài, phủ lá cờ Ý. Một đội lính Anh tình nguyện giúp hành lễ vinh dự cho quân nhân.

Vị linh mục nhớ lại buổi lễ đã gây nhiều xúc động nhất. Cả làng theo đưa tiễn. Quan tài đặt trên xe chở sủng. Chính ông đã làm lễ, nói bài giảng trước khi hạ huyệt, khiến mọi người thật sự bật khóc. Peppone ngồi hàng ghế đầu, cũng nước mắt.

Camillo nói thầm với mình một cách tự mãn khi nhớ lại đoạn hình ảnh này, *“Tôi chắc chắn biết cách trình bày ý nghĩ nếu chú tâm.”* Rồi ông tiếp tục nghĩ ngợi, *“Bất chấp những chuyện xảy ra, tôi xin thề, hôm nay, đã gặp người thanh niên này trong phố, cũng là người tôi đã tham dự chôn cất.”*

Ông thờ dài. *“Đời là thế.”*

Ngày hôm sau, vị linh mục đến thăm thị trưởng Peppone tại xưởng làm, thấy ông đang nằm ngửa dưới chiếc xe hơi.

“Chào đồng chí thị trưởng. Tôi muốn nói, trong hai ngày qua, tôi đã suy nghĩ chuyện ông mô tả về Cung điện Nhân dân.”

“Ông nghĩ sao?”

“Hay lắm. Đã khiến tôi quyết định bắt đầu xây cất tại một địa điểm nhỏ, có hồ tắm, khu vườn, sân thể thao, nhà hát, và một số khác ... như ông biết, tôi đã lên kế hoạch này trong mười năm qua. Dự định sẽ đặt viên đá nền móng vào ngày Chủ Nhật sắp đến. Tôi sẽ rất hân hạnh nếu ông với tư cách thị trưởng đến tham dự buổi lễ.”

“Rất sẵn sàng. Lịch sự là có qua có lại.”

“Trong khi chờ đợi, ông có thể cố gắng giảm bớt các kế hoạch xây cất tại địa điểm của ông. Nó quá lớn so với sở thích của tôi.”

Peppone kinh ngạc nhìn sững ông ta. *“Don Camillo, ông có ngờ ngẩn không?”*

“Không điên hơn việc tôi làm lễ đám tang, đọc bài diễn văn yêu nước trên chiếc quan tài đóng không chặt, vì chỉ hôm sau, tôi bắt gặp cái xác chết đi dạo trong thành phố.”

“Ông nói chuyện bóng gió gì đây?”

“Không có gì. Chỉ là chiếc quan tài mà lính Anh chào súng đã chứa đầy những gì ông tìm thấy dưới hầm của biệt thự nơi bộ tư lệnh Đức đã cất giấu. Còn xác chết đã trốn trên gác mái nhà.”

Thị trưởng rú lên: *“À há, cũng lại mừng cũ. Cố gắng bêu xấu phong trào đảng phái.”*

“Bỏ chuyện đảng phái qua một bên, tôi không quan tâm.” Camillo quay lưng bỏ đi trong khi Peppone lăm lăm những lời đe dọa mập mờ.

Cùng buổi tối hôm đó, vị linh mục đang đọc báo, chờ đợi Peppone. Ông ấy đến cùng với Brusco và hai người theo ủng hộ, là những người trong đám khiêng vác quan tài. Peppone nói:

“Ông có thể từ bỏ những lời bóng gió. Tất cả những gì lính Đức cướp đoạt như vàng bạc, máy ảnh, vật dụng, và nhiều thứ khác. Nếu chúng tôi không lấy, lính Anh sẽ cất giữ. Chúng tôi đã sử dụng phương tiện duy nhất để đưa tài sản ra ngoài. Tôi có nhân chứng và biên lai: chưa một ai phạm đến một đồng lía. Mười triệu được trích ra sẽ dùng chi tiêu cho người dân.”

Brusco, nóng tính, bắt đầu hét lên, đây là sự thật của Chúa và nếu cần thiết, anh có đủ sức để đối phó với những người nào đó. Camillo điềm đạm đáp trả: *“Tôi cũng vậy.”* Ông bỏ tờ báo đang cầm trước mặt xuống, dễ dàng nhìn thấy dưới nách bên phải là khẩu súng Tommy lừng danh, đã từng thuộc về Peppone. Brusco tái mặt, nhưng Peppone đưa tay ngăn cản, *“Don Camillo, không cần phải tranh cãi.”*

“Tôi đồng ý. Thực tế, tôi hài lòng về tất cả mọi chuyện. Mười triệu trích ra chi tiêu cho người dân. Bảy triệu cho Cung điện Nhân dân, ba triệu cho trung tâm giải trí của tôi dành cho con em của nhân dân. ‘Những trẻ em khôn khổ, hãy đến với Ta’. Tôi chỉ muốn hỏi, công việc của tôi ra sao?”

Bốn người kia cùng nhau bàn bạc một hồi sau, Peppone lên tiếng: *“Nếu ông không có thứ ghê tởm đó trong tay, tôi sẽ nói, đây là vụ tổng tiền bẩn thỉu nhất trên thế giới.”*

Chủ nhật tiếp theo, Peppone cùng hội đồng làng phố, hỗ trợ việc đặt viên đá đầu tiên của trung tâm giải trí Don Camillo. Thị trưởng cũng phát biểu một bài ngắn. Tuy nhiên, ông thì thầm vào tai linh mục: *“Tốt hơn nên cột viên đá vào cổ ông rồi quăng vào tù.”*

Tối hôm đó, vị linh mục đến báo cáo với Chúa. Sau khi kể lại mọi chuyện, ông hỏi: *“Chúa thấy như thế nào?”*

“Đúng như Peppone nói. Nếu con không có cái thứ ghê tởm trên tay, ta cũng nói, đây là vụ tổng tiền bẩn thỉu nhất trên trần gian.”

“Nhưng con đâu có gì trên tay, ngoài trừ tấm chỉ phiếu Peppone đã đưa cho.”

“Chỉnh xác. Don, với ba triệu trên tay, con sẽ làm được nhiều điều tốt đẹp. Ta không nở lòng nào la rầy con.”

Don Camillo vận vẹo người. Đi ngủ, mơ về một khu vườn đầy trẻ con – khu vườn có trò chơi chạy vòng và cậu con trai út đã lớn của thị trưởng Peppone đang líu lo vui vẻ ngồi trên xích đu như một trẻ thơ.

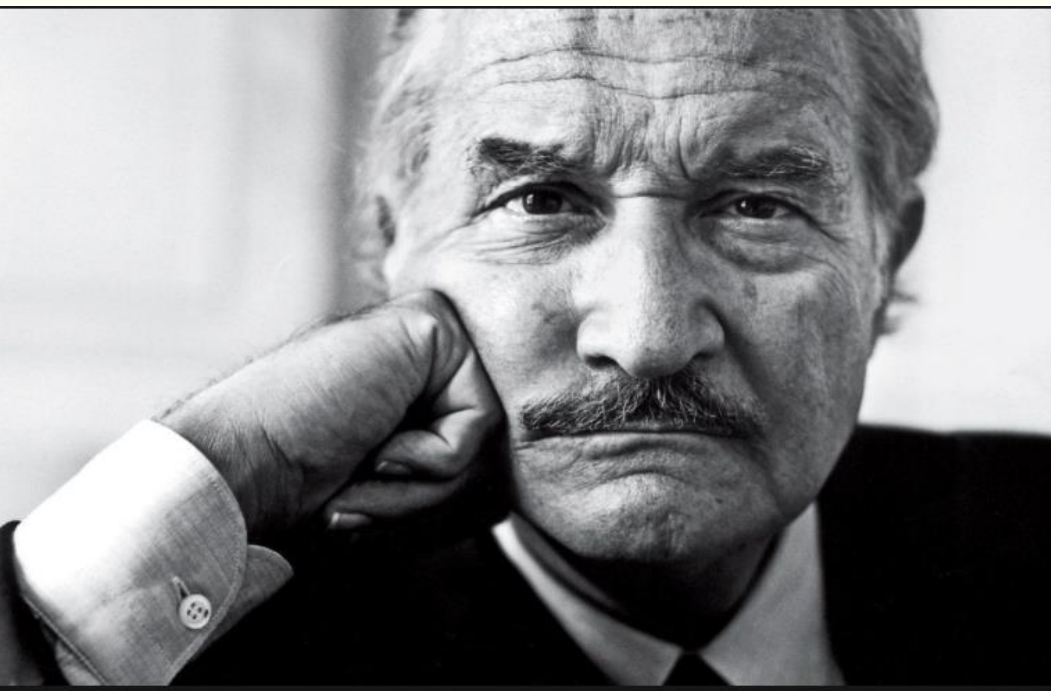
Truyện Ngắn Mẽ

Chac Mool

Carlos Fuentes

Bản Anh ngữ: Jonh Kats

Ngu Yên dịch



Carlos Fuentes Macias (1928-2012.)

Tiểu thuyết và tiểu luận gia. Tác phẩm nổi tiếng như

The Death of Artemio Cruz (1962),

Aura (1962),

Terra Nostra (1975),

The Old Gringo (1985),

Christopher Unborn (1987).

New York Times mô tả Fuentes “Một trong những nhà văn được ngưỡng mộ nhất trên thế giới ngôn ngữ Tây Ban Nha.” Người mang ảnh hưởng đến cách mạng văn chương bùng nổ ở Châu Mỹ Latin trong thập niên 1960. Tờ Guardian gọi ông là tiểu thuyết gia hàng đầu ở Mỹ.

Giải thưởng Miguel de Cervantes cũng như giải thưởng cao nhất của Mexico, Huân chương Danh dự Belisario Domínguez (1999).

Chac Mool

(Chacmool là một dạng điêu khắc đặc biệt của giống người Mesoamerican thời tiền Colombo. Là một nhân vật nằm chống khuỷu tay. mặt nhìn nghiêng. Bụng cái bát hoặc một cái đĩa trên bụng. Những hình vẽ này có thể tượng trưng cho những chiến binh bị giết mang theo lễ vật dâng lên các vị thần; cái bát trên ngực được sử dụng để đựng các lễ vật hiến tế.

Trong truyện này là thần mưa của giống dân Maya.)



Cách đây không bao lâu, Filbert chết đuối ở Acapulco. Chuyện xảy ra trong tuần lễ “Tất cả các thánh”. Mặc dù đã bị sa thải khỏi chức vụ trong Bộ nội vụ, Filbert không thể cưỡng lại sự cám dỗ của bộ máy quan quyền. Giống như mọi năm, ông đến khu nhà nghỉ hưu ở Đức, để ăn món dưa cải ngọt từ bếp nấu vùng nhiệt đới, khiêu vũ đêm thứ bảy sung sướng ở La Quebrada, rồi biến mình thường trực vào cõi vô danh bí ẩn trong một buổi tối trên bãi biển Hormos. Rõ ràng, chúng ta biết lúc còn trẻ. Ông bơi rất giỏi, nhưng bây giờ, đã bốn mươi, về bên ngoài của người chết trông rất tệ hại, phải cố gắng che giấu xác trong một khoảng đường xa, vào lúc nửa đêm. Ông là khách hàng cũ, Frau Muller không thể tổ chức buổi đọc kinh cầu hồn tại nhà hưu trí. Ngược lại, đêm hôm đó, bà tổ chức một buổi khiêu vũ trên sân thượng nhỏ đông người, trong khi Filbert nằm chờ chiếc xe vận tải chuyên chở đến nơi cuối cùng. Ông trải qua đêm đầu tiên cuộc đời mới, bị bó cứng trong những lớp giẻ. Khi tôi đến trông coi việc vận chuyển quan tài, Filbert đang nằm giấu dưới một đồng trái dưa, người tài xế nói, chúng ta nên sắp xếp cho ông ấy lên trên mui, phủ kín bằng vải dầu, để hành khách không sợ hãi và để bảo đảm chúng tôi không chờ theo lời nguyên trên chuyến đi.

Rời Acapulco, gió mát vẫn nhẹ nhàng. Hướng Tierra Colorada, sức nóng và ánh sáng trở nên sống động. Sau bữa ăn sáng, trứng và xúc xích, mở chiếc cặp của Filbert, lấy từ hôm trước, cùng một số đồ tùy thân của ông từ nhà hưu trí Muller. Hai trăm peso. Một tờ báo cũ; biên nhận vé số; cùi vé đi một chiều, chỉ một chiều? Cuốn sổ rê tiền bên trong các trang giấy kẻ ô vuông và bìa màu cẩm thạch.

Tôi tò mò đọc thử, bất kể những nếp gấp, mùi hôi thối chất nôn mửa, và tình cảm tự nhiên để tôn trọng đời sống riêng tư của người bạn đã qua đời. Đúng vậy, tôi bắt đầu với ý nghĩ đó, cuốn sổ ghi lại công việc mỗi ngày chúng tôi làm trong văn phòng. Có lẽ, tôi sẽ tìm ra lý do, tại sao bạn tôi sa sút, bỏ bê nhiệm vụ; tại sao anh xem các giấy tờ chính thức mà không hiểu rõ, hoặc những con số, hoặc “quyền bầu cử có hiệu lực.” Cuối cùng, lý do gì khiến anh bỏ đi, từ chối một tài khoản hưu trí, không quan tâm đến lương bổng.

“Hôm nay, tôi đi giải quyết tất cả mọi việc liên quan đến tiền hưu. Luật sư rất thân thiện. Khi xong việc, tôi cảm thấy sung sướng đến mức quyết định chi tiêu năm peso trong quán cà phê. Nơi quen thuộc chúng tôi thường đến thời còn trẻ. Lúc sau này, tôi không đến nữa, vì nghiệm ra, có thể mua nhiều thứ xa xỉ hơn ở tuổi hai mươi so với khả năng khi tôi bốn mươi.

Thời trẻ đó, tất cả chúng tôi đều ở trong cùng một tình thế, có thể bác bỏ mọi ý kiến tiêu cực về các đồng bạn một cách năng nổ; Trong thực tế, chúng tôi gây chiến với người nhà, ngay cả những ai đề cập đến việc giáo dục kém tiêu chuẩn hoặc kém thanh lịch. Tôi biết nhiều người (có lẽ những ai kém cỏi nhất) còn tiến xa hơn nữa, ở đây trong trường học, họ giả tạo tình cảm lâu dài với những bạn đồng hành, cùng băng qua những đại dương hoang dã. Không, không phải như vậy. Không có quy tắc gì. Nhiều người trong số kém cỏi đã ở lại đó, nhiều người đi xa hơn cả chúng tôi dự đoán trong những buổi họp thân thiện và sôi nổi. Những người khác, chúng tôi, những người có khả năng, dừng lại giữa đường, moi ruột trong bài kiểm tra thêm về chương trình giảng dạy, bị cô lập bởi một chiến hào vô hình từ những ai chiến thắng và nhưng kẻ vô tích sự.

Cuối cùng, lúc này, tôi trở lại ngồi vào chỗ ngồi đã hiện đại hóa, giống như chướng ngại vật cho cuộc xâm lược, một đài phun nước ngọt, giả vờ đọc những báo cáo tóm tắt. Tôi thấy nhiều người trong bọn họ đã thay đổi, mất trí nhớ, được điều chỉnh bằng ánh đèn neon, trở nên thành công. Với quán cà phê mà gần như tôi không nhận ra, với chính thành phố, họ tự lừa gạt vào một nhịp điệu khác với tôi. Không, họ không còn nhận ra tôi hoặc không muốn nữa. Nhiều nhất, chỉ một hoặc hai, bàn tay mập mạp, nhanh nhẩu vỗ lên vai. Tạm biệt, ông già, đừng lo lắng quá.

Giữa họ và tôi cách nhau 18 lỗ sân gôn ở Country Club. Tôi tán tơi vào những bản tóm tắt. Ở đó, quá khứ đã diễn hành tôi qua nhiều tháng năm với những giấc mơ lớn, với những dự đoán vui sướng, và tất cả những khiếm khuyết cản trở việc thực hiện. Tôi cảm thấy đau khổ khi không thể đặt các ngón tay của mình vào quá khứ để ghép các mảnh đồ lắp hình đã bị bỏ rơi; nhưng cái rương chứa đồ chơi đã bị lãng quên. Về lâu dài, không biết nơi nào họ yên nghỉ, tất cả những người lính bằng thiếc, những chiếc mũ sắt, gươm gỗ. Những cái trang đáng quý trọng như vậy, chúng ta chẳng có gì hơn. Dù sao, đã có sự quyết chí, kỷ luật, tận tâm với nhiệm vụ. Như vậy, đã đủ rồi hay chưa? Đôi khi, tôi bị ấn tượng bởi hồi ký của nhà thơ Rilke. Sự đền đáp kỳ diệu cho cuộc phiêu lưu của tuổi trẻ phải là cái chết; những thanh thiếu niên, chúng ta nên loại bỏ những bí mật. Ngày nay, tôi sẽ không quay lại nhìn những thành phố muối (tiểu thuyết của Abdul Munif). Năm peso? Còn hai pese cho tiền boa.

Pepe, ngoài niềm đam mê về luật thương mại, anh còn thích lý thuyết. Thấy tôi rời khỏi nhà thờ, đã cùng tôi đi đến lâu đài. Anh là người không có niềm tin, nhưng chưa đủ: Đi nửa khoảng đường, anh ngụy tạo một lý thuyết: nếu tôi không phải là người Mỹ, tôi sẽ

không tôn thờ chúa Giê Su. – À không, nghe này, gần như hiển nhiên, khi người Tây Ban Nha đến đây, họ rao giảng cho bạn tôn thờ Chúa, chết vì máu đông lại bởi vết đâm bên xương sườn, bị đóng đinh trên thánh giá. Một hy sinh lớn. Một hiến dâng. Còn gì tự nhiên hơn là chấp nhận một cảm nghĩ rất huyền bí cho toàn thể nghi lễ và toàn thể cuộc sống của mình? ... Hãy tưởng tượng, nếu Mexico bị chinh phục bởi người theo đạo Phật hoặc đạo Hồi, Khó mà có thể nghĩ ra người địa phương chúng ta sẽ tôn kính một cá nhân, chết trong một trường hợp khó hiểu. Vì một vị Chúa, không đủ để họ hy sinh bản thân vì ngài, còn phải xé nát trái tim ngài; Trời ạ! chiến bí thần chiến tranh rồi!” Theo Thiên Chúa giáo, có cảm tình ấm áp, thích thú của lòng hy sinh và phụng sự, biến thành sự nổi dãi tự nhiên, mới lạ cho tôn giáo bản địa. Rồi đến, các mặt ngoài của bác ái, tình thương, và đưa má bên kia, theo thứ tự, bị từ chối. Tất cả niềm tin trong xứ Mễ là: bạn phải giết người đó để có thể tin để có thể tin những lời nói.

Pepe biết mối liên hệ của tôi, từ khi còn trẻ, đối với một số loại nghệ thuật địa phương nào đó ở Mễ. Đã sưu tập các tượng nhỏ, tượng thần, đồ gốm. Cuối tuần tôi thường đi Tlaxcala, Teotihuacan, (những nơi tập trung văn hóa và nghệ thuật Mễ.) Có lẽ vì vậy, anh ta gom góp tất cả lý lẽ để tạo thành lý thuyết cho tôi về chủ đề này. Trong thời gian qua, tôi đã cố tìm kiếm một tượng sao lại tượng thần mưa Chac Mool.” Hôm nay, Pepe cho biết một nơi trong La Lagunilla, có bán tượng đó bằng đá, dường như rẻ tiền, Chủ nhật này, tôi sẽ đi mua. “Một số người đùa giỡn đã pha nước lạnh trong văn phòng thành màu đỏ, hậu quả, việc làm bị gián đoạn. Tôi phải báo cáo với giám đốc, ông ta cười quá chừng. Đám phá phách lợi dụng tình trạng này để đưa ra những lời

bình biếm chế giễu tôi suốt ngày, tất cả đều liên quan đến nước.

Hôm nay, Chủ nhật, lợi dụng ngày nghỉ tôi đi La Lagunilla. Tìm thấy tượng Chac Mool trong một cửa hàng tạp nhạp do Pepe chỉ dẫn. Một món hàng quý, kích thước vừa phải, tuy người bán khẳng định những điều độc đáo, tôi vẫn nghi ngờ. Điều khắc bằng đá bình thường, nhưng không ảnh hưởng đến tư thế thanh lịch và toàn bộ vững chắc. Người bán điều ngoa đã bôi nước sốt cà lên bụng tượng để thuyết phục du khách về sự chân thực đầm máu của tác phẩm.

Tiền gửi tượng về nhà đắt hơn tiền mua. Bây giờ tượng đã đến, nằm dưới hầm chứa, trong khi tôi sắp xếp lại căn phòng, tạo ra chỗ trống. Tượng cần điều kiện, có nắng trực tiếp và nóng ẩm. Sẽ hư hao trong bóng tối dưới hầm. Giống một khối đơn giản mà khốn khổ, vẻ mặt nhăn nhó như trách móc tôi không cho đủ ánh sáng. Chủ bán đặt một bóng đèn ngay trên tác phẩm điêu khắc, đã được cắt bỏ bớt các cạnh sắc nhọn, Chac Mool của tôi nhìn rất thân thiện. Tôi nên noi gương theo.

Buổi sáng, thức dậy, đường ống nước bị hư. Do bất cẩn, để nước chảy trong bếp, tràn ra ngoài, chảy xuống sàn nhà, thấm xuống tầng hầm, nhưng tôi không để ý. Tượng Chac Mool chống lại độ ẩm, nhưng vali bị ướt. Chuyện này xảy ra trong ngày thường, khiến tôi đi làm muộn.

Cuối cùng, họ đến sửa ống nước. Những vali uốn cong và tượng Chac Mool bị mốc bám vào bề chân.

Lúc một giờ sáng, giật mình thức giấc vì nghe tiếng rên khùng khiếp. Tôi nghĩ, có thể mấy tên trộm. Hoàn toàn tưởng tượng.

Những cơn than vẫn trong đêm vẫn tiếp tục. Không biết từ đâu, tại sao, tôi rất căng thẳng. Chỉ làm hoàn cảnh tôi tệ thêm, ống nước hư trở lại, mưa nhỏ giọt trong phòng, ngập dưới tầng hầm.

Tôi hết đường xoay sở, thợ sửa ống nước không đến kịp. Đối với Bộ địa hạt liên bang, tốt hơn không nên nói gì. Đây là lần đầu tiên mưa không chảy theo ống máng xối mà chảy xuống hầm. Những tiếng rên rỉ dừng lại. Nếu không có chuyện này, sẽ có chuyện khác.

Thợ đến sấy khô tầng hầm, tượng đá bám đầy rêu mốc, nhìn thấy kỳ cục, toàn bộ tác phẩm điêu khắc trông giống như đang nổi sây xanh, ngoại trừ đôi mắt vẫn còn thấy đá. Tôi để dành ngày Chủ Nhật để cạo rêu mốc. Pepe khuyên tôi nên chuyển qua chung cư khác, phòng trên cao nhất, để tránh tai nạn bị ngập nước. Nhưng tôi không thể rời ngôi nhà cũ kỹ này, tuy quá lớn cho chỉ một mình tôi. Nhà trông buồn rầu bởi kiến trúc kiểu Porfirian, nhưng là di sản kế thừa duy nhất của cha mẹ. Tôi nghĩ, mình có thể hài lòng với một đài phun nước ngọt, máy hát tự động dưới hầm và ngôi nhà trệt một tầng khang trang.

Tôi dùng dao trộn sơn vẽ cạo rêu mốc trên tượng. Dường như rêu ăn sâu vào đá, khiến công việc kéo dài hơn một tiếng đồng hồ, đến sáu giờ chiều mới xong. Trong tình cảnh nửa sáng nửa tối, khó nhìn thấy rõ. Khi hoàn thành công việc, tôi rà tay theo hình thù của đá. Mỗi khi cạo một khối rêu, dường như tượng mềm hơn. Tôi không muốn tin như vậy: rêu gắn giống miếng cao dán. Người bán hàng ở La Lagunilla đã đưa tôi đi dạo. Tác phẩm điêu khắc thời tiền Colombia của ông bằng thạch cao nguyên chất và độ ẩm ướt sẽ làm hỏng tượng. Tôi phủ lên tượng Chac Mool một số giẻ lau, ngày mai, sẽ chuyển lên lầu, trước khi bị hư hao hoàn toàn.

Không thể tưởng tượng. Những mảnh giẻ vụn đã rơi xuống trên nền nhà. Một lần nữa, tôi chạm vào Chac Mool. Nó cứng lại, nhưng không trở thành đá. Thậm chí, tôi không muốn viết: Ở phần trên bán thân, có một thứ gì giống da thịt, bóp như cao su, cảm thấy có cái gì đang chạy quanh hình dáng nằm nghiêng ... Đêm đó, tôi quay trở lại. Không nghi ngờ gì nữa, Chac Mool mọc lông trên cánh tay.

Chuyện chưa bao giờ xảy ra trước đây. Trong văn phòng đang thực sự lộn xộn nhiều vấn đề: Tôi đưa ra những đơn đặt hàng chưa được ủy quyền, giám đốc cảnh báo, yêu cầu tôi lưu ý. Rồi tôi gần như thả lỏng mình, ăn nói gay cấn với bạn đồng nghiệp. Phải đi khám bác sĩ, xem thử có phải do trí tưởng tượng, hay mê sảng, hay là thứ gì, để tôi thoát khỏi bùa mê của Chac Mool.”

Cho đến chỗ này, chữ viết tay của Filbert là chữ viết cũ, rộng và có hình bầu dục, tôi đã nhìn thấy nhiều lần trên sổ ghi nhớ và các đơn từ. Bắt đầu ngày 25 tháng Tám, dường như do người khác viết. Có lúc giống chữ đứa trẻ siêng năng viết gò từng chữ. Lúc khác, sự lo lắng căng thẳng đến mức chữ lí nhí đọc không rõ. Mất đi một đoạn ba ngày, rồi câu chuyện tiếp tục:

“Mọi thứ rất tự nhiên, những gì là sự thật để có lòng tin ... nhưng chuyện xảy ra có thật, thật hơn những gì tôi tin. Máy làm nước lạnh có thật, rồi thật hơn vì chúng ta chú ý đến sự tồn tại và hiện diện của máy, rồi thật hơn nữa, nếu có kẻ lừa dối nhuộm nước màu đỏ ... Sự thật kéo ra từ một miếng thuốc phù du. Hình ảnh thực sự thấy méo mó trong gương soi hải hước. Có thật, phải không? Tất cả người chết, hiện tại và bị quên lãng ...? Nếu một người ngủ mơ thấy mình đi quanh thiên đàng và ai đó tặng cho anh ta một bông hoa để làm bằng chứng anh đã ở trên đó, rồi

khi anh thức dậy, anh thấy bông hoa đỏ trên tay ... Như vậy là sao? Thực tế: Một ngày nào đó, nó vỡ ra ngàn mảnh vụn. Đầu nằm nơi này. Đuôi ở đằng kia. Chúng ta không biết gì nhiều hơn một mảnh rời bị tách lìa ra khỏi khối sự thật vĩ đại. Một đại dương tự do và hư cấu chỉ có thật khi nó bao vây, giam cầm con ốc sên. Cho đến ba ngày trước đây, mức độ tin vào sự thật của tôi bị xóa bỏ: Ví như hành động phản xạ, thói quen, cặp da. Rồi, bỗng dưng, một ngày nào đó, mặt đất rung chuyển, nhắc chúng ta nhớ lại sức mạnh của nó, hoặc cái chết tìm đến, khiển trách tính hay quên của tôi trong suốt một đời. Một thực tế khác tự hiện diện mà chúng ta đã biết, đó là vô gia cư, điều đó cần đánh thức chúng ta để trở nên sống động và hiện diện. Một lần nữa, tôi nghĩ, đó là trí tưởng tượng: Chac Mool, mượt mà và thanh lịch, đã đổi thành màu vàng trong một đêm, gần giống vàng khối. Dường như Chac Mool muốn cho tôi biết, ông ta là một vị thần. Lúc này, đang thoải mái, đầu gối bót cứng ngắt hơn trước, nụ cười nhân từ hơn. Sau cùng, ngày hôm qua, một người thức giấc, thật tình sợ hãi vì có hai nhịp thở trong đêm. Chìm bóng tối, nghe ra nhiều nhịp đập hơn nhịp tim của mình. Đúng vậy, nhiều bước chân giẫm lên cầu thang. Ác mộng! Ngủ tiếp thôi ... Không biết mình đã giả vờ ngủ bao lâu. Khi mở mắt ra, vẫn thấy trời chưa sáng. Không khí trong phòng đầy kinh dị, mùi nhang và máu. Bằng ánh mắt đen thui, nhìn lướt qua khắp phòng ngủ, dừng lại trên hai lỗ nhỏ nhấp nháy, sáng lập lòe, màu vàng, dữ tợn.

Nghệt thở, tôi mở đèn.

Thấy Chac Mool, đứng thẳng, mỉm cười, vàng màu đất sét, với cái bụng màu thịt tươi. Đôi mắt tôi sửng sốt, gần như lè, nhập lại gần lỗ mũi. Hàm răng dưới cắn môi trên, bất động, chỉ ánh sáng từ chiếc mũ nôi

vuông trên cái đầu to tướng gọi lên sự sống. Chac Mool tiến đến gần giường; ngoài trời bắt đầu mưa."

Tôi nhớ lại vào cuối tháng Tám, Filbert đã bị sa thải khỏi Bộ nội vụ, bị giám đốc công khai chỉ trích, với lời đồn về sự điên rồ, thậm chí là trộm cắp của ông. Tôi không tin điều này. Đúng, tôi có thấy một số bản ghi nhớ kỳ lạ, bạn tôi hỏi quan chức cao cấp có người được mùi nước, đề nghị làm việc cho Bộ Tài nguyên Thủy lực để làm mưa trên sa mạc. Tôi không thể nào tự giải thích; nghĩ rằng những cơn mưa ngoại lệ quá độ từ mùa hè đã làm ảnh hưởng sinh lực đến anh ta. Hoặc một suy thoái đạo đức nào đó phải được tạo ra trong căn nhà cổ kính, rộng lớn kia, với một nửa số phòng khóa kín, phủ đầy bụi, không có người giúp việc, không có đời sống gia đình. Những ghi chép tiếp theo bắt đầu từ cuối tháng Chín:

"Chac Mool có thể trở nên tử tế nếu ông muốn ..., thích thú uống nước kêu ừng ực ... Ông biết nhiều chuyện lạ lùng về gió mùa, mưa xích đạo, cách sa mạc trừng phạt, mọi cây cối đều bắt nguồn từ mối liên hệ phụ tử huyền thoại: Cây liễu, con trai thất lạc từ lâu của ông; hoa sen, đám con hư hỏng; mẹ vợ là cây xương rồng. Tôi không chịu nổi mùi hôi vô nhân đạo, phát ra từ thịt da nhưng không phải thịt thật, từ đôi giày rục lữa rách rưới của thời cổ đại. Bằng nụ cười the thé, Chac Mool tiết lộ nhà khảo cổ Le Plongeon đã phát hiện ra ông như thế nào, về mặt thực tế đã đặt ông vào chung với những vị thần mang biểu tượng khác. Còn hồn ông, một cách tự nhiên, sống trong vỏ bọc và bảo tố. Đá dùng tạc tượng là một chuyện khác, đục đá ra khỏi nơi nó ẩn náu là việc tàn nhẫn do người làm ra. Tôi nghĩ, Chac Mool không bao giờ tha thứ. Ông biết về sự bất tử của những thành tích lớn."

Tôi phải đưa xà phòng cho ông có thể rửa bụng, nơi mà người bán đã phết nước cà chua vào vì lầm tưởng ông là thần Aztec. Hình như ông không thích khi tôi hỏi về mối quan hệ với thần mưa Tlaboc. Khi tức giận, ông nhe răng, góm guốc, mọc nhọn dài ra và sáng quắc. Những ngày đầu, ông ta xuống ngủ dưới hầm. Từ hôm qua, ngủ trên giường tôi.

Hôm qua, mùa khô đã bắt đầu. Bây giờ, tôi ngủ trong hành lang, lại nghe tiếng rên rỉ khàn khàn như lúc trước, tiếp theo là những tiếng động khủng khiếp. Đi lên mở tung cửa phòng ngủ: Ông Chac Mool đang đập vỡ cây đèn, đồ đạc; dang rộng hai tay, lao mình về phía cửa, tôi gần như không đủ thời giờ đóng lại, vội núp vào phòng tắm ... Một lát sau, ông đi xuống thở hổn hển, hỏi nước uống; suốt ngày ông để nước chảy, toàn nhà không còn chỗ nào khô. Tôi phải tự quán mình để ngủ. Rồi yêu cầu ông đừng làm ướt hành lang.

Hôm nay, ông làm cả hành lang ngập nước, Bực tức, tôi nói sẽ mang ông trả lại La Lagunilla. Tiếng cười ông khủng khiếp, khác biệt một cách dễ sợ so với bất kỳ tiếng cười nào của con người hoặc một động vật, rồi vang lên tràn pháo tay dành riêng cho tôi với hai cánh tay đeo đầy những chiếc vòng nặng trĩu. Đành phải thừa nhận: Tôi là tù nhân của ông. Ban đầu, tôi có ý khác: sẽ chế ngự Chac Mool, như quản trị món đồ chơi; có lẽ, đó là cách kéo dài sự an toàn trẻ con của tôi; dù sao tuổi thơ đó như một trái cây đã bị thời gian ăn mất, mà tôi không nhận ra – Ai nói điều này ... Ông dùng áo quần của tôi, mặc áo ngủ khi bắt đầu bị rêu mốc. Chac Mool đã quen luôn luôn nghe lệnh; còn tôi, chưa bao giờ cần chỉ huy, chỉ có thể phục tùng. Miễn là trời đừng mưa - sức mạnh ma thuật của ông? – ông sống giận dữ và căm kỉnh.

Hôm nay, tôi phát hiện Chac Mool ra khỏi nhà vào ban đêm. Luôn luôn vào lúc chạng vạng, ông hát, giọng lạc điệu, bài ca xưa cổ, xưa hơn chính bài hát. Sau đó, ngưng hẳn. Tôi gõ cửa phòng nhiều lần, ông không trả lời, tôi mới dám bước vào. Căn phòng ngủ mà tôi chưa thấy lại kể từ ngày bức tượng muốn tấn công tôi, trông thảm hại, bốc mùi nhang và máu, từ nơi này tỏa ra khắp nhà. Nhưng, sau cánh cửa, thấy đồng xương chó, xương chuột, và xương mèo. Đây là những gì Chac Mool bắt được trong đêm để nuôi bản thân. Điều này giải thích tại sao nghe nhiều chó sủa lúc bình minh.

Tháng Hai, khô ráo, Chac Mool theo dõi từng bước tôi đi; bắt tôi gọi điện thoại cho nhà hàng để mỗi ngày họ mang cơm và thịt gà đến tận nhà. Nhưng tiền trợ cấp thôi việc từ văn phòng sắp cạn. Điều này không thể tránh khỏi. Ngày đầu tháng họ cắt nước và điện vì không trả tiền. Nhưng ông đã khám phá một đài phun nước công cộng cách đây hai dãy nhà; mỗi ngày tôi phải đi lấy nước 10 đến 12 lần, ông lên mái nhà theo dõi. Nói rằng, nếu tôi bỏ trốn, ông sẽ tìm bắt lại; ông cũng là thần thám sát. Nhưng không biết tôi rình rập hành động của ông về đêm ... Không có điện, tôi đi ngủ lúc tám giờ, Chac Mool đã quen như vậy, nhưng cách đây không bao lâu, trong bóng tối, tình cờ gặp ông trên cầu thang, cảm thấy cánh tay ông lạnh giá, mới thay một lớp da, tôi muốn hét lên.

Nếu trời không mưa sớm hơn, Chac Mool sẽ biến trở lại thành đá. Tôi nhận thấy, gần đây, ông di động khó khăn. Đôi khi, ông nằm liệt hàng giờ, một lần nữa, dường như có thể trở về bức tượng. Nhưng những nghỉ ngơi này, lại cho ông sức mạnh để hành hạ tôi, cào xé lên người như thể muốn rút ra chất lỏng từ da thịt tôi. Những thời gian thân thiện nghe ông kể nhiều chuyện xưa cũ đã không còn nữa. Tôi nhận thấy một sự phấn uất đang vẩn vù. Có những

dấu hiệu khác khiến tôi đoán: ông ta sắp uống cạn
hầm rượu, nâng niu những áo ngủ bằng lụa; muốn
mướn người giúp việc, đòi hỏi tôi bày ông sử dụng
xà phòng và kem dưỡng da. Chắc Mool đang rơi vào
những cảm dỗ của con người; thậm chí, thấy một
thứ gì già đi trên khuôn mặt trước đây tưởng chừng
như vĩnh cửu. Có thể tôi được cứu rỗi: nếu Chac
Mool hóa thành người, có thể tất cả thế kỷ đời ông
sẽ dồn lại trong một khoảng thời gian ngắn và ông
sẽ qua đời như mọi người. Nhưng, đây cũng có thể
là cái chết của tôi: Chac Mool không muốn tôi thấy
ngày ông gục ngã, có thể sẽ giết tôi trước.

Hôm nay, tôi sẽ tận dụng chuyến đi đêm của Chac
Mool để chạy trốn. Tôi sẽ đến Acapulco; sẽ tìm công
việc làm và chờ Chac Mool chết: Vâng, đó là giải
pháp; ông ấy xám xịt, sưng phồng. Tôi cần phơi
nắng, bôi lột, phục hồi sức khỏe. Trong túi còn 400
peso. Sẽ đến khu hưu trí của Muller, nơi vừa rẻ vừa
thoải mái. Bỏ lại mọi thứ cho ông Mool, xem thử ông
còn sống được bao lâu, nếu không có các thùng
nước tôi xách về.”

Nhật ký của Filbert chấm dứt ở đây. Không muốn
suy nghĩ nhiều về chuyện của anh ta. Tôi ngủ một
giấc dài cho đến Cuervaca. Từ đó đến Mễ, tôi cố
gắng sắp xếp bài viết cho mạch lạc, liên hệ với công
việc quá độ, với vài động cơ tâm lý nào đó. Lúc chín
giờ sáng, chúng tôi đến nơi đã định, tôi vẫn không
thể tưởng tượng sự điên rồ của bạn mình. Mướn xe
tải chở quan tài về thẳng nhà Filbert rồi mới tổ chức
việc chôn cất. Trước khi tôi có thể tra chìa khóa vào
ổ khóa, cửa đã mở ra. Một người Ấn Độ vàng xuất
hiện, mặc áo choàng trong nhà với khăn quàng cổ.
Vẻ bề ngoài nhìn thấy không thể không ghê sợ; ông
phát ra mùi kem dưỡng da rẻ tiền, đắp phấn lên mặt
cố che giấu những nếp nhăn; đôi môi bôi son một
cách cầu thả; mái tóc tạo ra cảm tưởng mới nhuộm.

“Xin lỗi ... ông có biết Filbert đã ...”

“Không thành vấn đề; tôi biết hết rồi. Nói những người kia mang xác chết xuống hầm.”

Truyện Ngắn Thụy Điển

As You Would Have Told It to Me (Sort Of) If We Had Known Each Other Before You Died

Jonas Hassen Khemiri

<https://www.newyorker.com/magazine/2017/09/25/as-you-would-have-told-it-to-me>

Jonas Hassen Khemiri (Tháng 12 năm 1978) là nhà văn Thụy Điển, viết tiểu thuyết, truyện ngắn, kịch, tiểu luận. Tác phẩm của ông được dịch ra 25 thứ tiếng. Đã lãnh những giải thưởng như: August Prize for fiction và Village Voice Oble Award.



Năm 2017, ông trở thành nhà văn Thụy Điển đầu tiên có truyện ngắn được tuyển đăng ở New Yorker.

Tiểu thuyết “Một Con Mất Đồ” xuất bản năm 2003.

Tiểu thuyết “Montecore, Sự Im Lặng của

Cọp” lãnh giải Sveriges Radio Award cho tiểu thuyết hay nhất Thụy Điển năm 2007.

Năm 2009, ông cho phát hành một tập hợp tuyển chọn truyện ngắn, kịch và tiểu luận.

Năm 2015, tiểu thuyết “Tôi Gọi Các Anh Tôi” được đưa lên truyền hình.

Năm 2015, tiểu thuyết “Tất Cả Những Gì Tôi Quên” trở thành tiểu thuyết bán chạy nhất ở quốc gia này và đưa đến giải thưởng văn chương cao quý August Prize.

Đại Khái Như Anh Đã Nói, Nếu Được Quen Biết Nhau Trước Khi Anh Chết

Bản dịch Anh ngữ:

Rachel Willson-Broyles.

Ngu Yên

Tôi nhớ hôm đó trời mùa thu, là một ngày cuối tuần. Ngồi tại nhà uống ly nước táo và lơ đãng xem một chương trình tranh luận chiếu trên truyền hình. Người hàng xóm ở đối diện bên kia sân vừa mua một chiếc TV mới và đang xem cùng chương trình. Tự dưng, không có lý do, tôi cảm thấy sảng khoái. Chúng tôi đang ngồi hai bên sân cỏ nhưng cùng nhau chia sẻ một điều gì đó. Ba ngày qua, chưa nói

chuyện với Katja. Nhưng tôi không quan tâm. Đôi khi, chuyện như vậy vẫn xảy ra giữa chúng tôi. Rồi cô ta sẽ gọi điện thoại, hẹn gặp nhau, mọi thứ sẽ trở lại bình thường. Chúng tôi đã trải qua nhiều lần tồi tệ hơn.

Khoảng giờ ăn trưa, chuông cửa vang lên. Tất truyền hình. Bên kia sân, chương trình tranh luận vẫn tiếp tục. Ông chính trị địa phương nhếch một lông mày. Các bà mẹ bình thường lắc đầu. Người dẫn chương trình tỏ vẻ ngạc nhiên. Chuông cửa lại vang. Một lần. Hai lần. Tôi vẫn ngồi yên. Bất chợt ý nghĩ thoáng qua, có thể Katja bấm chuông. Cô muốn xin lỗi. Bỏ qua chuyện đã xảy ra. Tôi rón rén tiến ra hành lang, nhìn qua lỗ an toàn. Cảnh sát. Cảnh sát đứng đầy cả cầu thang. Áo khoác màu xanh đậm. Vẻ mặt nghiêm nghị. Một nữ cảnh sát tóc vàng đứng gần cửa nhất đang ngậm một viên thuốc lá nhai trên môi. Phía sau, một cảnh sát tóc đỏ đã cầm sẵn dùi cui. Có lẽ, chỉ bốn hoặc năm người, nhưng nhìn qua lỗ kính viễn cảnh, đã biến họ thành một đội quân. Tôi vô cùng kinh hãi. Đứng trên tấm thảm lót hành lang, tôi hồi hộp, cảm giác khô khốc. Không phải vì đã làm sai điều gì nhưng vì tôi không biết. Tôi quyết định không mở cửa. Trong mọi trường hợp sẽ không mở khóa, không cho họ biết tôi có trong nhà. Sẽ lên trở lại phòng khách, uống một ngụm nước táo, ngồi im lặng cho đến khi họ biến mất. Chuyện này có thể hợp lý, nếu cô cảnh sát không đột nhiên mở khe cửa nhìn vào. Tôi cảm thấy luồng không khí từ ngoài cầu thang tuôn vào đầu gối trần của mình, rồi nghe một giọng nói: *Giới lách mặt hả*. Tôi hết sức ngạc nhiên đến đổi cánh tay tự động mở cửa.

Cảnh sát ập vào. Đồng phục chặt kín hành hang. Vài cảnh sát lục soát an ninh trong chung cư, trong khi cô cảnh sát với viên thuốc nhai đối phó với tôi. Bất

tôi đặt tay lên đầu và dặng hai chân ra. Tôi nói: -
Nhưng, nhưng, nhất định đã có gì lắm rồi.

Cô trả lời: - *Tôi chưa nghe ai xác nhận.*

- *Không, ý tôi muốn nói. Tôi là kỹ sư dân dụng.*

- *Tốt thôi.* Cô vừa nói vừa lục xét khắp người.

- *Tôi làm việc tại phòng đăng ký và sáng chế.*

- *Thật vậy sao.* Cô nói, vừa hất mặt ra dẫu người đồng nghiệp tóc đỏ, đang cầm còng sắt sẵn sàng.

Trên đường thang máy đi xuống, tôi ngừng hành vi phản kháng. Thân thể tự nhận ra, việc này vô ích. Nhưng miệng tôi vẫn ngoan cố. Tiếp tục nói, tôi chưa hề có lần nào trả nợ chậm trễ. Luôn Luôn trả thuế. Không bao giờ nhảy lén qua cổng vào tàu điện ngầm. Đi học các lớp dạy quay hai lần một tuần. Khi ra đến bên ngoài, tôi chỉ chiếc xe đang đậu gần bên đường và nghe thấy mình nói, các người có thấy chiếc Volvo màu xám kia không? Xe của tôi đó. Không hiểu vì sao tôi nói như vậy. Xe Volvo của tôi màu trắng. Đậu cách đây hai dãy nhà.

Cảnh sát tóc đỏ dẫn tôi đến chiếc xe tuần tra. Thân thể tôi ướt đầm mồ hôi, lạnh, và miệng nói lắm nhảm, trong khi viên cảnh sát có vẻ như đang quan tâm chuyện khác. Miệng tôi vẫn tiếp tục nói, căn chung cư của tôi có hai phòng rửa, 600 thước Anh vuông, có ban công gần như, không, chỉ gần như, nhìn về hướng nam. Miệng nói, tôi hoàn toàn vô tội và sắp cưới vợ vào mùa hè này.

Ngay từ đầu đến giờ, người cảnh sát luôn luôn tỏ vẻ lãnh đạm, bỗng dừng nhếch môi, nét cười thoáng qua trên mặt. Thoạt đầu, tôi cứ tưởng đã cảm nhận, biết hết mọi việc. Nhưng khi nói đến chuyện đã đính hôn với Katja trong hai năm và cả hai đang tính toán làm đám cưới, về mặt viên cảnh sát dường như cố

nhịn cười. Sau đó. Cuối cùng. Tôi bật hiểu chuyện gì đang xảy ra.

Viên cảnh sát mở cửa xe tuần phía sau. Tôi cố gắng hết sức đóng vai bị cáo vô tội. Lắc đầu. Thờ dài. Lầm bầm: *Thật là nhục nhã*. Tôi không nói cảm ơn khi anh ta mở còng tay. Chỉ định nói: - *Tôi rất ghét cảnh sát*. Nhưng cảm thấy quá đáng. Trong suốt thời gian đó, tôi cố gắng giữ vẻ mặt bình thường. Đúng rồi, đám bạn không bỏ quên tôi. Khi tôi cần họ nhất, họ sẽ đến.

Thử tưởng tượng chúng tôi sẽ bắt đầu với một bữa ăn ngoài trời, uống Sâm banh. Chiếc xe cảnh sát chở tôi với tốc độ thật nhanh đến một công viên gần đây. Nơi đám lâu la đã tụ tập sẵn: Anders L., Omid, Nico, và Eric. Dĩ nhiên, còn Miro nữa, người đã kế hoạch mọi chi tiết, cũng là người khai chai sâm banh đầu tiên khi thấy xe cảnh sát ngừng lại. Chúng tôi nhìn nhau, anh ta cười, tôi la lớn: - *Mày cà chớn. Đụ má, mày điên rồi*. Miro phóng đến ôm tôi. Cả hai ngã lên cỏ. Đất bết đầy đầu gối. Chúng tôi quần thảo, vật nhau cho đến khi kiệt sức. Rồi Miro dẫn tôi đến chỗ những người khác. Nơi họ đã trải một chiếc khăn kẻ sọc trên thảm cỏ. Những chai nước ướp lạnh, bánh mì mới, xúc xích đất tiền. Nâng ly. Nâng ly chúc mừng. Uống cạn. Chúng tôi quăng ly qua khỏi vai để chúng vỡ ra, bởi lẽ quá nhiều ly mà kết hôn chỉ một lần. Hoặc ba lần như Eric đề nghị cho chính anh.

Ngồi chờ trong băng sau xe tuần tra. Lâu hơn là tôi tưởng. Người cảnh sát canh giữ tôi đã lấy điện thoại ra. Có lẽ, anh sẽ nhắn tin cho Miro biết, tất cả mọi chuyện suôn sẻ theo dự tính. Có thể nói, tôi đang cười nhưng cổ mím môi xệ xuống ra vẻ gập gáp bối rối.

Tiếp tục sau chuyện ở công viên, tôi nghe một bạn đồng sở nói chuyện qua điện thoại, biết được em gái

của cô muốn tổ chức một buổi tiệc “Tiễn độc thân” (bachelorette party) trước khi lấy chồng. Đám bạn mang máy quay video ra, bắt tôi trông vào một vòng ruột bánh xe, mang đôi chân vịt bơi lội, mặc quần bikini, và đeo mặt nạ lặn. Đi vòng quanh thành phố quảng cáo bán những cái ôm thân mật (hug). Tất cả những ai nhìn thấy chúng tôi đều hiểu, đám bạn này đã bày sẵn kế hoạch. Không ai nghĩ, họ làm như vậy vì ác ý.

Nơi dừng chân tiếp theo: phòng thân âm, ông nha sĩ nhờ tôi làm một việc, ông nói, con trai ông yêu cầu một món quà cho buổi tiệc Tiễn độc thân: - *Thu bằng bài hát cho người vợ tương lai của con*. Thoạt đầu, tôi từ chối: - *Không, tôi không biết hát. Giọng tôi khùng khiếp lắm*. Nhưng tất cả đám lâu la, kể cả Miro, gần như tất cả đều hưởng ứng giống nhau: - *Ê, thôi đi, mày hát được mà, hát đi*. Rồi khi tôi bắt đầu hát thử, kỹ thuật viên phòng thân ra vẻ ngạc nhiên: - *Cha, hát hay quá*. Đến đoạn điệp khúc, tất cả đám lâu la cùng nhau hát theo. Kỹ thuật viên hỏi, nếu có thể được, sẽ ghi lại bằng tồn trữ và có thể gửi đến những người bạn có ảnh hưởng trong giới âm nhạc. Sau đó, kéo nhau đi chơi bắn cung, tắm hơi, ăn tối bày món tại một nhà hàng sang trọng. Chúng tôi mượn văn phòng của viên kiến trúc sư, cùng nhau uống rượu để kết thúc đêm này. Cùng nhau chơi Khúc côn cầu trên sân trong phòng họp, nơi có thể nhìn qua cửa gương thấy toàn cả thành phố. Miro cười suốt buổi và nói: - *Mày trông như con gà bị cắt tiết khi bước ra khỏi xe cảnh sát*. Tôi cũng giả vờ xuôi theo: - *Ừ, mày nói đúng. Mày hiểu tao quá mà*. Mọi thứ đều giống thật một trăm phần trăm.

Và thật sự là vậy. Một chi tiết nhỏ nhưng đầy ấn tượng. Chiếc xe cảnh sát với cửa gương và thảm lót dơ bẩn, hôi mùi như xe thuê nhưng là mùi gỏi tôm từ mảnh bánh mì ai ăn dở chừng, đã bỏ lại trên ghế

trước. Cuối cùng, nữ cảnh sát cũng bước xuống từ phòng chung cư. Có thứ gì đó ở móng tay mà cô đã cạo lên cột đèn. Cô ngồi xuống trên mảnh bánh mì, dính vào sau lưng quần đồng phục phía dưới áo khoác. Cảnh sát ngồi bên ghế phụ bật cười khi người lái xe chửi thề, cố gắng lau sạch nơi nhộp nháp dơ bẩn bằng giấy lau ướt bốc mùi như trong phi cơ. Ngồi ở ghế sau, tôi nghĩ, họ là cảnh sát thật, làm việc thêm giờ ngoài luồng hoặc là những diễn viên giỏi nhưng hơi điên điên. Khi xe chạy được vài phút, tôi nghiêng người về phía tấm lưới đen ngăn chia ghế trước và ghế sau rồi thì thầm:

- Hai người thật quá hay.

- Ông nói gì? Viên cảnh sát phụ lên tiếng.

- Ô, không có gì. Tôi ngả người ra phía sau và cố gắng nén tiếng cười đang sủi bọt trong bụng.

Tôi cảm thấy hạnh phúc hơn trước đây. Không biết cảm giác này kéo dài được bao lâu. Hai cảnh sát nhìn nhau. Ánh mắt của của cảnh sát lái xe chạm vào mắt tôi qua gương chiếu hậu. Không ai nói năng gì, nhưng giữa chúng tôi có một cảm giác liên kết im lặng. Đại loại như vậy. Không biết là điều gì. Khi xe cộ bắt đầu nhiều, cảnh sát viên lái mở còi báo động, những xe khác tránh ra. Tiếng còi báo động dường như bị bóp nghẹt. Như thể vọng đến từ một xe cảnh sát khác, cách đó vài dãy nhà, không phải từ xe chúng tôi. Vẫn còn mùi phi cơ trộn lẫn gỏi tôm.

Nếu là tiệc Tiễn độc thân bình thường, được bạn bè tổ chức, có lẽ chúng tôi sẽ đi trực tiếp đến buổi tiệc sâm banh ngoài trời. Nhưng đám bạn này có nhiều tham vọng hơn. Miro muốn tôi hưởng một buổi tiệc Tiễn độc thân được ghi vào lịch sử. Ý nghĩ này càng rõ rệt khi chiếc xe cảnh sát dừng lại trước nhà tù. Hoặc. Nơi được xem là đại diện cho nhà tù. Chắc

hắn ở đâu đó trên đảo Kingshomen, khá gần khu nhà giam thật.

Thoạt đầu, tôi nghi ngờ đang ở trong một trường học đóng cửa vào cuối tuần, vì những mẩu giấy và bìa đóng gáy nơi tôi được mời đến khiến cho tôi nhớ lại phòng giải trí của các thầy cô giáo, và cho những kẻ bên ngoài đang đóng vai tội phạm, trông khá trẻ một cách đáng ngờ. Nhưng khi bắt đầu đi qua những hành lang với những dấu hiệu sơn trên sàn và những dọc ánh sáng mập mờ trên trần, tôi chợt nghi ngờ Miro và đám lâu la đã thuê một bệnh viện.

Bất kể là ở đâu, trông rất ấn tượng. Đặc biệt là “phòng thẩm vấn.” Một chiếc đèn treo trên trần nhà, một chiếc gương hai chiều trên tường, một cái bàn và hai cái ghế. Dĩ nhiên, còn một người nữa, đóng vai thẩm vấn viên. Diễn hình là một cảnh sát xấu tính gắt gỏng cười khinh miệt khi tôi nói, tôi không cần luật sư vì tôi hoàn toàn vô tội. Viên cảnh sát đặt rất nhiều câu hỏi về tôi và Katja – Chúng tôi quen nhau ra sao, lần cuối gặp nhau là lúc nào, tôi đã làm gì trong đêm thứ Năm từ 10 giờ tối đến nửa khuya. Hầu như tôi chỉ ngồi im lặng, nhìn xuống bàn, cố gắng không để bộ râu mép quặp của ông gây cảm giác khó chịu. Có lúc, ông nói điều gì đó thực sự có ác ý, tôi muốn bước đến gần, xé toạc bộ râu giả kia, nhưng tôi đã kiềm chế được bản thân. Nghe những câu hỏi và chỉ trả lời khi nào có cơ hội nói tốt về Katja. Vì tôi biết, Miro và đám bạn đang cười khúc khích sau tấm gương hai chiều. Thỉnh thoảng, nhìn ống kính mỉm cười vì tôi biết họ đang quay mọi cảnh để làm những đoạn phim thích thú, dùng chiếu lại trong hôm đám cưới. Nhìn thẳng vào tấm gương hai chiều, nói với ống kính và các vị khách tham dự đám cưới trong tương lai, bày tỏ tôi chưa bao giờ yêu ai như yêu Katja. Nàng thật kỳ diệu. Đã biến tôi thành một phiên bản tốt đẹp hơn chính tôi. Còn tôi, sẽ

không cần thay đổi điều gì về nàng. Không thay đổi tâm trạng buổi sáng của nàng, dáng điệu thái độ khi uống rượu, kể cả chiếc cằm móm. Tôi ưa thích chuyện nàng thường xuyên liếc nhìn các đàn ông khác, vì điều này nhắc nhở, tôi thật may mắn đã có nàng. Tôi yêu lối trang điểm đậm nét. Những trò đùa táo bạo. Cách chơi chữ. Sự khinh bỉ dành cho những ai không hiểu cuộc sống ngắn ngủi để đi xe buýt. Tôi yêu sự thành thật tàn bạo của nàng, kể cả lúc buộc tội tôi là tên một sách hoặc trên ghẹo tôi vì có nhiều máy tính hơn các bạn khác. Nàng là người duy nhất, tôi không thể tưởng tượng có thể thiếu được trong cuộc sống. Nàng là tất cả. Tôi gần như có thể nghe Miro la lớn từ phòng bên cạnh: - *Thế là quá đủ*. Viên cảnh sát im lặng, đang giả vờ ghi chép những điều gì vào sổ tay.

Gần cuối cuộc thẩm vấn, viên cảnh sát hỏi tôi nghĩ gì về những lời buộc tội. Tôi trả lời, đã quên rồi. Ông lặp lại lời buộc tội. Tôi nói, lại quên mất. Suốt cả thời gian qua tôi đã cố gắng nghĩ ra những câu trả lời tử tế. Ông lặp lại lời buộc tội với giọng giận dữ, tôi nói: - *Tôi muốn gặp luật sư*. Mặc dù chỉ là trò đùa quy mô, tôi có thể tưởng tượng Miro và đám lâu la đang cười chế nhạo ở bên kia mặt gương.

Sau khi thẩm vấn, họ đưa đến phòng giam. Không được ấn tượng bằng phòng thẩm vấn. Không có ý nói chúng bạn bạc bẽo, nhưng rõ ràng Miro và đám lâu la đã dự tính. Nói sao đây? Hơi keo kiệt. Thay vì một phòng giam có sàn nhà dơ bẩn, tổng ngồng chỗ đi vệ sinh, những song sắt đầy dấu tích lính canh rà cây dùi cui, họ có thể cho tôi vào một căn phòng nhỏ sơn màu vàng, có kệ sách trên tường, bàn làm việc bằng gỗ nhạt, một máy truyền hình không cần đồ bấm điều khiển. Thay vì ngủ lên chiếc giường hai tầng ọp ẹp, bên trên anh chàng xâm mình ngáy khò khò với lưỡi dao cạo gác lên bờ môi trên, tôi có thể

có chiếc giường bình thường với khăn trải, có nệm, đèn đọc sách treo trên tường. Thay vì mào hiểm bị hãm hiếp dưới vòi sen tắm bởi đảng đi xe đạp có râu mép như hải mã, tôi được đi trình diện với viên an ninh ban ngày, Thomas, người chào đón bằng giọng nói nhẹ nhàng, khuyên tôi nên nghỉ ngơi trước buổi ăn tối, sẽ có cá que chiên giòn và khoai nghiền. Tôi hỏi: - *Có nước trái cây không?* Thomas gật đầu. Ít nhiều gì cũng có cảm giác như ở ký túc xá. Khác biệt là cửa phòng làm bằng kim loại, có lỗ nhìn nhưng không thể nhìn ra ngoài và cửa phòng khóa 24 giờ trên 24.

Đêm đầu tiên hơi khó ở. Nhưng tự nhắc nhở, mình không phải đơn độc. Nằm trên giường, bốc mùi mùa hè từ thuốc tẩy giặt. Lắng nghe sự im lặng. Nhìn xuống trần nhà, nghĩ đến bạn bè đang ngồi trong căn phòng giống y hệt ở bên kia vách tường, họ mang ống nghe theo dõi và sau lưng là những cuộn băng lớn đang xoay. Khi nhìn thấy tôi loay hoay tìm ống kính giấu kín đâu đó, họ phải cố gắng nhin cười. Một hồi sau, tôi vẫy tay chào họ, nhìn vào khung cửa nhỏ thông gió trên tường và nói: - *Ê Miro, ê Eric. Mẹ kiếp, tụi bay hát xiệc hay thật. Tụi mày điên quá, tốn biết bao nhiêu công sức cho tao. Nhưng như vậy đủ rồi. Vác mặt ra đây, được không?* Chẳng nghe câu trả lời nào, nằm im lặng, tưởng tượng thử mình giống ai trên màn ảnh giám sát trắng đen. Thân thể sần sùi gần giống một bóng ma. Trông tôi nằm trên giường ra vẻ rất thuyết phục, nhưng không giống tôi đang khóc.

Đóng vai luật sư của tôi là một phụ nữ chuyên nghiệp với mái tóc đen và chiếc cặp chắc đã mua lại từ nơi bán đồ cũ vì nhìn thấy rõ nhiều vết mòn. Khi tôi hỏi cô có biết Miro và đám lâu la, cô nhìn chăm chú đến mức tôi cảm thấy mình như tấm gương trong phòng thẩm vấn. Cô nói:

- Đây là lần cuối cùng, tôi không biết Miro hoặc đám lâu la nào. Nếu ông muốn bày trò hỏa mù trong phiên tòa, ông cứ làm. Nhưng không cần giả vờ với tôi. Tôi biết ông biết tôi thực sự là luật sư. Tôi biết ông biết đây thực sự là nhà tù. Tôi hy vọng ông hiểu, ông đã bị buộc tội thực sự phạm pháp, sẽ được xử tại tòa án quận hạt Stocholm. Họ tìm thấy vết cháy trên áo khoác của ông. Họ có nhân chứng nhìn thấy ông đứng trên ban công nhà cô ấy. Ông đang đánh cược với bản án tù dài hạn. Ông hiểu không?

Tôi gật đầu và nghĩ: cô luật sư này giỏi. Thực sự rất giỏi. Có nghiên cứu kỹ. Đây thuyết phục. Lúc đầu, tôi cho rằng cô đóng tuồng hơi sai vai trò vì thường nhai kẹo cao su. Lại có chút tật hay gãi sau mang tai rồi ngửi đầu móng tay. Nhưng bây giờ, sau khi cô tỏ thái độ cứng rắn, tôi thấy cô thật hoàn hảo. Trước khi rời đi, cô luật sư nghiêng mình về hướng tôi, nói: - *Này ông, nghĩ cho kỹ nếu ông còn muốn tiếp tục diễn trò. Vì tôi không nghĩ trò này sẽ giúp ông. Chỉ giữa chúng ta, ông thực sự không thuyết phục được ai.*

Tôi nghĩ, nhưng cô cũng đang diễn trò thuyết phục. Cô luật sư đứng dậy, cất giấy tờ vào cặp tài liệu. Những gì quá sức sai lầm theo một cách nào đó trở thành đúng đắn.

Chẳng nhớ gì về phiên tòa xử án. Tôi ngủ mỗi một. Giờ ngày bắt đầu lẫn lộn. Cảm thấy sốt và mệt. Thẩm phán nói, luật sư nói, công tố viên nói, thỉnh thoảng, tôi ngược nhìn từ mặt bàn, thấy mọi chuyện toàn giả tạo. Miro và đám lâu la có lẽ đã hết tiền, vì căn phòng tòa này quá sức thiếu trung thực, không ai có thể diễn nghiêm chỉnh. Phòng giống như một phòng họp lớn. Gỗ màu sáng thay vì màu đậm. Thẩm phán mặc bộ đồ xám rộng thùng thình thay vì bộ áo chùng dài mang tóc trắng. Chỗ ngồi của bồi

thẩm đoàn, lẽ ra phải có dây lan can nhỏ bao quanh, chỉ là chiếc bàn thông thường. Thay vì bồi thẩm đoàn, chỉ có ba người về hưu ngồi gà gật đóng vai giả người xét xử. Viên công tố đọc báo trong lúc ngừng nghỉ giải lao, không la lên một lần nào: - *Phản đối. Thưa quan tòa.* Ngay cả các băng ghế cho người tham dự cũng không giống thật vì chúng hoàn toàn trống rỗng, ngoại trừ chị em nhà Katja, với những đôi mắt trang điểm vụng về.

Có lúc, đang giữa chừng, cả một lớp học bước vào, các học sinh ngồi xuống, lắng nghe trong vài phút, ngáp dài ngáp ngắn, giáo viên xem chừng giờ xe buýt sắp chạy. Họ đứng dậy, ra về. Tôi vẫn ngồi lại với luật sư, cảm tưởng họ cũng thất vọng như tôi. Không có ai phá rối trật tự, không ai xông vào, gào thét: - *Ông này vô tội.* Không ai khóc ngoại trừ chị em của Katja. Nhưng đó là những giọt nước mắt giả vờ. Diễn viên đóng vai nhân chứng tuyên bố đã nhìn thấy tôi đứng ngoài phòng của Katja. Một người đàn ông trẻ với bộ râu rậm rạp chỉ chứng tôi đã trèo lên thùng rác cạnh đèn đường gần phòng ngủ của cô ấy. Một người đàn bà kể lại, khi đang dắt chó đi dạo, đã thấy tôi nhảy xuống từ ban công, suýt chút nữa ngã lặn vào bụi hồng. Vài phút sau, bà nhìn thấy ngọn lửa đầu tiên bốc cháy. Rõ ràng các nhân chứng đã nói dối đến nỗi tôi không thể giả bộ tức giận. Chỉ ngồi đó, cảm thấy muốn bệnh, nóng sốt. Rồi đến phiên Katja ra trước tòa, nhưng nàng không muốn làm nhân chứng khi tôi đang hiện diện trong phòng. Tôi hiểu được. Nàng sẽ khó nhịn cười khi thấy tôi. Ngay khi tôi được cảnh sát đưa ra ngoài, nàng từ hướng đối nghịch đi đến, mắt chúng tôi chạm nhau trong một giây, có thể hai, lúc đầu tôi không chắc có phải nàng hay không, vì họ làm cho da trên má nàng phồng lên rỉ nước vàng và trên cổ có thể thấy dấu bầm đen. Một cánh tay bị quần băng.

Tôi muốn mỉm cười với nàng rồi nói: - *Sắp hết tuồng rồi*. Nhưng không kịp, người canh gác đã đóng cửa.

Cô luật sư nói, phán quyết kết thúc nhanh hơn là dự tính, rõ ràng là một dấu hiệu xấu, nhưng tôi không quan tâm. Chỉ muốn tắt cả chấm dứt. Chỉ muốn cửa phòng giam mở ra, Miro và đám lâu la xông vào, la hét: - *Mất hồn chưa! Ngạc nhiên chưa!* Đột nhiên tay tôi cầm một bó hoa và một ly sâm banh. Tất cả các diễn viên chính, phụ và nhân viên quay phim sẽ bước ra phía sau lưng tôi và sắp thành một vòng cung lớn. Họ vỗ tay khi Miro nâng ly chúc mừng cho người bạn thân nhất thế giới. Nhưng ngược lại, họ dẫn tôi trở về phòng xử án, không giống phòng tòa án. Thảm phán không giống thảm phán đã đọc bản án không giống bản án. Sau đó, mọi người nhìn tôi. Như thể họ đang chờ đợi. Tôi không biết. Nói đi. Nhưng tôi câm lặng. Không có gì để nói thêm. Thảm phán gõ cái búa gỗ xuống bàn. Không ai vỗ tay. Không ai lo ó. Không nhà báo nào muốn đặt câu hỏi. Tôi không cần đưa áo lên che mặt khi được dẫn ra khỏi phòng vì không có người nhiếp ảnh nào muốn chụp hình.

Tôi được trả về phòng giam màu vàng. Katja về nhà nàng với cầu thang đầy ám khói. Rồi họ chuyển tôi đến một cơ quan làm việc. Nàng dời sang một chung cư mới, giấu kín địa chỉ. Suốt ngày tôi bỏ dây giày màu đen, đôi khi màu nâu, vào bao nhựa trong. Suốt ngày nàng bôi thuốc mỡ lên vết phỏng nứt nẻ và gọi điện thoại cho công ty bảo hiểm. Suốt đêm tôi mơ Miro và đám lâu la. Suốt đêm nàng mơ thấy tôi.

Sau hai năm mười tháng, tôi được trả tự do. Trở về căn phòng cũ. Mặc lại quần áo cũ. Ngồi lên ghế dựa dài với một ly nước táo. Mở truyền hình. Xem bộ phim tài liệu về những con linh cầu. Nhìn qua sân, xem thử người hàng xóm có xem cùng chương

trình. Nhưng anh ta đã dời chỗ ở hoặc đặt truyền hình ở phòng khác. Trong vài tuần tôi cố gắng nhập vào vai mình. Nghĩ đến chuyện liên lạc với Katja. Đôi khi, đi ngang căn phòng cũ của nàng. Một lần, gọi đến văn phòng nàng, nói tôi là người bạn muốn kế hoạch tổ chức một buổi tiệc bất ngờ cho nàng, cần xin địa chỉ mới. Họ trả lời, không thể giúp tôi được. Lần thứ hai tôi gọi, bị cắt đứt đường dây. Gọi lần thứ ba, không nhớ chuyện gì đã xảy ra.

Tám tháng sau, tôi chết trong một tai nạn xe gắn máy ở Bồ Đào Nha. Một tuần sau, tôi sống lại ở Stockholm sau khi Katja biết được chuyện đã xảy ra. Đột nhiên, tôi trở lại trong cuộc đời của nàng. Nằm cạnh bên khi nàng thức dậy. Đi theo khi nàng chạy đến xe buýt. Khen ngợi khi nàng bán được hàng nơi làm việc. An ủi khi nàng gục xuống trong phòng tắm dưới vòi sen đang chảy để che giấu tiếng khóc. Buổi chiều, theo nàng ăn tối. Không chờ dài khi nàng muốn đi taxi. Không nói gì trong thang máy đang đi lên rằng nàng đã trang điểm quá nhiều. Không tăng hăng khi nàng rót ly rượu thứ ba trước khi khai vị. Không bắt chước khi nàng bắt đầu nói làm nhảm. Không xấu hổ khi nàng bỗng dừng xấn tay áo cho mọi người nhìn thấy dấu bông đỏ, theo trên cánh tay. Nàng la lớn: - *Này, nhìn đây. Bạn có thể phàn nàn bao nhiêu tùy thích về người yêu quên mua sữa hoặc cắt móng chân để lại trên bàn ăn, nhưng mối quan hệ sau cùng của tôi là một thử thách bằng lửa.* Đám bạn của nàng cười to. *Có lẽ tôi cần đốt ngọn lửa dưới thân xác tôi để kết thúc.* Tiếng cười của đám bạn gượng gạo hơn một chút. *Hoặc nếu không, đó là lỗi tại tôi đã nghịch với lửa, để rồi bị cháy bỏng.* Lúc này, đám bạn ngưng cười và hỏi bà chủ có cần giúp làm gì trong bếp không. Khi Katja vào phòng vệ sinh, tôi đắp khăn ướt lên trán nàng, lau sạch miệng bằng lưng bàn tay của nàng, giúp nàng mang giày.

Người giả tôi đang nằm trong một nhà xác ở Bồ Đào Nha, chờ được vận chuyển về nhà. Tôi thật đang vất vưởng trong phòng Katja đêm mùa hè ẩm áp. Nàng nắm tay tôi thật chặt một cách không cần thiết rồi thì thầm: - *Đừng xa em. Xin đừng bỏ em. Làm ơn, đừng xa em.* Ban đêm, tôi canh giữ nàng. Đứng trên ban công nhìn vào phòng ngủ của Katja, với hai bàn tay trắng trong veo áp sát vào mặt kính. Chẳng bao lâu sau nàng quen dần. Rồi giật mình thức giấc khi mơ thấy hình bóng tôi. Gần giống như chúng tôi đã sống bên nhau một lần nữa. Như thể chúng tôi đã cho nhau cơ hội sau cùng.

Katja kể cho bà chị nghe những gì đã xảy ra, và tôi là người duy nhất thật sự yêu nàng, đã chết. Người chị thờ dài và cố gắng hết sức an ủi em mình. Rồi cúp điện thoại, nói với bạn chị về tôi, tên một sách điện tử điên cuồng, người bám sát cô em gái, đã chết rồi.

Bạn của chị kể với bác sĩ chỉnh hình. Bác sĩ kể lại cho anh bạn trong đội banh bóng quần. Anh này kể cho cô bạn đồng nghiệp. Cô bạn kể cho người giữ trẻ ... tên tuổi tôi được phát tán. Từ miệng này sang miệng kia. Từ phòng chờ đến khách sạn, từ phòng khách sang phòng ngủ. Ai đã nghe chưa? Tôi chết rồi.

Ngày đó, tôi đã thuê chiếc xe gắn máy ở Bồ Đào Nha. Đi nghỉ mát. Ở đó một mình. Ở đó quen vài người bạn. Đâm đầu xe vào bảng quảng cáo. Chiếc xe taxi mở cửa, tôi không đội mũ bảo vệ. Lao xe ra khỏi vách đá.

Trước đó, tôi được thả tự do. Đã ra ngoài được sáu tháng. Đã bị kết tội cố ý giết người. Bị đi tù vì tội ngộ sát. Bị kết án tội đốt phá tài sản. Katja sống sót. Nàng bị cháy bỏng cấp hai. Bị hôn mê. Rồi ổn định. Tội nghiệp. Lỗi tại nàng. Cố chia tay với tôi. Nàng

gặp chàng trai khác. Lừa dối tôi tám tháng với anh này tại văn phòng nàng làm việc. Anh tên Filip Widell. Không phải tất cả chỉ tưởng tượng. Tôi đã leo lên thùng rác và nhìn thấy tận mắt. Ném quả bom lửa qua cửa sổ nhà bếp. Đổ dầu xăng qua khe bỏ thư. Vô tình làm cháy tấm nệm trên ban công. Tôi say. Chưa say. Ngà ngà. Thất vọng. Chỉ là trò lừa đảo để lấy tiền bảo hiểm. Tôi vô cùng sợ hãi vì chỉ mất một người là mất tất cả đời mình. Tôi vừa tốt nghiệp học viện hoàng gia công kỹ nghệ. Làm việc chính thức tại Văn phòng Đăng ký và Sáng chế. Tôi đã từng học chung lớp với bạn. Tôi bị bắt nhưng cứ tưởng rằng, tất cả chuyện xảy ra chỉ để tổ chức buổi tiệc Tiễn độc thân cho tôi.

Khi nghe tên tôi, bạn sẽ nhận ra, nhưng phải về nhà, lục cuốn kỷ yếu cũ để nhớ mặt tôi. Tôi ở đây. Hàng giữa, người thứ ba từ bên trái sang. Với cổ áo trắng Polo dựng lên dưới chiếc áo len cổ chữ V. Đang cười. Tôi có thể là bất cứ ai. Bạn không nhớ gì về tôi. Hoặc. Khoan đã. Bạn còn nhớ chúng ta chơi Khúc côn cầu với nhau vài lần trong sân trường. Tôi còn hát trong ban hợp ca. Tôi còn có những miếng bìa với cạnh sần rách rất bắt mắt. Một lần, sắp hàng lấy nước trái cây ép trong phòng ăn trưa, bạn đứng sau tôi. Khi quay lại, bạn đã thấy tôi có hai ly nước táo thay vì một. Nhờ vậy, bạn có ấn tượng tôi đã nhận ra bạn có thể uống hai ly nước cùng một lúc. Bạn chỉ nhớ tôi bao nhiêu đó thôi. Chúng ta không thân thiết. Bạn biết về tôi rất ít.

Nhưng tôi nhớ bạn rất nhiều. Nhớ khi chúng ta thân mật đến mức người ta không thể phân biệt. Nhớ cả số điện thoại của bố mẹ bạn, nhớ những tấm bìa cứng gấp lại gọn gàng, và nỗi sợ hãi thường trực của bạn về việc mình không được đặc biệt. Nhớ khi bạn bắt đầu tuyên bố, các nhân vật hư cấu tốt hơn bạn bè, vì họ ít gây phiền hà. Họ thú vị hơn và không

bao giờ chết. Bạn ngưng hẳn không trả lời điện thoại của tôi. Khi tôi cần bạn nhất, bạn thất lạc nơi nào. Khi tôi chết, bạn bắt đầu nhìn thấy tôi khắp nơi. Trên vỉa hè, trong cửa sổ gian hàng, trên các ban công. Vì vậy, bạn quyết định viết câu chuyện về tôi. Bạn mặc cho tôi áo quần ngắn cũn cỡn. Ép tôi uống quá nhiều nước táo. Bạn kể lại tuần lễ đau khổ nhất đời tôi như thể một bữa tiệc Tiễn độc thân không bao giờ kết thúc. Độ chừng. Ở đây. Bạn đã nhận ra những gì bạn đã làm. Tôi không cay đắng, Miro, Tôi chỉ chết rồi.

Truyện Ngắn Bồ Đào Nha

The Red Fox Fur Coat

Teolinda Gersao

Ngu Yên dịch



Teolinda Gersao

(1940 -)

Sinh quán tại thủ đô Coimbra, Portugal.

Tốt nghiệp đại học Coimbra. Dạy tại các đại học: Berlin, Lisbon, và Universidade de Lisboa.

Tiểu thuyết *The World* do Margaret Juli Costa dịch sang Anh ngữ.

Chiếc Áo Lông Chồn Đỏ

Một hôm, trên đường về nhà, cô nhân viên tầm thường làm việc trong ngân hàng tình cờ nhìn thấy chiếc áo lông chồn màu đỏ, chưng trong cửa sổ tiệm bán áo lông. Cô dừng lại ngắm nhìn, cảm giác thích thú rợn người và nổi thèm muốn đâm xuyên qua cô. Vì đây là chiếc áo mà cô luôn luôn ước ao. Nhìn

những chiếc áo khác, treo trên giá sắt hoặc khéo léo trang hoàng trên chiếc ghế dài vải gấm thêu kim tuyến, cô nghĩ, không có áo nào giống áo này. Độc đáo, hiếm có, cô chưa bao giờ thấy một màu áo lạ thường, sắc vàng nhũ, lóng lánh ánh đồng, sáng rực như màu lửa cháy. Đầu hàng lòng hồi thích, cô đẩy cửa bước vào, khám phá tiệm đã đóng. Đành trở lại ngày mai, càng sớm càng tốt, trong giờ ăn trưa, hoặc buổi sáng, đúng rồi, sẽ phải tìm cái cơ để lên ra. Đêm đó, giấc ngủ chập chờn, thức dậy khó chịu, cảm giác hơi sốt. Cô đếm từng giây từng phút, chờ đến giờ tiệm mở cửa; đôi mắt liếc chùng, qua lại, từ đồng hồ trên tường đến đồng hồ đeo tay, trong khi giao thiệp với nhiều khách hàng khác nhau. Ngay khi tìm được lý do để chuồn ra ngoài, chạy một mạch đến tiệm, cô run lên vì tưởng tượng chiếc áo lông đã bị bán mất. Khi biết được chiếc áo vẫn còn, cô cảm thấy hết ngột thở, tim đập nhẹ nhõm, dường như máu tụ trên mặt đã chảy xuống, điều hòa.

Khi cô nhân viên ngân hàng mặc thử áo, ngắm nhìn mình trong gương, bà bán hàng khen ngợi, *"Cố lẽ chiếc áo này may riêng cho cô, mặc vừa vặn từ vai xuống eo, chiều dài đúng kiểu. Phù hợp với màu da."* Bà thêm vào vội vã, *"Tôi nói không phải vì muốn bán áo này cho cô. Cô có thể lựa chọn bất cứ áo nào cô thích, nhưng nếu cô không cảm thấy phiền vì lời nói thật, chiếc áo này thực sự nhìn như được may cho cô, chỉ riêng cho cô."* Bà lặp lại với nụ cười gợi ý.

"Giá bao nhiêu vậy?" Cô nhân viên ngân hàng vừa hỏi, vừa xoay người nửa vòng, làm gấu áo xòe theo, cô cảm thấy đôi mắt không thể rời khỏi gương soi, chiêm ngưỡng hình ảnh của mình.

Choáng váng, lùi lại, khi nghe câu trả lời. Giá quá đắt, nhiều hơn cô tưởng, gấp năm lần hơn giá cô định mua.

Bà bán hàng tử tế góp ý, *"Nếu cô hài lòng, chúng tôi có thể chia giá thành ra nhiều lần để trả góp."*

Cô ngẫm nghĩ, lúc nào mình cũng có thể hy sinh những chi tiêu ngày lễ hội. Chuyển ít tiền để dành trả nợ mua xe. Có thể dùng ít khí đốt hơn. Ăn ít một chút, cũng tốt thôi, dạo này cô bắt đầu hơi lên cân.

Sau khi ngẫm tính toán trong đầu, cô quyết định nhanh chóng: *"Được rồi, tôi sẽ đặt cọc ngay bây giờ và bắt đầu trả góp vào tuần tới. Nhưng chắc chắn chiếc áo này là của tôi, phải không?"*

Bà bán hàng gắn lên áo bằng hiệu: "Đã bán", rồi trả lời: *"Dĩ nhiên, cô có thể lấy về sau khi trả hết lần thứ ba."*

Đêm đêm, cô bắt đầu ghé ngang tiệm, sau giờ đóng cửa, để không ai thấy, cô có thể nhìn ngắm chiếc áo qua cửa gương, mỗi lần như vậy đều mang đến cho cô niềm vui sướng. Mỗi lần chiếc áo lại sáng hơn, phức tạp hơn, như ngọn lửa đỏ không thiêu đốt, nhưng sẽ mềm mại bao quanh thân thể, như một chiếc bọc da dày, hoàn chỉnh, cử động khi cô di chuyển.

Chiếc áo và cô sẽ được ngưỡng mộ, người ta sẽ quay lại nhìn theo, nhưng không phải điều đó làm cho cô nở nụ cười bí ẩn. Cô nhận ra, chính là sự thỏa mãn nội tâm, một điều gì chắc chắn nhưng khó hiểu, cảm giác hòa nhập với bản thân, [...1]. Như thể nhịp thở của cô đã thay đổi, bình tĩnh và sâu lắng hơn. Cô cũng nhận ra, có lẽ không còn mỗi một nữa, có thể đi đứng nhanh chóng, có thể đi bộ dễ dàng với tốc độ gấp đôi bình thường. Đôi chân trở nên nhanh nhẹn, nhẹ nhàng. Tất cả mọi thứ trên người cô đều nhẹ nhõm, lạnh lẽo, lưng, vai, tứ chi chuyển động thoải mái hơn.

Cô tự nghĩ, có lẽ cần thể dục, cô bắt đầu tập luyện thường xuyên hơn. Đã vài tháng nay, cứ mỗi tuần cô bỏ hai tiếng đồng hồ để chạy vòng quanh sân vận động. Nhưng cô thích nhất là chạy men rừng, ngoài ngoại ô thành phố. Cảm giác đạp lên cát lạo xạo, tập đặt chân trần lên đất một cách khác, trực tiếp, hoàn hảo, liên hệ mật thiết với đất đai. Cô nhận thức mãnh liệt về cơ thể của mình, nhiều sinh khí, nhiều cảnh giác. Mọi giác quan nhạy bén hơn, có thể nghe từ khoảng cách khá xa, những âm thanh vô cùng nhỏ mà trước kia không nghe được, như con tắc kè lùi nhanh trong lá, con chuột nhẹ nhàng khế nứt cành cây, trái quả rơi xuống, con chim đậu vào bụi rậm. Cô có thể cảm nhận khí hậu thay đổi rất lâu trước khi xảy ra, như gió đổi chiều, độ ẩm lên cao, áp suất không khí gia tăng, sẽ mang đến mưa.

Và ngửi được mùi, cô cảm tưởng thế giới mang đầy mùi vị, một tâm vóc của vạn vật bị lơ là mà bây giờ cô đã biết nhạy cảm. Cô có thể đánh hơi tìm thấy những đường mòn, những lối đi. Thật lạ lùng, trước đây, cô không bao giờ phát hiện chúng. Tất cả mọi thứ đều có mùi riêng, đất cát, vỏ cây, cỏ, lá, và mỗi con thú đều có thể nhận biết bởi mùi đặc biệt của nó. Mùi vị tuôn đến như sóng trong không khí, cô có thể phối hợp hoặc phân chia từng loại mùi, đánh hơi theo gió, đầu ngóng lên một cách tự nhiên. Bỗng dưng cô trở nên rất quan tâm đến thú vật, thường mở tự điển bách khoa, nhìn ngắm hình ảnh con nhím với da bụng nhọn nhọt, mềm mại, không có gai; con thỏ nhanh nhẹn, nhảy nhót, màu sắc thay đổi; cô say mê nghiên cứu thân thể loài chim, phân tích từng chi tiết, đoán chừng độ mềm mại dưới bộ lông ra sao; và duy nhất một cụm từ ẩn hiện thường xuyên trong trí cô là "động vật ăn thịt sống".

Dường như cô cảm thấy đói bụng, xếp sách lại, đi ra nhà bếp, Điều này làm cô khó chịu vì ảnh hưởng

đến hiệu quả tập thể dục. Cố tìm cách để tránh lên cân, cô phân vân, không hài lòng ăn bánh ngọt, không biết mình đang tìm kiếm thứ gì, mùi cà phê khiến cô kinh tởm và muốn ói. Không, cô đói bụng vì những thứ khác, mặc dù không rõ là món gì, có lẽ trái cây, cơ hội xuống cân. Cô đã mua rất nhiều nho và táo và ăn cả ngày, nhưng vẫn đói. Một cơn đói bí ẩn, liên miên dày xéo bên trong.

Bất ngờ cô được mời đến dự một bữa tiệc, khiến cô thấy vui vẻ, cảm tưởng đi tham dự sẽ làm quên cơn đói vô lý kia. Sung sướng diện quần áo, tô son và sơn móng tay màu đỏ tươi. Cô để ý bàn tay và đầu móng rất nhạy cảm, hình như dài hơn xưa. Bất cứ ai mà cô sờ nắm trong bữa tiệc tối hôm đó, sẽ mãi mãi thuộc về quyền lực của mình, cô nghĩ thầm, nở nụ cười nhìn mình trong gương, với cảm giác nụ cười có vẻ nham hiểm. Nheo mắt lại, chẳng miệng rộng ra, để nụ cười lan tỏa khắp mặt, tạo thành một hình tam giác dạng mặt chồn, cô trang điểm tô đậm theo hình dạng đó.

Giữa buổi tiệc, cô phát giác một khối thịt đã xẻ ra từng miếng, bỏ quay còn tái tươi, cô nhớ lại cụm từ "ăn thịt sống", nhưng những chữ này đột ngột và vô nghĩa. Cô thò tay bốc và nuốt chửng một miếng. Mùi thịt tươi, hàm răng cắn ngập vào, máu túa ra, mùi máu trên lưỡi, trong miệng, cô ngậy thơ nuốt vội rồi bốc một miếng khác. Cô chợt hiểu ra, dùng tay để ăn là vô nghĩa, chỉ cần cúi xuống, cặp thịt trực tiếp vào miệng.

Cô bật cười rồi bắt đầu nhảy múa, vẩy hai tay dính máu lên không trung, cảm giác máu trong thân thể đang sôi sục, như sức mạnh của giông bão bên trong thoát ra, một năng lực quỷ quái có thể truyền sang người khác, một bệnh dịch bởi lời nguyên, nhưng những ý nghĩ này vẫn dịu dàng, trầm tĩnh, vui

về. Đôi khi, vì hơi say, cô nghe tiếng mình cười vọng lại.

Cô muốn để đêm nay phục tùng theo những mãnh lực thôi thúc bên trong, rồi ngày mai cô sẽ đi lấy áo, vì đã đúng hẹn và áo lông sẽ là của cô, một phần đời cô. Dù nhắm mắt, cô vẫn biết, chỉ cần sờ thôi, chạm vào làn da mềm mại, lông dày, cảm thấy nóng bỏng và dính chặt vào người, cho đến khi không còn phân biệt da nào là da của ai.

"Dường như chiếc áo này đã may riêng cho cô", Bà bán hàng lặp lại lần nữa, trong khi cô tháo áo lông ra khỏi móc treo.

Chiếc áo bao bọc toàn thân, ôm chặt cho đến khi cô không còn phân biệt da thú hay da người, nhìn vào trong gương, trong khi dựng cổ lông lên che đầu, khuôn mặt cô biến dạng, đột ngột ốm lại, dài ra, đôi mắt híp nhỏ, hời hợt, sôi sục ...

"Thôi chào, cảm ơn", cô vừa nói vừa phóng ra khỏi tiệm, sợ không kịp và sợ người khác thấy, sẽ theo dõi, vì bất ngờ một động lực thúc đẩy tay chân cô xuống đất, một năng lực mạnh mẽ, tái sinh cơ thể của cô. Tự nhận ra cơ thể mình đang trở thành thú vật, cô chạy trốn. Bỏ lại thành phố, cảm cổ chạy. Gần như cần một sức mạnh siêu nhiên, đẩy cô lọt vào trong xe, lái ra bìa rừng. Lấy gân kèm chế thân thể, giữ chặt toàn thân đang run rẩy, trước khi đóng mạnh cửa xe và nhảy cõn trên bốn chân. Vẫy đuôi, đánh hơi, mặt đất, gió thổi, và cô rít lên sung sướng, rồi phóng nhanh vào rừng sâu.

Truyện Ngắn Đức

The Hunter Gracchus

Franz Kafka

Bản dịch Anh ngữ: Ian Johnson

Ngu Yên dịch



Franz Kafka
(1883-1924)

Viết tiểu thuyết và truyện ngắn. Là nhà văn Đức trong nhánh du mục. Được thế giới công nhận vai trò quan trọng của ông trong văn chương kỳ lạ.

Tác phẩm hàng đầu của ông : Die Verwandlung (Sự Biến Thái,) Der

Process (Cuộc Xử Án), Das Schloss (Lâu Đài) ...

Sinh ra trong gia đình người Đức trung lưu gốc Do Thái ở Prague. Học luật và hành nghề bảo hiểm. Qua đời năm 40 tuổi vì lao phổi.

Người Thợ Săn Gracchus

Hai cậu bé đang ngồi trên bệ tường cạnh cầu tàu chơi trò xúc xắc. Người đàn ông đang đọc báo trên bậc thềm dưới bóng tượng đài của một vị anh hùng cầm kiếm. Cô thiếu nữ đang đổ đầy nước vào chậu tại đài phun nước. Người bán hàng rong đang nằm gần quây trái cây của ông, nhìn ra biển. Qua khoảng trống của cánh cửa lớn và cửa sổ của quán rượu, thấy hai người đàn ông đang ngồi uống bên trong. Ông chủ đang ngủ gật ở bàn phía trước. Một chiếc thuyền nhỏ lướt nhẹ vào bến đậu như bị trượt trên mặt nước. Người đàn ông mặc áo khoác xanh leo lên, kéo dây qua các vòng giữ an toàn. Phía sau, hai người đàn ông khác trên thuyền mặc áo khoác sẫm có nút màu bạc, khiêng một quan tài, phủ tấm lụa hoa, có viền tua. Rõ ràng, thêm một người nữa đang nằm.

Không ai bận tâm những người mới đến trên cầu bến cảng, ngay cả khi họ đặt quan tài xuống, chờ đợi người lái thuyền, đang còn cột những sợi dây thừng. Không ai đến gần, không ai hỏi han, không ai thực sự nhìn kỹ bọn họ.

Người lái thuyền còn chờ một phụ nữ, mái tóc rối bời, xuất hiện lên sàn thuyền đang cho con bú. Tiếp theo, ông chỉ tay về hướng ngôi nhà hai tầng màu vàng gần đó, ngay bên trái, cạnh bờ nước. Họ đưa quan tài lên, đi qua một cổng thấp bằng gỗ sồi sài với những cột mảnh mai. Một cậu bé mở cửa sổ, nhận ra đám người, họ vội vã biến mất vào ngôi nhà và cánh cửa sổ nhanh chóng đóng lại.

Cửa chính cũng đóng, cánh cửa bằng gỗ sồi đen kiểu trang trọng. Đám bò câu thường xuyên bay quanh nóc chuông rồi sà xuống, đậu trên sân, tụ tập

trước cửa, như thể có thức ăn của chúng cất trữ trong nhà. Một con bay ngay đến tầng trên, mổ vào ô cửa sổ. Đám bồ câu sinh động, màu sắc tươi sáng, được chăm sóc cẩn thận. Người phụ nữ từ thuyền vùng mạnh cánh tay rải nắm lúa về hướng bầy chim. Chúng ăn thật nhanh rồi tụ về phía người phụ nữ.

Người đàn ông đội mũ có dải khăn tang đi xuống bên tàu bằng một trong các con đường nhỏ hẹp, dốc cao. Ông để ý nhìn chung quanh. Mọi thứ đều gây ra khó chịu. Nhấn mặt khi thấy đồng rác nằm trong một góc, thấy vỏ trái cây trên các bậc cấp lên tượng đài. Khi đi qua, ông dùng gậy hất rác rưởi. Gõ cửa ngôi nhà, đồng thời, dở chiếc mũ bằng tay phải đeo găng đen. Lập tức cánh cửa mở ra, khoảng 50 cậu bé xếp thành hai hàng trên hành lang dài, cúi đầu chờ đợi ông đi qua.

Người lái thuyền đi xuống thang lầu, đón ông lên. Đến tầng trên, ông đi quanh một ban công nhỏ, mảnh khảnh, bao vòng sân, trong khi đám trẻ chen chúc sau lưng một khoảng cách tôn trọng. Cả hai đàn ông bước vào căn phòng lớn mát mẻ ở phía sau. Từ đó, có thể nhìn thấy ngôi nhà đối diện, chỉ một vách tường đá xám lơ lửng. Những người khiêng quan tài đang bận rộn sắp xếp và thấp những ngọn nến cao lên mặt hòm, không mở đèn, những bóng đen nhảy múa, nhấp nháy trên vách tường. Tấm khăn choàng được lấy ra khỏi quan tài. Thấy một đàn ông da nâu nằm, tóc râu rối xù, trông như một thợ săn. Bất động, không thấy thở, mắt nhắm nghiền, những thứ chùng bầy chung quanh cho thấy, đó là một xác chết. Một ông quý phái bước đến gần, đặt tay lên trán người nằm, rồi quỳ xuống cầu nguyện. Người trưởng đoàn làm dấu hiệu cho các người lo đám tang ra khỏi phòng. Họ xua đuổi bầy con nít đang tụ tập bên ngoài, rồi đóng cửa lại. Tuy vậy, người đàn ông quý phái dường như vẫn chưa

hài lòng về sự tĩnh lặng. Ông nhìn người trưởng đoàn. Ông này hiểu ý, lẩn tránh sang phòng cạnh bên. Xác chết trong quan tài lập tức mở mắt, quay mặt lại nở nụ cười gượng gạo với ông quý phái. rồi hỏi: -“Ông là ai?” Không một chút ngạc nhiên, ông quý phái đang quỳ bỗng đứng lên, trả lời: -“*Thị trưởng của Riva.*” Người trong quan tài gật đầu chào, duỗi tay yếu ớt chỉ vào chiếc ghế. Sau khi thị trưởng chấp nhận dấu hiệu mời ngồi, anh ta nói tiếp: -“*Vâng, tôi biết, thưa thị trưởng, nhưng khi vừa mở mắt nhìn chung quanh, tôi quên tất cả. Mọi thứ quay mòng mòng. Tốt hơn, tôi nên hỏi, mặc dù tôi đã biết. Có lẽ, ông đã biết tôi là thợ săn Gracchus.*”

- “*Dĩ nhiên, tôi nhận được tin từ đêm hôm qua. Chúng tôi đã ngủ một giấc, vào khoảng nửa khuya, vợ tôi gọi tên tôi, ‘Salvatore, hãy nhìn chim bồ câu ở cửa sổ.’ Nó là bồ câu thực sự nhưng lớn bằng con gà trống. Nó bay đến tai tôi, nói: ‘Ngày mai, ông thợ săn chết, Gracchus, sẽ đến. Hãy nhân danh thành phố, chào mừng ông ấy.’”*

Thợ săn gật đầu, liếm môi. -“*Vâng, bồ câu bay trước tôi. Nhưng ông có tin tôi sẽ lại Riva?*”

-“*Việc này chưa thể nói trước được. Anh đã chết chưa?*”

“*Vâng, ông thấy đó. Cách đây nhiều năm, chắc đã nhiều năm trước, tôi bị ngã từ một tảng đá trong Rừng Đen, ở Đức, khi đang rình rập con sơn dương. Kể từ đó, tôi đã chết.*”

- “*Nhưng anh đang còn sống.*”

- “*Trong một cách nhìn nào đó, chừng mực nào đó, tôi vẫn sống. Con thuyền tử thần chở tôi bị lạc đường, bẻ bánh lái sai lầm, trong khoảnh khắc người lái không chú ý, một sự sao lãng rời quê hương tuyệt vời của tôi. Tôi không biết chuyện gì. Chỉ biết vẫn*

còn sống. Từ lúc đó, con thuyền tử của tôi đã du hành trên biển trần gian. Vì vậy, tuy tôi chỉ muốn sống đơn độc trong rừng núi, sau khi chết, lại tiếp tục hành trình qua nhiều quốc gia trên địa cầu.”

- “Anh có dự phần vào thế giới bên kia không?” Thị trường nhíu mày.

- “Tôi luôn luôn ở trên một cầu thang rộng lớn dẫn đến nơi ấy. Tôi lang thang trên trôi nổi vô tận của các bậc cấp. Đôi khi lên, đôi khi xuống, đôi khi sang phải, đôi khi qua trái, luôn luôn di động. Từ một thợ săn, tôi trở thành con bướm. Xin đừng cười.”

- “Tôi không cười đâu.”

- “Ông rất tử tế. Tôi luôn luôn di động. Nhưng khi di chuyển lên tận trên cao, gặp cánh cửa sáng rực chập chờn, rồi thức dậy trong chiếc thuyền tử thần, vẫn còn mắc cạn trong vùng nước trần gian. Sai lầm căn bản nhất là sự chết sớm của tôi cười toe toét vào mặt tôi trong buồng tàu.

Julia, vợ của người lái, gõ và mang tận quan tài cho tôi thức uống buổi sáng của đất nước nào đó mà thuyền đang đi qua. Nằm trên miếng ván gỗ, tôi không có hứng thú nhìn tóc tai râu ria mình rối xù bần thỉu, đen và xám, đan chặt vào nhau, chân tôi che bởi tấm khăn choàng của phụ nữ, hoa hòe và nhiều tua vải dài. Trên đầu tôi, ngọn nến nhà thờ chiếu sáng. Trên vách tường đối diện, một tấm hình nhỏ, thấy rõ một gã thổ dân Nam phi đang chĩa mũi giáo vào tôi và núp sau một tấm khiên được sơn vẽ lộng lẫy. Trên thuyền, thường bắt gặp những bức ảnh ngu ngốc, nhưng đây là bức ảnh ngu ngốc nhất. Ngoài ra, cái lồng gỗ hoàn toàn trống rỗng. Qua một lỗ hồng trên tường, không khí ẩm áp của những đêm phương Nam lùa vào, tôi còn nghe được tiếng nước vỗ vào mạn thuyền cũ kỹ.

Tôi nằm đây kể từ khi tôi là ông thợ săn Gracchus còn sống, đã theo dấu con sơn dương từ rừng nó ở cho đến Rừng đen, tôi mới bị ngã. Mọi diễn tiến xảy ra bình thường, tôi đi săn, bị ngã, chảy máu, chết trong một khe núi. Sau khi chết, chiếc thuyền tử phải chở tôi qua bờ bên kia. Tôi vẫn nhớ lúc ban đầu, tôi rất sung sướng nằm dài trên tấm ván gỗ. Rừng núi chưa bao giờ khiến con tim tôi bất hát như cách mà bốn vách tường tĩnh lặng mờ ảo đã kích động.

Tôi hân hoan khi được sống rồi hân hoan khi được chết. Trước khi lên thuyền, tôi sung sướng vất bỏ hết bộ súng ống bao bị, thậm chí, cả súng trường đi săn mà tôi hãnh diện khi mang trên vai, để chui vào vải liệm như một thiếu nữ mặc áo cưới. Đang nằm đó chờ đợi, thì tai nạn xảy ra.”

- “Thật là số mệnh ác ôn,” thị trưởng đưa tay là cử chỉ không vừa ý, “rồi anh không có trách cứ gì về số mệnh hay sao?”

- “Không. Tôi là thợ săn. Đâu có gì đáng trách, phải không? Tôi sinh trưởng để trở thành thợ săn trong Rừng Đen, nơi có nhiều chó sói. Tôi nằm canh, rồi bắn, nếu trúng nó, tôi lột da, đâu có gì đáng trách trong chuyện như vậy? Công việc tôi được may mắn tốt đẹp. “Người Thợ Săn Vĩ Đại Của Rừng Đen” người ta gọi tôi như thế. Đâu có phải là điều gì tồi tệ?”

- “Chuyện này không phải do tôi phán quyết, nhưng tôi cảm thấy có gì đáng trách ở trong đó. Nhưng làm sao biết ai đáng trách?”

- “Người lái thuyền. Không ai sẽ đọc những gì tôi viết ở đây. Không ai sẽ đến giúp đỡ tôi. Nếu mọi người được giao nhiệm vụ cứu giúp tôi, các cửa nhà sẽ tiếp tục đóng, tất cả cửa sổ sẽ khóa, họ sẽ nằm trong giường, đắp chăn trùm đầu, toàn bộ trần gian là nhà trọ tập thể trong đêm. Điều này có nghĩa, vì không ai

biết tôi, và nếu ông lái thuyền biết, ông ta sẽ không biết tôi đang ở đâu. Cho dù biết được ở đâu, cũng không biết làm sao giữ tôi ở đó. Vì vậy ông sẽ không biết làm thế nào để giúp tôi. Ý nghĩ muốn giúp tôi là một căn bệnh và phải nằm nghỉ trên giường.

Tôi biết điều đó, vì vậy tôi không kêu gọi sự giúp đỡ, ngay cả những lúc tôi không tự chủ được, chẳng hạn như ngay bây giờ, tôi nghĩ về điều đó rất nghiêm túc. Nhưng để xóa bỏ những ý nghĩ như vậy, tôi cần nhìn chung quanh, nhớ lại mình đang ở đâu và nơi nào tôi sẽ sống qua nhiều thế kỷ, điều này, tôi có thể khẳng định với hoàn toàn tự tin.”

Thị trường kêu lên: - *“Thật là phi thường, kỳ dị. Rồi bây giờ anh có ý định ở lại Riva với chúng tôi?”*

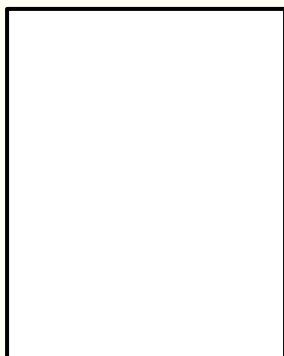
- *“Không nhất quyết,”* Thọ sấn bật tiếng cười và để bù lại giọng điệu chế giễu, anh đặt tay lên đầu gối ông thị trường: - *“Tôi đang ở đây. Tôi không biết gì hơn nữa. không thể làm gì hơn. Con thuyền của tôi không có ai lái cả. Hành trình của nó đi theo gió thổi ở những vùng sâu thẳm nhất của cõi chết.”*

Truyện Chớp Do Thái

The Girl And The Rain

Hadar Badt

Ngụ Yên dịch



Hadar Badt, nhà văn
Đức gốc Do Thái.

Viết tiểu thuyết, truyện ngắn
bằng cả hai ngôn ngữ
Hebrew và Anh ngữ.

Từ 2018, ông cư ngụ tại
Tel-Aviv.

Cô Bé Yêu Mưa

[Chủ nghĩa Siêu Thực đã qua, nhưng khuynh hướng siêu thực vẫn tồn tại với những tinh hoa của nó trong văn học truyện. Truyện Chớp này mang không khí buồn bã một cách nhẹ nhàng và những tứ văn lãng mạn. Cấu trúc của câu dài với nhiều tính từ, tạo cho người đọc cảm giác mông lung, như đang đọc thơ, rồi bất chợt chìm sâu vào trầm tư theo lối viết tự động.]

Truyện không gay gắt, không hành động, không âm mưu, chỉ gọi lại một điều mà tất cả người đọc đều bùi ngùi: chúng ta đã đánh mất tuổi thơ.]

Một cô bé vô danh mãi mãi yêu mưa. Bé thích nhìn mưa rơi trong những buổi chiều tà giữa mùa đông, khi ngồi trong bếp mở đèn sáng, đối diện nụ cười rạng rỡ của mẹ ở đầu bàn bên kia, khiến cho nỗi sợ hãi tan biến, và bàn tay mềm mại của mẹ vuốt ve nói với cô bằng những lời vô thanh ẩn mật, mách rằng tình thương của mẹ vĩnh viễn vô bờ bến. Mùi ca cao ngọt ngào nóng hổi bốc lên quện vào mái tóc, trộn lẫn với mùi bánh sô cô la nướng trong lò, tạo nên một lời hứa hẹn ngôi nhà này luôn luôn đón nhận người trở về.

Rồi một mùi hương không thể nào làm lẫn từ cơn mưa thanh xuân tươi mát đang hướng về cô qua khe cửa sổ đóng không kín. Ôi mưa ơi, hãy rửa sạch thế giới và đánh bóng những vết dơ trong tâm hồn. Nếu có thể, bé muốn tóm bắt hết hương vị này, không cho phép chúng tản mát. Không cách nào kháng cự cơn mưa. Khi nước bắt đầu rơi, một sức mạnh chế ngự, đẩy bé rời khỏi bàn ngồi, kéo màn cửa ren trắng ra, rồi nhìn xuyên qua lớp kính mờ đầy nước chảy. Khoảnh khắc huyền diệu hiện ra khi tấm chăn bông màu xám lặng lẽ mở dần trên nền trời, từ từ che những sọc xanh còn sót lại. Đôi mắt bé tò mò say mê theo dõi những giọt lấp lánh trong hành trình gặp gỡ nhân gian. Ngay từ giây phút đầu tiên khi nước rời quê quán trời, bé đã hiện diện, luôn luôn có mặt, ánh mắt không bao giờ rời, khuôn mặt ngây thơ áp sát khung cửa gương, nhìn mưa hạ giới, từng đám hẹn nhau như bầy cò di trú đang mơn trớn dịu dàng những chùm lông. Bé theo sát những giọt mưa tiếp tục rơi, nhảy nhót giữa những cành cây trụi lá để đón chào những bông hoa mùa đông mới nở, phôi những cánh hồng điểm tím pha xanh, rồi giọt nối nhau gieo xuống vùng đất khát, tưới lên những chồi nụ đầu tiên đang vươn mình theo sức sống bên trong. Bé cũng thích ngắm mưa rơi lên tàng dù trên

đường phố, mưa tự giới thiệu với nhân sinh, cho dù đã từng quen biết, đọng thành vũng bên lề, một địa đàng cho bầy chân trẻ con mang giày ống, lăm le muốn nhảy vào.

Cô bé vô danh yêu mưa rơi về đêm khi chúng luân vũ trên mái nhà, gõ vào gạch ngói vui chơi, rồi chảy theo máng xối. Bé cũng thích trốn mình dưới chăn nệm, lắng nghe trăm giọt hát bài ru em trước khi chìm vào giấc ngủ. Thỉnh thoảng, khi ánh chớp lóe sáng vào phòng, bé thích đếm được bao nhiêu giây trước khi sấm nổ. Một hai ba bốn năm, bùm! Không cảm thấy sợ. Có lần bà ngoại nói với bé, sấm chớp là những lời từ thiên nhiên nhắc nhở con người. Sợ tạo hóa một chút cũng tốt thôi, như một cách duy nhất hiểu rõ sự hùng vĩ và không bao giờ được xem thường.

Thời gian trôi qua, cô bé vô danh đã trở thành người phụ nữ vô danh, tình yêu đối với mưa cũng trưởng thành một cách sâu đậm hơn bao giờ hết. Khi trời đổ mưa, nàng hứng chứa đầy bồn tắm rồi chui vào nằm. Không có lúc nào tắm sướng hơn là lúc ngoài trời đang giông bão. Ngồi trong bồn tắm ngập nước, mùi hương mưa trào ra khắp nơi, đôi chân nàng dài lênh đênh trong nước, những ngón chân lạ lẫm nhịp nhàng hòa điệu với nhịp mưa ngoài gương cửa gương. Chỉ khi đó, nàng mới có thể nhắm mắt bỏ quên sau lưng một ngày dài và những ngày dài khác, sắp đến; quên hết những gì sai quấy với thế giới và cuộc đời riêng, để nước rửa cho sạch tất cả rồi đưa nàng đến những nơi thật đẹp, tràn đầy ma thuật, chỉ tồn tại trong giấc mơ. Khi nước và ảo ảnh trở nên lạnh lẽo, nàng rời bồn tắm, dẫm chân ướt lên tấm thảm hút nước, quấn khăn tắm chung quanh người, đi ra nhà bếp, dẫu chân ướt lạnh quanh đi theo sau. Vói tay cầm ly rượu đỏ đã rót sẵn trên bàn, đi vào phòng khách, ngồi xuống ghế bành và mở

cuốn sách đang đọc dở dang. Gió mát lạnh lướt vào từ cửa sổ mở không làm nàng khó chịu, thổi len qua những nồi niêu xoong chảo treo trong bếp, tạo thành một giai điệu kim loại nghe độc đáo mà nàng ưa thích.

Vâng, mưa trả lại sự tự do mà nàng đã bị lấy mất, tất cả mọi người đều bị lấy mất, khi họ dừng lại không còn làm con trẻ. Những giọt nước tự do tinh khiết từ trời rơi xuống, giúp nàng suy nghĩ không bị ràng buộc, khiến thế giới bên ngoài trở nên mơ màng, cho phép nàng hòa nhập vào, dù chỉ khoảnh khắc mong manh, tan theo trí tưởng tượng mà nàng đã bảo tồn kín đáo dưới những lớp tuổi trưởng thành dày cộm chồng chất trong nhiều năm qua. Nàng sẽ chạy trốn đến những nơi ẩn náu bí mật trong rừng sâu núi thẳm, sông xa, biển rộng, trời cao, và thời gian, luôn luôn hiện diện, chờ đợi nàng đến tận tâm sự những khi đời trở chứng.

Khi cơn mưa đã tạnh, nàng trở lại làm cô bé vô danh, làm phụ nữ vô danh, mà mọi người tưởng rằng họ biết nhưng không, những bàn tay thương yêu nổi nhớ nhưng dĩ vãng, dù vẫn tiếp tục vuốt ve dịu dàng trí tưởng của nàng, sẽ biến dần trong mơ hồ. Không có gì đáng chú ý hoặc bất kỳ điều gì khác thường để tách rời nàng ra khỏi những người lớn buồn bã khác, mãi mãi sầu đau vì họ đã đánh mất tuổi thơ. Rồi trong những ngày không mưa, không thấy xuyên qua những gì trước mặt và không tìm ra nụ cười rạng rỡ của mẹ ở bất cứ nơi nào trong giấc ngủ vắng bóng giấc mơ. Những ngày đó, quá nhiều, không thấy ngôi nhà nào chờ đợi, không nghe lời hứa nào hẹn hò. Nàng sống cuộc đời như tất cả mọi người, nhưng kiên nhẫn chờ đợi những cơn mưa trở lại để mang nàng đến những nơi thật sự thuộc về nàng.

Truyện Ngắn Cuba

The Glass Tower

Reinaldo Arenas (1943-1990.)

Ngu Yên dịch



Thi sĩ người Cuba, viết truyện, viết kịch, tiểu thuyết, thuộc thể hệ cách mạng chống chính quyền Cộng sản. Sinh quán tại Aguas Claras, Holguin Province.

Tốt nghiệp đại học Universidad de la Habana. Theo học văn chương và triết học. Bị tù đầy và đào thoát sang Hoa Kỳ bằng đường biển.

1987, tuy đã biết mắc bệnh AIDS, ông vẫn tiếp tục sáng tác chống chế độ Công Sản ở Cuba, ảnh hưởng lớn trên các nhà văn lưu vong như John O'Donnell Rosales.

Tự truyện *Before Nights Falls* được New York Times liệt kê là một trong mười tác phẩm sáng giá nhất trong năm 1993. Tác phẩm của ông được đưa vào phim trường năm 2000.

The Glass Tower được tuyển vào Tập Hợp Truyện Ngắn Thế Giới: *The Art of The Story*, do Daniel Halpern thực hiện, 1999.

Lầu Kính

Lưu ý, kể từ khi đến Miami, sau cuộc phiêu lưu thực sự rời bỏ quê hương, nhà văn Cuba Alfredo Fuentes đã không viết được một dòng chữ nào.

Không rõ lý do, nhưng kể từ ngày đến đây, đã năm năm qua, ông tự thấy mình đã nhận đủ mọi lời mời đi diễn thuyết ở các hội nghị, tham gia các sự kiện văn hóa hoặc các buổi họp của các nhà trí thức, tham dự các buổi gặp gỡ uống rượu bàn chuyện văn chương, những tiệc tùng ăn tối, những nơi này đã mời ông như khách danh dự. Do đó, ông không đủ thời giờ riêng tư và ít khi nghĩ đến cuốn tiểu thuyết, hoặc có lẽ là một câu chuyện, ông đã cư ngụ trong đầu qua nhiều năm. Trong đó, các nhân vật như Beta, Nicolas, Delfin, Daniel và Olga, liên tục tranh giành sự chú ý của ông, thúc giục ông phải giải quyết những tình trạng khó khăn của họ.

Sự chính trực đạo đức của Berta, lập trường kiên định của Nicolas chống lại sự tầm thường, trí thông minh xuất sắc của Delfin, tinh thần cô độc của Daniel, sự khôn ngoan dịu dàng và trầm lặng của Olga, các nhân vật cổ gây ra chú ý mà ông không thể đáp trả, khiến họ liên tục trách móc. Alfredo cảm thấy ông đã dành quá nhiều thời giờ cho người khác.

Điều đáng tiếc là ông không thích những buổi tụ họp đó, nhưng lại không thể từ chối những lời mời nhã nhặn, (có lời mời nào không nhã nhặn?) Ông luôn luôn nhận lời. Khi đến đó, ông trở nên xuất sắc và quyến rũ, đến nỗi, ông nổi tiếng, đặc biệt trong giới các nhà văn địa phương, như một người phù phiếm và thích phô trương.

Ngược lại, nếu ông từ chối lời mời đến những buổi họp mặt trong thời điểm này, tất cả mọi người (kể cả những kẻ chỉ trích ông nói quá nhiều) sẽ xem như là bằng chứng kém giáo dục, ích kỷ, thậm chí là giả tạo kiêu kỳ. Vì vậy, Alfredo tự thấy mình bị cuốn mắc vào một mạng lưới rắc rối: Nhận thức rõ ràng nếu cứ tiếp tục nhận những lời mời vô tận, sẽ không bao giờ viết được một chữ nào, còn ngược lại, uy tín của một nhà văn sẽ nhanh chóng chìm vào quên lãng. Sự thật, Alfredo Fuentes không thích bị bắt buộc làm trung tâm của đám đông, chỉ thích ở trong căn phòng thuê nhỏ hẹp, một mình với Olga, Delfin, Berta, Nicolas và Daniel.

Những lời thúc bách của các nhân vật làm cho ông bức xúc đến mức ông há hức đáp lại chỉ trong vài giờ trước đây, đã thề sẽ tạm ngưng mọi hoạt động xã hội, dành toàn bộ tâm sức viết cuốn tiểu thuyết, hoặc câu chuyện của mình. Kể cả ông cũng chưa biết chính xác những diễn tiến trong truyện sẽ dẫn đến đâu. Vâng, ngày mai, chắc chắn ông sẽ tiếp tục công việc đơn độc và đầy bí ẩn.

Phải là ngày mai, vì tối nay, thực tế là ông không thể không tham dự bữa tiệc lớn bởi người đẹp rất nổi tiếng trong giới văn học Cuba ở Miami, cô Senora Gladys Perez Campo, tổ chức để vinh danh ông. Cô có biệt danh là “the Haydee Santamaria của cộng đồng lưu vong”, do H. Puntilla đặt cho, mang cả ý nghĩa tốt lẫn xấu. (*Haydee Santamaria là giám đốc của nhà xuất bản của chính phủ, quyết định cuốn sách nào được ấn hành ở Cuba*) Bữa tiệc không chỉ đơn thuần văn hóa, còn có mục đích cụ thể. Cô đã hứa với nhà văn, ngay trong đêm đó, cô sẽ đặt nền tảng cho một cơ sở xuất bản, sẽ in một số những bản thảo mà ông đã chịu hiểm nguy để chuyển lậu ra khỏi Cuba. Thật tình cờ, Alfredo không có đồng xu nào dính túi, cơ hội này có thể mang lại một nguồn lợi tức lớn, cũng là cách

quảng cáo cho những tác phẩm quan trọng của các tác giả khác kém may mắn chưa được biết đến. Riêng ông, đã có năm tác phẩm. Cô Gladys bảo đảm với ông qua điện thoại, nói rằng, *“Dự án nhà xuất bản sẽ thành công. Những người nổi tiếng hàng đầu ở Miami sẽ ủng hộ ông. Tất cả bọn họ sẽ hiện diện ở đây trong đêm nay. Tôi mong ông xuất hiện đúng 9 giờ, đừng để tôi thất vọng.”*

Chín giờ kém năm, Alfredo băng qua khu vườn rộng lớn, được cắt tỉa cẩn thận, đi đến cửa chính vào dinh thự của cô Perez Campo. Hương hoa từng đợt lướt qua trong gió, ông có thể nghe được những giai điệu âm nhạc dễ chịu vang ra từ tầng lầu cao nhất. Vừa nghe nhạc, vừa đặt tay lên vách tường bên ngoài ngôi nhà, sự tĩnh lặng của màn đêm hòa với khu vườn và độ dày của bức tường, tạo cho ông cảm giác an tâm, bình thản, mà ông đã không cảm thấy trong nhiều năm qua, quá nhiều năm qua. Alfredo muốn đứng ở đây, bên ngoài dinh thự, với các nhân vật của ông, cùng lắng nghe tiếng nhạc vọng văng.

Nhưng, luôn luôn phải nhớ, một dự án xuất bản vững mạnh sẽ có lợi cho ông, một ngày nào đó, sở hữu một dinh thự đồ sộ như thế này. Cũng có nghĩa sẽ giải thoát tương lai cho Olga, Daniel, Delfin, Berta, và Nicolas. Ông bấm chuông.

Trước khi những người hầu được thuê đặc biệt cho bữa tiệc, có thể mở cửa, một con chó Saint Bernard to lớn của Perez Campos chạy đến, chồm lên, liếm mặt ông. Chú chó này có tên Narcisa, biểu diễn màn bày tỏ sự quen biết, đã khuyến khích những con chó khác. Sáu con chó nhỏ Chihuahuas chào mừng Alfredo bằng hợp tấu một điệu sữa vang trời. May mắn thay, chính Gladys đã xuất hiện giải cứu người khách vinh dự của cô.

Ăn mặc hợp thời trang, mặc dù không hợp khí hậu, váy dài xuống mắt cá, khăn quàng lông, găng tay, và chiếc mũ rộng vành, cô chủ ôm lấy cánh tay Alfredo rồi đưa ông đến một nhóm thượng khách cao cấp nhất, gồm có những người thích thú việc liên doanh nhà xuất bản. Gladys lập tức trình trọng theo nghi thức, giới thiệu ông với chủ tịch một ngân hàng quan trọng nhất trong thành phố, (Alfredo tưởng tượng mặt của nhân vật Berta tỏ vẻ ghê tởm vị chủ tịch); rồi đến ông phó giám đốc điều hành của Florida Herald, tờ báo có ảnh hưởng lớn nhất ở Miami, (*"Tờ báo này chuyên chống Cuba một cách khùng khiếp,"* ông nghe nhân vật Nicolas nhắc nhở từ đâu đó khá xa); rồi vị trợ tá riêng cho thống đốc và một nữ thi sĩ đã từng đoạt giải thưởng, (*"Vài con thú nghiêm chỉnh,"* nhân vật Delfin hạ giọng thầm châm biếm nhưng nghe rõ ràng.) Phần giới thiệu tiếp tục với một bộ trưởng xuất sắc, đã từng là giáo sư thần học nổi tiếng, đồng thời là nhà lãnh đạo của tổ hợp gọi là Xum Hợp Các Gia Đình Cuba. (*"Ông đang làm gì với đám người dễ sợ này?"* Tiếng thét bất mãn của nhân vật Daniel từ xa khiến Alfredo bị trượt chân trong khi ông đang đưa tay định nắm lấy tay cô ca sĩ opera nổi tiếng, thay vào đó, tay ông đã chộp thẳng vào bộ ngực căng phồng mọng ướm của nữ danh ca.) Gladys nhanh nhẹn tiếp tục giới thiệu như thể không có gì xảy ra: một nữ nhạc sĩ dương cầm tài danh, hai nhạc sĩ tây ban cầm, một số giáo sư, và cuối cùng, (lúc này, Gladys tự lên mặt thân thế vương giả) giới thiệu nữ bá tước Villalta. Bà sinh ra ở tỉnh Pinar del Rio, một phụ nữ lớn tuổi, không sở hữu đất đai và biệt thự, nhưng vẫn nhanh chóng nắm giữ danh hiệu quý tộc.

Khi đang chuẩn bị theo nghi lễ cúi đầu dè dặt trước nữ bá tước, Alfredo cảm nhận được các nhân vật trong tiểu thuyết vừa thành hình của ông đang khấn

trương đòi hỏi sự lo lắng cho họ. Vì vậy, khi hôn tay bà bá tước, ông quyết định lục tìm tấm giấy và cây bút, luôn mang theo trong túi. Hy vọng sẽ ghi nhanh đôi điều cho các nhân vật. Nhưng bà bá tước đã hiểu lầm và nói:

“Tôi rất ghi nhận việc ông dự định cho tôi địa chỉ, nhưng bây giờ không phải là lúc thích hợp, tôi tin rằng ông hiểu được. Tôi hứa sẽ gửi danh thiếp cho ông.”

Rồi bà quay sang nữ thi sĩ đã từng đoạt giải thưởng. Người đang chứng kiến cảnh này, dường như có ý đồ dẫn cho Alfredo, cô gợi ý: *“Ông đã viết gần xong địa chỉ, tại sao ông không đưa cho tôi, vì tôi muốn gửi tặng ông cuốn sách mới nhất vừa phát hành?”*

Thay vì ghi chép những cảm nhận như các nhân vật yêu cầu, (hiện giờ Olga đang rên rĩ còn Berta đang la hét,) Alfredo không còn chọn lựa nào, đành viết địa chỉ xuống tấm giấy. Những khay bụng đầy ắp các loại pho mát, món khai vị, bánh ngọt và thức uống được luân chuyển khắp nơi. Giữa những lời chào và câu hỏi thăm, Alfredo lấy làm lạ, những khay thực phẩm đến gần, sau đó, biến mất, chưa hề kịp lấy một miếng nào.

Vào lúc nửa đêm, Gladys tuyên bố, để buổi họp mặt thêm phần thân mật. mời tất cả mọi người di chuyển sang nhà lầu kính. A, lời mời này gây thêm hào hứng. Khách tham dự kể cả bà bá tước lập tức theo chân cô chủ thời trang ra đi.

Lầu kính hình tròn và bốn bề trong suốt, nổi cao lên một bên của dinh thự, trông như ống khói lớn. Trong khi các vị khách vất vả leo lên cầu thang xoắn ốc, riêng bà bá tước được vận chuyển trên chiếc ghế đặc biệt, được thiết kế cho mục đích này. Alfredo lại nghe thấy các nhân vật của ông kêu ca khẩn thiết. Bị giam giữ ở Holguin, sâu trong vùng nông thôn ở

Cuba, Delfin khẩn cầu, xin đừng bị bỏ rơi; từ New York, Daniel rên rỉ có vẻ trầm trọng và đe dọa; từ một ngôi làng nhỏ ở Pháp, Olga, ôi, Olga dịu dàng trong những trang sách chưa kịp viết, nhìn ông bằng ánh mắt trách móc và u uẩn; trong khi Nicolas và Berta ở tại đây, Miami, đang tức giận đòi tham gia ngay lập tức vào cuốn chuyện mà cả hai chưa được bắt đầu. Để xoa dịu họ trong chốc lát, Alfredo cố gắng đưa tay biểu lộ lòng phân trần, nhưng cử chỉ này lại vô tình đụng phải, làm rối xù một phần tóc kiểu cọ của nữ nhạc sĩ dương cầm. Cô quay lại nhìn ông bằng ánh mắt đáng ghét hơn cả nhân vật Berta.

Bây giờ, mọi người đã vào lầu kính. Ông chờ đợi những lời bàn thảo thực sự về kế hoạch nhà xuất bản và những tác giả đầu tiên được in ấn, có thể bắt đầu bất cứ lúc nào. Nhưng ngay lúc đó, Glasdys (đã thay một bộ váy lông lầy hơn mà chưa một ai phát hiện) vẫy tay thanh lịch, ra hiệu các nhạc công bắt đầu hợp tấu. Tiếp theo, ông chủ tịch ngân hàng khiêu vũ với vợ phó chủ tịch điều hành tờ báo Floria Herald, trong lúc ông phó chủ tịch mời cô trợ lý thống đốc ra sàn nhảy. Một giáo sư đại học khéo léo luân vũ tròn quanh căn phòng trong vòng tay vững chãi của nữ ca sĩ opera. Cô này chỉ kém nữ thi sĩ nổi tiếng một chút, hiện đang đọc diễn trình bày chuyện lãnh giải thưởng. Giữa tiếng lách cách của các gót giày và những vai những hông lắc lư cuồng nhiệt, nữ thi sĩ bước đến trước mặt Alfredo, ông không còn cách nào khác, ngoại trừ phải tham gia việc khiêu vũ.

Khi nhạc kết thúc, Ông nghĩ, cuối cùng, phải đến lúc thảo luận về đề tài trọng tâm của buổi họp mặt, nhưng Gladys đã cho một dấu hiệu khác, dàn nhạc tấu lên bản nhạc Tây Ban Nha cho nhiều người đồng vũ. Ngay cả ông bộ trưởng đáng tôn kính, trong vòng ta bà bá tước già, cũng phiêu lưu vài đường thận trọng. Màn vũ tiếp tục và nữ ca sĩ opera biểu diễn

độ cao của giọng hát, Alfredo tin rằng ông đã nghe tiếng nói của các nhân vật rõ ràng đang sát bên cạnh. Không làm gián đoạn bước nhảy, ông tiến gần vách tường kính, nhìn xuống khu vườn, trông thấy Olga run rẩy tuyệt vọng dưới gốc hàng cây phong đỏ, đưa ra những cử chỉ im lặng kêu cứu; đằng xa, bên những cây Ticus được cắt tỉa hoàn hảo, Daniel đang thổn thức. Vào lúc tiếng hát cao vút lên tuyệt đỉnh, Alfredo cảm thấy không thể nào tự bào chữa sự trì hoãn để tiếp tục nhảy nhót, ông hối hả chụp một khăn bàn ăn, như điên dại, bắt đầu viết thật nhanh ngoặc những ghi chú.

Ông phó chủ tịch Florida Herald xem vào hỏi: -*“Đây là kiểu nhảy gì vậy? Có phải ông đang ghi lại những bước nhảy?”* Alfredo không biết phải trả lời như thế nào. Trên hết, ánh mắt theo dõi đầy nghi ngờ và cảnh giác của nữ nhạc sĩ dương cầm, khiến ông càng cảm thấy bị tổn thương. Đưa khăn lên chạm trán, nhìn xuống xấu hổ, cố gắng bình tĩnh lại, nhưng khi nhìn lên, họ đang đứng trước ông, Nicolas, Berta và Delfin đang áp mặt sát vào cửa gương. Đúng vậy, từ nhiều nơi xa xôi, họ tụ tập lại đây để đập vào các ô kính, bắt buộc ông phải thừa nhận, truyền sinh khí cho họ, vào các trang tiểu thuyết, hoặc câu chuyện, mà giờ đây, ông vẫn chưa bắt đầu.

Sáu con chó Chihuahuas lên tiếng sủa kích động, có lẽ chúng đã nhìn thấy các nhân vật ngoài cửa kính. May mắn thay, chúng nó sủa chỉ là một sáng kiến khôn khéo của Gladys (hoặc những trang điểm tình tế, lối nói của bà bá tước,) để mua vui cho khách tham dự. Để giải trí cho khách, theo bước chân của cô và nhịp điệu từ dàn trống, đám chó chihuahuas đứng lên trên hai chân sau, bắt chước những bước nhảy phức tạp, đi chung quanh con chó lớn, Narcisa Saint Bernard, đóng vai chính đang nhảy ở trung tâm. Trong khoảnh khắc, Alfredo chắc chắn đã nhìn

thấy ánh buồn bã từ đôi mắt lớn của chó Marcisa, khi nó quay sang nhìn ông. Khi chấm dứt, đám khán giả vỗ tay khen thưởng, dàn nhạc chuyển sang điệu nhẹ nhàng danzo Cuba.

Lúc này, Berta, Nicolas, và Delfin càn đạp vào cửa gương mạnh hơn, trong khi Alfredo cảm thấy bức bối, xoay quanh trong vòng tay nữ thi sĩ từng đoạt giải, Senore Clara del Prado (phải chăng chúng ta chưa nghe nhắc đến tên nàng?) Lúc đó, cô thú nhận với nhà văn, đã gặp nhiều trở ngại để có thể xuất bản một tập thơ. Alfredo đồng ý không ngại: *“Tôi biết chính xác ý cô muốn nói.”* Ông bị phân tâm bởi các nhân vật đang vất vả bên ngoài cửa kính như những con côn trùng khổng lồ bị lôi cuốn vào mặt gương kín mít của chiếc đèn kính. Ông nghe tiếng nói cô thi sĩ:

- *“Anh không thể hiểu được.”*

- *“Tại sao không?”*

Nhìn ra ngoài vườn, Daniel và Olga đang đồng thanh thổn thức.

- *“Vì anh là tiểu thuyết gia, sách luôn luôn bán nhiều hơn thơ, nhất là những tác giả nổi tiếng như anh.”*

- *“Đừng đùa với tôi.”*

Bấy giờ, Daniel và Olga không còn thổn thức mà khóc rề lên đau đớn, chấm dứt bằng cùng nhau lên tiếng cầu xin: - *“Cứu chúng tôi với ! Cứu chúng tôi với !.”*

Nữ sĩ lên tiếng thúc giục: - *“Này anh, đừng khiếm tốn nữa, giữa mình với nhau, nói cho em biết, anh nhận được bao nhiêu tiền nhuận bút mỗi năm?”*

Như thể tiếng la hét từ ngoài vườn chưa đủ làm cho người nghe phát điên, Nicolas và Olga theo lời xúi giục của Delfin, đang cố đạp cửa leo vào lầu kính.

-“Tiền nhuận bút? Đừng làm tôi phải cười. Cô không biết, ở Cuba không có luật bản quyền? Tất cả sách của tôi được xuất bản ở các quốc gia khác trong khi tôi còn kẹt ở Cuba.”

“Cứu chúng tôi. Cứu chúng tôi. Nếu không chúng tôi sẽ phá cửa vào.” Không nghi ngờ gì nữa, đây là giọng nói giận dữ của Berta.

-“Tất cả bọn họ là đồ ăn cướp, em biết. Nhưng những quốc gia khác không nhất thiết phải tuân theo luật Cuba.”

Bằng tay trần, chân không, Berta và Nicholas đập đá âm âm vào gương. đồng thời, tiếng la hét ngoài vườn càng lúc càng dữ dội.

-“Các quốc gia khác sẽ áp dụng bất kỳ luật lệ nào cho phép họ cướp bóc mà không bị trừng phạt.” Ông khẳng định chắc nịch, chuẩn bị rời bỏ nữ sĩ để đi cứu các nhân vật. Lạ thật, dường như họ đang thờ hờn hển mặc dù bên ngoài dư thừa không khí.

-“Như vậy anh dự tính thế nào để tài trợ cho nhà xuất bản lớn?” Cô vừa nói, ánh mắt vừa hấp háy ra vẻ hấp dẫn, trước khi thêm vào giọng đầy âm mưu: “Ồ, thôi, em sẽ không hỏi mượn tiền anh nữa. Em chỉ định xuất bản một tập thơ rất mỏng ...”

Alfredo không tìm ra chính xác, nhưng bằng cách nào đó, Berta đã xoay sở luồn một cánh tay qua tấm kính, trước mặt người sáng tạo ra cô, đang hết sức ngạc nhiên, Berta vặn khóa và mở một cửa gương, bước vào lầu kính.

Ông lên giọng cộc lốc: –“Này cô, thực ra tôi không có tiền. Những gì liên can đến nhà xuất bản, tôi đến đây để tìm hiểu như mọi người khác. Thử xem họ có kế hoạch thành lập ra sao và sách tôi có thể xuất bản hay không?”

-“Tất cả chúng tôi được thông báo là ông sẽ là người tài trợ.”

Ngay khi đó, Delfin trượt chân ngoài lầu kính, nhưng bám được mép cửa sổ đang mở, treo lơ lửng rất nguy hiểm. *“Coi chừng,”* Alfredo thét lên, nhìn về hướng cửa sổ, hoảng hốt lo sợ cho nhân vật có thể rớt xuống.

-“Tôi cứ tưởng chỉ những nhà thơ như tôi mới điên rồ, Bây giờ mới biết, các tiểu thuyết gia cũng vậy, có lẽ điên nặng gấp đôi.” Nữ thi sĩ lẩm bẩm trong khi chăm chú theo dõi Alfredo. Ông la lớn: *-“Điên gấp ba lần,”* rồi lao mình đến cửa sổ để cứu Delfin, cùng lúc, Berta Gonzalez và Nicolas Landrove bước vào lầu kính.

Alfredo cảm thấy xấu hổ khi Nicolas, Berta và Delfin Prats (nhân vật mà ông vừa cứu,) trông thấy ông ở giữa đám người này, thay vì để giờ làm việc với họ. Cảm giác càng lúc càng áp lực thúc đẩy ông và các nhân vật rời khỏi hiện trường. Ông quyết định chào từ giã cô chủ và các khách khứa, thay vì phải chờ cuộc thảo luận quan trọng bắt đầu. Đi về hướng đám khách, con Narcisa cố ý theo sau, đánh hơi gót chân.

Đột nhiên, một cảm giác căng thẳng kỳ lạ bao trùm khắp lầu kính, không còn ai chú ý đến Alfredo. Tệ hơn, giống như ông đã trở thành vô hình. Bằng giọng nói lạnh lạnh, nữ thi sĩ vừa thông báo điều gì với Gladys và đám bạn của cô. Tất cả khuôn mặt đó tỏ vẻ ngạc nhiên và giống như bị xúc phạm. Ông không cần khả năng quan sát của nhà văn, cũng nhận ra họ đang nói xấu những điều bất lợi về mình. Thoáng nghe cô Gladys Perez Campo hạ giọng trầm trầm và phẫn nộ: *-“Tốt nhất, ông ta nên rút đi.”* Ngay cả khi hiểu được lời nói kia ám chỉ mình, Alfredo ngạc nhiên và bối rối đến mức không thể chấp nhận.

Ngoài những lời nói gián tiếp, cho dù chắc chắn muốn đến tai ông, vị thế xã hội và cách cư xử lịch thiệp sẽ không cho phép Gladys giữa đám đông bắt buộc một trong những khách mời, phải ra về. Vì vậy, vẫn giữ ý định giải cứu các nhân vật, (về phần họ, đang phớt lờ ông,) Alfredo giả vờ như không nhận ra ý xấu của mọi người, mà cố gắng hòa nhập vào cuộc chuyện trò. Bà bá tước nhìn ông bằng đôi mắt khinh bỉ. Ông cảm thấy thẹn thùng đến nỗi phải trốn vào một góc nhà, châm điếu thuốc. Có phải là hành vi giao tế tồi tệ nếu bỏ ra về mà không nói tạm biệt với chủ nhà và những vị khách hay không?

Còn phiền phức hơn, Delfin mở cánh cửa cầu thang xoắn ốc, cho Daniel và Olga bước vào. Họ nắm tay nhau và không thèm nhìn Alfredo nữa mắt. Tiến đến đứng chung với Niocolas và Berta, đã uống một ít rượu, hơi ngà ngà. Một lần nữa, ông cảm thấy đuôi chó Narcisa cọ quẹt vào chân.

Năm nhân vật trong tiểu thuyết (tối thiểu bây giờ ông biết những người này chỉ xứng đáng ở trong truyện,) họ thích thú đi vòng quanh, tò mò nhìn ngắm đủ thứ ra vẻ tính toán. Alfredo tập trung hết năng lực tinh thần để xua đuổi các nhân vật ra đi, nhưng họ không nghe. Ngược lại, họ lẫn lộn vào các vị khách nổi bật nhất, những người thượng lưu thứ thiệt. Các nhân vật tự giới thiệu mình, nhanh chóng bắt chuyện và nói cười vui vẻ.

Từ góc phòng, nơi ông giấu mình sau cây dừa nhiệt đới cao lớn và ẩn sau khối thuốc lá của chính ông, quan sát kỹ lưỡng năm nhân vật truyện và phát giác không có nhân vật nào ăn mặc như ông đã chỉ định. Olda, được cho là nhút nhát dịu dàng, đã trang điểm quá độ, mặc váy ngắn bó sát. cử chỉ là lời. mặt mày giả tạo, cười ngoắt ngoắt khi nghe câu chuyện đùa của ông giám đốc cơ quan Xum Hạp Gia Đình Cuba

vừa kể. Trong khi, Berta và Nicolas, theo nhân quan của ông, họ thuộc mẫu người “chính trực không lung lay”, đã quy lụy người trợ lý thống đốc một cách quá đáng. Có một lúc, Alfredo tưởng mình đã nghe lóm được họ hỏi vay một khoảng tiền kinh doanh để mở tiệm bán Pizza trong trung tâm thành phố. Về phần Daniel, (người sống nội tâm đơn độc), đã tự giới thiệu mình là Daniel Fernandez Trujillo và đang kể cho nữ thi sĩ những câu chuyện lãng xẹt, đến nỗi bà bá tước đã kín đáo dời chỗ ngồi qua nơi khác. Nhưng Delfin, nhân vật rất tài năng, đang nói lời xấc xược về người tạo ra anh. Trong khi hạ ly bia xuống (ly thứ năm? thứ bảy?) anh chế nhạo người đã dựng ra mình, đó là Alfredo Fuentes, bằng lối nói không chỉ kỳ cục, mà gần như tục tĩu và tàn nhẫn. Với kỹ năng ma thuật, Delfin bắt chước Alfredo, phóng đại tất cả những điều kỳ quặc của nhà văn, cử chỉ, phong cách riêng, bao gồm cách nói, thậm chí, cả cách thở. Alfredo phát giác, đôi khi, anh ta nói lấp bắp, mt lồi, lúc bước đi, ưỡn bụng ra phía trước. Trong khi chứng kiến nhân vật yêu thích chế nhạo mình, ông còn phải chịu đựng con Narsica cuồng nhiệt liếm mặt. Delfin Prats Pupo kết luận không một chút nghi ngờ: *“Điều tồi tệ nhất là cách giả tạo tư thế lồ bịch như một nhà văn lỗi lạc, ông ta chẳng có tài năng gì, thậm chí viết sai lỗi chính tả. Ông thường viết tên tôi thiếu chữ “t”. “Prats”.* Mọi người bật cười, âm thanh lạ lùng, leng keng như tiếng ly rượu.

Càng lúc càng lo lắng, Alfredo đốt một điếu thuốc nữa, rồi nhanh tay bỏ xuống sàn nhà, khi thấy Delfin bắt chước ông, cũng đang châm điếu thuốc.

“Thưa ông, xin vui lòng lượm điếu thuốc lên hay ông có ý định đốt cháy thảm?” Một trong những người hầu đứng gần nhất đã khiển trách ông.

Alfredo cúi xuống lượm điều thuốc, trong tư thế này ông cảm nhận tiếng leng keng đặc biệt kia do giọng nói lạnh lạnh của những vị khách đang xâm xì, liếc trộm ông với vẻ khinh bỉ. Ông bực bội gỡ chân con Narcisa, nó tru lên thảm thương. Alfredo tiến gần đến đám khách để tìm hiểu việc gì đang xảy ra. Ngay khi vừa gia nhập vào đám khách, bà trợ lý thống đốc không thềm nhìn ông, tuyên bố sẽ phải ra đi ngay lập tức.

Đột nhiên, như bị lò xo đẩy bật, đám khách đều quyết định đã đến giờ ra về. Bà bá tước được khiêng đi trên chiếc ghế uy nghiêm, hầu hết các vị khách hôn tay bà từ giã, Alfredo thấy bàn tay bà trở nên trong suốt. Cô ca sĩ opera đi ra trong vòng tay (cũng thực sự trong suốt) của chủ tịch ngân hàng. Ông bộ trưởng quay đi trong khi tiếp tục trò chuyện linh động với nữ nhạc sĩ dương cầm, cô có khuôn mặt càng lúc càng trở nên sáng bóng và rực rỡ. Khi nữ thi sĩ ra về, nhân vật Daniel ôm eo cô. Ông thấy bàn tay anh chàng trẻ tuổi này thoải mái chìm vào cơ thể trong mờ của cô. (Bàn tay anh ta nhanh chóng biến dạng vô hình. Cả hai kết hợp vào nhau thành một.) Các nhạc công da đen cũng ra đi, Delfin dẫn đầu, nhảy nhót chung quanh bọn họ một cách vui vẻ, tạo ra âm thanh leng keng quen thuộc, đồng thời bắt chước những cử chỉ nhà văn. Ông không biết làm sao để ngăn chặn Delfin. Còn Oldga, đi với vị giáo sư toán học, hai tay họ quấn quít vào nhau. Giữa lúc chen lấn này, Berta nhét vào túi xách tay những miếng pho mát Pháp. Nicolas thì hút kẹo. Cả hai không để ý Alfredo đang ra dấu hiệu vì cô chủ nhà đang phản đối. Gladys trên đường đi ra với sáu con Chihuahuas, hăm dọa sẽ gọi cảnh sát, nhưng giọng nói của cô nhỏ dần nghe tiếng leng keng khó nhận ra.

Chỉ trong vài phút, cô chủ, đám khách, các hầu bàn, năm nhân vật đã biến mất, chỉ còn Alfredo cô độc trong dinh thự rộng lớn. Băn khoăn, ông chuẩn bị ra về, bỗng nghe tiếng rầm rộ của đoàn xe xây cất, xe cần trục, tràn vào tòa lâu. Rồi đột nhiên nền nhà bắt đầu chuyển động, mái nhà biến mất, các tấm thảm tự động cuộn lại, những cửa sổ sút ra bay trong không gian, những bức tranh rớt xuống, những tường vách di chuyển với tốc độ không thể tưởng tượng, rồi biến mất. Tất cả đều tan biến vào chiếc xe tải khổng lồ hả miệng. Khi mọi thứ tự tháo rời, tự đóng gói, (toàn bộ khu vườn với cây nhựa, tường vách, máy lọc không khí đã được dời ra ngoài), Alfredo thấy được dinh thự này chẳng khác gì tòa lâu xây dựng bằng giấy cứng có thể lắp đặt hoặc tháo gỡ một cách nhanh chóng. Một người có thể thuê vài ngày, thậm chí, vài giờ, theo thông tin quảng cáo bên hông xe vận tải lớn, đang chở đi mọi thứ tháo ráp bên trong.

Trong nháy mắt, địa điểm nơi dinh thự từng từng đã không còn gì cả ngoài trừ một mảnh đất cao đầy bụi cát. Đứng ở giữa đó, Alfredo vẫn còn bối rối, không thể tìm thấy những gì không tồn tại, ông không tìm ra con đường dẫn ông trở về thành phố. Đi lui đi tới không phương hướng, nghĩ đến câu chuyện mà ông chưa bao giờ viết. Bỗng nghe tiếng chó sủa rần rật, kéo ông ra khỏi mộng mị. Bực dọc, sợ hãi, ông bắt đầu bỏ chạy, nhưng con chó Narcisa khoẻ mạnh hơn nhà văn, đã nhanh chóng đuổi kịp, chồm lên, đè ông xuống, bắt đầu liếm mặt túi bụi. Bất ngờ, một niềm vui ập tới khi ông nhận ra cái lưỡi con chó là có thật. Ông lấy lại bình tĩnh, đứng lên. Vuốt ve tường thường con chó, đã trung thành chạy theo ông. Alfredo quyết định rời bỏ nơi đó.

Bản dịch Anh ngữ của M. Koch.

Truyện Ngắn Mã Lai

Leng Lui Is For Pretty Lady

Elaine Chiew

Ngu Yên dịch



Elaine Chiew là nhà văn và nghệ sĩ tạo hình, tác giả của tập truyện ngắn *The Heartsick Diaspora* (2019). Thắng hai lần giải Bridport Short story Competition ở UK.

Người Mã Lai, tốt nghiệp đại học Stanford Law School. Hành nghề ở New York và Hong Kong.

Theo học MA tại Asian Art History ở Lasalle Colledge, Singapore.

Leng Lui

Tên Gọi Người Đẹp

Ngu Yên dịch

(*) Leng Lui: *Tiếng lòng dùng ở Mã Lai và Singapore. Nghĩa là người đẹp, mỹ nhân. Tựa đề này có nghĩa*

“Mỹ nhân dành cho người đẹp.” Truyện Leng Lui Is For Pretty Lady được tuyển chọn vào tuyển tập truyện ngắn thế giới: One World, A Global Anthology Of Short Stories, Ovo Adagha và Molara Wood, New Internationalist. 2009, New Internationalist Publication. Ltd.

Mọi người đều nói, tôi được may mắn. May mắn, vì bà chủ Kong cho tôi nhiều bộ đồ và áo đầm cũ mà bà đã không dùng từ thập niên 1980, kể cả đồ lót. Hầu hết, chúng không thích hợp với tôi. Nịt vú còn tòng teng phần ren rách. Áo đầm quá trang trọng để mặc khi kỳ cọ sần nhà bếp hoặc leo lên quầy lau các kệ trên cao. Vì vậy, đôi khi tôi cất áo dùng làm vải lau chùi vì bà Kong cho rằng mua khăn lau bát đĩa ở cửa hàng là khoảng chi phí không cần thiết cho gia đình. Hoặc tôi tặng lại cho bạn bè, rồi ngày Chủ Nhật khi đi chợ, thấy chúng treo trong Trung Tâm Hồng Kông.

Maridel, có cánh tay từng khúc như củ sen hồng và đôi mông mềm như quả lê chín, nói với tôi, - *Alina, chị không muốn mặc những cái khoác lếch thếch trong nhà của em cho, dù miễn phí hay không.* Tôi nói, - *chị may mắn được em tặng những áo này.* Cô ta nhún vai rồi kéo những sợi dây đã khéo léo may lên đôi giày da lộn, mục đích giả dạng làm đôi ủng. Tôi tiếp lời, - *Đôi ủng này làm chị giống “chị em ta.”* Cô nhếch mép, - *Thấy giống Pretty Woman không?* Cô biết tôi hâm mộ nhân vật nữ vai chính trong phim này.

Không, tôi không thể nhận tôi may mắn như nhiều người vẫn nghĩ, ít nhất là không thể so sánh với Maridel. Bà chủ của cô không thức dậy cho đến hai giờ chiều vì làm ca sĩ trong vũ trường, chỉ về nhà lúc

khuya. Do đó, Maridel muốn làm gì thì làm cho đến mười giờ đêm, giờ cô đi ngủ. Tôi đã từng nói với Luya và Febie, sự may mắn của chúng tôi tùy thuộc vào công việc và tâm tình của bà chủ. Nếu bà gặp phải một ngày không vui, chúng tôi sẽ lãnh một ngày xấu.

Luya, mái tóc màu thuốc gội đầu Palmolive, thích chống đối. Thường có ý kiến về mọi thứ. Cô nói nếu bạn được giáo dục, trình độ cao hơn 140.000 vút em, đầy tớ ở đây, chủ nhân sẽ thấy giá trị của bạn và đối xử tốt hơn. Như thể là món đồ cổ Trung Hoa, nếu nhìn kỹ sẽ thấy giá trị của mảnh gỗ nứt mốc meo. Cô còn nói, thậm chí có thể là những bậc thang leo lên các công việc tốt hơn như việc dẫn khách trong nhà hàng hoặc một trợ tá văn phòng. Luya hơi có vấn đề tâm thần, thái độ luôn luôn ngoan cố trong mọi trường hợp. Tôi có bằng cấp văn chương Anh ngữ từ đại học Manila nhưng nhìn xem, học hành đã đưa tôi đến đâu. Giữa tôi và Febie không có gì khác biệt. Cô ta nói tiếng Anh bập bẹ nhưng cả hai chúng tôi đều phải thức dậy lúc sáu giờ sáng đưa trẻ đi học, sau đó, nấu ăn dọn dẹp suốt ngày, rồi phải nghe tiếng Hạc cầm rầy rà từ bà chủ, - *Ái da, sao cô không lau mặt sau ngưỡng cửa, thấy chưa, bụi đóng lớn như viên chả cá.* (Viên chả cá, tôi học nhiều tiếng Quảng, cái lỗi viết như gà bới trên báo chí khiến cho đời sống trong thành phố này trở thành một bí ẩn khổng lồ) Hoặc - *Đúng là đồ ngốc, khi luộc gà phải luộc cho đến khi dùng đũa đâm thử vào thịt và thấy nó dội ra.* Tôi phải cố nhịn nhục trả lời, - *Không, thưa bà, gà đã chết rồi, dù có đâm sẽ không dội ra.*

Bà Kong nhìn tôi nghi ngờ, nhờ vậy, bà biết tôi có học hành tử tế và nói tiếng Anh giỏi hơn bà. Luya hoàn toàn sai bét về điều này - Nếu bạn có ăn học đàng hoàng, bà chủ sẽ nghĩ bạn đang lên mặt, bà sẽ rình rập những sơ hở sai lầm để trừng phạt. Bà

muốn bảo đảm bạn phải biết rõ thân phận của mình. Ban đêm khi gát tay lên gối ngủ, tôi không nghĩ đến những gì Luya kể lể, như chuyện Jose đi chơi với cô gái nào đó, hoặc Abuela quỳ cầu nguyện cho tôi mỗi ngày ở Santa Ana, hoặc Juanita đưa bé ba tuổi nhìn bức ảnh tôi gửi về rồi kêu “mẹ?” Không, tôi bận suy nghĩ cách đối phó với bà Kong.

Febie thích gọi tôi “Leng Lui”. Một tiếng lóng của người Quảng chỉ phụ nữ xinh đẹp. Febie học được từ những người bán hàng rong ở Mongkok. Nhưng tôi không rẻ tiền như Charina hoặc Fredahlia, họ đi thuyền du lịch với người ngoại quốc, da trắng như cá mập tại các câu lạc bộ ca nhạc ở Wanchai.

Charina và Fredahlia không hơn gì các cô gái điếm. Họ nói, họ tân thời. Học hút thuốc lá, nhảy hip-hop. Ai mà cần biết nếu họ lắc hông hoặc trở nụ cười rình rập với hy vọng cống một trong những con cá mập, sẽ mang họ đến Hoa Kỳ hoặc Luân Đôn. Có thể nào bán linh hồn của mình để đổi lấy một phòng vẽ tranh vải hoa sặc sỡ hoặc những chiếc bình giả kiểu đồng phương hoặc những lồng hâm thức ăn bằng thép bóng sáng, phòng trò chơi với những con thú nhồi bông treo trên tường.

Không, tôi ở lại với những bộ phim ưa thích. Ling Ling và Sdever, con bà chủ, dùng chung một máy DVD. Sau khi chúng xem phim Thomas The Tank Engine, tôi lén bỏ vào xem vài phút phim Pretty Woman hoặc Officer and Gentleman, tất cả những chuyện tình lãng mạn này bà Kong đã mua và theo dõi với phụ đề chữ gà xối, bà nằm dài trong phòng khách, đóng các cửa màn, hút thuốc liên tục, mặc lên cái mai rùa ra vẻ thông thái, rồi rơi nước mắt vào chén trà Ô Long.

Tôi mất rất nhiều thời giờ để xem hết một cuốn phim vì chỉ xem được vài phút mỗi ngày, nhưng nó mang

lại gấp bội sự mong đợi ngọt ngào. Nhiều lần, giữa lúc rửa chén bát và gọt hành tây, tôi mơ mộng mình trở thành nhân vật trong phim. Febie thường nói tôi giống tài tử. Đôi khi, tôi mơ thấy mình đang nói lời đối thoại trước ống kính. Chuyện này không phải quá tầm tay, Kể cho Luya và Maridel nghe, họ khinh khỉnh nói, tác hại của mơ mộng trong công việc nhằm chán hàng ngày là gì? Giống như những cạnh rìa bao bọc trò chơi ghép hình hoặc các trang trong bìa sách. Tôi xem những câu chuyện tình lãng mạn rồi mơ khi mình trở lại Manila, Jose sẽ ra đón tôi tại sân ga xe lửa với bó hoa cúc trên tay và con gái tôi đứng cạnh anh. Có phải quá xa vời không?

Chuyện của tôi có thể tồi tệ hơn. Có thể giống như Eliza-Eunice, nhận một cái chảo đập vào đầu vì bà chủ tưởng cô ăn cắp 32 đồng Hồng Kông dẫn dưới cái gạt tàn thuốc. Một tuần lễ sau, cô đã qua đời trong bệnh viện vì bị máu đọng trong não do chấn thương. Ngay cả khi người chủ bị bắt nhốt tù, ai là người thua thiệt? May mắn, bà Kong không thích dùng đồ sắt để đánh đòn trừng phạt. Bà thích nhất là cốc lên đầu một cú thật mạnh. Ông Kong dường như không để ý đến sự hiện diện của tôi.

Nhưng điều mà chúng tôi lo sợ nhất là mất việc làm. Nếu mất việc, chỉ có hai tuần để tìm việc mới, nếu không, sẽ bị trục xuất. Maridel nói với tôi điều này do một người Úc mà cô đã hẹn hò đã giải thích. Ông nói, - *Em biết không, đây là một bài toán học búa.* Nếu bị đuổi việc, sẽ không thể kiếm việc làm mới trừ khi nhận được thư tha thứ của người chủ đã đuổi mình. Dù tôi ngu lảm cũng hiểu được, trừ khi người chủ cũ có lương tâm thương xót người làm hoặc đơn giản là người chủ tốt bụng, ngoài ra, bạn sẽ rất khờ khạo khi nghĩ rằng có thể xin một bức thư giới thiệu từ họ. Đây là bài toán nan giải.

Ông bà Kong khá vui vẻ. Hai đứa con cũng bình thường. Sdever thích gặm bông gòn. Ling Ling thích dùng kéo cắt búp bê của nó. Bà Kong uống rượu Nga trắng mỗi buổi chiều và khăng định chỉ là sữa thôi. Đôi khi bà có bạn bè đến nhà chơi mặt chược. Giữa tiếng lách cách của các quân bài ngắn đó, tôi có thể nghe tiếng phàn nàn của bà với những phụ nữ đầy trang sức, mặc áo lông giả, như thể đời sống đã bắt cóc bà và đòi tiền chuộc.

Ông Kong là giám đốc chi nhánh của HSBC. Đôi khi, ông làm việc muộn, tôi không hiểu lý do vì chi nhánh này đóng cửa lúc 5 giờ chiều. Khi tôi mới đến giúp việc cho gia đình Kong. Rất có ấn tượng về ông chủ nhỏ người nhưng bảnh bao, râu cạo sạch sẽ, áo quần tề chỉnh, đôi giày sáng bóng và có thói quen rửa tay hơn mười lần trong một ngày. Một hôm trông thấy ông cắt móng chân rồi đổ vào chậu cây trên bệ cửa sổ phòng ngủ. Khi đi tưới nước, tôi vén lá ra, thấy dưới gốc cây một đồng móng tay móng chân.

Gần đây, ông đặt một củ cải bên cạnh chân đèn ngủ trên bàn nhỏ. Buổi sáng, tôi tìm thấy nó, lòng rất phân vân, mang củ cải cắt vào tủ lạnh. Đêm đó, ông Kong hối hả đi vào bếp, nơi ông ít khi đến, mở tủ lạnh, lấy củ cải, rồi vội vã bỏ đi. Tôi kịp nhìn thấy ánh mắt của ông biểu lộ điều gì bí ẩn làm lạnh tóc gáy. Trước giờ đi ngủ, tôi lên thấy ông nói chuyện với củ cải. Ngồi trên giường mặc bộ đồ ngủ đã được ủi thẳng thớm, Đôi chân thòng xuống đặt lên thảm. Ông nói những lời thật khó hiểu, trong khi lồng ngực ưỡn ra, bật đôi vai thẳng. Có lẽ ông đang trút tâm sự vào củ cải, vì ông và bà Kong ít chuyện trò với nhau ngoài những chuyện lật vạt về con cái. Tôi kể chuyện này với Maridel, cô ta cười như một người nhà quê. *Cái gì, ông ta nói chuyện với củ cải? Tại sao là củ cải?*

Bà Kong hầu như không để ý, hoặc đơn giản là bà không quan tâm. Bà đang ve vãn một anh chàng trẻ, quản lý tiệm thuốc bắc ở Sai Yeong Choi. Anh ta cho bà xem một cái sừng nai khô, cả hai lấy tay che miệng, cùng cười khúc khích. Anh lấy một cái gì hình dài màu nâu trông giống như ngón tay, thì thào vào tai bà. Mắt bà Kong mở lớn, đảo tròn, chuyển sang màu đỏ như vỏ trái thanh long. Anh ta đột nhiên quay sang tôi, lớn tiếng nói tiếng Anh, - *Dương vật, dương vật đây này*. Tôi cảm thấy tội nghiệp cho ông Kong, đã làm việc chăm chỉ và cố gắng trở thành người cha gương mẫu.

Nhưng cậu Sdever chỉ bệnh cảm ậm ự với cha. Không biết cậu bé này có bị tổn thương trí não hay không vì chỉ có người khờ khạo mới có cái miệng méo xệch như vậy. Còn cô Ling Ling hoàn toàn không đếm xỉa đến cha, chỉ chăm chú vào đồ chơi khí cụ âm nhạc, búp bê, và bảng vẽ hình.

Nhưng rồi đến lúc mọi chuyện sôi sục. Nóng như một quả trứng có thể luộc trên vỉa hè. Một hôm, bà Kong chưng diện đẹp đẽ. Nói với tôi sẽ đến tiệm thuốc bắc để mua một số thảo dược về nấu súp. Tôi nói, - *Thưa bà, em có thể đi giúp bà*. Bà vẫy tay từ chối, mang ví lên vai, dừng lại trước gương soi treo trong hành lang, kiểm soát son môi, rồi đi ra. Một giờ sau, vẫn chưa thấy về. Nhà giữ trẻ gọi vì không ai đón cậu Sdever. Rồi nhà trường gọi để đón Ling Ling. Tôi nói, bà Kong đang đến. Tôi bỏ con gà vào chậu nước đầy, nhổ những lông trắng ra khỏi khối thịt hồng. Lòng bắn khoăn, có lẽ, họ ham trò chuyện. Ai mà dám làm trò khỉ giữa ban ngày?

Khi tôi đến tiệm thuốc, cửa sắt đã cài khóa. Nhìn qua khe cửa không thấy ai, bên trong mập mờ màu nâu tối, cảm tưởng như con cá sấu còn ngủ trong vùng đầm lầy nóng hầm hập. Chiếc quạt trần vẫn xoay tít

như cánh máy bay trực thăng. Tôi ngồi xồm trên vĩa hè chờ khoảng 10 phút, 15 phút, rồi 20. Không có dấu hiệu gì của bà Kong. Không chừng bà chẳng đến nơi này mà đi tiệm Park N' ở ngược phía bên kia. Lấy tờ báo cũ quạt cho đỡ nóng, tôi nghĩ đến cậu Sdever đang sợ hãi và cô Ling Ling tức tối vì là người cuối cùng rời trường học. Bực bội, tôi bật đứng lên, chỏ miệng vào khe cửa sắt, la to. - *Bà Kong, bà Kong!* Bà xuất hiện, ăm ắp hờ hắng, tóc rối lếch, son môi lem nhem. Bà hỏi giọng lên án, - *Em đó hả!* Tôi không phải là người đang mặc váy lót tụt xuống chân. - *Alina, em làm gì ở đây?* Bà kéo áo ngoài che áo lót, vội vàng, cài dây nút sai chỗ. Anh chàng trẻ đứng phía sau, điều thuốc lập lờ, mặc quần lót bó sát và chiếc áo lót màu trắng còn đầm mồ hôi. - *Thưa bà, em xin lỗi nhưng Sdever và Ling Ling ...* Bà chặn tôi lại, nói tiếng Quảng rất nhanh với anh kia. Anh ta vội tiến ra, mở khóa cửa, miệng nhếch cười, mắt híp lại dưới ánh nắng mặt trời. Bà bước ra nắm lấy tay tôi, - *Đi mau, đồ ngu.* Bước rầm rập, kéo tôi đi như thể tôi đã làm điều gì sai trái. - *Mày không được nói chuyện này với ai, nghe rõ không? Nếu lộ ra, tao sẽ đuổi mày.*

Nhưng ông Kong chắc đã đánh hơi được điều gì khác lạ. Có lẽ, ông nhìn thấy bà cười khi soi gương, đôi môi phồng dày hơn và đôi mắt thêm lúc lắc. Rồi đột nhiên, bà thả tóc dài bồng bênh. Đêm hôm sau, ông lại trò chuyện với củ cải. Thoạt đầu, giống như ông đang thì thầm sát nó, nhưng nhìn kỹ, tôi thấy ông đang hôn. Không chỉ hôn, lưỡi ông dụ dằng liếm củ cải.

- *Thưa ông*

Ông thả củ cải xuống sàn như thả chiếc bánh giò gà nóng.

- *Thưa ông, trà của ông đây.*

- Ủ ... chưa cần... Ông lượm củ cải lên, nhìn nó, ánh mắt như u sầu. Giọng điệu cộc lốc.

- Bà Kong đang đau rồi?

- Bà xoa mặt được ở nhà bà Chin.

- A ... tôi quên. Còn tụi nhỏ?

- Thưa ông, đã ngủ rồi.

- Tốt, Alina Mang trả lại đây. Tôi cảm thấy mệt.

Khi tôi kể cho nhóm bạn đi nhà thờ nghe chuyện ông Kong liếm củ cải. Họ chia thành hai phe. *Có thật không?* Febie hỏi, mắt mở to, miệng há ra. Maridel nói, - *Có lẽ, ông ta cần sừng nai khô, sau đó, không cần luyện tập với củ cải.* Luya lắc đầu, - *Tao rất mừng đã không phải giúp việc cho bà chủ Trung Quốc. Họ tàn nhẫn và kỳ quặc.*

Thực tế, nếu tôi kể lại chuyện đó, bà Kong sẽ đuổi tôi. Meridel chế nhạo nhái tiếng Quảng, - *Không phải hăm dọa đâu, làm đồ đậu, tao sẽ đuổi mày.* Nghe giống như bà Kong, thật đáng ngạc nhiên. - *Gọt vỏ khoai không đúng, tao sẽ đuổi mày. Dọn phòng tao không sạch, tao sẽ đuổi mày.* Tôi nói, - *Meridel, mày biết gì về chuyện dọn dẹp, bà chủ mày chỉ cần quét nhà mỗi năm một lần.* Luya vỗ vai tôi, - *Này, không có gì đâu, không có gì sẽ xảy ra, mày may mắn vì mày đã biết chuyện bí mật của họ.*

Những buổi chiều thăm viếng tiệm thuốc bắc và ông Kong hành hạ củ cải vẫn tiếp tục diễn ra. Tôi xem thêm nhiều phim tình lãng mạn. Mỗi lần ngồi, xem một khúc. Pretty Woman, còn vài lần nữa mới hết. Tôi dám ra ngoài phòng khách với màn cửa kéo lên, đôi khi uống rượu Nga trắng. Một buổi tối, khi đang thay nước trong bình hoa ở hành lang, nhìn vào gương soi treo trên tường, tôi nói lời đối thoại của phim Pretty Woman, đoạn nàng nói về một công

chúa bị nhốt trong tòa tháp. Đột nhiên, nhìn vào gương tôi thấy ông Kong đang theo dõi tôi. Nhưng ánh mắt ông không giống như các anh ngoại quốc ở khu thương mại Central, công khai, dâm dăng, ông Kong nhìn tôi bằng ánh mắt đáng sợ qua bản lề khe cửa vào nhà bếp.

Rồi, một buổi chiều, khi vừa lau xong sân thượng bên ngoài, tôi bước vào, bà Kong đang đứng giữa hành lang với chiếc va li căng phồng, Tôi hỏi, - *Thưa bà?*

- *Alina. Gọi ông Kong ở sở làm nhắn ông đến đón hai đứa nhỏ. Em nhớ làm món trứng chiên cho chúng ăn tối. Tôi không muốn Ling Ling thức quá khuya. Nếu chúng khóc, nói với chúng tôi sẽ gọi về từ Phuket.*

- *Thưa bà, từ Phuket?*

- *Đúng, tôi đi nghỉ mát. Tuần sau sẽ trở về.*

- *Nhưng ông nhà có biết chuyện này không?*

- *Không, ông không quan tâm đâu. Bà nhếch nụ cười cay đắng rồi bỏ đi. Tôi một mình với hai đứa trẻ.*

Chưa bao giờ gọi ông Kong ở văn phòng. Tôi run rẩy hỏi, - *Làm ơn, cho gặp ông Abdrew Kong.* Ngay sau khi một phụ nữ nhanh nhẹn bắt máy trả lời bằng tiếng Quảng. Tôi thở phào nhẹ nhõm, thay vì tra hỏi, cô chỉ nói, - *Chờ một chút.*

Khi ông Kong bắt điện thoại, lời nói của tôi dính vào miệng nặng như đá.

- *Hello, ai đó?*

- *Thưa ông Kong, bà đã đi Phuket,*

- *Ai vậy?*

- *Thưa ông, Alina.*

- *Chuyện gì vậy, Alina.* Giọng nói ông đánh lại đầy ngạc nhiên

- *Thưa ông, Bà Kong đã đi Phuket, Bà nói, tuần sau mới trở về. Bà nhờ ông đón đưa hai em. Bà đã đi rồi.*

Đầu dây bên kia, hoàn toàn im lặng.

- *Lúc mấy giờ?* Sau cùng, ông lên tiếng, giọng mệt mỏi, tôi nghĩ là, u ám. Nghe không thấy giận dữ, như vậy, tôi sẽ không bị đánh đòn bằng cái chảo.

- *Thưa ông, bà đi lúc 4 giờ.*

- *Không phải, tôi muốn hỏi, mấy giờ đi đón hai đứa nhỏ?*

- *Ồ, thưa ông, 5 giờ. Trễ nhất là 5 rưỡi.*

- *Chết thật! Chỉ còn 10 phút nữa là 5 giờ.*

Đêm đó, nghe nhiều tiếng cãi vã, cậu Sdever khóc sứt sứt ngay cả khi đã ngủ. Một vệt nước mũi màu vàng chảy dài trên má. Ling Ling quăng từng con búp bê vào tôi cho đến khi không còn con nào. Tôi lượm chúng lên và cất vào rương đồ chơi. Cô lại mở rương lập lại cơn giận dữ này, trong khi ông Kong ngồi trong nhà bếp đọc báo, nhưng tôi để ý thấy ông chỉ nhìn một trang trong cả tiếng đồng hồ. Cuối cùng, Ling Ling mệt mỏi bỏ đi ngủ, đám búp bê tung tóe khắp sàn nhà, kể cả những chiếc đầu bị cắt bằng kéo bén.

Vài ngày tiếp theo, tôi rán làm mọi thứ có thể được cho gia đình ông Kong. Những người này trông như tàn phế, như thể bị thương tật một chân, chỉ có thể đi đứng khập khiễng. Cậu Sdever không chịu ăn, mặc dù tôi cố gắng dụ dỗ bằng những món ăn chiên mà cậu ưa thích. Nấu món súp gà thuốc bắc cho ông Kong. Ling Ling muốn viết thư gửi cho mẹ. Mang giấy bút cho cô, nhưng cô lại vẽ một con bạch tuột lớn đang quán mặt trời. Tôi hỏi, - *Em vẽ cái gì đây?*

Cô trả lời, - *Phuket*. Ông Kong vẫn tiếp tục xoa bóp củ cải, chậm rãi, thận trọng, mắt ông theo dõi tôi. Ban đêm, tôi lại bận tâm về Jose. Cố gắng không nghĩ đến chuyện anh ta hẹn hò với cô gái khác. Rồi trí óc lại ngập tràn hình ảnh bà Kong ở Phuket với chàng trai tiệm thuốc bắc.

Đã 10 ngày qua, không thấy tăm dạng bà Kong. Đêm hôm đó, tôi hỏi ông Kong. - *Thưa ông, ông có định đi tìm bà không?* Ông đang húp súp, ngược lên, Từ khi bà Kong ra đi, ông nài nỉ tôi ăn tối chung với gia đình. Những bữa ăn này đầy im lặng nặng nề, chỉ nghe tiếng leng keng của thìa súp trong tô đựng. Hai đứa trẻ đi ngủ, tôi và ông ngắm nhìn vỏ cây, nấm, đậu phụ khô, trộn trong sữa máu nâu, thỉnh thoảng một cổ gà nổi lên khi tôi khuấy bằng cái muỗng lớn. Bây giờ ông nhìn lên như tôi đã nói bằng thổ âm Tagalog.

- *Nếu bà muốn trở về, sẽ trở về.* Ông thở dài đầy u uất.

- *Nhưng, có lẽ, ông nên gọi điện thoại cho bà.* Tôi nhìn thẳng vào các con số gọi Phuket, viết nguệch ngoạc to tướng bằng ngang tám lịch, treo trên đầu chiếc kệ đựng đồ gia vị.

- *Bà đang đi nghỉ mát, không muốn bị làm phiền. Cô đã biết như thế nào khi bà bị quấy rầy trong lúc đang làm chuyện gì khác.*

Vâng, tôi biết, cóc, cóc, những cú gõ lên đầu nhưng tôi không nói như vậy chỉ cần môi.

- *Ông sẽ làm gì nếu bà đi luôn?* Ông bỏ thìa xống, ôm lấy đầu. - *Alina, tôi không biết.* Ông trông buồn thảm và bối rối, cảm thấy ái ngại cho ông. - *Hừm ... Món gà nấu hạt vừng này, ông thấy thế nào?*

- *Tôi không thể nghĩ gì về món ăn.* Ông nói như rên. Rồi nhìn lên, đôi mắt long lanh như vỏ dừa hầu lảng.

Đột nhiên, đặt bàn tay lên cánh tay tôi, một móng vuốt màu sữa nhạt. - *Alina, tôi không cần bà Kong.*

Phản xạ tự nhiên giật mình khiến tôi đánh rơi chiếc muỗng, nước súp làm ông bị bỏng. Ông rút tay lại thật nhanh. Sợ hãi, tôi đẩy ghế ra sau, chụp lấy khăn lau chén bằng vải váy cũ của bà Kong để lau khô tay ông. Lần này, ông nắm chặt tay tôi, không chịu buông ra. - *Alina, nghe tôi nói. tôi đã mất một thời gian dài để lấy can đảm nói lên điều này. Chúa biết, tôi lớn tuổi hơn em quá nhiều, tôi lại có vợ có con. Tuy hơi đột ngột, nhưng hãy cho tôi cơ hội, em sẽ thấy mọi chuyện xảy ra tốt đẹp.*

Đầu óc tôi lộn xộn cố ghép những lời nói vừa nghe với ý nghĩa khó tin.

- *Thưa ông?* Run rẩy, tôi cố giật mạnh cánh tay ra khỏi tay ông.

Nhiều tháng sau, có lẽ tôi sẽ còn nhớ tư thế dần co này: Một nửa người tôi bật lên khỏi ghế, một tay cầm khăn lau đưa ra, một tay bị ông Kong kéo lại, Trong khi ông vẫn ngồi như ngang nhiên giữ vững cuộc sống, nước súp trào chảy xuống cằm ông. Cụm chữ duy nhất hiện lên trong đầu tôi lúc đó là “kẹt rồi.”

- *Alina, anh đã nghiên ngẫm cách hay nhất để giải quyết vấn đề này, làm sao có thể thuyết phục được em theo ý anh. Em có biết vì sao đôi khi anh về muộn ở lại văn phòng không? Vì anh sợ không thể kiểm soát, sẽ bộc lộ tình cảm của mình.*

Lần này, tôi xoay sở cách khác để thoát thân.

- *Nhưng dường như anh không thể tự ngăn cản mình. Khuôn mặt của em hành hạ anh mỗi ngày. Trong văn phòng, anh phát giác mình đang tập nói những gì sẽ nói với em. Về nhà, tưởng tượng tràn ngập khiến anh nghẹt thở. Đáng lẽ, em và anh phải là người đang ở Phuket bây giờ. ...*

- Về nhà? Tôi hỏi một câu hết sức ngu ngốc nhưng những thắc mắc trong tiềm thức đã vùng vẫy để bộc lộ ra ngoài.

- Vâng, rất nhiều lần anh biết em đã nghi ngờ, cách anh luyện tập để mở đầu. Em có nghe anh tập những câu nói đó không?

Cuộc tập dợt này nghe có vẻ giống như một bộ phim dở?

- Em có thấy anh luyện tập trước để không đến nỗi vụng về?

Từ đôi môi tôi lời nói tự động vụt ra, - *Củ cải?*

- Đúng, em yêu của anh, củ cải chính là em.

Một làn sóng ghê tởm, sâu thẳm và choáng váng cuộn cuộn trong tôi. - *"Thưa ông, thả tôi ra. tôi yêu cầu, tôi xin ông."* Tôi vịn nắm tay ông ra nhưng chỉ giúp ông đứng dậy, ôm lấy eo tôi.

- Ô, Alina, chúng ta có thể là niềm an ủi cho nhau. Đặc biệt là bây giờ.

- Đừng nói nữa. Thả tôi ra, tôi lạy ông.

Kẹt rồi, kẹt rồi, kẹt rồi, trong trí tôi vang lên như tụng kinh. Vùng vẫy tuyệt vọng, tâm trí tôi xoay quanh sự chọn lựa: khuất phục hoặc mất việc làm.

- Alina, cùng nhau chúng ta sẽ tạo ra hạnh phúc.

- ông đang bị rối loạn, nhưng ... Chưa nói hết câu thì miệng ông đã ngoạm lấy miệng tôi, chiếc lưỡi như con rắn lăn bò qua khe nứt trên bức tường.

Tôi xoay sở quay người thoát ra như đã xem tài tử làm trong phim. Tôi bật đầu gối lên một cú nhanh, tông mạnh vào hạ bộ. Ông gập người xuống, ôm lấy háng, thả tôi ra. Kẹt rồi, kẹt rồi, kẹt rồi tôi giáng cùi chỏ xuống giữa hai xương vai như một thế đánh Karate chính xác. Trong lúc ông đưa một tay vòng

ra sau lưng, ngẩng mặt lên, tôi cung tay nắm cú lại rồi tống vào một con mắt của ông. Cuộc lộn xộn đã kết thúc nơi bàn ăn, tô súp nóng chao đảo rồi đổ xuống đôi chân trần, ông kêu lên, ngã nhào, lăn lộn trên sàn như con tôm luộc.

Tôi vén lại những lọn tóc lòa xòa trên trán. Nhìn ra thấy bà Kong đang đứng ngay ngưỡng cửa với làn da r ám nắng, há hốc miệng.

Pandernonium (địa ngục) bắt đầu bằng chữ P như chữ Police (cảnh sát). Họ điện đàm kêu lách cách qua lại. Ông Kong đập một túi nước đá lên mắt (Người ta có thể thấy hai bàn chân ông đang phồng đau, chỉ đơn giản bị uống nước súp. Tôi nhận ra, À, thừa kiện. Trong lúc ông cảnh sát Chan, đầu lắc lư khi lắng nghe bà Kong nói.) Bà hút thuốc và đưa ra lời buộc tội. Bà không nhìn tôi khi nói với ông Chan, tôi đã có âm mưu làm tình nhân của ông Kong từ lúc mới vào giup việc.

-Tất cả những cổ gái vú em, đầy tớ xinh đẹp đều có hành vi đĩ thõa. Ông Chan nói và nhìn tôi bằng ánh mắt lạnh lùng muốn giết người. Khi họ mang tôi đi, tôi quay lại nói: - Thật giống như chuyện trong phim, bây giờ, tôi đang đóng phim.

Trải qua một đêm trong phòng giam ở Hồng Kông, những vách tường xi măng bịt bùng không cửa sổ, và những song sắt làm tôi nhớ lại những chiếc lồng mà bà Abuela nuôi những con gà trống quý giá. Nằm ngủ trên bậc thềm xi măng lạnh lẽo không có mền đắp. Sâu trong đêm tối, trái tim tôi khao khát được ôm đứa con gái vào lòng và thét gọi Jose. Nhưng anh ta không thể nghe tôi bây giờ. Cát tiếng hát dịu dàng cho chính mình nghe những bản nhạc bà Abuela đã dạy tôi từ bé. Tiếng hát của tôi khiến tôi hoảng sợ.

Sáng hôm sau, một cảnh sát gọi tên tôi rồi mở cửa phòng giam, Sợ không biết anh ta sẽ đưa mình đi đâu, tôi nằm lì trên bậc thềm, mở mắt to, thở dồn dập. Anh ta nói – *Cô được trả tự do*. Tiếng vang vang dội quanh bức tường. Nhìn ra ngoài phòng chình, thấy bà Kong trong bộ áo đầm màu bạc. Bà liếc nhìn tôi rồi nhanh nhẹn xoay người đi ra cửa. – *Nhanh lên, đồ quỷ, đêm hôm qua, mày đã cho tao nhiều phiền phức, bây giờ tao còn phải trả tiền bảo lãnh. Sẽ phải trừ lương của mày, hiểu chưa?*

Bất chợt, tôi cảm nhận sự cay đắng đâm xuyên qua người. Tôi không cảm thấy biết ơn. Bà có quyền lực. Đáng lẽ tôi phải vui mừng vì không bị ngồi tù, nhưng chỉ cảm thấy nhẹ nhõm.

Cửa trạm cảnh sát mở ra, một luồng gió ẩm ướt từ ngoài thổi vào, mang theo mùi hương ngọt ngào. Người cảnh sát trả lại tôi chiếc đồng hồ. Tôi hiểu được, anh đang thắc mắc tại sao tôi không nhận,

Trên xe, bà Kong nói, - *Sdever không chịu ăn khi tôi đút cho nó, Ling Ling hành động như con khỉ trên rừng*. Sau cùng, bà nhìn tôi, mặt bà trang điểm như búp bê trên các bình sứ Trung Hoa. Đó là những gì tôi nhìn thấy trong mắt của bà, đột nhiên, hiện ra gần gũi như một bóng đen phủ xuống tim tôi. – sự điên rồ và sân si – Tôi nhận ra bà thật sự thất lạc khi không có tôi. Tôi là mảnh ghép nối gia đình bà lại với nhau. Bây giờ, tôi mới bắt đầu hiểu.

Truyện Ngắn Nhật

The Hunter's Knife

Huraki Murakami

Bản Anh Văn: Philip Gabriel, 2003

Ngu Yên dịch



Huraki Murakami (1949 -)

Nhà văn Nhật. Sáng tác truyện ngắn, tiểu thuyết, tiểu luận. Thành danh tại Nhật và trên thế giới. Truyện của ông được dịch ra 50 thứ tiếng.

Giải văn chương: The World Fantasy Award, The Frank O'Connor International Short Story Award, The Franz Kafka Prize, Jerusalem Prize.

The Guardian ca ngợi Murakami là *"Một trong những tiểu thuyết gia còn sống vĩ đại nhất thế giới."*

Lưỡi Dao Thợ Săn

Hai chiếc bè neo đậu ngoài khơi như hai đảo sinh đôi. Khoảng cách vừa đủ để bơi ra từ bãi biển – Bơi đúng 50 sải tay sẽ đến một trong hai chiếc, rồi bơi 30 sải từ chiếc này sang chiếc kia. Mỗi chiếc bè lớn khoảng hơn 4 mét vuông, có thang leo bằng sắt và

một tấm thảm cỏ nhân tạo. Mực nước nơi này sâu khoảng 3 mét đến hơn 3 mét rưỡi, trong veo, có thể lần dò nhìn theo sợi dây xích từ bè xuống tận chiếc neo bằng xi-măng nằm sát đáy. Khu vực bơi lội được bao bọc bởi rạn san hô, hầu như không có sóng, hai chiếc bè yên tĩnh không nhấp nhô. Đường như cam chịu bị giam giữ một chỗ dưới ánh nắng gay gắt ngày qua ngày kia.

Tôi thích bơi ra bè, đứng lên nhìn vào bờ, trên dây cát dài trắng xóa, nổi lên ngọn tháp đỏ của người bảo vệ canh biển, và những hàng dừa xanh lá lơi. Thật là một cảnh đẹp, có thể tạo thành một tấm ảnh bưu thiếp hoàn hảo. Phía bên phải, bãi biển chấm dứt vào một dãy đá tảng sạm đen, chồng chất cheo leo, dẫn đến các nhà rời thuộc khu nghỉ mát nhỏ, nơi vợ chồng tôi thuê ở. Cuối tháng sáu, vẫn còn quá sớm cho du khách, ít người trong khách sạn cũng như ngoài bãi tắm.

Gần đó, có căn cứ quân sự Hoa Kỳ, những chiếc bè nằm dưới đường bay của các trực thăng trở về trại. Những máy bay này xuất hiện từ ngoài khơi, bay vào rẽ đôi giữa hai chiếc bè, rồi nhập lại biến dạng sau đỉnh dừa cao. Họ bay rất chậm, gần như chúng ta có thể nhìn thấy cảm giác biểu lộ trên gương mặt các phi công. Ngoại trừ trực thăng bay trên đầu, bãi biển là nơi yên vắng, dễ buồn ngủ, một nơi hết sức hài lòng cho những ai muốn cô đơn khi nghỉ hè.

Mỗi nhà rời là tòa lầu hai tầng chia thành bốn căn, chồng lên nhau. Căn của chúng tôi nằm bên dưới, nhìn ra cảnh biển. Ngay bên ngoài cửa sổ, dựng lên một cây hoa sứ trắng, phía sau là một khu vườn cỏ xanh được cắt tỉa tề chỉnh. Sáng sớm và về đêm, nghe từng hồi tiếng lạch cạch của các vòi nước tưới cỏ. Qua khỏi khu vườn là hồ bơi và một hàng dừa

cao vói tàng lá rất lớn phe phẩy dịu dàng trong gió đông nam.

Bà mẹ và đứa con trai người Mỹ ở căn phòng cạnh chúng tôi, Hình như họ đã ở đây khá lâu trước khi chúng tôi đến. Bà mẹ vào khoảng 60, đứa con độ chừng gần bằng tuổi tôi, 28 hoặc 29. Họ giống nhau hơn bất kỳ cặp mẹ con nào mà tôi đã từng thấy. Hai khuôn mặt y hệt, dài và hẹp, trán rộng, môi mím chặt. Bà mẹ cao, dáng thẳng đứng, linh hoạt, nhanh nhẹn. Cậu trai cũng hơi cao, nhưng không thể khẳng định vì cậu ngồi xe lăn. Lúc nào, bà mẹ cũng ở phía sau đẩy xe cho cậu.

Họ rất trầm lặng, căn phòng của họ giống như một bảo tàng viện. Không bao giờ mở truyền hình, chỉ có hai lần tôi nghe tiếng nhạc vang ra từ phòng - lần đầu, nghe bản ngũ tấu kèn clarinet của Mozart. Lần sau là một số bản hợp tấu mà tôi không nhận ra, đoán chừng là của Richard Strauss. Ngoài ra, không nghe âm thanh nào nữa. Họ không sử dụng máy lạnh, chỉ mở cửa trước đón gió mát từ biển thổi vào. Cho dù cửa mở, cũng không nghe họ trò chuyện. Thế nào đi nữa, họ cũng phải nói, chắc chắn bằng những tiếng trao đổi thì thầm. Điều này có lẽ ảnh hưởng đến vợ chồng tôi. Bất kỳ lúc nào về phòng, chúng tôi phát giác mình nói chuyện rất nhỏ bằng giọng thấp.

Chúng tôi thường tình cờ gặp hai mẹ con trong nhà hàng, trong hành lang, hoặc trên lối đi băng qua vườn cỏ. Khu nghỉ mát nhỏ và ẩm cúng, dù muốn hay không, chúng tôi phải gặp nhau trên lối đi, chào nhau. Hai mẹ con có hai cách chào khác biệt. Bà mẹ gật đầu mạnh mẽ cương quyết, cậu trai chỉ hơi nghiêng đầu lơ là. Tuy vậy, ấn tượng về hai kiểu chào lại khá giống nhau: cả hai đều chào trong khoảnh khắc, bắt đầu và kết thúc tức thì. Không dư

thừa. Chúng tôi chưa bao giờ cố gắng bắt chuyện với họ. Giữa vợ chồng tôi đã có quá nhiều chuyện để nói. Ví dụ như, chúng tôi có nên dời chỗ ở khác sau kỳ nghỉ hè? Cần phải làm gì với công việc? Có nên có con hay không? Đây là mùa hè sau cùng của chúng tôi sẽ chấm dứt hàng tuổi hai mươi.

Sau buổi ăn sáng, hai mẹ con luôn luôn ngồi ở hành lang đọc báo, theo bài bản nhất định, từ trang này sang trang kia, từ trên xuống dưới, như thể họ đang thi đua một cách kịch liệt để xem ai sẽ mất nhiều thời giờ hơn để đọc hết toàn bộ. Có ngày, không phải nhật báo mà là những cuốn sách dày bìa cứng, Họ ít giống mẹ con mà giống như cặp vợ chồng già đã chán nhau từ lâu.

Khoảng 10 giờ sáng mỗi ngày, vợ chồng tôi ra biển tắm. Xúc kem chống nắng rồi nằm dài lên thảm lót trên cát. Tôi thường nghe Stone hoặc Marvin Gaye qua máy mang tai Walkman trong khi vợ tôi vui mình vào cuốn truyện “Cuốn Theo Chiều Gió.” Nàng nói rằng đã học được nhiều điều về đời sống trong cuốn truyện này. Tôi chưa đọc nên không quan tâm nàng nói chuyện gì. Mỗi ngày, mặt trời ló dạng vào đất liền, vẽ chậm rãi một con đường giữa hai chiếc bè, ngược lại hướng trục thẳng, rồi nhàn nhơ chìm xuống đường chân trời.

Mỗi buổi chiều vào khoảng 2 giờ, mẹ con bà xuất hiện ra bãi tắm. Bà luôn luôn mặc chiếc áo trơn màu sáng và đội mũ rơm rộng vành màu trắng. Cậu trai không bao giờ đội mũ, mang kính mát, mặc áo kiểu Hawaii và quần vải mỏng. Họ ngồi dưới bóng mát tầng cây dừa, gió thổi xào xạc chung quanh, nhìn lan man ra biển, không thực sự làm gì cả.

Bà mẹ ngồi trên chiếc ghế xếp, cậu trai không bao giờ rời xe lăn. Thịnh thoảng họ dời chỗ ngồi theo bóng mát di chuyển. Bà mẹ mang một bình nước

bằng bạc. Thịnh thoảng rót uống bằng ly giấy hoặc nhôm nhí một chiếc bánh giòn.

Đôi ngày, họ rời bãi biển sau nửa giờ, những ngày khác họ ngồi đến 3 giờ chiều. Khi tôi nhảy xuống biển tắm, có cảm giác họ đang theo dõi. Có thể tôi đang tưởng tượng vì từ bè đến hàng dừa là một khoảng cách khá xa. Cũng có thể chỉ là nhạy cảm. Tuy nhiên mỗi lần trèo lên bè, đều có cảm giác rõ ràng ánh mắt họ được huấn luyện nhìn về hướng tôi. Đôi khi bình nước bạc lấp lánh dưới nắng như một con dao.

Từng ngày ơ thờ trôi qua. Không có gì khác để phân biệt ngày hôm sau. Dù ngày tháng thay đổi thứ tự, cũng không ai nhận ra. Mặt trời đều đều mọc hướng đông rồi lặn hướng tây. Chiếc trục thẳng màu xanh ô liu hạ xuống thấp. Tôi uống gần cạn bình bia 3 lít rượu và bơi theo con tim hướng dẫn.

Vào buổi chiều cuối cùng ở khu nghỉ mát, đi bơi lần một lần chót. Vợ đang ngủ trưa, tôi ra bãi một mình. Hôm đó, ngày thứ Bảy, có nhiều người hơn bình thường. Những anh lính trẻ rậm nắng với những vết sẹo và hình xăm trên tay đang chơi bóng chuyền. Trẻ con tung tăng nơi sóng vỗ vào bờ, dựng những lâu đài cát rồi thích thú la lớn khi thấy những con sóng lớn ập vào. Nhưng hầu như không có ai ở dưới biển, hai chiếc bè trở nên hoang vắng. Trên cao không gợn mây. Mặt trời rực nắng đun sôi cát. Đã quá 2 giờ, không thấy hai mẹ con xuất hiện.

Đi xuống biển cho đến khi nước ngập lên tới ngực rồi bơi sải về hướng bè bên trái. Chậm rãi, xem chừng sức nước cản lòng bàn tay, tôi tiếp tục bơi, đếm từng cánh tay vươn tới. Nước lạnh gây thoải mái cho làn da đang ửng nắng. Nước trong vắt, có thể nhìn thấy bóng mình dưới đáy, như một con chim lớn lướt qua bầu trời. Sau khi đếm được 40 sải tay,

nhìn lên, thật như vậy, chiếc bè nằm ngay trước mắt, Đúng 10 giây tiếp theo, tay trái tôi chạm vào hông bè, Thả nổi một chút, lấy lại hơi thở, rồi nắm lấy cầu thang leo lên.

Giật mình vì thấy có người khác đã ở đó, một phụ nữ tóc vàng mập mạp. Trước khi xuống nước, không thấy ai trên bè, nghĩa là cô đã lên đây lúc tôi đang bơi. Cô mặc bộ bikini nhỏ, màu đỏ rực, giống các biểu ngữ mà nông dân Nhật thường treo trên cánh đồng, cảnh báo họ vừa phun chất hóa học. Cô ta nằm úp mặt. Sự béo phì khiến cho bộ đồ tắm có cảm giác nhỏ thêm. Dường như cô vừa mới đến đây. Làn da tái nhợt, không có dấu chứng của phơi nắng.

Cô nhìn lên một vài giây rồi nhắm mắt. Tôi ngồi đối diện bên kia mé bè, đóng đưa hai chân, nhìn về hướng bờ. Vẫn chưa thấy hai mẹ con dưới bóng dừa hoặc chỗ nào khác. Không thể làm lẫn, chiếc xe lăn lấp lánh dưới ánh nắng, dễ dàng nhận ra. Cảm giác thất vọng. Không có họ, tấm ảnh này đã thiếu đi một mảnh. Có lẽ, họ đã trả phòng và trở về nhà. Nhưng sáng nay, trong phòng ăn, tôi còn thấy hai mẹ con. Không một chút ấn tượng nào họ sẽ ra đi. Họ từ tốn ăn uống những món đặc biệt. Lặng lẽ uống cà phê như thói quen hàng ngày.

Tôi nằm xuống như cô tóc vàng, phơi nắng khoảng 10 phút, lắng nghe những giọt nước nhỏ vỗ vào mạn bè. Những giọt tình cờ văng lên vành tai làm ấm áp hơi nắng hừng hực.

“Ồ, trời nóng quá,” người phụ nữ lên tiếng từ bên kia mạn bè.

Tôi trả lời: “Nóng thật.”

“Ông có biết mấy giờ rồi không?”

“Tôi không có đồng hồ, nhưng có lẽ độ chừng 2 giờ 30 hoặc 40?”

“Vậy sao.” Cô thờ dài như thể không phải là lúc cố ý mong đợi. Cũng có thể cô chẳng quan tâm mấy về thời giờ.

Cô ngồi dậy. Mồ hôi lấm tấm trên người như ruồi đậu vào thức ăn. Những cuộn mỡ bắt đầu từ dưới tai chảy dịu dàng xuống vai, rồi tiếp tục chảy xuống cánh tay mướt mướt của cô. Ngay cả cổ tay và cổ chân dường như biến mất sau những nếp da mỡ gấp lại. Tôi không thể không nghĩ đến ông Michelin, hình vẽ người quảng cáo cho hãng bán bánh xe. Mặc dù cô rất mập nhưng với tôi cô không đến nỗi không lành mạnh. Cũng không phải xấu, Chỉ đơn giản xương gánh quá nhiều thịt. Tôi đoán cô năm nay vào khoảng gần 40.

“Chắc ông ở đây khá lâu, nắng râm cả người.”

“9 ngày.”

“Màu da nâu ăn nắng thật đẹp.” Thay vì trả lời, tôi tăng hăng. Nước trong tai rột rạt khi tôi ho.

“Tôi ở khu nghỉ mát quân đội.”

Tôi biết chỗ này. Nằm trên con đường ra biển.

“Anh tôi là sĩ quan hải quân, mời tôi đến chơi. Hải quân không đến nỗi tệ? Ông biết không? Họ trả lương khá tốt. Họ có mọi thứ cần thiết tại nơi đóng quân và những đặc quyền như khu nghỉ mát này. Khác với thời tôi đi đại học. Thời chiến tranh Việt Nam. Nếu gia đình có người đi lính, thật là điều xấu hổ, phải lên đi chỗ khác. Nhưng từ đó, thế giới thực sự đã thay đổi.”

Tôi gục gặc cho qua chuyện.

“Người yêu cũ của tôi cũng từng ở hải quân. Một phi công chiến đấu. Từng đi công tác ở Việt Nam hai

năm, Sau đó, trở thành phi công cho hãng máy bay United, trong lúc tôi đang làm tiếp viên hàng không, đó là lý do chúng tôi gặp nhau. Tôi đang cố nhớ năm nào chúng tôi kết hôn ... một ngàn chín trăm bảy mươi mấy gì đó. Tóm lại, khoảng 6 năm trước. Chuyện xảy ra lúc nào cũng vậy."

"Chuyện gì?" " Ông biết mà, phi hành đoàn có giờ giấc làm việc thất thường, vì vậy họ có khuynh hướng hẹn hò với nhau. Giờ làm việc và cách sống hoàn toàn khác biệt. Dù sao, chúng tôi cũng lấy nhau. Tôi xin nghỉ việc, Sau đó, anh ta theo một cô tiếp viên khác và cuối cùng đã cưới cô làm vợ. Chuyện này xảy ra thường xuyên."

Tôi cố gắng đổi đề tài. "Bây giờ cô ở đâu?"

"Los Angeles, ông có bao giờ đến đó chưa?"

"Chưa"

"Tôi sinh ra ở Los. Công việc của cha tôi bị đổi đi Salt Lake City. Ông đến đó chưa?"

"Chưa."

"Tôi nghĩ ông không nên đến thành phố này." Cô lắc đầu. Mặt lấm tấm mồ hôi.

Cảm thấy kỳ cục khi nghĩ chuyện cô làm tiếp viên hàng không. Tôi từng gặp nhiều tiếp viên vạm vỡ có thể từng là đô vật, Tôi thấy một số có cánh tay lực lưỡng và trên môi trên có lông tơ, Nhưng tôi chưa bao giờ thấy một tiếp viên to lớn như cô. Có thể hãng máy bay United không quan tâm việc các tiếp viên nặng ký. Hoặc có thể khi còn làm tiếp viên cô không mập như vậy.

Nhìn lướt qua bãi cát. Không dấu hiệu nào của cặp mẹ con. Đám lính vẫn tiếp tục chơi bóng chuyền. Người canh biển đã leo lên tháp đang dùng ống dòm lớn theo dõi chuyện gì đó. Hai trực thăng quân sự

xuất hiện từ ngoài khơi như hai sứ giả trong một bi kịch Hy Lạp mang đến tin xấu. Chúng bay âm âm qua đầu rồi khuất dạng vào đất liền. Lặng lẽ, chúng tôi theo dõi hai bộ máy xanh tan biến vào xa xăm.

“Tôi cá rằng từ trực thăng nhìn xuống sẽ thấy chúng ta đang có một thời gian thật sung sướng. Năm phút nằng trên bè, quên hết chuyện thế gian.”

“Có lẽ cô nói đúng.”

“Hầu hết mọi thứ đều đẹp để khi chúng ta đang ở trên cao,” cô lần qua nằm sấp và nhắm mắt lại.

Thời gian trôi qua trong lặng lẽ. Cảm thấy đây là lúc thích hợp để chia tay, tôi đứng lên và nói với cô, tôi phải quay về. Phóng lặn xuống nước, bơi đi. Được nửa đường, dừng lại, giẫm nước tại chỗ, quay mặt nhìn về hướng bè. Cô ta theo dõi và vẫy tay. Tôi vẫy tay đáp lại. Từ xa, trông cô giống như con cá heo. Chỉ cần thêm đôi chân chèo, cô có thể nhảy xuống nước, biến mình vào đại dương.

Về phòng, tôi tìm một giấc ngủ. Khi trời tối, chúng tôi xuống nhà hàng như mọi khi. Không thấy hai mẹ con ở đó. Trên đường trở về, nhìn thấy cánh cửa phòng của họ đóng chặt. Ánh sáng lọc qua ô kính nhỏ ở cửa, nhưng không thể xác định họ có bên trong hay không.

Tôi nói với vợ: *“Không biết họ đã trả phòng chưa. Không thấy họ ra ngoài biển hoặc trong nhà hàng.”*

“Sớm muộn gì ai cũng phải trả phòng. Không thể sống kiểu này hết đời.”

“Có lẽ như vậy,” tôi đồng ý, nhưng chưa hài lòng lắm. Không thể tưởng tượng mẹ con họ đang ở đâu.

Chúng tôi bắt đầu sắp xếp áo quần. Sau khi đóng vali, đặt ở cuối chân giường, đột nhiên, cảm thấy

căn phòng lạnh lẽo và xa lạ. Kỳ nghỉ hè đang đến hồi chấm dứt.

Tôi thức giấc, liếc nhìn đồng hồ để cạnh giường. 1:20 khuya. Tim đập dữ dội. Trượt khỏi cạnh giường xuống thảm, ngôi xép bằng, hít thở những hơi dài. Rồi nín thở, thả lỏng đôi vai, ngồi thẳng lên và tập trung tinh thần. Lập lại vài lần kiểu thở này, sau cùng tôi lấy lại bình tĩnh. Có lẽ, đã bơi quá nhiều hoặc bị say nắng. Đứng dậy, nhìn chung quanh căn phòng. Ngay cuối chân giường, hai vali co cụm như hai con thú vật lén lút. Đúng vậy, tôi chợt nhớ - ngày mai sẽ không còn ở đây nữa.

Vợ tôi đang ngủ say dưới ánh trăng mờ nhạt chiếu qua cửa sổ. Hoàn toàn không nghe hơi thở của nàng, tựa tựa một xác chết. Đôi khi, nàng ngủ bất động như vậy. Khi mới kết hôn, tôi rất sợ hãi, thỉnh thoảng, tôi vẫn có cảm giác nàng đã chết thật. Nhưng đó chỉ là những giấc ngủ im lìm thăm thẳm. Thay bộ đồ ướt đầm mồ hôi, mặc áo sơ mi và quần đùi. Cất vào túi chai rượu Wild Turkey nhỏ. Nhẹ nhàng mở cửa đi ra ngoài.

Không khí ban đêm se lạnh mang theo mùi ẩm ướt của cây cỏ chung quanh. Trăng tròn, phủ lên trần gian một màu sắc kỳ lạ, chưa từng thấy trong ban ngày. Gần giống như nhìn qua kính lọc màu đặc biệt. Một loại kính làm cho vật đang nhìn gia tăng màu sắc hơn thực tế, trong khi những thứ còn lại xám xanh khô cạn như cây ma.

Không buồn ngủ chút nào. Cứ như giấc ngủ chưa bao giờ hiện diện, tâm trí hoàn toàn minh mẫn tỉnh táo. Im lặng đang ngự trị. Không gió, không côn trùng, không tiếng chim đêm. Chỉ tiếng sóng xa xa, văng vẳng phải chú ý mới có thể nghe.

Tôi chậm rãi đi vòng qua căn nhà rồi băng ngang vườn cỏ. Ánh trăng xuống bãi cỏ hình tròn trông như

cái ao bị đông lạnh. Bước nhẹ nhàng, cố gắng không làm nứt lớp băng. Ra khỏi bãi cỏ là dãy bậc cấp nhỏ lót đá, dẫn lên quán rượu được trang trí hình cảnh miền nhiệt đới. Mỗi buổi chiều, trước bữa ăn tối, tôi uống một ly rượu Vodka pha nước tonic tại nơi này. Dĩ nhiên, đã quá khuya, quán rượu đóng cửa. Những chiếc dù ở mỗi bàn được xếp lại gọn gàng trông như bầy chim tiền sử đứng ngủ gật.

Cậu trai ngồi xe lăn đang có mặt tại đó, chống khuỷu tay lên bàn, nhìn ra hướng biển. Từ xa, chiếc xe lăn kim loại phản ánh ánh trăng tương tự như một khí cụ được chế tạo đặc biệt cho những giờ sâu thẳm đen tối nhất trong đêm.

Chưa bao giờ nhìn thấy cậu ta một mình, cặp mẹ con luôn luôn là một đơn vị đặc thù: Cậu trai trên xe lăn - mẹ đẩy phía sau. Cảm giác hụt hẫng, thậm chí là bất nhẫn khi nhìn thấy cậu như vậy. Mặc áo Hawaii màu cam, quần trắng. Ngồi bất động, nhìn đăm chiêu ra đại dương.

Tôi đứng một lát, phân vân không biết có nên gây tiếng động, báo cho cậu ta biết tôi đang ở đây. Trong khi còn lưỡng lự, cậu đã cảm giác được sự có mặt của người khác và xoay lại. Khi thấy tôi, như thường lệ, cậu gật đầu chào kiểu tối thiểu.

“Chào anh,” tôi lên tiếng.

“Chào anh,” cậu đáp trả bằng một giọng yếu ớt. Đây là lần đầu tiên nghe cậu nói. Giọng có vẻ hơi buồn ngủ ngoài ra thì bình thường, Không cao quá, không thấp quá.

“Đi dạo khuya?” Cậu hỏi.

“Vâng, không ngủ được.”

Cậu nhìn tôi từ đầu đến chân với nụ cười lơ đãng.

“Tôi cũng vậy. nếu anh muốn, ngồi đây chơi.”

Hơi do dự, rồi bước đến bàn, kéo chiếc ghế nhựa, ngồi đối diện với cậu. Xoay người nhìn theo hướng cậu đang nhìn. Cuối bãi biển là những tảng đá lờm chờm, như chiếc bánh xốp nướng bị chẻ đôi, sóng vỗ vào đá đều đặn, những con sóng thanh nhả, khoan thai, như thể đã được cân đo điều độ. Ngoài ra, không còn gì để nhìn.

“Tôi không thấy anh ra bãi biển hôm nay?”

“Tôi nằm nghỉ trong phòng, Mẹ tôi không được khỏe.”

“Chuyện này thật đáng tiếc.”

“Tôi không phải là người thể lực. Thường xuyên cảm xúc và nhiều lo lắng.” Cậu dùng tay phải xoa má bằng ngón tay giữa. Dù đã khuya khoắt, da cậu vẫn trơn láng như men sứ, không thấy râu. “Bây giờ, mẹ tôi đã khỏe, không có gì đáng lo. Bà đang ngủ. Khác với đôi chân của tôi, chỉ cần một đêm ngủ ngon, bà sẽ khỏe hơn. Không hẳn sẽ hoàn toàn bình phục nhưng ít nhất bà cũng trở lại bình thường. Đến sáng mai, bà sẽ ổn thôi.”

Cậu im lặng khoảng 30 giây đến một phút. Tôi khoanh chân dưới bàn rồi phân vân không biết có phải lúc nên từ giả. Như thể toàn bộ đời sống của tôi chỉ lan quanh trong việc cố gắng đánh giá thời điểm chính xác giữa lúc chuyện trò để nói lời tạm biệt. Nhưng quá muộn, khi định nói rằng tôi sẽ phải đi, cậu ta đã lên tiếng.

“Có nhiều loại bệnh rối loạn thần kinh. Ngay cả khi có chung một nguyên nhân, nhưng có hàng triệu phản ứng khác biệt. Như trận động đất, năng lượng căn bản giống nhau, nhưng tùy vào nơi nào xảy ra, kết quả sẽ khác. Có trường hợp, ngọn đảo chìm xuống biển. Có trường hợp, trôi lên một đảo mới.”

Cậu ngáp. Một kiểu ngáp dài đúng nghĩa. Cậu lịch sự nói “Xin lỗi.” Trông cậu khá kiệt sức, mắt nhìn mờ nặng nề, xem chừng có thể thiếp ngủ bất cứ lúc nào. Tôi liếc nhìn đồng hồ, nhận ra mình không đeo trên tay, chỉ một làn da trắng nơi chiếc đồng hồ che nắng.

“Đừng lo cho tôi, tuy nhìn giống như buồn ngủ nhưng tôi tỉnh táo. Chỉ cần ngủ bốn giờ mỗi đêm là đủ. Tôi vẫn thức dậy trước bình minh. Vì vậy, ban đêm tôi thường ra đây, ngồi hóng gió.”

Cậu cầm chiếc gạt tàn thuốc Cinzano trên bàn, nhìn nó một lúc như món đồ hiếm hoi, rồi đặt xuống. *“Bất cứ khi nào mẹ tôi gặp phải trường hợp lo lắng, căng thẳng, phần bên trái trên mặt bà bị đóng băng. Mắt miệng không thể cử động, Nếu nhìn vào mặt bà, sẽ thấy như chiếc bình bị nứt. Thật kỳ lạ, nhưng không gây tử vong hoặc biến chứng nào cả. Qua một đêm ngủ bà sẽ trở lại bình thường.”*

Tôi không biết nói gì chỉ gạt đầu vô tội vạ. Một chiếc bình nứt?

“Đừng kể lại mẹ tôi những gì tôi nói với anh, nhớ không? Bà ghét bất kỳ ai nói về bệnh trạng của bà,”

“Vâng, chắc chắn. Hơn nữa, ngày mai chúng tôi đi rồi, Tôi nghĩ sẽ không có dịp gặp lại bà.”

“Đáng tiếc.” cậu ta nói như thể rất quan tâm.

“Đúng vậy, tôi phải về làm việc, không có chọn lựa.”

“Anh từ đâu đến?”

“Tokyo.”

“Tokyo,” cậu lặp lại. Nheo mắt nhìn sừng ra biển như thể nếu chăm chú nhìn lâu đủ sẽ thấy ánh sáng Tokyo từ phía sau đường chân trời.

“Anh còn ở đây lâu không?”

“Khó nói lắm,” Cậu rà ngón tay lên bánh xe lăn. “Một tháng, cũng có thể hai tháng, còn tùy. Chồng của chị tôi sở hữu cổ phần trong khu nghỉ mát này, chúng tôi có thể ở đây không tốn kém gì cả. Cha tôi điều khiển một công ty lớn ở Cleveland, nay anh rể đã thay thế chỗ. Tôi không thích anh ta lắm, nhưng có thể nói, nên chọn gia đình là hơn, phải không? Tôi không rõ, có thể anh ta không tệ như tôi tưởng. Người không khỏe mạnh như tôi, thường có khuynh hướng hẹp hòi.” Cậu lấy khăn tay trong túi rồi từ tốn tế nhị hỉ mũi, xong việc, lại cất vào trong túi. “Dù thế nào, anh ta cũng sở hữu rất nhiều cổ phiếu của nhiều công ty, đầu tư nhiều bất động sản. Một người sắc sảo như cha tôi. vì vậy tất cả chúng tôi, gồm mọi người trong gia đình, chia làm hai loại: khỏe mạnh và bệnh tật, loại có chức năng và loại không làm được gì. Những kẻ khỏe mạnh bận rộn danh vọng, gia tăng tài sản, trốn thuế và họ lo lắng cho những kẻ bệnh tật còn lại. Đó là sự phân công lao động khéo léo.”

Cậu ngừng lại, hít một hơi dài. Tôi giữ im lặng, chờ cậu nói tiếp. “Họ quyết định mọi thứ cho chúng tôi. Sắp đặt chúng tôi ở đây một tháng, ở kia một tháng. Như cơn mưa. Mẹ tôi và tôi hôm nay mưa ở nơi này, ngày mai có thể mưa một nơi khác.”

Sóng vỗ vào đá, bỏ lại bọt trắng sau lưng, khi bọt trắng vừa tan, sóng mới xuất hiện. Tôi theo dõi một cách lơ đãng. Ánh trắng tạo những hình bóng bất thường giữa những tảng đá.

“Tất nhiên, vì là phân công lao động, mẹ con tôi cũng có vai trò trong đó. Đây là con đường hai chiều. Thật khó diễn tả, nhưng tôi nghĩ chúng tôi đóng góp vào sự dư thừa của họ bằng cách không làm gì cả. Đó là lý do chúng tôi tồn tại. Anh hiểu ý của tôi, phải không?”

“Vâng, Đại khái, nhưng không chắc lắm.”

Cậu ta cười khế. *“Gia đình là điều kỳ cục. Một gia đình phải tồn tại như một tiền đề. Phải có sẵn mới có phản đề và kết luận, nếu không, hệ thống đó không hoạt động. Trong ý nghĩa này, đôi chân vô dụng của tôi là một loại biểu ngữ mà gia đình tôi vận động khắp nơi. Đôi chân liệt của tôi là trục xoay cho mọi thứ xoay chung quanh.”*

Cậu lại gõ lên mặt bàn. Không phải vì tức giận, chỉ di động ngón tay và lặng lẽ suy gẫm nhiều thứ theo dòng thời gian riêng.

“Một trong những đặc điểm chính của hệ thống này là một thiếu hụt sẽ thu hút sự thiếu hụt lớn hơn. Sự dư thừa dẫn đến sự dư thừa nhiều hơn. Khi nhạc sư Debussy không làm được gì với bản nhạc kịch do ông sáng tác, ông đã nói ‘tôi đã dùng hết ngày tháng để theo đuổi cái hư không – tạo ra cái không có gì,’” Cậu nói tiếp: *“Công việc của tôi là tạo ra khoảng không đó, cái không có gì.”*

Cậu lại chìm vào khoảng im lặng vô hồn, tâm trí đang lang man về miền xa xôi nào đó. Có lẽ, khoảng không đó đang ngự trị trong cậu. Sau cùng, cậu chú ý trở lại, nhưng mức độ quay về lệch lạc một ít so với lúc khởi hành. Tôi thử xoa má mình. Cảm giác râu lởm chớm cho biết thời gian vẫn trôi qua. Lấy chai rượu whiskey nhỏ trong túi, đặt lên bàn.

“Muốn uống một chút không? Tôi không có ly, e rằng...”

Cậu lắc đầu. *“Cảm ơn. Tôi không uống. Nếu uống tôi không biết mình sẽ phản ứng ra sao. Thế thôi, đừng uống. Nhưng anh uống đi, tôi không có gì e ngại...”*

Tôi bật nắp chai rồi đổ whiskey chạy từ từ trơn xuống cổ. Nhắm mắt tận hưởng hơi nồng ấm. Cậu ta theo dõi cách uống của tôi.

“Đây có thể là câu hỏi bất thường, nhưng anh có biết gì về dao không?”

“Dao?”

“Dao, như là dao của thợ săn.”

Tôi nói với cậu tôi dùng dao lúc đi cắm trại nhưng không biết gì nhiều về dao. Cậu tỏ vẻ thất vọng, nhưng chỉ thoáng qua.

“Đừng bận tâm, tôi chỉ tình cờ có một con dao, muốn anh xem. Tôi mua nó vào khoảng một tháng trước từ catalô. Tôi không có một chút kiến thức nào về dao. Không biết nó tốt hay xấu hoặc tôi đã lãng phí nhiều tiền. Vì vậy, muốn nhờ ai xem giùm rồi cho ý kiến, Nếu anh không có gì phiền hà.”

“Không, không có gì.”

Thận trọng cậu rút ra từ túi một vật dài khoảng gần 13 xentimét, hình hơi cong, nhìn rất đẹp, rồi đặt lên bàn.

“Đừng ngại, tôi không có ý làm tổn thương bất kỳ một ai hoặc cho chính tôi. Chỉ là một hôm, tự nhiên có ý định muốn sở hữu một con dao bén. Không hiểu vì lý do gì. Chỉ cảm thấy khao khát phải có con dao. Xem qua vài catalô rồi đặt mua một con. Không ai biết tôi luôn luôn mang theo con dao này bên mình. Thậm chí mẹ tôi cũng không biết. Anh là người duy nhất.”

“Ngày mai tôi sẽ về Tokyo.”

“Tôi biết,” Cậu mỉm cười. Cầm con dao lên, để nằm trong lòng tay một lúc, cân nhắc sức nặng như có một ý nghĩa gì quan trọng. Rồi với tay đưa cho tôi. Con dao nhỏ có sức nặng lạ lùng. Giống như đang cầm một sinh vật có đời sống riêng của nó. Cán bằng đồng thau có ghép gỗ. Tay chạm vào kim khí thấy lạnh lẽo dù nó đã ở trong túi rất lâu.

“Anh mở ra xem thử lưỡi dao.”

Tôi bấm một chỗ lõm trên cán rồi bật lưỡi dao nặng nề ra. Lưỡi dài khoảng hơn bảy xentimét rưỡi. Với lưỡi mở dài, con dao cảm thấy nặng hơn. Không phải sức nặng làm tôi ngạc nhiên mà vị thế con dao nằm gọn lỏn vừa vặn trong lòng tay. Tôi thử xoay qua xoay lại vài lần, đưa lên đâm xuống, nghiêng bên này bên kia, con dao có độ thẳng bằng gần như hoàn hảo. Không cần phải nắm chặt mà dao vẫn không trượt. Lưỡi bằng thép có khắc rãnh cho máu thoát rất sắc sảo, khi chém. tạo ra một vòng cung sắc nét.

“Tôi đã nói không biết nhiều về dao, nhưng con dao này hay quá, nó cho tôi một cảm giác thích thú.”

“Nhưng có vẻ hơi nhỏ đối với dao đi săn, phải không?”

“Tôi không rõ. Có lẽ tùy vào việc anh sử dụng.”

“Đúng vậy.” Gật gù vài lần như tự thuyết phục mình.

Gấp lưỡi dao lại rồi đưa cho cậu. Người thanh niên lại mở lưỡi dao ra, một cách khéo léo xoay con dao trên tay. Rồi như dùng cây súng trường, cậu nheo một mắt, đưa dao lên nhắm thẳng vào mặt trăng tròn. Ánh trăng phản chiếu từ lưỡi sắt lóe lên mặt cậu.

“Anh có thể giúp tôi một việc không? Anh có thể dùng dao cắt một vài vật gì không?”

“Cắt cái gì? anh muốn ra sao?”

“Cái gì cũng được. Bất cứ cái gì ở chung quanh. Tôi bị vướng cái xe lăn không thể hoạt động như ý, Muốn nhờ anh cắt thử. Tôi thật muốn xem anh cắt thử ra sao.”

Không tìm thấy lý do nào từ chối. Cầm con dao lên, đâm chém vài nhát vào thân cây dừa bên cạnh. Cắt

xuống theo đường chéo, bỏ đi phần vỏ. Tôi nhặt một tấm trượt nước bằng xốp gần hồ bơi rồi cắt làm đôi theo chiều dài. Lưỡi dao sắc bén hơn tôi tưởng.

“Con dao này hay quá.”

“Nó là sản phẩm thủ công, làm bằng tay. Khá đặc tiền.”

Tôi canh con dao, nhắm vào mặt trăng như cậu đã làm. Nhìn chăm bẵm. Dưới ánh phản chiếu, nó giống thân mình của một loài thực vật hung tợn nào đó, vừa đâm xuyên qua mặt đất, trôi lên. Một thứ gì nối kết giữa không có và dư thừa.

Cậu thúc giục: *“Cắt thêm nữa đi anh.”*

Tôi chặt chém bất kỳ thứ gì có thể tìm thấy, những trái dừa khô rơi trên đất, đám lá vùng nhiệt đới to lớn, tờ thực đơn dán trước cửa quán rượu. Thậm chí, đẽo một mảnh gỗ trôi dạt vào bờ biển. Khi không còn thứ gì để cắt, tôi bắt đầu di chuyển chậm rãi, cố tình như đang tập Thái cực quyền, lặng lẽ múa dao cắt vào không khí đêm. Không có gì có thể ngăn cản tôi. Đêm sâu lắng, thời gian vô tận. Ánh trăng rằm soi thêm độ sâu thẳm.

Trong khi tôi đâm chém vào không trung, Đột nhiên, nghĩ đến người phụ nữ mập mạp, cô cựu tiếp viên của United. Có thể tưởng tượng da thịt căng phồng tái nhợt của cô bay lơ lửng trong không gian chung quanh, ẩn hiện như có sương mù. Màn sương đục sở hữu mọi thứ. Trời, biển, chiếc bè, trục thẳng, phi công... Tôi nỗ lực chém chúng làm hai làm ba nhưng tất cả đều nằm ngoài tầm của lưỡi dao. Tất cả chỉ là ảo ảnh? Hay tôi là ảo ảnh? Có lẽ, không phải là chuyện quan trọng. Đến ngày mai, tôi không còn ở đây.

“Đôi khi tôi thấy giấc mơ,” Cậu ta nói. Tiếng vang vang kỳ lạ, như vọng lên từ đáy hang. *“Một con dao*

bén nhọn đâm vào chỗ mềm trên đầu tôi, nơi chứa đựng ký ức. Con dao bị kẹt sâu bên trong. Tôi đứng sang một bên theo dõi chuyện này như thể đang xảy ra cho người khác. Tôi muốn ai đó rút giùm con dao ra, nhưng không ai thấy nó đang dính trên đầu. Tôi nghĩ đến việc tự giựt nó xuống nhưng bàn tay không thò được vào bên trong. Thật quái đản. Tôi tự đâm mình, nhưng không thể rút ra. Rồi tất cả bỗng dưng tan biến. tôi cũng mờ mịt theo. Chỉ còn thấy con dao. Con dao luôn luôn hiện diện cho đến cuối cùng. Như cái xương của con thú tiền sử cắm trên cát biển. Đó là giấc mơ của tôi.”

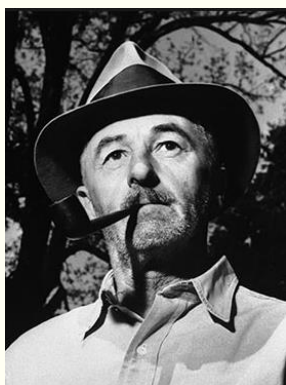
Truyện Ngắn Hoa Kỳ

A Rose For Emily

William Faulkner

Ngu Yên dịch

William Cuthbert Faulkner (1897 – 1962)



Sáng tác tiểu thuyết và truyện ngắn. Một trong số nhà văn Hoa Kỳ nổi tiếng toàn cầu và đi vào văn học sử thế giới. Nhà văn dẫn đầu văn chương miền nam Hoa Kỳ.

Sinh ra ở miền bắc bang Mississippi. Dời đến Oxford, khi còn trẻ thơ.

Tác phẩm nổi tiếng The Sound and The Fury ấn hành năm 1929. As I Lay Dying trong năm 1930.

Từ năm 1932 đến 1950 ông viết truyện phim cho Hollywood, khoảng 50 cuốn phim.

Năm 1949, giải Nobel Văn Chương trao về tay ông.

Tác phẩm sau cùng, The Reivers, 1962, đoạt giải Pulitzer về tiểu thuyết. Qua đời vì bệnh tim.

Trả lời phỏng vấn trong tạp chí The Paris Review 1956, Faulkner nhận xét: *Hãy để người viết tham gia giải phẫu hoặc lát gạch nếu họ quan tâm đến kỹ thuật. Không có phương pháp máy móc nào để hoàn thành việc sáng tác, không có lối đi tắt. Nhà văn trẻ sẽ là kẻ khờ khi chạy theo một lý thuyết. Tự học hỏi*

bằng chính những sai lầm của mình; mọi người đều chỉ học bằng lỗi của họ. Một nghệ sĩ giỏi nghĩ rằng, không ai có đủ khả năng để cho họ lời khuyên. Anh ta có lòng tự tin rất cao. Dù đã ngưỡng mộ cách mấy các nhà văn đi trước, anh ta vẫn muốn vượt qua họ.

Một Bông Hồng Cho Emily

[Tiểu thuyết của Faulkner nổi tiếng hơn truyện ngắn và cũng biểu lộ văn phong đặc thù của ông nhiều hơn. A Rose For Emily là một trong những truyện ngắn được hầu hết giới phê bình và độc giả yêu chuộng. Mang sắc giọng miền nam pha lẫn chất gô-tích (gothic). Sắc thái ảm đạm và bạo động.]

Xuất hiện năm 1930 trên Saturday Evening Post. Mặc dù phản ứng đầu tiên có thể ghê tởm và kinh dị, nhưng với kỹ thuật văn chương, Faulkner đã tạo ra sự hấp dẫn, làm giảm bớt cảm giác kinh hoàng..]

1. Khi cô Emily Grierson chết, cả tỉnh chúng tôi đi dự đám tang; đàn ông thì vì lòng quý mến một thứ gì cổ kính đã sụp đổ; còn đàn bà thì hầu hết là vì tính hiếu kỳ muốn dòm ngó phía trong nhà cô, ít ra cũng đã mười năm không ai được đặt chân tới, trừ ông lão bặc vừa là người đầu bếp, vừa là người làm vườn.

Đây là một tòa nhà bằng gỗ to lớn vuông vắn, trước kia đã có lần sơn trắng. Tòa nhà đó với đường mái cong, với những chóp nhọn hoắt, với những bao lơn

cuốn vòng theo đúng lối kiến trúc thanh kỳ của những năm 70, tọa lạc tại một khu phố sang trọng nhất trước kia. Nhưng rồi thì những nhà sửa xe, những nhà máy cán bông lấn dần và xóa mờ ngay cả những danh hiệu cổ kính của khu phố, chỉ còn trở lại có nhà cô Emily vẫn ngạo nghễ vươn lên với dáng suy tàn mà đông đúc giữa xe goòng chở bông và những trạm sơn băng, đúng là một cảnh chương mắt giữa những cảnh chương mắt khác. Và giờ đây, cô Emily đã nổi gót theo những đại diện của hai danh hiệu cổ kính ấy vào nằm trong nghĩa trang dưới bóng tùng vi vu, giữa những dãy mồ vô danh của các chiến sĩ Hợp chủng miền Bắc và Liên Quân miền Nam đã gục ngã trên chiến trường Jefferson.

Lúc sinh thời, cô Emily là một truyền thống, một nghĩa vụ, một lo âu, một thứ đảm phụ thể truyền vào năm 1894 đè nặng lên cả tỉnh kể từ ngày viên đại tá thị trưởng Sartoris, người đã ban hành điều luật cấm các phụ nữ da đen ra phố nếu không quần tạp dề, đã miễn hãn mọi khoản thuế cho cô. Việc xá thuế này được tính từ ngày cha cô qua đời, và có hiệu lực vĩnh viễn. Không phải là cô Emily sẽ mang tiếng chịu nhận của cứu trợ. Đại tá Sartoris đã bịa ra một câu chuyện loanh quanh là trước đây thân phụ cô Emily đã cho tỉnh vay tiền, và như vậy theo lẽ sòng phẳng thường tình, tỉnh mới kiếm cách trả nợ như thế. Chỉ có người thuộc cùng thế hệ và với tầm kiến thức như đại tá Sartoris mới có thể bịa ra câu chuyện tương tự, mà cũng chỉ có phụ nữ mới tin được chuyện đó.

Khi thế hệ sau với tư tưởng mới mẻ hơn lên làm thị trưởng, làm hội viên hàng tỉnh thì việc thu xếp như vậy đã gây ra ít nhiều điều bất bình. Vào ngày đầu năm, họ gửi giấy báo thuế cho cô. Sang tháng hai rồi mà cũng chẳng nhận được hồi âm. Họ bèn gửi tới cô một công văn chính thức yêu cầu cô lúc nào

thuận tiện hãy tới văn phòng, ông quận trưởng viết giấy đề nghị là sẽ đến nhà cô, hoặc là đánh xe tới đón cô. Ông nhận được thư trả lời viết trên một khổ giấy cổ lỗ, tuồng chữ trôi chảy, nhỏ xíu, nét mực mờ mờ, thư đáp rằng cô sẽ chẳng bao giờ ra khỏi nhà, giấy báo thuế gửi hoàn toàn không một lời giải thích.

Họ triệu tập một phiên hội đồng hàng tỉnh bất thường. Một toán đại diện được cử đến nhà cô, họ gõ cửa, cánh cửa đã tám hay mười năm qua không một người khách nào lọt qua, kể từ ngày cô thôi không dạy vẽ hình trên đồ sứ nữa. Người lão bộc da đen mở cửa, họ vào một hành lang tối tối, nơi đây có một cầu thang hun hút đưa lên một chỗ còn tối tăm hơn nữa. Thoang thoang có mùi bụi vào mùi mốc, một thứ mùi bùng bít ẩm ướt. Người lão bộc da đen dẫn họ vào phòng khách: đồ đạc chắc nịch, ghế có bọc da. Khi người da đen kéo cái màn ở một cửa sổ ra họ nhìn thấy mặt da ghế đã rạn nứt. Đến lúc họ ngồi xuống thì một đám bụi mỏng uể oải bốc lên quanh đùi họ, rồi từng đợt, từng đợt cuốn lên loang loáng trong tia nắng đơn côi. Trên một cái giá vẽ mạ vécní đã sạm màu đặt trước lò sưởi có bức chân dung cô Emily vẽ bằng chì than.

Họ đứng dậy khi cô Emily vào, người cô thấp và mập bện đồ đen, đeo một dây chuyền mảnh bằng vàng xệ tới bụng buông lả vào trong dây lưng. Cô chống một cây gậy mun có tay cầm bịt vàng đã sạm màu. Cốt cách cô mảnh nhỏ, vì vậy vẻ mập mập đó với người khác là khỏe mạnh, nhưng với cô chỉ là béo bệu mà thôi. Trông cô trương phù lên như một xác chết lâu ngày ngâm trong vũng nước tù, màu da lờn lợt. Cặp mắt cô chìm lẩn dưới những nếp nhăn bệu mỡ trông tựa hai mẩu than nhận chìm trên tấm bánh bột phồng, cặp mắt đưa đẩy lần lượt ngó vào mặt từng người trong khi họ bày tỏ lí do đến nhà cô.

Cô chẳng buồn mời họ ngồi. Cô cứ đứng sững nơi ngưỡng cửa, im lặng nghe cho đến khi một người trong bọn họ dứt lời. Lúc đó họ nghe tiếng tích tắc của cái đồng hồ khuất nẻo nơi đầu sợi dây chuyền vàng của cô.

Cô cất giọng khô khan lạnh lẽo:

- Tôi không có thuế má gì phải đóng ở Jefferson cả. Đại tá Sartoris đã giải thích với tôi như vậy. Có lẽ một người trong bọn các ông có thể tới văn khố tòa thị chính mà tự tìm hiểu.

- Nhưng chúng tôi đã làm việc đó rồi. Chúng tôi là nhân viên tòa thị chính mà, thưa cô. Cô không nhận được một tờ giấy báo thuế do ông quận trưởng ký gửi sao?

- Có, tôi có nhận được giấy, - cô ta đáp, - có lẽ ông ta tự phong là quận trưởng... Tôi chẳng có thuế má gì cần phải đóng ở Jefferson cả.

- Không thấy sổ sách nào ghi như vậy cả, cô hiểu cho chúng tôi phải...

- Các ông nên đi mà gặp đại tá Sartoris. Tôi chẳng có thuế má gì ở Jefferson.

- Nhưng cô Emily này...

- Hãy đi gặp đại tá Sartoris (Đại tá Sartoris đã qua đời gần mười năm rồi). Tôi chẳng có thuế má gì phải đóng ở Jefferson. Chú Tobe! (Người da đen xuất hiện). Dẫn đường cho các ông ấy ra.

[...]

4. Rồi ngày hôm sau chúng tôi đều bảo: “Cô ta sẽ tự sát” và chúng tôi cho rằng như thế có lẽ là hay nhất. Lần đầu tiên khi thấy cô đi với Homer Barron, chúng tôi đã bảo: “Cô sẽ lấy gã”, ít lâu sau chúng tôi bàn: “Tất nhiên cô sẽ thuyết phục được gã”, bởi lẽ

Homer Barron – gã thích tụ bạ với cánh đàn ông và đã từng đi uống với những hội viên trẻ nhất của câu lạc bộ Elks – cũng tự nhận rằng mình không phải là hạng người sinh ra để lấy vợ. Sau nữa chúng tôi lại nói: “Tội nghiệp cho Emily”, phía sau màn cửa khi họ đi qua vào chiều chủ nhật trên chiếc xe ngựa mùi trần bóng nhoáng, cô Emily ngẩng cao đầu, còn Homer Barron đội mũ lệch bên tai, răng cắn chặt điều xì gà, dây cương và roi ngựa trong cái bao tay màu vàng.

Rồi thì có vài bà nghĩ đó là điều sỉ nhục cho cả tỉnh, làm gương xấu cho giới trẻ. Bọn đàn ông thì không muốn can dự đến; nhưng sau cùng các bà đã ép mục sư giáo phái Baptist – gia đình cô Emily theo giáo phái Episcopal - đến tiếp xúc với cô. Mục sư không tiết lộ những gì đã xảy ra trong cuộc tiếp xúc ấy, nhưng khước từ không trở lại nhà cô nữa. Ngày chủ nhật sau đó, họ lại đánh xe đi với nhau ở ngoài phố, và hôm sau thì bà vợ ông mục sư biên thư cho thân quyến cô Emily ở Alabama.

Thế là trong nhà cô lại có thân quyến tới ở, và chúng tôi ngồi chờ xem diễn biến. Thoạt nhìn thì chẳng thấy gì hết. Sau rồi chúng tôi yên chí là họ sắp sửa lấy nhau. Kế đó chúng tôi được tin là cô Emily đã tới hiệu kim hoàn đặt một bộ đồ trang sức cho nam giới bằng bạc có khắc hai chữ đầu H.B ở mỗi món đồ. Hai hôm sau, chúng tôi lại được tin cô sắm một lô quần áo đàn ông, có cả áo ngủ, và chúng tôi kết luận: “Họ lấy nhau thật rồi”. Chúng tôi rất mừng. Mừng vì hai cô chị họ còn điều bộ Grierson hơn cả cô Emily nữa.

Thế nhưng chúng tôi không ngạc nhiên khi thấy Homer Barron - lẻ đường phố khi đó lát đã xong được ít lâu rồi - bỏ đi. Chúng tôi hơi thất vọng là chẳng có cuộc chung vui nào, nhưng chúng tôi tin

rằng gã ra đi để sửa soạn đón cô Emily, hay để cô có cơ hội thuận tiện tổng khứ được hai người chị họ đi. (Vào thời gian ấy quả là chúng tôi đã hòa nhau đứng về phe cô Emily, giúp cô mưu kế để đẩy cho bằng được hai cô chị họ kia). Có điều khá chắc chắn là trong vòng một tuần lễ cả hai người chị họ đều ra đi. Và đúng như chúng tôi mong chờ, chưa đầy ba ngày, Homer Barron trở lại thành phố. Người láng giềng của cô trong thấy anh hầu da đen để gã vào lối cửa bếp một buổi lúc trời chạng vạng.

Và đó là lần chót chúng tôi thấy Homer Barron. Rồi cả cô Emily cũng chẳng thấy mặt trong suốt một thời gian. Vẫn chỉ thấy anh da đen đi đi về về với cái làn đi chợ, còn cửa chính thì đóng im ỉm. Thỉnh thoảng chúng tôi trông thấy cô ở cửa sổ một lúc như tối hôm nào mấy người tới rắc vôi bột xung quanh nhà cô, nhưng đến gần sáu tháng trời không thấy cô xuất hiện ở ngoài phố. Lúc đó chúng tôi mới ngã ngửa ra là cũng phải dự liệu cả đến điều này nữa: dường như tính nết đó của thân phụ cô, đã quá nhiều mâu thuẫn với nếp sống phụ nữ của cô, nó độc địa quá, dữ dằn quá đến không thể tiêu tan đi được.

Khi chúng tôi lại gặp được cô Emily sau này, thì thấy người cô béo phệ ra, tóc cô xám thêm đến độ ngả sang màu muối tiêu, màu xám sắt thì giữ màu không đổi nữa. Cho đến ngày cô chết, vào tuổi bảy mươi tư, tóc cô vẫn giữ nguyên màu xám sắt mạnh mẽ như tóc người đàn ông năng hoạt động vậy.

Từ độ đó trở đi cửa tiền nhà cô vẫn đóng chặt, trừ một thời gian khoảng sáu, bảy năm, thuở cô trạc bốn mươi, cô dạy vẽ hình trên đồ sứ. Cô thu dọn một phòng ở tầng một làm xưởng vẽ, nơi đây những con gái, cháu gái của những người đồng thời với đại tá Sartoris được gửi tới học đều đặn, cần mẫn như đi nhà thờ vào ngày chủ nhật, mang sẵn theo đồng hai

mười lăm xu để góp vào trong đĩa. ấy thế mà thuê má của cô được xá hết.

Rồi khi thế hệ trẻ trở thành trụ cột và linh hồn của thành phố, và những học trò lớp vẽ của cô lớn lên, tán lác đi các nơi, họ cũng chẳng gửi con cái họ đến học cô, mang theo những hộp màu, những cọ sơn buồn nản và những hình cắt trong các tạp san phụ nữ, cửa tiền nhà cô đóng chặt sau lưng đứa học trò cuối cùng, rồi đóng kín như thế mãi. Khi thành phố được phát thư tín miễn phí, riêng một mình cô Emily từ chối không cho họ treo bảng số trên cửa nhà, mà cũng không cho gắn hộp thư vào cửa, cô nhất thiết không chịu nghe một lời phân giải nào.

Ngày, tháng, năm trôi qua, chúng tôi thấy anh người làm da đen tóc thêm sậm màu, lưng thêm còng, vẫn đi đi về về với cái làn đi chợ. Cứ mỗi tháng chạp tới, chúng tôi lại gửi đến cho cô một tờ giấy báo thuê và sau đó một tuần nhận được giấy gửi hoàn qua bưu điện, với mấy chữ: không người nhận. Thỉnh thoảng chúng tôi có trông thấy cô xuất hiện sau một khung cửa sổ tầng dưới - hẳn là cô đã khóa kín tầng trên – như một pho tượng bản thân khắc sau trong khám. Cứ như vậy cô sống trải từ thế hệ này sang thế hệ khác, cao giá, không lẫn trốn, bất khả xâm phạm, trầm tĩnh, ngang bướng.

Và rồi cô chết. Cô lâm trọng bệnh trong căn nhà đầy bụi bám và bóng tối với người lão bọc da đen lụm cụm hầu hạ. Chúng tôi cũng không hay là cô đau, đã từ lâu chúng tôi từ bỏ việc dò hỏi người lão bọc da về cô. Lão chẳng nói với ai lời nào, chắc cả với cô cũng vậy, tiếng lão đã khàn khàn, rỉ sét bởi đã từ lâu không dùng.

Cô chết ở một trong mấy căn phòng dưới nhà, trên cái giường nặng chịch bằng gỗ hồ đào, có tấm màn

che, mái đầu tóc xám đặt trên chiếc gối màu vàng mốc meo vì lâu ngày và thiếu ánh nắng mặt trời.

5. Lão da đen ra cửa tiền đón người đi đầu trong bọn các bà rồi dẫn tất cả vào trong nhà, giọng nói của các bà tắc nghẽn, thì thầm với những cái nhìn vội vàng lén lút, đoạn lão lần đi. Lão đi thẳng qua căn nhà, ra lối cửa hậu và rồi không thấy đâu nữa.

Hai người chị họ cũng tất tưởi đến viếng. Họ cho làm đám tang ngay hôm sau, và cả tỉnh đến viếng cô Emily nằm dưới đồng hoa mới mua, chân dung thân phụ cô vẽ bằng than chì như trầm tư trên cổ áo quan, các bà thì thăm ma quái, trên sân cỏ, trong hành lang, những cụ già - một vài cụ vận binh phục Liên Quân miền Nam chải chuốt diêm dúa tán gẫu về cô Emily, coi cô như người cùng thế hệ với mình, tin rằng mình đã có lần khiêu vũ với cô, và có lẽ đã tán tỉnh cô nữa, các cụ đã lẫn thời gian với cấp số toán học của nó, như những người già thường lẫn, đối với họ dĩ vãng không phải là con đường suy giảm dần, mà là một cánh đồng cỏ bao la mùa đông chẳng bao giờ chậm tới, ngăn cách họ bằng cái cổ chai nhỏ hẹp của mười năm qua.

Chúng tôi vốn biết trên lầu có một căn phòng đóng kín mà đã bốn mươi năm qua không một ai biết tới, phải phá cửa mới vào được. Người ta đợi cô Emily đã mồ yên mả đẹp mới dám phá cửa đó ra.

Sức phá cửa mạnh dường như đã làm căn phòng tràn ngập bụi bậm. Tưởng như có tấm khăn phủ quan tài mỏng mùi hăng trùm khắp căn phòng được trang trí cho cô dâu chú rể: trên những tấm màn buông có rèm màu hồng bạc phéch, trên những chụp đèn màu hồng, trên cái bàn phấn, trên loạt đồ pha lê thanh nhã, trên bộ đồ trang sức của nam giới mà mặt trong bằng bạc đã xám xịt, xám đến nổi mấy

chữ viết đã ám đen. Giữa những thứ đó có một chiếc cổ cùn và một chiếc cà vạt tưởng như vừa được tháo ra, và khi nhấc lên còn để lại trên mặt bàn một hình trắng lười liềm mờ nhạt trên nền bụi. Trên ghế còn vắt bộ quần áo gấp nếp cẩn thận, dưới ghế là đôi giày cam nín và đôi tất chơ vơ.

Chính gã đàn ông đó nằm trên giường.

Chúng tôi đứng yên đó một lúc lâu, cúi nhìn cái miệng cười rộng hoác sâu thẳm và không còn da thịt. Người ta thấy như thân hình gã có một lúc nằm với dáng điệu ôm ấp, nhưng rồi giấc ngủ dài, dài vượt tình yêu, giấc ngủ dài đã chinh phục được sự đồng đánh của tình yêu, đã lừa gạt được ý. Di thể gã đã rữa nát dưới những gì còn sót lại của chiếc áo ngủ, chẳng thể gỡ khỏi nơi mặt giường gã nằm, và trên xác gã cũng như chiếc gối bên cạnh gã phủ một lớp bụi đều đặn, dẻo dai và bền bỉ.

Lúc ấy chúng tôi để ý nhận thấy trên mặt gối thứ hai còn in hằn vết lõm đầu người. Một người trong bọn chúng tôi cúi xuống, lớp bụi gờn gợn vô hình khô khan mùi hăng xông thẳng lên mũi, chúng tôi nhìn ra thì đó là một sợi tóc dài, một sợi tóc màu xám sẫm.

Truyện Ngắn Pháp

THE VERGER

Somerset Maugham

Ngũ Yên dịch



William Somerset
Maugham

(1874-1965)

Văn sĩ Anh, sáng tác truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch. Một trong vài tác giả lãnh tiền nhuận bút cao nhất trong thập niên 1930.

Được bầu chọn là một trong những nhà văn viết truyện ngắn hay nhất lúc đương thời.

*“Tất cả những phản bội
đều có khả năng mang lại
những thành công tốt đẹp hơn.”*

Lời người dịch.

Ông Từ

(Tên gọi người phục vụ như quản gia nhà thờ.)

Chiều hôm đó, có lễ rửa tội tại công trường St. Neville. Albert Edward Foreman vẫn mặc chiếc áo trùm cũ. Ông cất chiếc áo mới có những nếp gấp đều đặn và cứng tường như không phải dệt bằng lông alpaca mà bằng đồng lâu năm. Áo dùng cho đám tang và đám cưới. (Nhà thờ St. Peter ở Neville là nơi được giới thời trang yêu chuộng trong những buổi lễ như thế này) Hôm nay, ông chỉ mặc chiếc áo đẹp thứ hai nhưng rất thỏa mãn vì nó là biểu tượng cao quý cho chức vụ của ông. Khi cởi ra, đi về, không còn áo trùm, ông cảm giác bối rối, tường chừng không mặc đủ y phục. Ông vất vả vì chiếc áo, hấp ướt rồi ủi cho thật thẳng. Trong 16 năm trời làm ông từ ở nhà thờ này, đã kế thừa rất nhiều áo trùm, nhưng không thể nào vứt bỏ chúng dù đã sờn rách. Cả chồng áo cũ, gói gọn gàng bằng giấy nâu, nằm sắp hàng tề chỉnh trong ngăn kéo cuối cùng của tủ quần áo trong phòng ngủ.

Ông lặng lẽ bận rộn, thay tấm che bằng gỗ sơn trên vách đá cẩm thạch phía trước, bưng chiếc ghế để dành cho bà lão ốm yếu, sắp qua một bên. Chờ cha sờ thay xong áo trong phòng lễ phục để ông có thể dọn dẹp trong đó trước khi trở về nhà. Hiện thời, ông thấy cha đi ngang qua nhà thánh, cúi đầu trước bàn thờ cao, rồi bước xuống lối đi, nhưng vẫn còn mặc áo lễ.

Ông tự hỏi. “Không biết cha đang bận mình chuyện gì đây? Chắc cha không biết mình muốn về nhà nhâm nhi uống trà?”

Cha sở này mới được bổ nhiệm. Có khuôn mặt đỏ bừng, sinh động, khoảng trên 40 tuổi. Albert Edward vẫn nuôi tiếc cha sở tiền nhiệm. Một linh mục bảo thủ. Rao giảng thông thả với giọng nói trong sáng. Thường đi ăn tối với những giáo dân trí thức. Trong nhà thờ, cha thích mọi thứ đơn giản, không bao giờ gây ra chuyện khó xử. Không giống như cha sở mới, chuyện gì cũng tọc mạch. Nhưng Edward là người rộng lượng. Nhà thờ St. Peter nằm trong khu phố giàu sang với nhiều giáo dân ngoan đạo. Cha sở mới đến từ miền viễn đông và không ngờ ông đã nhanh chóng hòa nhập vào giáo đoàn thượng lưu một cách kín đáo. Edward nhận xét: *“Tất cả những tội vạ này, từ từ, rồi cha sẽ hiểu.”*

Theo lối đi ra, đến gần, có thể nói chuyện không cần phải lớn tiếng ở nơi thờ phượng, cha dừng lại.

“Ông từ, ông có thể đến phòng lễ phục một lát không? Tôi có chuyện muốn nói.”

“Vâng, thưa cha.”

Cha sở chờ ông đến, rồi hai người cùng đi lên nhà thờ.

“Con nghĩ, lễ rửa tội hay quá. Thật là vui, em bé ngưng khóc ngay khi cha bông nó,”

Linh mục cười nhẹ: *“Tôi nhận thấy các em bé thường phản ứng như vậy. Sau nhiều năm làm lễ, tôi có kinh nghiệm với các cháu.”*

Đây là lòng tự hào ngấm ngấm. Gần như cha có khả năng làm cho các bé sơ sinh nín khóc khi bông chúng lên và đón nhận lòng ngưỡng mộ thích thú của các bà mẹ, các ý tá, theo dõi cách vị linh mục dỗ dành em bé trên đôi tay áo thụng. Ông từ biết, cha sẽ rất vui khi được khen ngợi về tài năng này. Cha bước đến trước, đi vào phòng lễ phục, Edward vô cùng ngạc nhiên khi thấy hai thành viên trong hội

đồng quản trị giáo xứ đang hiện diện ở đó. Không biết họ đến hồi nào. Họ gật đầu vui vẻ với ông.

“Xin chào ông tướng,” “Xin chào ông quý tộc,” Edward chào từng người. Cả hai đều lớn tuổi. Đều giữ chức vụ này lâu năm gần bằng thời gian ông làm ở nhà thờ. Họ đang ngồi trên chiếc bàn đẹp mà cha sở cũ đã mua về từ Ý nhiều năm trước. Vị linh mục ngồi xuống chiếc ghế trống giữa hai người. Edward đứng đối diện qua chiếc bàn, cảm giác lo âu, không biết chuyện gì. Ông vẫn còn nhớ lần trước người chơi đàn organ trong nhà thờ gặp rắc rối, gây nhiều phiền phức cho mọi người. Ở nhà thờ như St. Peter, Neville, không thể để xảy ra chuyện gì bê bối. Khuôn mặt đỏ của vị linh mục thể hiện sự dễ chịu nhưng cương quyết. Hai người kia có vẻ hơi bồn chồn.

Ông từ nghĩ thầm: “Chắc cha quáý rầy họ, cố gắng thuyết phục họ làm việc gì nhưng họ không thích. Đúng là như vậy, để rồi xem.”

Nhưng sự suy nghĩ không phải là đặc điểm nổi bật và sắc sảo của ông. Dừng yên với thái độ tôn trọng nhưng không khúm núm. Trước khi nhận nhiệm vụ tôn giáo này, ông đã từng phục vụ ở những ngôi nhà cao cấp, vì vậy, muốn cho ông nghỉ việc là chuyện khó có thể xảy ra. Khởi sự, ông làm việc như tiểu đồng trong gia đình của một hoàng tử làm nghề kinh doanh. Thăng tiến từng bước một, từ vị trí thứ tư lên đến người hầu cận hàng đầu, chỉ một năm, ông trở thành quản gia cho một góa phụ, rồi làm quản gia có hai người phụ tá cho vị đại sứ về hưu, cho đến khi công việc ở nhà thờ St Peter cần người. Ông cao gầy, nghiêm túc, có phẩm cách. Trông giống như một công tước hoặc tối thiểu là diễn viên chuyên đóng vai công tước trong các tuồng cổ điển. Ông tế nhị, cương quyết và tự tin, Với cá tính như vậy, khó buộc tội.

Cha sở nhanh nhẹn bắt đầu.

“Ông từ, chúng tôi có điều khó xử muốn nói với ông. Ông đã làm việc ở đây nhiều năm. Tôi nghĩ, ngài quý tộc và ông tướng cũng đồng ý với tôi, ông đã hoàn tất nhiệm vụ và làm hài lòng tất cả những người chung quanh.” Hai thành viên hội đồng quản trị gật đầu. *“Nhưng rồi một hôm, tôi nhận thấy một tình cảnh hết sức khác thường mà tôi có nhiệm vụ phải thông báo cho những người có trách nhiệm trong nhà thờ. Hôm đó, tôi ngạc nhiên vì đã phát hiện ra ông không biết đọc, cũng không biết viết.”*

Khuôn mặt bị phụ bạc của ông từ không tỏ ra chút nào xấu hổ. Ông trả lời: *“Thưa cha, cha sở trước đây đã biết điều này. Cha đã nói không sao, không khác biệt gì. Cha cũng luôn luôn nói, có rất nhiều nền giáo dục trên thế giới chỉ vì thị hiếu.”*

Ông tướng kêu lên: *“Đây là điều kỳ dị nhất mà tôi được nghe. Ý của ông là ông đã ở nhà thờ này suốt 16 năm mà chưa bao giờ phải đọc và viết”*

“Thưa ngài, năm 12 tuổi, tôi khởi sự làm việc. Đầu tiên là giúp nhà bếp, người đầu bếp đã cố gắng dạy tôi nấu nướng, nhưng dường như việc đó không phải là sở trường của tôi. Tiếp theo, từ việc này đổi qua việc kia. Tôi không bao giờ có thời giờ để học. Tôi chưa bao giờ thật sự thấy nhu cầu này cần thiết. Tôi nghĩ, một số người trẻ đã lãng phí nhiều thời giờ quý báu để đọc, trong khi họ có thể làm những gì hữu ích hơn.”

Nhà quý tộc lên tiếng: *“Nhưng ông không muốn biết tin tức trên báo hoặc viết thư hay sao?”*

“Thưa ngài, không. Dù không đọc, không viết tôi cũng đã xoay sở đời sống một cách tốt đẹp. Bây giờ, từ những cuối năm gần đây, họ đăng tải tất cả những hình ảnh trên báo, nhờ vậy, tôi biết khá rõ chuyện gì

đang xảy ra. Vợ tôi là người có học. Nếu tôi muốn viết thư, cô ấy sẽ viết giùm. Tôi không phải là đàn ông xuôi theo may rủi.” Cả hai ủy viên liếc nhìn cha sờ một cách bối rối rồi nhìn xuống bàn.

“Được rồi, ông từ, tôi đã bàn chuyện này với hai vị ở đây. Chúng hoàn toàn đồng ý chuyện này không thể chấp nhận. Ở nhà thờ như St.Peter, Neville, không thể có một ông từ không biết đọc, không biết viết.”

Khuôn mặt gầy gò, làn da tái xám chột bùng đỏ. Edward nhúc nhích đôi chân, cảm giác khó chịu, nhưng vẫn không nói gì.

“Ông từ, xin hiểu giùm cho, tôi không than phiền điều gì. Công việc ông làm rất thỏa đáng. Tôi rất thường thức cá tính và khả năng của ông, nhưng chúng tôi không có quyền chấp nhận sự rủi ro, nếu những tai nạn xảy ra vì sự thiếu hiểu biết ngoài ý muốn của ông. Đây chỉ là nguyên tắc thận trọng.”

Ông tướng hỏi: “Ông từ, ông không thể học được sao?”

“Thưa ngài, dạ không, tôi e rằng không thể được. Không phải lúc này. Tôi không còn trẻ nữa. Nếu tôi đã không thể nhét chữ nghĩa vào đầu khi còn bé, thì bây giờ, tôi không nghĩ mình sẽ có nhiều cơ hội.”

Cha sờ nói: “Tôi không muốn gay gắt với ông, nhưng hội đồng quản trị và tôi đã hoàn toàn nhất trí. Ông sẽ có thời gian ba tháng để học đọc và viết. Nếu hết thời hạn, vẫn không được, tôi e rằng ông phải rời việc làm.”

Edward chưa bao giờ thích cha sờ mới. Ngay từ đầu, ông đã nói. họ làm lẫn khi đưa vị linh mục này về nhà thờ St. Peter. Cha không phải là loại người mà giáo hội muốn sống chung với một giáo xứ thượng lưu như vậy. Bây giờ ông đứng thẳng lên một chút. Tự biết giá trị của mình, sẽ không cho

phép ai khi dễ. “Thưa các ngài, tôi xin lỗi, tôi nghĩ rằng điều kiện này không thể được. Tôi là con chó quá già, không thể học những trò mới. Trong nhiều năm qua tôi đã sống rất vui vẻ mà không cần biết đọc và viết. Tôi không cần phải ca ngợi mình. Tự ca ngợi là điều không nên. Tôi không ngại nói rằng, tôi đã làm xong bổn phận làm người dưới sự quan phòng nhân ái đã sắp đặt. Bây giờ, nếu tôi có thể học, tôi không biết tôi có muốn hay không.”

“Ông từ, như vậy, tôi e rằng ông phải nghỉ việc.”

“Vâng, thưa cha, con hiểu. Con sẽ từ chức ngay sau khi cha tìm được người thay thế.”

Nhưng khi Albert Erward với vẻ lịch sự bình thường, đóng cửa sau lưng cha sở và hai thành viên hội đồng đi vào nhà thờ, ông không thể kéo dài tình trạng tự trọng trầm tĩnh mà ông cố chịu đựng sau một trận đòn giáng xuống đời mình, môi ông run rẩy. Chậm rãi bước về phòng lễ phục, treo chiếc áo trùm lên móc, đứng chỗ. Thở dài khi nghĩ đến những đám tang long trọng, những đám cưới giàu sang mà ông đã tham dự. Dọn dẹp mọi thứ, mặc áo khoác, tay cầm mũ, bước ra lối đi. Khóa cửa nhà thờ. Lang thang trên công trường, chìm sâu vào những suy nghĩ buồn bã. Không đi theo con đường dẫn về nhà, nơi một tách trà thơm đang chờ đợi, rẽ sang một lối khác. Từng bước, lòng nặng trĩu, không biết sẽ phải làm gì. Không muốn trở lại làm việc ở các tư gia, sau bao nhiêu năm tự làm chủ. Dù cha sở và các người trong hội đồng quản trị muốn nói gì thì nói, nhưng chính ông mới là người điều hành công việc tại nhà thờ St. Peter, Neville. Khó mà hạ mình chấp nhận một hoàn cảnh mới. Ông có tiết kiệm một số tiền kha khá nhưng không đủ sống nếu không làm thêm. Dường như giá cả mỗi ngày mỗi đắt đỏ. Ông chưa bao giờ nghĩ sẽ phải đương đầu với những câu hỏi

như vậy. Cứ tưởng, ông từ ở St. Peter, như Đức giáo hoàng ở Rome, sẽ ở đó suốt đời. Tưởng tượng lời nhắc nhở thú vị của cha sở nói về ông trong bài giảng buổi lễ chiều ngày chủ nhật đầu tiên sau khi ông nghỉ việc, cái kết thúc của một người trung thành phục vụ lâu dài, một nhân vật mẫu mực, ông từ trong quá khứ, Albert Edward. Thở dài ngao ngán. Không hút thuốc lá, ăn uống kiêng khem, nhưng trong phạm vi giới hạn, ông thích một ly bia vào buổi cơm tối, Những khi mệt mỏi, ông thích thưởng thức một điều thuốc. Lúc này, chợt nghĩ đến một thứ có thể an ủi mình. Không mang nó theo, cần tìm đến cửa hàng nào đó để mua một gói Gold Flake. Nhìn không thấy tiệm nào, ông vội bước tiếp một đoạn. Con phố khá dài, đủ loại hàng hóa, nhưng không có nơi mua thuốc lá. Tự nhủ: *"Lạ thật."* Để bảo đảm, ông đi ngược lại. Không còn gì nghi ngờ. Ông dừng chân, băn khoăn, nhìn lui nhìn tới.

Ông nghĩ: "Tôi không thể là người đàn ông duy nhất đi dọc theo đường phố này tìm thuốc lá. Lẽ ra, không nên bận tâm nhưng một người cò thể kiếm được tiền nếu mở một gian tạp hóa nhỏ bán thuốc lá và đồ ngọt.

Ông đã tự cho mình một khởi sự đầy kinh ngạc. *"Đây cũng là một cách. Những ý tưởng kỳ lạ thường hiện đến trong những lúc ít ai ngờ."*

Ông quay trở lại, về nhà uống trà. Vợ ông nhận xét: *"Chiều nay, anh rất im lặng,"* Ông trả lời: *"Anh đang suy nghĩ."*

Trần trở dự tính qua nhiều khía cạnh. Ngày hôm sau, ông trở lại con phố. May mắn đã tìm được một cửa hàng nhỏ, trông rất phù hợp với kế hoạch của ông. 24 giờ sau, ông thuê cửa tiệm, một tháng sau, vĩnh viễn rời khỏi việc nhà thờ. Edward bắt đầu nghề buôn bằng làm người bán báo và thuốc lá. Vợ ông

nói rằng đây là sự xuống dốc đáng sợ sau khi làm ông từ, nhưng ông trả lời, cứ tuân theo thời gian biến hóa. Nhà thờ đã không còn như xưa. Từ đó, ông trả lại cho Caesar những gì thuộc về Caesar. Ông làm ăn khấm khá, đến nỗi trong vòng khoảng một năm đã có ý định mở thêm tiệm thứ hai và mượn người trông coi. Tìm kiếm những đường phố dài khác chưa có người bán thuốc lá. Khi tìm thấy, ông thuê mượn rồi mở tiệm, và rất thành công. Sau đó, chợt nghĩ, nếu mình điều khiển được hai tiệm, sẽ có thể mở thêm khoảng nửa tá cửa hàng. Thế là ông đi khắp London, tìm những khu phố chưa có ai bán thuốc lá, để thuê một gian hàng. Trong vòng 10 năm, ông làm chủ 10 cửa tiệm, kiếm tiền một cách nhanh chóng. Mỗi thứ hai, tự mình đi từng tiệm thu tiền rồi mang đến ngân hàng.

Một buổi sáng, khi ông đang gửi bó tiền và một túi bạc cắc nặng nề, nhân viên ngân hàng mời ông đến gặp ông giám đốc. Họ đưa ông vào văn phòng riêng. Hai người bắt tay.

“Ông từ, tôi muốn nói chuyện về số tiền ông đang gửi trong ngân hàng. Ông có biết chính xác là bao nhiêu không?”

“Không hoàn toàn chắc chắn, nhưng tôi biết đại khái.”

“Ngoài số tiền gửi vào sáng nay. số tiền trước đó khoảng trên 30 ngàn bảng Anh một chút, Đây là một món tiền lớn () chỉ để tiết kiệm, tôi nghĩ ông nên đầu tư nó thì tốt hơn.”*

“Tôi không muốn mạo hiểm. Tôi biết, tiền sẽ an toàn trong quỹ tiết kiệm ngân hàng.”

“Ông không cần phải lo lắng quá. Chúng tôi sẽ sửa soạn sẵn cho ông một danh sách các chứng khoán

hàng đầu. Chúng có khả năng mang lại cho ông nhiều tiền lời hơn quỹ tiết kiệm có thể cung ứng.”

Khuôn mặt ông từ hiện rõ lên nét bối rối: *“Tôi không hiểu gì về chứng khoán và cổ phần. Tất cả phải trông cậy vào các ông.”*

Ông giám đốc nở nụ cười. *“Chúng tôi sẽ lo tất cả. Lần tới, khi đến đây, ông chỉ cần ký giấy tờ chuyển tiền vào đầu tư.”*

“Vâng có thể được, nhưng làm sao tôi biết sẽ ký tên cho việc gì?”

Ông giám đốc trả lời một cách lém lỉnh và bồi theo nụ cười giải trừ lo lắng: *“Ông từ, ông có thể đọc.”*

“Chà, như vậy thì thôi. Tôi không biết đọc. Điều này có vẻ khô hài, nhưng đúng như vậy, tôi không biết đọc, cũng không biết viết. Chỉ biết ký tên, tôi mới học khi phải buôn bán.”

Ông quản lý kinh ngạc, nẩy bật trên ghế. *“Đây là điều lạ lùng nhất mà tôi được nghe.”*

“Câu chuyện như thế này, tôi chưa bao giờ có cơ hội đi học cho đến khi quá muộn. Lúc đó, tôi không còn muốn học nữa và trở nên cố chấp.”

Ông giám đốc nhìn ông Edward như nhân vật quái đản thời tiền sử. *“Có phải ông muốn nói, ông gây dựng nên một việc kinh doanh quan trọng và tích lũy một số tài sản giá trị hơn 30 ngàn bảng Anh mà không biết đọc biết viết? Chúa ơi, ông ạ, nếu ông có thể đọc và viết thì ông sẽ còn là ai nữa?”*

“Tôi có thể trả lời câu hỏi của ông.” Edward điềm nụ cười quý phái: *“Tôi sẽ là ông từ của nhà thờ St. Peter, trong công trường Neville.”*

Ghi:

(*) Vào thời điểm Maugham viết truyện này, 30 ngàn tiền bảng Anh là món tiền khá lớn.

(**) Trong văn bản chính, ông từ là người không học thức, lối nói của ông thường thiếu những nét chữ, gần như nói ngọng, gần như kiểu “á ái uông” (đá cái chuông) của Hồ Xuân Hương. Khi dịch, tôi chuyển lại bình thường để khỏi phải giải thích dài dòng.

Truyện Ngắn Nga

THE BET

Anton Chekhov.

Ngu Yên dịch



Anto Pavlovich Chekhov (1860-1904)

Nhà văn Nga, viết kịch và nổi tiếng về truyện ngắn. Trong thời khoảng đó, ông và Somerset Maugham (Pháp) được công nhận là những người viết truyện ngắn hay nhất. Truyện của Chekhov không những đóng góp vào văn chương thế giới, còn dẫn đưa văn học và sáng tác cho nhiều thế hệ về sau.

Ông hành nghề bác sĩ và thường khôi hài rằng: *Y học là người vợ chính thức, còn văn chương là tình nhân*. Ông quan niệm vai trò của một nghệ sĩ là đặt câu hỏi, không phải đưa ra câu trả lời.

Sinh ra trùng ngày lễ St. Anthony the Great, 17 tháng Giêng. Tốt nghiệp đại học tại Moscow. Tốt nghiệp bác sĩ tại I.M. Sechenov First Moscow State Medical University. Qua đời năm 1904 vì lao phổi.

Cá Độ

1.

Một đêm mùa thu âm u. Ông chủ nhà băng lớn tuổi đi đi lại lại từ góc này sang góc kia trong phòng làm việc. Nhớ lại bữa tiệc do ông tổ chức vào mùa thu mười lăm năm trước. Nhiều khách quen thông thái tham dự nên nhiều cuộc chuyện trò trở thành thú vị. Họ bàn tán những ý kiến khác nhau về án tử hình. Trong đám khách, có một số học giả và nhà báo, đa số không tán thành hình phạt giết người. Họ cho rằng, việc đó đã lỗi thời, không phù hợp với một quốc gia theo Thiên Chúa giáo và hành động đó, vô đạo đức. Một số nghĩ rằng án tử hình nên thay thế bằng án chung thân.

Người chủ ngân hàng nói: *“Tôi không đồng ý với các bạn, Bản thân tôi chưa từng trải qua tù tử hình hoặc tù chung thân, nhưng nếu cần đánh giá trước, theo quan điểm của tôi, phạt tử hình mang tính đạo đức và nhân đạo hơn phạt tù chung thân. Hành quyết là giết chết ngay lập tức, Tù chung thân là giết theo mức độ và thời gian. Kẻ nào nhân đạo hơn, kẻ*

giết bạn trong vài giây hay kẻ liên tục rút mòn đời sống của bạn trong nhiều năm?”

Một người khách lên tiếng: *“Cả hai đều vô đạo đức. Bởi vì mục đích họ giống nhau, lấy đi đời sống của người khác. Chính quyền không phải là Thượng Đế, không có quyền lấy đi những gì mà họ không thể hồi phục khi cần trả lại.”*

Trong đám khách, có một luật sư trẻ, khoảng 25 tuổi. Khi được hỏi ý kiến, anh phát biểu: *“Từ hình và chung thân đều trái với đạo lý, nhưng nếu tôi phải chọn giữa hai điều đó, chắc chắn tôi sẽ chọn tù chung thân. Dù sao, sống vẫn tốt hơn chết.”*

Cuộc thảo luận trở nên sôi nổi. Lúc đó, chủ ngân hàng còn trẻ, tính tình nóng nảy, bị lôi cuốn bởi kích động, bất thành linh, ông đứng xuống bàn và hét thẳng vào mặt anh luật sư: *“Không đúng. Tôi cá với anh hai triệu là anh không thể ở biệt giam trong tù quá năm năm.”*

“Nếu ông nghiêm túc, tôi sẽ cá với ông. Tôi sẽ ở trong tù không chỉ năm năm mà mười lăm năm.”

2,

“Mười lăm năm? Đồng ý ngay. Các bạn làm chứng, tôi cá hai triệu.”

Như vậy, cuộc cá độ điên rồ, ngu dại này đã được chứng nhận. Người chủ ngân hàng, xấu tính và hơi hợm, thích thú vì cá độ, mặc dù con số vài triệu vượt qua khả năng thanh toán của ông. Vào buổi tiệc tối, ông chế giễu anh luật sư, nói rằng:

“Bạn trẻ, hãy nghĩ kỹ lại đi, vẫn còn đủ thời giờ rút lui. Hai triệu đối với tôi là chuyện nhỏ, nhưng bạn sẽ đánh mất ba hoặc bốn năm trong thời gian đẹp nhất của đời mình. Tôi chỉ nói ba hoặc bốn năm vì bạn sẽ không muốn ở trong tù nữa. Đừng quên, anh bạn tội

ngiệp của tôi, việc tự nguyện ngồi tù khó chịu hơn là bị bắt giam. Cứ thử nghĩ bạn có toàn quyền tự do bước ra khỏi tù bất cứ lúc nào, ý nghĩ này sẽ ung độc toàn bộ sức chịu đựng ở lại trong tù. Thật đáng tiếc!”

Bây giờ, ông chủ ngân hàng đã lớn tuổi, đang đi qua đi lại, hồi tưởng tất cả chi tiết trong chuyện này, tự hỏi: *“Mục đích của cuộc cá độ là gì? Có ích lợi gì khi người thanh niên đó lãng phí 15 năm sống, còn tôi vứt bỏ hai triệu? Liệu việc này có thể chứng minh tử hình và chung thân, hình phạt nào tốt hơn? Không, chắc là không. Hoàn toàn vô lý và vô nghĩa. Về phần tôi, đó là cái giá phải trả của người được nuông chiều, hư hỏng. Về phần anh ta, đơn giản là tham lam tiền bạc...”*

Rồi ông tiếp tục nhớ lại những gì đã xảy ra trong đêm hôm đó. Họ quyết định anh luật sư phải bị giam cầm dưới sự giám sát nghiêm ngặt. Anh bị nhốt vào một phòng trong nhà nghỉ giữa khu vườn của anh chủ ngân hàng. Họ đồng ý trong 15 năm, anh không được tự ý bước qua ngưỡng cửa phòng giam để tiếp xúc với người khác, không được nghe tiếng nói của người, hoặc nhận thư từ báo chí. Anh chỉ được phép giữ một nhạc khí, sách đọc; viết thư, uống rượu và hút thuốc.

Theo các điều khoản trong giao kèo, một cửa sổ nhỏ, duy nhất, được mở ra trong ngôi nhà, để anh có thể liên hệ với bên ngoài. Anh có thể đòi hỏi sách, nhạc, rượu, v.v.. bao nhiêu cũng được, miễn là phải viết xuống đơn yêu cầu và nhận đồ vật qua cửa sổ. Mọi chi tiết, mọi chuyện lờn nhỏ đều được quy định chặt chẽ để việc anh ở tù trở thành biệt giam một cách nghiêm ngặt, v sẽ ràng buộc anh đúng 15 năm. Bắt đầu lúc 12 giờ ngày 14 tháng 11 năm 1870 và chấm dứt lúc 12 giờ ngày 14 tháng 11 năm 1885.

Một chút cố gắng nào của anh vi phạm vào các điều lệ, dù chỉ còn hai phút đến giờ hết giao kèo, sẽ cho phép người chủ ngân hàng trút bỏ nghĩa vụ phải trả anh hai triệu.

3.

Trong năm đầu tiên bị giam giữ, từ những ghi chép ngắn gọn của anh tiết lộ, người ta có thể đánh giá, người tù đã chịu đựng cô đơn và trầm cảm một cách nghiêm trọng. Từ nhà giam, tiếng đàn dương cầm vang ra suốt ngày đêm. Anh từ chối không uống rượu, không hút thuốc lá. Anh viết, rượu kích thích những ham muốn và ham muốn là kẻ thù tồi tệ nhất của người tù. Ngoài ra, không có gì buồn bã cho bằng uống rượu ngon mà không có bạn. Còn hút thuốc lá, sẽ làm không khí trong phòng giam bị ô nhiễm. Suốt năm đầu tiên, những cuốn sách mà anh yêu cầu gửi vào, chủ yếu có tính giải trí nhẹ nhàng như tiểu thuyết tình yêu có cốt truyện lâm ly, chuyện giật gân và kỳ quái...v...v...

Qua năm thứ hai, tiếng đàn dương cầm bỗng im bật. Còn tù nhân chỉ yêu cầu những tác phẩm kinh điển. Đến năm thứ năm, tiếng đàn lại vang lên. Người tù đòi hỏi rượu. Những người giám sát theo dõi qua cửa sổ cho biết, suốt mười hai tháng anh chẳng làm gì ngoài trừ ăn uống và nằm trên giường. Thường xuyên ngáp dài hoặc nói chuyện một mình giọng giận dữ. Không đọc sách. Đôi khi, chiều tối anh ngồi viết, có khi viết rất dài giờ, rồi sáng sớm lại xé nát tất cả. Đôi khi, người ta nghe anh khóc.

Nửa năm sau của năm thứ sáu, người tù đột nhiên hăng hái tự học sinh ngữ, triết học, và lịch sử. Anh ta hăm hở lao mình vào những tìm hiểu này - sự đòi hỏi sách nhiều đến nỗi ông chủ ngân hàng không kịp đặt mua số lượng sách được yêu cầu. Trong bốn năm, khoảng 600 cuốn sách đã được đặt hàng theo

ý tù nhân. Cũng trong thời gian này, anh chủ ngân hàng đã nhận được bức thư do người tù gửi đến:

“Anh cai ngục thân mến,

tôi viết cho anh dòng chữ này bằng sáu thứ tiếng khác nhau. Hãy đưa cho những ai hiểu biết sinh ngữ để họ đọc. Nếu họ không tìm thấy một sai lầm nào, xin yêu cầu anh bắn một phát súng trong vườn. Nghe tiếng nổ ấy, tôi sẽ biết những nỗ lực học hỏi của tôi không uổng công tốn sức. Tuy những thiên tài ở mọi lứa tuổi và ở khắp nơi, nói những ngôn ngữ khác nhau, nhưng có cùng một ngọn lửa cháy bùng trong tim. Ôi, giá như anh biết được cảm giác sung sướng vô bờ bến trong lòng tôi bây giờ vì tôi có thể hiểu được họ.” Ước nguyện của người tù được thực hiện. Hai phát súng đã nổ lên trong vườn.

4.

Sau mười năm, người tù thường ngồi bất động nơi bàn viết, không đọc gì ngoài trừ sách đạo giáo. Có vẻ lạ lùng đối với ông chủ ngân hàng, một người trong bốn năm đã đọc thấu suốt 600 cuốn sách mà giờ đây lãng phí gần một năm chỉ để nghiền ngẫm cuốn sách mỏng, dễ hiểu. Thần học và lịch sử tôn giáo sau Phúc Âm.

Trong hai năm còn lại, người tù đọc một số lượng sách khá lớn nhưng bữa bãi. Có lúc anh bận rộn đọc khoa học tự nhiên, rồi lại đòi xem thơ của Byron hoặc Shakespeare. Trong đơn yêu cầu, anh muốn sách hóa học, cùng một lúc với sách hướng dẫn y khoa, một cuốn tiểu thuyết, và một số luận thuyết triết học, thần học. Anh đọc sách như người đang bơi trên biển giữa đồng đồ nát của con tàu. Anh cố gắng tự cứu mình bằng cách hồi hải nứu mảnh nổi này rồi chuyển sang mảnh nổi khác.

Ông chủ ngân hàng ôn lại tất cả chi tiết rồi ý nghĩ kéo đến: *“Ngày mai vào lúc 12 giờ, người tù sẽ được thả tự do, Theo tờ giao kèo, ông phải trả hẳn hai triệu. Nếu phải trả món nợ này, ông sẽ cạn tiền: ông sẽ hoàn toàn khánh tận.”*

Mười lăm năm trước, ông có nhiều triệu để đếm, nhưng bây giờ, ông sợ phải tự hỏi mình, thứ nào nhiều hơn, nợ hay tài sản. Đầu tư theo kiểu đánh bạc đầy rủi ro trên thị trường chứng khoán với tính khí liều lĩnh mà ông không thể từ bỏ được, ngay cả lúc đã lớn tuổi, khiến công việc kinh doanh tài chánh dần dần suy tàn. Một ông chủ ngân hàng đầy tự tin, kiêu hãnh, không biết sợ ai, nay đã trở thành một nhân viên ngân hàng bình thường, run rẩy trước mọi thăng trầm của thị trường.

Ông ôm đầu tuyệt vọng làm bầm: *“Đồ ngu, cá làm gì. Tại sao thằng đó không chết đi? Nó mới 40 tuổi. Nó sẽ cướp mất số vốn cuối cùng của mình. Rồi cưới vợ, hưởng thụ cuộc đời. Đầu tư chứng khoán. Còn mình phải chịu đựng như thằng ăn mày ganh tỵ khi nghe nó nói mỗi ngày: ‘Để được đầy đủ hạnh phúc, tôi có bốn phận đối với ông. Cho phép tôi giúp ông.’ Không, không thể được, quá khủng khiếp! Cách duy nhất để thoát khỏi phá sản và nhục nhã là thằng đó phải chết,”*

5.

Ông lắng nghe tiếng đồng hồ điểm ba giờ sáng. Mọi người đang ngủ. Không thể nghe tiếng gì bên ngoài, ngoại trừ tiếng cây lá xào xạc trong lạnh lẽo. Cố gắng không gây tiếng động, ông mở tủ sắt có khả năng chống lửa, lấy chiếc chìa khóa để mở cánh cửa đã đóng 15 năm qua, Cất vào túi áo choàng, ông nhẹ nhàng đi ra khỏi nhà.

Trời lạnh căm. Vườn tối đen. Mưa rơi. Một cơn gió ẩm ướt quất vào khu vườn, hú lên, bắt cây không

thể ngừng nghỉ. Ông ngân hàng banh mắt nhưng vẫn không thấy rõ bước chân, bức tượng trắng, căn nhà giam, kể cả cây cối. Đi về hướng nhà nghỉ, ông gọi người canh gác hai lần, không nghe trả lời. Chắc chắn người gác đã tìm nơi ẩn trú tránh gió mưa và có thể đang ngủ say ở đâu đó trong bếp hoặc nhà trồng hoa. Ông già nghĩ: *“Nếu mình có can đảm thực hiện ý định này, trước hết, người ta sẽ nghỉ ngờ anh canh gác.”*

Ông dọ dẫm trong bóng tối tìm các thềm cấp và cánh cửa mở lối vào nhà nghỉ. Đi ngang hành lang hẹp, bật một que diêm. Không có ai cả. Một chiếc giường trống không trải khăn. Một bếp gang đen nằm trong góc. Các đầu niêm phong trên cửa vào phòng giam vẫn còn nguyên vẹn.

Khi lửa diêm tắt, nhìn lên qua cửa sổ nhỏ, ông run lên vì xúc động. Trong căn phòng tù, một cây bạch lạp leo lét. Người tù ngồi ở bàn. Không thấy gì ngoài trừ cái lưng, tóc, và hai cánh tay. Những cuốn sách đang mở bung trên bàn, trên hai ghế dựa và trên thảm trải gần đó,

Năm phút trôi qua, người tù không động đậy. 15 năm biệt giam dạy cho hắn cách ngồi im lìm. Ông gõ ngón tay lên cửa gương, người tù vẫn bất động, không đáp trả. Ông thận trọng tháo những niêm phong rồi dùng chìa khóa mở cửa. Ổ khóa hoen rỉ phát ra tiếng kêu thảm thiết và cánh cửa thốt lên cọt két. Ông tưởng rằng khi có tiếng chân bước vào sẽ nghe tiếng kêu kinh ngạc, nhưng ba phút trôi qua, căn phòng vẫn im lặng như trước. Ông quyết định tiến vào.

6.

Trước bàn, một người đàn ông bất bình thường ngồi im như tượng. Gầy gò giống bộ xương cách trí với những lọn tóc dài như phụ nữ và râu ria xồm xoàm.

Sắc mặt vàng vọt, giống máu đất. Hai má hóp sâu. Lưng ốm và dài. Cánh tay khẳng khiu chống lên đầu bù xù, trông tội nghiệp, thấy mà thương. Tóc bạc. Nếu có ai thoáng nhìn gương mặt hốc hác già nua này, khó có thể tin anh ta chỉ mới 40 tuổi.

Trước cái đầu đang cúi xuống, trên mặt bàn, một mảnh giấy có viết điều gì bằng nét chữ rất đẹp.

Ông thầm nghĩ: *“Thằng quỷ sứ, mày đang ngủ và có thể đang mơ thấy vài triệu. Tao chỉ cần mang thằng dở sống dở chết này quăng lên giường, đè chiếc gối lên mặt nó một lát, dù là thám tử chuyên nghiệp cũng không thấy được dấu vết cái chết bất ngờ. Nhưng trước tiên, đọc thử nó viết cái gì.”*

Ông lượm tờ giấy trên bàn và đọc:

“Ngày mai vào lúc 12 giờ tôi sẽ lấy lại quyền tự do và quyền chung sống với con người, nhưng trước khi tôi rời bỏ căn phòng này để ngắm nhìn trời nắng, tôi nghĩ, cần phải nói đôi lời với ông, Bằng lương tâm trong sáng, có Chúa làm chứng, tôi muốn nói, tôi xem thường tự do, đời sống, sức khỏe, và những gì sách vở cho là tốt đẹp trên trần gian. Qua 15 năm, tôi đã chăm chú nghiên cứu đời sống thế tục. Đúng là tôi chưa biết hết trái đất cũng như con người, nhưng trong sách, tôi đã uống rượu thơm, đã ca hát, đã săn được nai đực và heo rừng trên núi, đã yêu phụ nữ ... Vẻ đẹp thanh tao như mây trời, được tạo ra bởi sự kỳ diệu của thi sĩ và thiên tài, họ đến thăm tôi trong đêm, thì thầm kể vào tai những câu chuyện tuyệt hay, làm trí óc tôi xoay cuồng. Nhờ sách tôi đã leo lên tận đỉnh Elburz và Mont Blanc, từ nơi đó đã ngắm bình minh, theo dõi nó đi vào đêm tối, tràn ngập không gian, đại dương và đỉnh núi với màu vàng và đỏ thắm. Cũng nơi đó, tôi nhìn ngắm tia chớp lóe sáng qua đầu và cắt ngang đám mây mang bão. Tôi đã thấy rừng xanh, đồng cỏ, sông ngòi, ao

hồ, thành phố. Tôi đã nghe tiếng còi báo động, tiếng sáo của người chặn cừu. Tôi đã chạm đôi cánh của quỷ hải hươc bay xuống chuyện trò với tôi về Chúa... Trong sách, tôi đã phóng mình xuống hố sâu không đáy, làm phép lạ, giết người, đốt phố thị, rao giảng tôn giáo mới, chinh phục toàn bộ các vương quốc ...

7.

Sách đã mang lại cho tôi sự thông thái. Tất cả những gì mà con người đã tạo ra trong nhiều thế kỷ được dồn nén vào khối não trong đầu tôi. Tôi biết tôi thông minh hơn tất cả các ông.

Rồi tôi xem thường sách, xem thường thông thái và lời chúc tụng trên thế gian này. Tất cả đều vô ích, phù phiếm, ảo tưởng, và giả tạo, chỉ là ảo hình. Ông có thể tự hào, khôn ngoan, và tốt đẹp, nhưng chết sẽ tẩy sạch ông ra khỏi mặt đất, chẳng khác nào con chuột chui rúc dưới sàn nhà. Còn hậu sự, lịch sử, những tài năng bất tử của ông sẽ đốt ra tro hoặc đông lạnh dưới lòng đất.

Ông đã đánh mất lý trí và chọn làm đường đi. Lấy gian dối làm sự thật, lấy xấu xí làm vẻ đẹp.

Ông sẽ kinh ngạc, trong một số trường hợp kỳ lạ, đột nhiên, ếch và thằn lằn mọc lên cây táo cây cam thay vì hoa trái, hoặc bông hồng có mùi mồ hôi ngựa, Tôi ngạc nhiên vì ông đã đánh đổi trời để lấy đất, Tôi không muốn thông cảm cho ông.

Để chứng minh bằng hành động, xem thường tất cả những gì ông đang dùng để sống, tôi sẽ từ bỏ hai triệu mà tôi đã từng mơ là thiên đàng, nay xem rất tầm thường. Để hủy bỏ quyền nhận tiền, tôi sẽ vi phạm giao kèo bằng cách ra đi năm tiếng đồng hồ trước thời giờ ấn định ...”

Ông ngân hàng đọc xong, đặt tờ giấy lại trên bàn. Cúi xuống hôn lên trán anh luật sư rồi bước ra khỏi

phòng giam, ứa nước mắt. Không phải lúc nào khác, ngay cả khi ông thua lỗ nặng nề trong chứng khoán, lúc này, ông cảm thấy hết sức khinh bỉ bản thân. Về đến nhà, nằm lên giường, nhưng xúc động và thương cảm khiến ông không thể ngủ.

Sáng hôm sau, người canh gác mặt mày tái xanh chạy vào, báo tin, họ đã thấy người tù leo qua cửa sổ ra khỏi phòng giam, băng qua khu vườn rồi thoát ra cổng, biến mất. Ông ngân hàng lập tức đi với người canh đến nhà nghỉ, để bảo đảm tù nhân đã trốn thoát, Để tránh gây ra những đồn đãi, bàn tán không cần thiết, ông lấy tờ thư trên bàn, trong đó viết hai triệu tiền cá độ đã hủy bỏ. Khi về đến nhà, ông vội cất tờ thư vào tủ sắt, khóa kỹ.

Truyện Chớp Nga

A Living Calendar

Anton Chekhov

Ngu Yên dịch

Lịch Sống

Phòng tiếp khách (1) của Sharamykin, thành viên Hội Đồng Cố Vấn Nhà Nước, chìm một nửa trong âm u dễ chịu. Một chiếc đèn lớn bằng đồng với chụp màu xanh, làm cho tường vách, đồ đạc, khuôn mặt, tất cả đều xanh, màu "Đêm ở Ukraine". Thịnh thoảng trong lò đốt sắp tàn, một khúc củi cháy âm ỉ chọt lóe lên, tô ánh sáng đỏ trên những khuôn mặt trong thoảng chốc; nhưng không làm mất sự hài hòa của ánh sáng xanh. Gam màu chung chung, như họa sĩ nói, dễ chấp nhận.

Sharamykin ngồi trên ghế trước lò sưởi, dáng điệu một người vừa ăn tối xong. Một ông già, quan chức cao, với bộ râu mép bạc và đôi mắt màu xanh hiền lành. Nét mặt hiện vẻ dễ chịu và đôi môi có dáng dấp nụ cười buồn. Đôi chân duỗi dài một cách lười biếng, phó thống đốc Lopniev ngồi trên chiếc ghế đầu ngay dưới chân ông. Lopniev nhìn ra vẻ gan dạ, vào khoảng tuổi bốn mươi. Những đứa con của Sharamykin đùa giỡn chung quanh chiếc đàn dương cầm, đó là Nina, Kolya, Nadya, và Vanya. Cánh cửa thông qua phòng bà Sharamykin hé mở, ánh sáng

chui lên một cách rụt rè. Sau cánh cửa, vợ của Sharamykin, Anna Pavlovna, ngồi trước bàn viết. Bà là chủ tịch ủy ban hội phụ nữ tại địa phương, một người năng động, có duyên ở lứa tuổi lớn hơn ba mươi, một chút. Qua hai lòng kính không gọng đeo trên mũi, đôi mắt đen hoạt bát chạy trên những trang giấy của cuốn tiểu thuyết Pháp. Dưới cuốn sách là tờ sao lại bản báo cáo của năm trước đã nhàu nát.

"Trước đây, thành phố chúng ta khá hơn với những sinh hoạt này," Sharamykin nói, mất đi đôi mắt dịu hiền, thay vào đó hai cục than rực lửa. "Chưa bao giờ qua hết một mùa đông mà những nghệ sĩ không đến thăm viếng chúng ta. Những tài tử, những ca sĩ danh tiếng thường đến...nhưng bây giờ, chỉ có những người đu bay và những kẻ du ca, chỉ có thánh mới biết điều gì xảy ra. (1) Chẳng có nghệ thuật giải trí gì cả...Chúng ta đang sống trong rừng rú. Phải không... Ngài (phó thống đốc) còn nhớ chàng diễn viên bi kịch người Ý không?... Anh ta tên gì?... Da ngăm ngăm, người cao ráo... Để nghĩ thử xem... Ô, đúng rồi, Luigi Ernesto di Ruggiero... Tài năng độc đáo...và ưu tú. Anh ta chỉ cần nói một lời, cả rạp hát rung động. Bà vợ cưng Anna của tôi, rất thưởng thức tài năng này. Bà thuê rạp cho anh và bán vé trước cho buổi trình diễn... Ngược lại, anh ta dạy bà cử chỉ và cách ăn nói trước công chúng. Một nhân vật hàng đầu! Anh đến đây ...chính xác là ...mười hai năm trước ... Không phải, không đúng lắm ... Anna ơi, Con Nina, bao nhiêu tuổi rồi?"

"Sinh nhật tới, nó đúng mười tuổi," từ trong phòng Anna Pavlovna nói vọng ra. "Tại sao hỏi vậy?"

"Không có gì đặc biệt đâu em. Chỉ muốn biết thôi... Còn những ca sĩ hay thường đến đây. Ngài còn nhớ Prilipchin, giọng cao thiên phú, không? (2). Thật là một người quyến rũ! Thật đẹp trai! Đúng vậy...một

gương mặt có hồn. Phong thái dân Paris... còn hát hay nữa! Chỉ một yếu điểm: anh ta hát vài nốt từ bụng nghe hơi the thé, ngoài ra, tất cả đều tốt. Anh nói, chính Tamberlik đã dạy cho anh (3). Bà Anna và tôi muốn một đại sảnh cho anh ta ở Câu Lạc Bộ Xã Hội, để trả ơn, anh hát cho chúng tôi suốt từ sáng đến khuya ... Anh hướng dẫn Anna tập hát. Anh đến đây, tôi nhớ rõ như vừa mới đêm qua, trong Mùa Chay, khoảng mười hai năm trước. Không, lâu hơn... Trí nhớ tôi thật tệ, Anna, giúp anh, Nadya bao nhiêu tuổi vậy?"

"Mười hai".

"Mười hai... vậy phải thêm vào mười tháng... mới đúng... mười ba. Không biết vì sao, thành phố chúng ta trước đây sống động hơn... lấy ví dụ, các buổi dạ hội gây quỹ từ thiện. Thật là thú vị đã từng có những buổi dạ hội này! Thanh lịch biết mấy! Nào là ca hát, đọc thơ, vui chơi... Sau chiến tranh, tôi nhớ, khi những tù binh Thổ Nhĩ Kỳ còn đây, bà Anna có tổ chức buổi dạ hội thay mặt cho thương binh. Chúng tôi đã quyên được 1,100 rúp (4). Tôi nhớ các ông sĩ quan Thổ Nhĩ Kỳ đã say mê lời nói của Anna, họ không ngừng hôn lấy tay bà. Hà hà hà! Những người Châu Á, nhưng là dân tộc biết ơn nghĩa. Ngài có tin tôi không, buổi dạ hội quá sức thành công, tôi đã phải viết vào nhật ký? Lúc đó là, tôi còn nhớ y như vừa xảy ra, năm 76... không phải, 77... Không phải, Trời ơi, người Thổ ở đây khi nào? Anna, Kolya bao nhiêu tuổi rồi?"

"Con bảy tuổi, ba ơi." Kolya trả lời, một thằng bé ngộ nghĩnh có khuôn mặt ngăm ngăm và tóc đen thui như than.

" Có lẽ đúng, chúng ta đã già, mất hết sinh khí ," Lopniev đồng ý bằng tiếng thờ dài. "Đó là nguyên nhân chính. Tuổi già, bạn ơi. Không còn tinh thần

mới nữa và đã già sẽ càng già thêm... Ánh sáng cũ, bây giờ, đã mờ. Khi còn trẻ, tôi không thích người đồng hành bị phiền toái... Tôi là người đầu tiên hỗ trợ Anna. Cho dù là dạ hội từ thiện hoặc cuộc xổ số ủng hộ một minh tinh sắp đến, bất kỳ Anna tổ chức thứ gì, tôi đều ngưng hết mọi việc để bắt đầu bận rộn giúp nàng. Tôi nhớ, một mùa đông, tôi chạy đôn chạy đáo, làm việc quá sức, nên ngã bệnh... Tôi sẽ không quên mùa đông ấy... Ngài có còn nhớ buổi trình diễn mà chúng ta tổ chức với Anna để cứu trợ nạn nhân bị hỏa hoạn?"

"Năm nào vậy ta?"

"Không lâu lắm... năm 79. Không, 80 thì phải! Cho anh biết Vanya bao nhiêu tuổi vậy?"

"Năm", Anna Pavlovna trả lời trong lúc đang chăm chú.

"Nghĩa là sáu năm trước đây. Đúng rồi, ông bạn. Đúng thời gian đó. Bây giờ, đã hết rồi. Ánh sáng cũ đã tắt lịm."

Lopniev và haramykin chìm vào tự lự. Khúc củi cháy âm ỉ bật lóe lên lần cuối cùng rồi tắt vào tàn tro.

Ghi:

(1) Người Việt thường nói, chỉ có thánh mới biết ..., không nói, chỉ ma quỷ mới biết chuyện gì xảy ra.

(2) *tenore di grazia*: ngôn ngữ Ý.

(3) Enrico Tamberlik (1820-1889), ca sĩ tenor, đương thời được xem như ca sĩ nhạc kịch hàng đầu ở Âu Châu và Mỹ Châu.

(4) Tiền Nga.

